

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

HỨA THANH MAI

TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG
LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

HÀ NỘI - 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

HỨA THANH MAI

TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG
LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

Mã số: 9310202

Người hướng dẫn khoa học: PGS, TS. DƯƠNG TRUNG Ý
TS. NGUYỄN THỊ NGỌC LOAN

HÀ NỘI - 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả

Hứa Thanh Mai

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	7
1.1. Các công trình nghiên cứu về nước ngoài liên quan đến đề tài luận án	7
1.2. Các công trình nghiên cứu trong nước liên quan đến đề tài luận án .	14
1.3. Khái quát kết quả của các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài và những vấn đề luận án tập trung giải quyết.....	30
Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	33
2.1. Tỉnh, đảng bộ tỉnh, tỉnh ủy, giáo dục và đào tạo ở vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay	33
2.2. Giáo dục và đào tạo, công tác giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng - khái niệm, nội dung, vai trò, đặc điểm	50
2.3. Tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng lãnh đạo công tác giáo dục và đào tạo - khái niệm, nội dung, phương thức và vai trò.....	59
Chương 3: TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HIỆN NAY - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM	78
3.1. Thực trạng tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng lãnh đạo công tác giáo dục và đào tạo hiện nay.....	78
3.2. Nguyên nhân và kinh nghiệm.....	126
Chương 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỜI GIAN TỚI	134
4.1. Dự báo thuận lợi, khó khăn và phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng đối với công tác giáo dục và đào tạo thời gian tới	134
4.2. Những giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng đối với công tác giáo dục và đào tạo thời gian tới .	147
KẾT LUẬN	187
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ	189
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	190
PHỤ LỤC	210

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

BTVTU	: Ban Thường vụ tỉnh ủy
CBĐV	: Cán bộ, đảng viên
CT-XH	: Chính trị - xã hội
ĐBSH	: Đồng bằng sông Hồng
GDTX	: Giáo dục thường xuyên
GD&ĐT	: Giáo dục và đào tạo
HĐND	: Hội đồng nhân dân
HTCT	: Hệ thống chính trị
KT-XH	: Kinh tế - xã hội
MTTQ	: Mặt trận Tổ quốc
PTLĐ	: Phương thức lãnh đạo
THCS	: Trung học cơ sở
THPT	: Trung học phổ thông
UBKT	: Ủy ban kiểm tra
UBND	: Ủy ban nhân dân

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Hiện nay, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu và đem đến cho loài người những thành tựu kỳ diệu, đưa thế giới chuyển từ kỷ nguyên công nghiệp sang kỷ nguyên công nghệ thông tin với sự chuyển hóa toàn bộ thế giới thực thành thế giới số. Khoa học công nghệ là lực lượng sản xuất trực tiếp, là động lực cơ bản của sự phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH), mà nền tảng của sự phát triển này là giáo dục và đào tạo (GD&ĐT). Trình độ dân trí cùng với khoa học - công nghệ trở thành nhân tố quyết định sức mạnh sự phát triển và vị thế của mọi quốc gia trên thế giới. Do đó, GD&ĐT trở thành chìa khóa thành công của bất kỳ quốc gia nào.

Gần 40 năm tiến hành đổi mới đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức tầm quan trọng và vị trí đặc biệt của sự nghiệp GD&ĐT đối với công cuộc xây dựng đất nước. Giáo dục là một chức năng xã hội, không chỉ truyền thụ tri thức mà còn góp phần đào tạo con người về mặt đạo đức, lối sống, lòng yêu nước, lý tưởng, văn hóa... Việc nâng cao dân trí, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực con người là nhân tố có ý nghĩa quan trọng quyết định sự thành công của công cuộc phát triển đất nước. Tại Đại hội lần thứ XIII, Đảng tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của GD&ĐT; đồng thời yêu cầu phải “Xây dựng đồng bộ thể chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả chủ trương giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước” [41, tr.136]. Theo đó, Đảng yêu cầu xác định: “Chú trọng hơn giáo dục đạo đức, nhân cách, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ” [41, tr.136].

Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa, thương mại, khoa học và công nghệ, GD&ĐT của cả nước; là nơi lưu giữ nhiều giá trị văn hóa - lịch sử đặc sắc của

dân tộc. Trong những năm qua, tỉnh ủy ở vùng ĐBSH luôn quan tâm lãnh đạo công tác GD&ĐT và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Do đó, công tác GD&ĐT ở các tỉnh ở vùng ĐBSH phát triển khá toàn diện cả về quy mô và chất lượng. Quy mô, mạng lưới trường lớp và các loại hình đào tạo phát triển mạnh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao nhu cầu học tập của nhân dân. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư theo hướng chuẩn hóa, hiện đại. Tăng cường đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý với cơ cấu hợp lý, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới GD&ĐT. Đổi mới hình thức dạy học theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất, phát huy tính chủ động sáng tạo, tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với công tác GD&ĐT vẫn còn một số hạn chế, cả về nội dung và phương thức lãnh đạo (PTLD). Nhất là trong quá trình đô thị hóa phát triển mạnh như hiện nay, một số địa phương còn tình trạng quá tải số học sinh/lớp; số lớp/trường gây khó khăn trong công tác quản lý và nâng cao chất lượng GD&ĐT. Mặc dù tỉnh ủy đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý, cơ sở GD&ĐT nhưng ở một số địa phương vẫn còn tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ ở các cấp học, bậc học, đặc biệt là giáo viên mầm non, tiểu học ở những địa bàn khó khăn về KT-XH, nhiều nơi còn thiếu nguồn tuyển. Sự phối hợp giữa cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (MTTQ), các tổ chức chính trị - xã hội (CT-XH) và nhân dân ở một số địa phương trong thực hiện các nhiệm vụ đối với công tác GD&ĐT chưa cao...

Xuất phát từ thực trạng trên và nhận thức sâu sắc được vị trí, vai trò, tầm quan trọng của GD&ĐT đối với việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tác giả quyết định chọn đề tài ***“Tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng lãnh đạo công tác giáo dục và đào tạo hiện nay”*** làm luận án tiến sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước.

2. Mục đích, nhiệm vụ của luận án

2.1. Mục đích của luận án

Trên cơ sở nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT hiện nay, luận án đề xuất phương hướng và những giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với công tác GD&ĐT thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

- Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài.
- Luận giải làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT.
- Khảo sát, đánh giá đúng thực trạng tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT từ năm 2015 đến nay, chỉ ra ưu, khuyết điểm, nguyên nhân và một số kinh nghiệm.
- Đề xuất phương hướng, giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với công tác GD&ĐT thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT.

3.2. Phạm vi nghiên cứu của luận án

- *Về không gian:* Luận án khảo sát, nghiên cứu thực trạng tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT bao gồm: Tỉnh ủy Vĩnh Phúc, Tỉnh ủy Bắc Ninh, Tỉnh ủy Hải Dương, Tỉnh ủy Hưng Yên, Tỉnh ủy Quảng Ninh, Tỉnh ủy Thái Bình, Tỉnh ủy Nam Định, Tỉnh ủy Hà Nam, Tỉnh ủy Ninh Bình.

- *Về thời gian:* Luận án khảo sát tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT từ năm 2015 đến nay. Phương hướng và những giải pháp đề xuất trong luận án có giá trị đến năm 2030.

4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của luận án là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về lãnh đạo các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có GD&ĐT.

4.2. Cơ sở thực tiễn

Cơ sở thực tiễn của luận án là thực trạng tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT (bao gồm: Tỉnh ủy Vĩnh Phúc, Tỉnh ủy Bắc Ninh, Tỉnh ủy Hải Dương, Tỉnh ủy Hưng Yên, Tỉnh ủy Quảng Ninh, Tỉnh ủy Thái Bình, Tỉnh ủy Nam Định, Tỉnh ủy Hà Nam, Tỉnh ủy Ninh Bình) từ năm 2015 đến nay.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Luận án được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu như:

- Phương pháp lịch sử kết hợp logic: được sử dụng ở phần tình hình nghiên cứu và chương 2 của luận án nhằm nghiên cứu về tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT một cách đầy đủ và toàn diện về mặt lý luận; đồng thời xác định rõ nội dung cần tập trung nghiên cứu của đề tài.

- Phương pháp phân tích và tổng hợp: được sử dụng chủ yếu trong đánh giá thực trạng công tác GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH và tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT từ năm 2015 đến nay.

- Phương pháp quy nạp và diễn dịch: được sử dụng để luận giải và làm rõ những vấn đề cơ bản của luận án xác định từ thực tiễn.

- Phương pháp thống kê, so sánh: được sử dụng nhằm đánh giá, xử lý các số liệu từ các nguồn tổng hợp được.

- Phương pháp điều tra xã hội học: Thông qua phiếu điều tra, khảo sát để đánh giá công tác GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH và tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT.

- Phương pháp khảo sát tổng kết thực tiễn: Đây là phương pháp quan trọng, chủ yếu và đặc trưng của khoa học xây dựng Đảng. Thông qua hoạt động thực tiễn tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT được thể hiện trong các báo cáo, các cuộc trao đổi, hội thảo, khảo sát... để đánh giá và rút ra những kinh nghiệm. Nghiên cứu thực tiễn, xuất phát từ thực tiễn để đề ra các giải pháp cần thiết, khả thi, đáp ứng yêu cầu của mục tiêu tăng cường

sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với công tác GD&ĐT thời gian tới.

Các phương pháp trên được sử dụng linh hoạt, đan xen, kết hợp để phát huy hiệu quả tổng hợp nhằm hoàn thành mục tiêu nghiên cứu.

5. Đóng góp mới về mặt khoa học của luận án

- *Khái niệm:* Tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT là toàn bộ hoạt động của tỉnh ủy, BTVTU với sự tham gia của các tổ chức đảng, đội ngũ CBDV của đảng bộ tỉnh; các tổ chức trong HTCT, các tổ chức, lực lượng có liên quan và nhân dân tỉnh, nhất là chính quyền tỉnh và các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trong việc xây dựng, ban hành các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT; lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện và tiến hành công tác kiểm tra, giám sát nhằm thực hiện thắng lợi các nghị quyết ấy.

- *Kinh nghiệm lãnh đạo công tác GD&ĐT của tỉnh ủy ở ĐBSH trong những năm qua:* Phát huy sức mạnh của cả HTCT trong thực hiện nghị quyết của tỉnh ủy về công tác GD&ĐT và phát huy truyền thống hiếu học, khắc phục mọi khó khăn bảo đảm tốt việc học tập của con em nhân dân địa phương.

- *Giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSH đối với công tác GD&ĐT thời gian tới:* Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý, cơ sở giáo dục và đào tạo; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của tỉnh có chất lượng đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

- Luận án góp phần tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển lý luận về tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT hiện nay.

- Luận án cung cấp thêm luận cứ khoa học cho các cấp ủy, tổ chức đảng ở các tỉnh vùng ĐBSH tham khảo đề ra những chủ trương, biện pháp

lãnh đạo, chỉ đạo công tác GD&ĐT, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT.

- Luận án có thể được dùng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu, giảng dạy môn Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước ở các trường đại học, trường chính trị, hệ thống các trường thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ NƯỚC NGOÀI LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Những công trình nghiên cứu về giáo dục và đào tạo, công tác giáo dục và đào tạo

Tịch Xảo Quyên, Trương Ái Tú (2015), *Khoa học kỹ thuật và giáo dục Trung Quốc* [102]. Từ khi cải cách mở cửa đến nay, Trung Quốc đã xác định và thực hiện chiến lược lấy khoa học giáo dục để chấn hưng đất nước, sự nghiệp khoa học giáo dục phát triển như vũ bão và đạt được những thành quả quan trọng, sự nghiệp giáo dục phát triển nhanh chóng, hệ thống giáo dục quốc dân có quy mô lớn nhất thế giới đã được xây dựng, từ đó đã tạo nên cơ sở và động lực vững chắc cho việc đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, nâng cao sức mạnh tổng hợp và sức cạnh tranh quốc tế. Sự phát triển khoa học kỹ thuật và giáo dục của Trung Quốc đương đại về cơ bản dựa trên việc thực hiện chiến lược dài hạn và toàn diện, đó là chiến lược “Khoa giáo hưng quốc” (lấy khoa học giáo dục để chấn hưng đất nước). Nhìn một cách tổng thể, chiến lược “Khoa giáo hưng quốc” là đặt khoa học kỹ thuật và giáo dục vào vị trí chiến lược phát triển kinh tế và xã hội, coi khoa học kỹ thuật tiên tiến và nền giáo dục phát triển, coi việc không ngừng sáng tạo tri thức và tố chất cao của người lao động là động lực cho sự phát triển kinh tế và xã hội, từ đó, đạt đến mục tiêu thực hiện hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa và bước vào thời đại kinh tế tri thức. Tất cả những yếu tố trên đều đã góp phần tạo nên nền tảng vững chắc cho sự vươn lên của Trung Quốc trong hòa bình và là cơ sở cho sự nghiệp phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa trong thế kỷ XXI.

J. Krishnamurti (2017), *Giáo dục và ý nghĩa cuộc sống* [70]. Cuốn sách *Giáo dục và ý nghĩa cuộc sống* mở ra một góc nhìn mới cho bạn đọc về tầm quan trọng của giáo dục bởi nó không chỉ dạy con người cách sống và trau dồi kỹ năng cho công việc sau này. Nhưng nhà triết học J. Krishnamurti cho rằng nền giáo dục hiện tại đang đi theo một hướng sai lệch nghiêm trọng bởi chỉ chú trọng đến kỹ thuật quá nhiều mà phớt lờ đi sự thông minh và yêu thương đúng cách đối với học sinh. J. Krishnamurti sự ép buộc, áp đặt quá lớn khiến các em sợ hãi và bị kìm hãm sự phát triển.

Fukuzawa Yukichi (2017), *Khuyến học* [52]. Đây là một trong những cuốn sách về giáo dục vô cùng nổi tiếng và có tầm sâu rộng đến không chỉ là người dân Nhật Bản mà còn là trên toàn thế giới. Tinh thần tự cường, học tập để phát triển bản thân hay xóa bỏ những giới hạn, định kiến kìm hãm sự phát triển của con người,... người đọc sẽ học được những tinh thần tự học, những bài học về quyền bình đẳng, tự do làm nên tinh thần thép của người dân Nhật Bản dưới thời Minh Trị.

John Dewey (2018), *Dân chủ và giáo dục* [71]. Trong cuốn sách, tác giả đã lập luận rằng những sự kiện quan trọng không thể tránh khỏi của từng thành viên trong một nhóm xã hội sẽ quy định tính tất yếu của giáo dục. Một mặt, có sự tương phản giữa tình trạng chưa trưởng thành của các thành viên non trẻ (những đại diện tương lai của nhóm hay của cộng đồng) và sự trưởng thành của những thành viên đã có nhiều trải nghiệm. Mặt khác, có một sự tất yếu rằng các thành viên chưa trưởng thành này dù có thể không được bảo vệ đầy đủ về mặt thể chất, nhưng họ đã có sự quan tâm dành cho những mục đích, thông tin, kỹ năng, lợi ích và các thực hành của những thành viên trưởng thành. Nếu không, cộng đồng sẽ không thể tiếp tục vận hành đời sống đặc trưng của nó. Với sự phát triển của nền văn minh, khoảng cách giữa năng lực ban đầu của người chưa trưởng thành và các tiêu chuẩn, phong tục của người trưởng thành ngày càng gia tăng. Chi đơn thuần tăng trưởng về thể chất và

làm chủ được những nhu cầu sinh tồn cơ bản thôi là không đủ để tái tạo đời sống của cả cộng đồng. Cần phải có sự nỗ lực bền bỉ và sự tính toán chu toàn. Những thành viên non trẻ không chỉ không nhận thức mà còn tỏ ra thờ ơ với những mục tiêu và tập tục của cả cộng đồng xã hội phải được nhận thức đầy đủ và đúng đắn về chúng. Theo tác giả, chỉ giáo dục mới có thể xóa nhà khoảng cách này.

Thomas Gordon, Noel Burch (2019), *T.E.T Đào tạo giáo viên hiệu quả* [138]. Cuốn sách đã giúp hàng ngàn giáo viên trên khắp thế giới học được những kỹ năng và phương pháp cần thiết để xử lý các vấn đề không thể tránh khỏi trong lớp học một cách hiệu quả và nhân văn. Với những phương pháp được đưa ra trong cuốn sách này, giáo viên không cần dùng đến quyền lực để chi phối, kiểm soát học sinh, thay vào đó là chia sẻ và thấu hiểu. Từ đó tác giả Gordon cũng khuyến khích góc nhìn khoan dung hơn đối với giáo viên: giáo viên cũng là con người, và cũng có những cảm xúc, nhu cầu và khiếm khuyết. Cuốn sách này sẽ giúp các giáo viên hiện thực hóa được chân lý “Giảng dạy chính là thực hành yêu thương”.

Tony Wagner (2020), *Bài học giáo dục từ nước Mỹ* [185]. Cuốn sách là câu chuyện đầy lôi cuốn và ý nghĩa về cách thức các trường trung học của nước Mỹ vượt qua thách thức đến từ những biến đổi nhanh chóng của thế giới và của nội tại quốc gia. Quá nhiều vấn đề cấp thiết đặt ra đòi hỏi các lãnh đạo trường học, cộng đồng, giới chính trị, doanh nghiệp và thậm chí cả những cá nhân tham gia trực tiếp vào quá trình giáo dục phải chú ý, phải tham gia vào, phải nỗ lực để cải thiện nhà trường. Mệnh đề trung tâm mà Tony muốn thảo luận là một trường học được xem là tốt sẽ trông ra sao và vận hành như thế nào. Câu hỏi đó cũng đồng nhất với bài toán nan giải hiện nay của nhiều nền giáo dục trên thế giới, ngày cả những nơi vốn được ca ngợi là sở hữu hệ thống giáo dục tiên tiến, hiện đại.

Robert Talbert (2021), *Giờ học đảo ngược - Hướng dẫn dành cho cơ sở giáo dục Đại học* [104]. Cuốn sách gồm ba phần chính (chia làm 8 chương). Phần một: Giờ học đảo ngược là gì? tập trung vào việc giúp hiểu chính xác giờ học đảo ngược là gì, tại sao các giảng viên lựa chọn sử dụng giờ học đảo ngược; cơ sở nghiên cứu và khung lý thuyết hỗ trợ giờ học đảo ngược; nghiên cứu các tình huống mà ở đó, giờ học đảo ngược được áp dụng theo các cách khác nhau trong các ngành học. Phần hai: Thiết kế giờ học đảo ngược trình bày các quy tắc chung về thiết kế khoá học và cụ thể là mô hình của Dee Fink, xem xét mô hình 7 bước nhằm thiết kế giờ học đảo ngược, trong đó nhấn mạnh phát triển các mục tiêu học tập phù hợp và mô tả một mô hình bền vững cho các hoạt động trước giờ học mà sinh viên thực sự hoàn thành. Phần ba: Giảng dạy và học tập trong môi trường giờ học đảo ngược trình bày cụ thể các hình thức biến thể của giờ học đảo ngược, đưa ra những cách biến mô hình này thành một phần cố định và chắc chắn sẽ mang lại những trải nghiệm thú vị trong giáo dục.

Pasi Sahlberg (2021), *Bài học Phần Lan 2.0* [95]. Cuốn sách là câu chuyện về quá trình xây dựng nền sư phạm Phần Lan trong 4 thập kỷ qua. Tác giả nhấn mạnh vào các giải pháp mang tính cách mạng của Phần Lan, khác biệt của chúng với nước Mỹ và các quốc gia khác trên thế giới. Phần Lan chứng tỏ rằng chính sách lấy giáo viên là trung tâm, chuyên nghiệp hóa đội ngũ giáo viên, xây dựng niềm tin giữa nhà trường và xã hội, đầu tư vì nền giáo dục công bằng thay vì thành tích, đã cực kỳ thành công, biến Phần Lan thành hình mẫu giáo dục của mọi quốc gia trên thế giới.

Fareed Rafiq Zakaria (2021), *Biện hộ cho một nền giáo dục khai phóng* [51]. Tựa sách được viết dưới lăng kính của một sử gia và nền tảng kiến thức của một nhà khoa học chính trị - Fareed Zakaria. Cuốn sách mang tới cho người đọc cái nhìn toàn diện về mọi khía cạnh của giáo dục khai phóng, đặc biệt là giáo dục khai phóng tại Mỹ, từ lịch sử đến những thay đổi trong cách

nó được đón nhận, cùng với đó là những đề xuất để giáo dục khai phóng lấy lại vai trò cùng sức ảnh hưởng của nó trong thế giới hiện nay. Hơn bao giờ hết, triết lý Giáo dục khai phóng cần được phổ cập rộng rãi ở hệ thống các trường đại học ở Việt Nam trong bối cảnh các trường đại học đào tạo nghề đang chiếm một số lượng lớn. “Biện hộ cho một nền giáo dục khai phóng” - do đó là điểm khởi đầu cho hành trình đầy nhân văn, ý nghĩa này.

Anne Cheng (2022), *Lịch sử tư tưởng Trung Quốc* [1]. Nội dung cuốn *Lịch sử tư tưởng Trung Quốc* được chia thành 6 phần, 22 chương; trình bày và thảo luận về lịch sử tư tưởng Trung Quốc từ khởi thủy đến đầu thế kỷ XX. Công trình này cơ bản chỉ mang tính gợi dẫn, không có chủ ý mang đến một lượng tri thức như là các chân lý định sẵn mà hy vọng khơi dậy tâm lý tò mò và hứng thú cho người đọc: đó là những ‘chìa khóa’, những cuốn sách có giá trị và hữu ích đối với độc giả nhằm giúp cho họ tìm được ‘chìa khóa’ của riêng mình.

Todd Whitakerx (2022), *Điều khiến giáo viên ưu tú trở nên khác biệt* [184]. Cuốn sách không chỉ đề cập đến các mối quan hệ, cách tập trung vào môi trường học tập nhất quán, hấp dẫn mà còn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc chọn đúng phương thức - nghề nghiệp, phụ huynh, học sinh - để cải thiện việc quản lý lớp học. Cuốn sách dành cho các nhà giáo dục ở mọi cấp độ kinh nghiệm, để đọc độc lập hoặc nghiên cứu trên toàn trường. Cuốn sách thực tế này sẽ mang lại cho giáo viên nguồn cảm hứng để sẵn sàng làm những điều quan trọng nhất cho những người quan trọng nhất, đó chính là học sinh.

Manabu Sato (2022), *Đào tạo giáo viên trở thành người chuyên nghiệp* [82]. Cuốn sách trình bày về con đường đào tạo giáo viên như một người chuyên nghiệp và đưa ra thiết kế nền tảng cho chính sách giáo viên và cải cách đào tạo giáo viên thích hợp với thế kỷ XXI. Bây giờ bắt đầu vẫn không phải là muộn. Cải cách đào tạo giáo viên bao gồm rất nhiều vấn đề phức tạp, khó giải quyết về lý luận, chính sách, thực tiễn. Hơn nữa khi ghé mắt nhìn sang đào tạo giáo viên ở

các nước khác trên thế giới thì thấy không phải tất cả đều diễn ra suôn sẻ. Cần phải học hỏi từ tất cả các kinh nghiệm thành công và thất bại đó.

Christopher Winch - John Gingell (2022), *Triết lý và chính sách giáo dục* [21]. Cuốn sách cố gắng cung cấp cho độc giả một bức tranh đa diện, đa sắc và có chiều sâu về một trong những chủ đề “khó nhằn” nhưng lại cốt tủy nhất của khoa học giáo dục, đó là: Triết lý giáo dục và mối quan hệ của nó với chính sách giáo dục. Mười chương của cuốn sách lần lượt khám phá những chiều cạnh đa dạng tạo nên hoặc gây ảnh hưởng tới thứ chúng ta định danh là “triết lý giáo dục”.

Neil Postman (2023), *Chung cuộc của giáo dục* [91]. Trong tác phẩm *Chung cuộc của giáo dục*, Neil Postman trở lại với chủ đề giáo dục mà ông đau đầu kể từ khi bắt đầu sự nghiệp giáo dục. Đó là một chủ đề đã bùng nổ, chi phối cuộc tranh luận văn hóa ở Mỹ vào những năm 1990, với mong muốn nhà trường sẽ đem lại những kết quả tốt đẹp cho thế kỷ XXI. Trong khi các tác giả khác tập trung vào khía cạnh công nghệ và kỹ thuật, chẳng hạn: bàn về ưu, nhược điểm của các phương pháp giảng dạy khác nhau, về các tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá (giống như ở Việt Nam ta, các nhà hoạch định và quản lý giáo dục cứ bàn hoài về giám tải và thi cử, về phân luồng và hướng nghiệp)... thì Postman vượt qua những vấn đề này, không xem đó là căn bản. Mục tiêu của ông, như trình bày trong cuốn sách này, là “xác định lại giá trị của nhà trường” trong cuộc khủng hoảng giáo dục ở Mỹ. Ông muốn thay đổi việc xác định vấn đề học đường chuyển “từ phương tiện đến chung cuộc”.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu về sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với giáo dục và đào tạo, công tác giáo dục và đào tạo

Triệu Lý Văn (2010), *Lý luận và thực tiễn công tác giáo dục cán bộ của Đảng Cộng sản Trung Quốc* [194]. Cuốn sách đã phân tích, làm rõ tư tưởng chỉ đạo công tác giáo dục cán bộ của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đưa ra quan điểm, xác định nhiệm vụ và phương thức đào tạo cán bộ, trong đó tập

trung kết hợp giữa điều động đào tạo, chọn học tự chủ và tự học tại chức; kiên trì hoàn thiện chế độ tổ chức đào tạo; xây dựng kiện toàn chế độ cán bộ tự học tại chức; thúc đẩy cán bộ học tự chủ.

Khánh Hà (lược dịch) (2023), *Cải cách giáo dục đại học ở Trung Quốc: Chính sách, thực hiện và kết quả* [54]. Bài viết này đánh giá một cách toàn diện việc hoạch định và thực hiện chính sách giáo dục đại học ở Trung Quốc kể từ khi cải cách và mở cửa năm 1978. Với số liệu thống kê được trình bày, bài viết thảo luận về những hậu quả dự kiến và không lường trước được của cải cách giáo dục đại học Trung Quốc. Nghiên cứu này kết luận kết quả của nó là phân cấp, phân tầng, đại chúng hóa, thị trường hóa và quốc tế hóa.

Kathryn Zukof (2024), *Quản lý quy trình và con người để thay đổi thành công* [73]. Cuốn sách đưa ra những phương pháp tiếp cận và công cụ để triển khai, tiếp nhận và quản lý sự thay đổi một cách hiệu quả. Cụ thể, tác giả chỉ ra rằng cần quản lý quy trình (mặt cứng) và con người (mặt mềm) của sự thay đổi và tìm ra điểm cân bằng tốt nhất giữa hai bên. Khi tích hợp cả hai, các tổ chức có thể quản lý sự thay đổi thành công và đạt được kết quả mong muốn.

Souvanxay Dengouangthong (2024), *Giáo dục chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa cho thanh niên ở các tỉnh miền Trung nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào hiện nay* [106]. Luận án tổng quan các công trình khoa học tiêu biểu liên quan đến đề tài luận án, từ đó xác định những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu; làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về giáo dục chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa cho thanh niên ở các tỉnh miền Trung nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào hiện nay; phân tích thực trạng và những vấn đề đặt ra trong giáo dục chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa cho thanh niên ở các tỉnh miền Trung nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào hiện nay; đề xuất phương hướng cơ bản và giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa cho thanh niên ở các tỉnh miền Trung nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào hiện nay.

1.2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.2.1. Những công trình nghiên cứu về giáo dục và đào tạo, công tác giáo dục và đào tạo

Lê Thị Phương Hồng (2015), *Phát triển trung tâm học tập cộng đồng vùng đồng bằng sông Hồng trong những năm đầu xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam* [67]. Luận án đã làm rõ cơ sở lý luận về phát triển trung tâm học tập cộng đồng vùng ĐBSH trong những năm đầu xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam; phân tích kinh nghiệm quốc tế, trong nước và thực trạng phát triển trung tâm học tập cộng đồng vùng ĐBSH. Từ đó đưa ra những giải pháp phát triển trung tâm học tập cộng đồng vùng ĐBSH trong những năm đầu xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam.

Bùi Tất Thắng (2015), *Vấn đề giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho phát triển bền vững Tây Nguyên* [135]. Nội dung nghiên cứu của Đề tài được trình bày trong 3 chương. Chương 1: Những vấn đề lý luận về phát triển bền vững và mối quan hệ giữa giáo dục, đào tạo và nguồn nhân lực với phát triển bền vững. Chương 2: Thực trạng phát triển giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực ở Tây Nguyên. Chương 3: Phương hướng và giải pháp phát triển giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển bền vững Tây Nguyên.

Mai Công Khanh (2016), *Xác định nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho khu vực Tây Bắc giai đoạn 2015-2020* [75]. Tây Bắc là địa bàn chiến lược quan trọng về lĩnh vực KT-XH, an ninh, quốc phòng của đất nước. Xác định nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho Tây Bắc là một nhiệm vụ cấp thiết nhưng không ít khó khăn, cần sự quan tâm giúp đỡ của các Bộ, ngành và các địa phương; gắn với “Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020” để đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật, đội ngũ những người lao động làm việc hiệu quả, hết mình vì sự nghiệp phát triển miền núi, vùng dân tộc.

Quý Lâm (2016), *Chính sách đổi mới về giáo dục đào tạo nghiên cứu và vận dụng hiệu quả ở trường học* [79]. Cuốn sách nghiên cứu và vận dụng hiệu quả ở trường học xuất bản nhằm kịp thời cung cấp những quy định pháp luật mới nhất đến với Hiệu trưởng trường học và lãnh đạo các cơ sở quản lý giáo dục. Nhằm đáp ứng nhu cầu tìm hiểu và áp dụng vào thực tiễn các chính sách mới của ngành giáo dục. Cuốn sách bao gồm những nội dung chính sau: Phần 1: Chính sách mới về quản lý GD&ĐT. Phần 2: Bí quyết quản lý hiệu quả trường học. Phần 3: Đắc nhân tâm - cách thức cư xử, ứng xử và giao tiếp với mọi người. Phần 4: Một số vấn đề tâm lý học và ứng dụng trong quản lý giáo dục.

Nguyễn Văn Tuấn (2016), *Trò chuyện với khoa học và giáo dục* [189]. Cuốn sách là tập hợp những suy nghĩ, quan điểm, và tầm nhìn của tác giả về các vấn đề trên. Nội dung được chia làm 4 phần: Khoa học, đạo đức khoa học, xuất bản khoa học, và giáo dục. Những quan điểm và tầm nhìn trong sách thể hiện cũng là những trải nghiệm hơn 30 năm trong các đại học và kinh qua các môi trường khoa học phương Tây của tác giả. Những suy nghĩ của tác giả được viết ra với tâm nguyện đóng góp một phần vào nỗ lực đổi mới và xây dựng một nền giáo dục đại học tốt hơn, và một nền khoa học đàng hoàng hơn.

Lê Thị Thanh Loan (2016), *Tự chủ tài chính - chủ trương, đường lối mở cửa giáo dục Đại học công lập ở Việt Nam* [81]. Trong quá trình phát triển giáo dục nói chung, giáo dục đại học nói riêng, việc giao quyền tự chủ tài chính cho các cơ sở giáo dục đại học công lập là một yêu cầu mang tính tất yếu. Đó cũng là chìa khóa mở cửa cho giáo dục đại học công lập ở Việt Nam vươn lên hội nhập và góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT nước nhà. Bài viết đã đưa ra những quan điểm, chủ trương, đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước về vấn đề tự chủ tài chính tại các trường Đại học công lập ở Việt Nam.

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (2017), *Kinh nghiệm quốc tế về phát triển chương trình giáo dục phổ thông* [197]. Nội dung cuốn sách gồm 6

chương. Chương 1: Giới thiệu tổng quan kinh nghiệm quốc tế về phát triển chương trình giáo dục phổ thông, với những thông tin được tổng hợp từ kết quả nghiên cứu sâu về giáo dục phổ thông của 5 nước, đồng thời tham khảo các nghiên cứu về giáo dục phổ thông của nhiều quốc gia khác trong khu vực và thế giới. Từ chương 2 đến chương 6 tập trung mô tả và phân tích những thông tin chi tiết các kinh nghiệm phát triển chương trình giáo dục phổ thông của Hàn Quốc, Malaysia, Liên bang Nga, Phần Lan, Trung Quốc, giúp độc giả có cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn về một số quốc gia để có sự so sánh đối chiếu với Việt Nam. Về thực chất, các chương này là các nghiên cứu sâu về việc phát triển chương trình giáo dục phổ thông của 5 nước. Trong nghiên cứu này cũng đề cập đến các yếu tố quan trọng chi phối đến đặc điểm phát triển chương trình giáo dục phổ thông của từng nước (điều kiện KT-XH, sự thay đổi thể chế chính trị, triết lý giáo dục, hệ thống giáo dục quốc dân...).

Ngô Văn Hà (2017), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và vấn đề giáo dục đại học ở Việt Nam* [56]. Nội dung cuốn sách tập trung vào việc tìm hiểu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, hay còn gọi là triết lý giáo dục Hồ Chí Minh, khẳng định đó là những giá trị nền tảng để đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở làm rõ triết lý giáo dục Hồ Chí Minh, cũng như đi sâu phân tích thực trạng, tác giả đề xuất những phương hướng, nội dung, giải pháp vận dụng tư tưởng của Người vào đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam hiện nay. Cuốn sách gồm hai phần: Phần một: Khái lược tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục. Phần hai: Một số vấn đề về giáo dục đại học Việt Nam.

Phan Văn Kha, Nguyễn Lộc (2017), *Khoa học giáo dục Việt Nam từ đổi mới đến nay* [74]. Cuốn sách là tập hợp các kết quả nghiên cứu công phu, nghiêm túc và tâm huyết của nhiều chuyên gia về lĩnh vực khoa học giáo dục trong và ngoài Viện, nhằm mục đích tổng kết những nội dung nổi bật của khoa học giáo dục Việt Nam từ đổi mới đến nay và xác định những nét cơ bản về định

hướng phát triển khoa học giáo dục Việt Nam trong giai đoạn tới. Nội dung cuốn sách gồm 19 chương: Chương 1 xác định các khái niệm cơ bản của khoa học giáo dục và các giai đoạn phát triển khoa học giáo dục Việt Nam từ đổi mới đến nay, đồng thời khái quát một số vấn đề chung nhất về các cấu phần của khoa học giáo dục, phác thảo những kết quả nghiên cứu gắn với các bước phát triển khoa học giáo dục trong 25 năm đổi mới. Từ chương 2 đến chương 18 là những nội dung nổi bật của khoa học giáo dục Việt Nam từ đổi mới đổi mới đến nay, được phân tích theo từng lĩnh vực của khoa học giáo dục.

Vũ Thị Quỳnh (2017), *Thực trạng quản lý phát triển văn hoá nhà trường ở các trường cao đẳng sư phạm vùng đồng bằng sông Hồng* [103]. Nội dung bài viết đã khái quát về vùng ĐBSH, phân tích thực trạng văn hoá nhà trường ở các trường cao đẳng sư phạm vùng ĐBSH, thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động quản lý phát triển văn hoá nhà trường. Từ đó đặt ra những vấn đề cốt lõi cần giải quyết cho công tác quản lý phát triển văn hoá nhà trường ở các trường cao đẳng sư phạm vùng ĐBSH.

Nguyễn Đức Chinh (2018), *Phát triển chương trình giáo dục* [18]. Nội dung cuốn sách gồm 4 chương. Chương 1: Chương trình giáo dục trong bối cảnh mới, giới thiệu những thay đổi to lớn trong đời sống KT-XH, khoa học và công nghệ quốc tế và trong nước, vai trò của giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng trong việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho công cuộc công nghiệp hoá – hiện đại hoá đất nước, nhất là sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) - qua đó, xác định vai trò của chương trình giáo dục trong bối cảnh mới. Chương 2: Những vấn đề cơ bản của chương trình giáo dục, cung cấp những nội dung cơ bản về chương trình giáo dục, chương trình nhà trường, phát triển chương trình giáo dục, cách tiếp cận trong thiết kế chương trình giáo dục. Chương 3: Chu trình phát triển chương trình giáo dục, giới thiệu một cách chi tiết chu trình phát triển chương trình giáo dục từ khâu phân tích nhu cầu, xác định mục tiêu, thiết kế đến thực

thi chương trình giáo dục. Chương này cũng cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về vai trò, chức năng và kỹ năng xây dựng đề cương môn học/kế hoạch dạy học môn học, hồ sơ môn học trong quá trình thực thi chương trình giáo dục. Chương 4: Đánh giá chương trình giáo dục, cung cấp cho học viên các mô hình đánh giá cải tiến chương trình giáo dục, các tiêu chí đánh giá và các hình thức đánh giá chương trình giáo dục.

Lý Việt Quang (2018), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đối với vấn đề đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam hiện nay* [99]. Cuốn sách gồm 3 chương, tập trung trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục; vấn đề đổi mới giáo dục Việt Nam hiện nay và yêu cầu phải vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Bùi Việt Phú (2018), *Đào tạo giáo viên phổ thông: Kinh nghiệm từ các nước phát triển* [96]. Bài viết nghiên cứu kinh nghiệm đào tạo giáo viên của các nước phát triển gồm: Hoa Kỳ, Phần Lan, Cộng hòa liên bang Đức, Hàn Quốc, Nhật Bản, Malaysia, Singapore... để rút ra những kinh nghiệm quý báu cho việc đổi mới đào tạo giáo viên ở Việt Nam, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Từ đó, đề xuất các giải pháp tổ chức mô hình đào tạo giáo viên hiện nay, trong đó nhấn mạnh việc duy trì và phát triển mô hình đào tạo truyền thống và đào tạo nối tiếp là giải pháp phù hợp nhất hiện nay đối với Việt Nam.

Nguyễn Tiến Đạt (2019), *So sánh giáo dục Việt Nam và các nước Châu Á* [44]. Cuốn sách dựa trên số liệu mới nhất trong Báo cáo Phát triển Con người năm 2014 của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc UNDP, trong đó có sự so sánh về trị số và thứ hạng các chỉ số, tỷ lệ và số liệu giáo dục hoặc liên quan của các nước châu Á, chú trọng 7 nước có nhiều quan hệ trong lịch sử về giáo dục, văn hóa và cũng có chung biên giới trên đất liền và gần đường biển với nước ta. Nội dung sách giới thiệu về các chỉ số, tỷ lệ và số liệu giáo dục, kết luận và bình luận được viết súc tích, bạn đọc có chuyên môn sâu có

thể tìm trong các tài liệu gốc về các định nghĩa và cách tính toán phức tạp đã thay đổi nhiều lần trong nguồn của tài liệu tham khảo.

Bùi Minh Hiền, Nguyễn Quốc Trị (Đồng chủ biên) (2019), *Lịch sử giáo dục Việt Nam* [61]. Cuốn sách được trình bày theo quan điểm thông sử và cấu trúc theo tiến trình phát triển của lịch sử đất nước. Nội dung gồm 10 chương: Chương 1: Nền giáo dục dưới chế độ phong kiến Việt Nam; Chương 2: Nền giáo dục Việt Nam trong thời kỳ Pháp thuộc; Chương 3: Phong trào đấu tranh chống nền giáo dục nô dịch của thực dân Pháp; Chương 4: Nền giáo dục Việt Nam trong năm đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám (1945-1946); Chương 5: Giáo dục trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1954); Chương 6: Giáo dục trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước (1954-1975); Chương 7: Giáo dục Việt Nam trong thời kỳ đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước (1975-1986); Chương 8: Giáo dục Việt Nam trong những năm đầu đời thời kỳ đổi mới; Chương 9: Giáo dục Việt Nam trong thập niên đầu thế kỷ XXI; Chương 10: Giáo dục Việt Nam thời kỳ đổi mới căn bản, toàn diện (từ 2011 đến nay).

Cao Văn Phường, Cao Việt Hiếu, Nguyễn Văn Út (2019), *Xây dựng nền giáo dục mở* [98]. Nội dung cuốn sách được kết cấu thành hai phần: Phần I: Triết lý, quan điểm, nội dung và phương pháp xây dựng nền giáo dục mở (Các bài viết); Phần II: Nền giáo dục mở và triết lý giáo dục qua nhận định của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các nhà khoa học trong nước và nước ngoài (Từ thực tiễn mô hình đào tạo của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh và Trường Đại học Bình Dương).

Nguyễn Trung Thành (2019), *Văn hóa chất lượng trong giáo dục đại học* [132]. Theo xu thế hiện nay, đảm bảo chất lượng là yếu tố then chốt quyết định sự tồn tại, phát triển của một cơ sở giáo dục, nhất là trường đại học. Đảm bảo chất lượng giáo dục trong các trường đại học muốn được bền vững cần

phải xây dựng văn hóa chất lượng. Xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng để đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội vừa là trọng trách, vừa là văn hóa của trường đại học. Việc nghiên cứu về cách tiếp cận, các bước xây dựng và phát triển cũng như mô hình văn hóa chất lượng trong giáo dục dưới đây sẽ phần nào giúp các trường đại học có cái nhìn rõ hơn về vấn đề này.

Nguyễn Xuân An Việt (2019), *Thông tin về giáo dục và đào tạo trên báo in ở Việt Nam (khảo sát báo Nhân dân, Tuổi trẻ, Thanh niên, Giáo dục và Thời đại từ năm 2005 đến 2010)* [199]. Trên cơ sở hệ thống hóa những vấn đề cơ sở lý luận thông tin về GD&ĐT trên báo, khảo sát thực trạng, đánh giá ưu điểm hạn chế về nội dung và hình thức của thông tin về giáo dục đào tạo trên báo in, từ đó đề xuất các giải pháp, khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng thông tin về giáo dục đào tạo, và đề xuất mô hình thông tin về GD&ĐT để có thể ứng dụng trên báo in ở Việt Nam hiện nay.

Nguyễn Trọng Hoài (2020), *Quốc tế hoá giáo dục: Thông lệ Thế giới và bằng chứng giáo dục đại học Việt Nam* [63]. Nội dung cuốn sách ngoài việc dựa vào cơ sở lý luận và thực tiễn quốc tế hóa giáo dục các quốc gia phát triển và các quốc gia châu Á bao gồm các quốc gia nói tiếng Anh và không nói tiếng Anh; còn dựa trên các đúc kết từ phỏng vấn sâu lãnh đạo 36 trường đại học trong và ngoài nước, phỏng vấn quan điểm quốc tế hóa hơn 120 lãnh đạo giáo dục đại học và khảo sát hiện trạng quốc tế hóa giáo dục hơn 100 cơ sở giáo dục đại học Việt Nam trong giai đoạn 2016-2019 trong mối tương quan so sánh dữ liệu hệ thống giáo dục đại học.

Mai Ngọc Anh (2020), *Quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học: Một số kinh nghiệm của Trung Quốc và khuyến nghị cho Việt Nam* [3]. Đề tài đã tổng quan hệ thống chính sách Trung Quốc đối với giáo dục đại học và kết quả thực hiện chính sách phát triển giáo dục đại học của Trung Quốc từ năm 1978 đến nay. Từ kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học của Trung Quốc,

nhóm nghiên cứu phân tích, đối sánh và đề xuất một số khuyến nghị về quản lý giáo dục đại học ở Việt Nam.

Trần Mai Đông, Lê Nhật Hạnh, Phùng Vũ Bảo Ngọc, Mai Trường An (2021), *Kinh nghiệm quốc tế hóa giáo dục đại học của một số nước trên thế giới: Bài học cho Việt Nam* [47]. Nội dung bài viết đưa ra một cách nhìn tổng thể về quốc tế hóa trong giáo dục đại học và lợi ích của xu hướng này đối với các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam. Bên cạnh đó, tác giả còn giới thiệu một vài bài học kinh nghiệm quốc tế hóa trong giáo dục đại học của một số quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Qua đó, cung cấp một số hàm ý cho các nhà quản trị nhằm mang lại cho các trường đại học những thay đổi tốt hơn để phát triển và hội nhập.

Nguyễn Thị Bích Nguyệt (2021), *Vai trò của việc ứng dụng công nghệ trong dạy và học đại học hiện nay* [93]. Bài viết tập trung nghiên cứu, phân tích xu hướng giáo dục đại học trong thời đại số qua đó khẳng định vai trò, tầm quan trọng của ứng dụng công nghệ trong dạy và học đại học tại Việt Nam.

Bùi Thanh Thuý (2021), *Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trên lĩnh vực giáo dục và đào tạo trong các trường đại học ở Việt Nam hiện nay* [142]. Sau 35 năm đổi mới, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo của Việt Nam đạt được những kết quả quan trọng, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên thế giới. Bài viết tập trung làm rõ kết quả của việc hợp tác quốc tế về GD&ĐT trong các trường đại học ở Việt Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác này trong thời gian tới.

Hoàng Anh Đức, Hoàng Giang Quỳnh Anh, Hồ Tường Linh (2022), *Tự học - Kiến tạo một hành trình học tập suốt đời* [49]. Cuốn sách gồm 8 chương, lần lượt tiếp cận những khía cạnh khác nhau xung quanh chủ đề tự học, với lời viết hấp dẫn cùng hệ thống hình ảnh, sơ đồ, bảng minh họa đặc sắc. Cuốn sách theo chân một nhà thám hiểm vừa ham hiểu biết, vừa đầy nhiệt huyết, đi tới những vùng đất khác nhau, tìm hiểu, học, khai phá những

chân trời mới của tri thức và kỹ năng. Con đường mà nhà thám hiểm này đi qua cũng chính là con đường học tập của mỗi người trong chúng ta, từ chỗ hiểu kỳ về mọi thứ xung quanh, đầy khát khao khám phá tìm hiểu cho tới những khi “ngụp lặn” giữa hàng đống kiến thức, mất phương hướng, tuyệt vọng, rồi bất ngờ tìm thấy ánh sáng cuối đường hầm, kiên trì đi tiếp để rồi cuối cùng gặt hái thành tựu.

Thái Văn Thành (2022), *Nghiên cứu mô hình phối hợp giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo* [133]. Đề tài đã nghiên cứu những vấn đề lý luận, đánh giá thực trạng phối hợp giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non. Nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về mô hình phối hợp giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng trong chăm sóc giáo dục trẻ mầm non để đưa ra các kiến nghị đối với Việt Nam.

Nguyễn Quốc Vương (2022), *Đường xa nghĩ về giáo dục Việt Nam* [203]. Cuốn sách là sự tập hợp những bài báo của tác giả đã được công bố từ cuối năm 2017 tới 2022. Trong cuốn sách này, các bài viết được sắp xếp thành ba phần: Phần 1: Giáo viên, chương trình và sách giáo khoa. Phần 2: Văn hóa trường học. Phần 3: Giáo dục đời sống.

Mỹ Anh (2023), *Giáo dục và đào tạo vùng đồng bằng sông Hồng cần vươn lên đạt chuẩn quốc tế* [4]. Bài viết nêu lên thực trạng GD&ĐT vùng ĐBSH dẫn đầu trong 6 vùng KT-XH về hầu hết các chỉ số GD&ĐT, những cơ hội, thách thức đặt ra và những yêu cầu đặt ra đối với GD&ĐT vùng ĐBSH cần vươn lên đạt chuẩn quốc tế.

Trịnh Thị Anh Hoa (2023), *Nghiên cứu đề xuất chính sách quốc gia chuyển đổi số trong quản lý trường học ở Việt Nam* [63]. Đề tài đã tổng quan nghiên cứu các công trình trong nước và quốc tế về chính sách, chuyển đổi số, quản lý trường học, chính sách chuyển đổi số trong quản lý trường học; khảo sát

đánh giá thực trạng về chính sách chuyển đổi số trong quản lý nhà trường của một số trường mầm non và phổ thông hiện nay. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, đề tài tiến hành xây dựng và thử nghiệm bộ tiêu chí, chỉ báo về chuyển đổi số trong quản lý cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông. Bộ tiêu chí gồm 63 chỉ báo được phân thành 10 tiêu chí thành phần. Kết quả thử nghiệm cho thấy bộ tiêu chí đã đánh giá được mức độ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông theo tiếp cận chuyển đổi số, các chỉ báo phù hợp với thực tiễn.

Thái Hoà (2023), *Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục - đào tạo ở thành phố Hà Nội* [62]. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo là xu hướng tất yếu hiện nay, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học cả nước nói chung, trên địa bàn Hà Nội nói riêng. Xác định rõ xu thế đó, ngành GD&ĐT Hà Nội đã đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin vào cả trong phương pháp giảng dạy và quản lý giáo dục. Bài viết nêu lên thực trạng chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin vào GD&ĐT. Từ đó đưa ra một số giải pháp tăng cường hơn nữa các ứng dụng về công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong thời gian tới.

Phạm Hồng Quang, Nguyễn Danh Nam (2023), *Sự thay đổi và các giải pháp phát triển môi trường giáo dục đại học trong bối cảnh tự chủ đại học* [100]. Nội dung bài viết đánh giá thực trạng phát triển môi trường giáo dục đại học trong bối cảnh tự chủ đại học và đưa ra các giải pháp phát triển môi trường giáo dục đại học trong bối cảnh tự chủ đại học thời gian tới.

Nguyễn Nam Phương, Vũ Thị Mai Hương, Trần Thị Cẩm Tú (Đồng chủ biên) (2023), *Rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục trong đào tạo giáo viên* [97]. Nội dung cuốn sách bao gồm: Chương 1: Những vấn đề chung về kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục Chương 2: Kỹ năng chủ nhiệm lớp Chương 3: Kỹ năng thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong trường phổ thông Chương 4: Kỹ năng quản lý lớp học.

Tráng Thị Thuý (2023), *Xây dựng mô hình giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh trung học phổ thông thông qua hoạt động trải nghiệm làng nghề ở vùng Châu thổ sông Hồng* [140]. Đề tài đã làm rõ những cơ sở lý luận và thực tiễn về việc xây dựng mô hình giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh trung học phổ thông (THPT) thông qua hoạt động trải nghiệm làng nghề ở vùng Châu thổ sông Hồng; phân tích, đánh giá thực trạng và đề xuất những nhóm giải pháp cơ bản để xây dựng mô hình giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh THPT thông qua hoạt động trải nghiệm làng nghề ở vùng Châu thổ sông Hồng thời gian tới.

Nguyễn Thị Thu Thảo (2023), *Phát triển Chương trình Giáo dục phổ thông của Trung Quốc* [197]. Bằng phương pháp khảo cứu tài liệu liên quan, bài viết khái quát quá trình phát triển Chương trình Giáo dục của Trung Quốc trong hơn 20 năm qua, từ đó cung cấp thêm kênh tham khảo hữu ích cho công cuộc phát triển Chương trình Giáo dục phổ thông của Việt Nam.

Trịnh Thị Anh Hoa, Nguyễn Đức Minh, Nguyễn Lê Vân Dung, Phạm Thị Bích Đào, Trịnh Vân Hà (2024), *Thực trạng và định hướng nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục* [64]. Bài viết phân tích thực trạng nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục trong 10 năm qua, đánh giá những thành tựu, đóng góp của khoa học quản lý cho sự phát triển khoa học giáo dục cũng như sự phát triển giáo dục, đồng thời chỉ ra những hạn chế, từ đó đề xuất định hướng nghiên cứu trong thời gian tới.

Trần Thị Hoài (2024), *Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng các học phần đào tạo trực tuyến tại Đại học Quốc gia Hà Nội* [66]. Nhóm nghiên cứu đề tài đã tiến hành phân tích đặc điểm và thực trạng xây dựng các học phần đào tạo trực tuyến tại Đại học Quốc gia Hà Nội để xác định điểm mạnh và điểm yếu về nội dung, phương pháp, cách thiết kế và tìm hiểu về trải nghiệm của người dùng. Sau khi xây dựng dự thảo bộ tiêu chuẩn, nhóm nghiên cứu đã xin ý kiến các chuyên gia về phương pháp và công nghệ

dạy học, chuyên gia về đảm bảo chất lượng giáo dục, giảng viên có kinh nghiệm về đào tạo trực tuyến, điều chỉnh dự thảo lần 1; thiết kế phiếu hỏi và khảo sát 221 giảng viên của Đại học Quốc gia Hà Nội, tiếp đó điều chỉnh dự thảo lần 2; và tiếp tục xin ý kiến một số giảng viên, chuyên gia để tham vấn và hoàn thiện bộ tiêu chuẩn.

Nguyễn Thanh Thủy, Bùi Văn Hồng, Nguyễn Văn Tứ, Nguyễn Ngọc Phương, Phạm Đào Tiên (2024), *Thực trạng đảm bảo chất lượng dạy học qua mạng ở một số trường đại học tại Việt Nam hiện nay* [141]. Bài viết phân tích thực trạng đảm bảo chất lượng dạy học qua mạng dưới góc nhìn của các cán bộ quản lý ở một số trường đại học, từ đó có những nhận định quan trọng rút ra từ thực trạng.

1.2.2. Những công trình nghiên cứu về sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với giáo dục và đào tạo, công tác giáo dục và đào tạo

Phùng Thị Phong Lan (2016), *Quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc* [77]. Luận án đã làm rõ cơ sở khoa học quản lý Nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số; phân tích, đánh giá thực trạng giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc; phân tích, làm rõ phương hướng và giải pháp hoàn thiện quản lý Nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc.

Bùi Ngọc Hiền (2018), *Chính sách phát triển giáo dục vùng đồng bằng sông Cửu Long* [60]. Luận án đã làm rõ tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án; phân tích, làm rõ cơ sở khoa học về chính sách phát triển giáo dục vùng KT-XH; khảo sát, đánh giá, phân tích thực trạng chính sách phát triển giáo dục vùng đồng bằng sông Cửu Long; đưa ra những định hướng phát triển giáo dục vùng đồng bằng sông Cửu Long và những giải pháp hoàn thiện chính sách phát triển giáo dục vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Trần Huy Ngọc (2018), *Đổi mới phương pháp giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên các trường Đại học khu vực trung du, miền núi phía Bắc*

nước ta hiện nay (Qua khảo sát Đại học Thái Nguyên và trường Đại học Tây Bắc) [92]. Luận án đã phân tích, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của việc đổi mới phương pháp giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên các trường Đại học ở nước ta hiện nay; phân tích, đánh giá thực trạng và những vấn đề đặt ra của việc đổi mới phương pháp giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên các trường Đại học khu vực trung du, miền núi phía Bắc nước ta hiện nay; đưa ra quan điểm và phân tích các giải pháp đổi mới phương pháp giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên các trường Đại học khu vực trung du, miền núi phía Bắc nước ta hiện nay.

Nguyễn Hữu Cương (2019), *Bảo đảm chất lượng giáo dục đại học Việt Nam: Chính sách và thực tiễn trong thế kỷ 21* [22]. Cuốn sách có 12 chương, 292 trang, mở đầu bằng hai chương dẫn nhập cung cấp những thông tin về sự phát triển của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và quốc tế hóa giáo dục đại học ở Việt Nam. Những chương tiếp theo trong cuốn sách là câu chuyện về lịch sử 15 năm hình thành và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục đại học Việt Nam (từ 2003 đến 2018): những thuận lợi, khó khăn, thách thức và kết quả đạt được. Hơn thế nữa, trong cuốn sách các tác giả đã phân tích các cơ chế đảm bảo chất lượng, sự tham gia của các đối tượng liên quan đến các hoạt động đảm bảo chất lượng, những khuyến nghị cho sự phát triển của hệ thống đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục đại học Việt Nam trong tương lai.

Nguyễn Thị Phương Chi (2020), *Lịch sử giáo dục Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000* [17]. Cuốn sách gồm 4 chương, tập trung trình bày về chủ trương của Đảng và Nhà nước đối với giáo dục, những vấn đề cơ bản của giáo dục Việt Nam qua các thời kỳ: 10 năm đầu sau ngày thống nhất đất nước (1975-1986), thời kỳ Đổi mới (1986-1996); thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa (1996-2000) cùng những thành tựu, hạn chế và kinh nghiệm lịch sử.

Đinh Quang Hải (2020), *Lịch sử giáo dục miền Bắc Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975* [57]. Cuốn sách gồm 6 chương, được các tác giả tập trung trình bày về: chủ trương của Đảng và Nhà nước đối với giáo dục; thành tựu của giáo dục miền Bắc đạt được; những cuộc cải cách giáo dục được thực hiện đồng thời trong bối cảnh thời chiến; đến một nền giáo dục Việt Nam toàn diện từ Mầm non, Đại học và Trung học chuyên nghiệp; giáo dục ở miền xuôi và miền ngược... đã được trình bày đầy đủ trong công trình này.

Vũ Duy Mền (2020), *Lịch sử giáo dục Việt Nam từ thế kỷ X đến năm 1858* [84]. Nội dung sách chia làm 6 chương; trong đó, các tác giả trình bày một cách trung thực và có hệ thống về: Tổ chức giáo dục; khoa cử; việc lựa chọn, sử dụng và đãi ngộ các vị đại khoa hiền tài của các triều đại quân chủ Việt Nam; những đóng góp, cống hiến quan trọng của họ đối với các vương triều và đất nước; những tấm gương điển hình của thầy và trò từ thế kỷ X đến năm 1858 nêu gương sáng cho hậu thế ngưỡng vọng, học tập...

Ngô Văn Hùng (2021), *Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ diện ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quản lý ở khu vực đồng bằng sông Hồng hiện nay* [68]. Bài viết nêu lên thực trạng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ diện BTVTU, thành ủy quản lý ở khu vực ĐBSH thời gian qua. Đưa ra những giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ diện BTVTU, thành ủy quản lý ở khu vực ĐBSH.

Trần Khánh Đức (Chủ biên), Dương Thị Hoàng Yến, Đỗ Thị Thu Hằng, Nguyễn Đức Huy, Lê Thanh Huyền (2022), *Quản lý đào tạo và quản trị nhà trường hiện đại* [50]. Nội dung cuốn sách gồm 7 chương. Chương 1: Khoa học quản lý và các mô hình quản lý giáo dục hiện đại; chương 2: Nhà trường và quản trị nhà trường; chương 3: Đào tạo và quản lý đào tạo trong nhà trường; chương 4: Phát triển chương trình và tổ chức quá trình đào tạo trong nhà trường; chương 5: Chất lượng đào tạo và quản lý chất lượng đào tạo; chương 6: Phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu khoa học quản lý giáo

dục và quản lý đào tạo, quản trị nhà trường; chương 7: Kinh nghiệm quốc tế về quản lý đào tạo và quản trị nhà trường.

Nguyễn Quốc Vương (2022), *Giáo dục Việt Nam học gì từ Nhật Bản: Giáo dục và giáo dục lịch sử trong cái nhìn so sánh Việt Nam - Nhật Bản* [202]. Nội dung cuốn sách tập trung vào việc tác giả đưa ra những triết lý giáo dục đúc rút từ Nhật Bản phù hợp và có thể tạo sự thay đổi tích cực cho giáo dục Việt Nam. Từ đó vận dụng vào phát triển cho giáo dục Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Nguyễn Anh Tuấn (2022), *Quản lý bồi dưỡng giáo viên tiểu học theo hướng phát triển năng lực dạy học ở cấp Quận trên địa bàn thành phố Hà Nội* [187]. Luận án gồm ba chương. Chương 1: Quản lý bồi dưỡng giáo viên tiểu học theo hướng phát triển năng lực dạy học ở cấp quận. Chương 2: Thực trạng quản lý bồi dưỡng giáo viên tiểu học theo hướng phát triển năng lực dạy học ở cấp quận trên địa bàn thành phố Hà Nội. Chương 3: Biện pháp quản lý bồi dưỡng giáo viên tiểu học theo hướng phát triển năng lực dạy học.

Đặng Văn Hải (2023), *Quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học cơ sở khu vực Bắc Trung Bộ đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018* [58]. Trên cơ sở làm rõ các khái niệm liên quan và khái niệm chủ yếu, luận án đã làm rõ các nội dung hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh THCS đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018 (ý nghĩa, mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức, đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp) là cơ sở lý luận, làm căn cứ để đánh giá thực trạng hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh THCS đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018 trên địa bàn các tỉnh Bắc Trung Bộ. Luận án cũng đã phân tích, làm rõ nội dung của quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh THCS đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018 (mục tiêu, nội dung; chủ thể quản lý); các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh THCS đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018 (yếu tố khách quan, chủ quan). Luận án đã đề xuất sáu giải pháp nâng

cao hiệu quả quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh THCS khu vực Bắc Trung Bộ đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Trần Kiểm (2023), *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục* [76]. Qua nội dung bảy chương sách, bạn đọc có thể thu lượm được những kiến thức cơ bản, hiện đại, thực tiễn về khoa học quản lý giáo dục, như đại cương về quản lý và quản lý giáo dục, quá trình quản lý giáo dục, quản lý nhà nước về giáo dục, đổi mới quản lý giáo dục, quản lý và lãnh đạo nhà trường, lao động quản lý giáo dục,.. được tác giả trình bày một cách hệ thống và sâu sắc.

Lương Thị Hằng My (2023), *Nâng cao chất lượng giáo dục giá trị văn hoá truyền thống qua hoạt động trải nghiệm làng nghề cho học sinh trung học phổ thông vùng đồng bằng sông Hồng* [90]. Tác giả đã nêu lên tầm quan trọng của hoạt động giáo dục giá trị văn hoá truyền thống qua hoạt động trải nghiệm làng nghề; phân tích thực trạng hoạt động giáo dục giá trị văn hoá truyền thống qua hoạt động trải nghiệm làng nghề ở vùng ĐBSH. Từ đó đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục giá trị văn hoá truyền thống qua hoạt động trải nghiệm làng nghề cho học sinh THPT vùng ĐBSH hiện nay.

Lâm Quang Thiệp (2023), *Quản trị, quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục đại học Việt Nam* [137]. Đối với giáo dục đại học, thực hiện đúng việc quản trị và quản lý sẽ tạo điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng của bậc giáo dục đại học, bậc học cao nhất và phức tạp nhất của nền giáo dục quốc gia. Mấy thập niên qua Giáo sư Lâm Quang Thiệp có điều kiện làm việc và tham gia quản lý hệ thống giáo dục đại học nước ta. Quá trình tiếp cận bậc giáo dục đại học buộc tác giả phải nghiên cứu cẩn thận các vấn đề phức tạp nảy sinh và đề xuất các phương hướng xử lý chúng. Thực trạng trong nước và các kinh nghiệm quốc tế về giáo dục đại học cũng giúp tác giả có điều kiện so sánh các hệ thống giáo dục đại học của nhiều nước khác nhau và thu nhận được các bài học kinh nghiệm quý báu.

Phạm Xuân Mạnh (2024), *Chất lượng lãnh đạo nhiệm vụ giáo dục và đào tạo của tổ chức cơ sở đảng khoa giáo viên thuộc các đảng bộ học viện, trường sĩ quan quân đội hiện nay* [83]. Luận án đã tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án; phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn chất lượng lãnh đạo nhiệm vụ GD&ĐT của tổ chức cơ sở đảng khoa giáo viên thuộc các đảng bộ học viện, trường sĩ quan quân đội; khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng chất lượng lãnh đạo và một số kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng lãnh đạo nhiệm vụ GD&ĐT của tổ chức cơ sở đảng khoa giáo viên thuộc các đảng bộ học viện, trường sĩ quan quân đội; đưa ra những yêu cầu và giải pháp nâng cao chất lượng lãnh đạo nhiệm vụ GD&ĐT của tổ chức cơ sở đảng khoa giáo viên thuộc các đảng bộ học viện, trường sĩ quan quân đội hiện nay.

1.3. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ CỦA CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG GIẢI QUYẾT

1.3.1. Khái quát kết quả của các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Các công trình nghiên cứu, bài viết được công bố đã nghiên cứu về GD&ĐT, công tác GD&ĐT và sự lãnh đạo các cấp ủy đảng đối với GD&ĐT, công tác GD&ĐT với nhiều góc độ và cách tiếp cận khác nhau, đạt được nhiều kết quả lý luận và thực tiễn quan trọng, cụ thể là:

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu đã làm rõ những vấn đề cơ sở lý luận trong GD&ĐT; nêu lên vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của GD&ĐT đối với đất nước.

Thứ hai, các công trình nghiên cứu, đặc biệt là kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học, các bài báo khoa học đã đánh giá sát, đúng thực trạng công tác GD&ĐT ở vùng ĐBSH nói riêng và ở nước ta nói chung với những số liệu, dẫn chứng cụ thể, chính xác; **đồng thời chỉ ra được tính đặc thù và yêu cầu đối với sự lãnh đạo công tác GD&ĐT của tỉnh ủy ở vùng ĐBSH.**

Thứ ba, một số công trình nghiên cứu đã chỉ ra những kinh nghiệm thực tiễn trong thực hiện đổi mới công tác GD&ĐT theo chủ trương, đường lối của Đảng.

Thứ tư, mỗi công trình nghiên cứu lại khai thác dưới góc độ khác nhau và đưa ra các giải pháp khác nhau nhưng đều hướng tới mục tiêu chung là xây dựng một hệ thống giáo dục mở, phục vụ học tập suốt đời, công bằng và bình đẳng, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế.

Thứ năm, số ít công trình nghiên cứu khác đã bước đầu luận giải, đề xuất, kiến nghị tiếp tục giải quyết vấn đề không chỉ về mặt phương pháp luận, nhận thức luận mà cả những khuyến nghị, kiến nghị một cách cụ thể ở từng khía cạnh, với từng lĩnh vực, nhằm tăng cường công tác GD&ĐT trong thời gian tới.

Thứ sáu, các công trình nghiên cứu của các tác giả người nước ngoài và của người Việt Nam nghiên cứu về nước ngoài (Trung Quốc, Nhật Bản, Anh...) cho thấy những chủ trương, chính sách về GD&ĐT rất nhân văn, tiến bộ và hiện đại. Đây có thể xem là những kinh nghiệm quý để Việt Nam tiếp thu, vận dụng nhằm tăng cường và thực hiện có hiệu quả công tác GD&ĐT của đất nước.

Những công trình khoa học và kinh nghiệm nêu trên đã có những đóng góp lớn về cả phương diện lý luận và tổng kết thực tiễn, là nguồn tư liệu quan trọng, bổ ích có giá trị tham khảo tốt để tác giả đi sâu nghiên cứu, thực hiện đề tài luận án, nhất là cung cấp một số tư liệu và hướng tiếp cận đối tượng nghiên cứu. Tác giả kế thừa có chọn lọc kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học nêu trên trong quá trình nghiên cứu, triển khai đề tài.

Như vậy, mặc dù đã có nhiều công trình đề cập đến sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác GD&ĐT nêu trên, tuy nhiên do mục tiêu, phạm vi và đối tượng nghiên cứu riêng nên chưa có công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống, chuyên sâu, toàn diện về lý luận và tổng kết thực tiễn về

tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT hiện nay. Do đó, nghiên cứu sinh chọn vấn đề này làm đề tài nghiên cứu là độc lập, không trùng lặp với các công trình khoa học đã công bố.

1.3.2. Những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu

Luận án sẽ tập trung giải quyết những vấn đề cơ bản sau đây:

Một là, làm rõ những vấn đề lý luận về tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT: Nghiên cứu làm rõ hơn khái niệm về GD&ĐT, công tác GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH, từ đó chỉ ra nội dung, phương thức và làm rõ vai trò, đặc điểm công tác GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH. Đặc biệt, luận án tập trung xây dựng cơ sở lý luận về tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT; chỉ ra chủ thể, đối tượng lãnh đạo; nghiên cứu và đề cập một cách cơ bản, có hệ thống nội dung, PTLĐ của tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với công tác GD&ĐT; làm rõ vai trò lãnh đạo của tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với công tác GD&ĐT.

Hai là, phân tích đánh giá một cách khách quan thực trạng tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT. Đặc biệt, đề tài dành thời lượng đáng kể cho việc khảo sát, phân tích những ưu điểm, hạn chế về sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với công tác GD&ĐT; phân tích nguyên nhân, rút ra các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của tỉnh ủy vùng ĐBSH đối với công tác GD&ĐT.

Ba là, dự báo những thuận lợi, khó khăn tác động đến sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với công tác GD&ĐT; đề xuất phương hướng và những giải pháp đồng bộ, khả thi, trong đó có những giải pháp mới, phân tích sâu hơn những giải pháp mang tính đột phá nhằm tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với công tác GD&ĐT thời gian tới.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

2.1. TỈNH, ĐẢNG BỘ TỈNH, TỈNH ỦY, GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG HIỆN NAY

2.1.1. Khái quát về các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Hồng

Đồng bằng sông Hồng là đồng bằng lớn thứ hai ở nước ta sau Đồng bằng sông cửu Long; tiếp giáp với vùng Đông Bắc bộ; Tây Bắc Bộ và Vịnh Bắc Bộ; tỉnh Thanh Hóa thuộc Bắc Trung bộ. Đồng bằng sông Hồng gồm 2 thành phố trực thuộc Trung ương là Hà Nội, Hải Phòng và 10 tỉnh, gồm: Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hà Tây, Quảng Ninh, Thái Bình, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình [139]. Sau khi huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc và bốn xã thuộc huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình được sáp nhập vào Hà Nội, theo Quyết định của Quốc hội về mở rộng địa giới thành phố Hà Nội, hiện nay, Hà Nội có hai thành phố trực thuộc Trung ương và 9 tỉnh nêu trên (không có tỉnh Hà Tây). Ở chín tỉnh ĐBSH có 85 huyện, thị xã, thành phố và 1583 xã, phường, thị trấn [186].

** Điều kiện tự nhiên*

Đồng bằng sông Hồng là một trong hai đồng bằng lớn ở nước ta được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống Sông Hồng; có diện tích tự nhiên 21.259,6km², chiếm 4,5% diện tích nước ta [186]; có mạng lưới sông ngòi dày đặc, trữ lượng nước lớn phục vụ nông nghiệp, công nghiệp, đời sống nhân dân và giao thông, vận tải; có khí hậu nhiệt đới, gió mùa với bốn mùa xuân hạ, thu, đông rõ rệt trong một năm rất thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp...

Vùng ĐBSH còn có các cảng nước sâu và các cảng nhỏ ở các tỉnh ven biển, rất thuận lợi cho việc giao thương với các tỉnh ven biển nước ta và các

nước trên thế giới để phát triển kinh tế và các hoạt động khác. Cùng với hệ thống đường bộ, đường sắt, đường hàng không được nâng cấp hiện đại rất thuận lợi cho việc phát triển của các tỉnh vùng này.

Tài nguyên, khoáng sản ở các tỉnh ĐBSH rất đa dạng, phong phú, trữ lượng lớn, nhất là than và than bùn ở Quảng Ninh, Hưng Yên, đá vôi ở Ninh Bình, Hà Nam...; nguồn thủy, hải sản với trữ lượng rất lớn, nhiều chủng loại, trong đó có những loại quý hiếm, có giá trị cao rất cần cho phát triển kinh tế, quốc phòng...

** Đặc điểm kinh tế*

Trước đây, kinh tế của các tỉnh ở ĐBSH chủ yếu là thuần nông, độc canh cây lúa, trồng lúa nước, sản xuất nhỏ manh mún, năng suất thấp. Đây là vùng đặc trưng nhất về trồng lúa nước theo kiểu truyền thống lâu đời của cư dân ở các đồng bằng ở miền Bắc nước ta, được hình thành, lưu truyền, phát triển lâu đời cùng với quá trình dựng nước, giữ nước và phát triển đất nước. Trong thời kỳ đổi mới:

...các cấp, các ngành, nhất là các địa phương trong vùng đã nhận thức ngày càng rõ hơn về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của vùng; khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế, tiếp tục khẳng định vai trò là vùng kinh tế động lực, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của cả nước. Một số địa phương phát triển bứt phá, trở thành điểm sáng của vùng và cả nước. Kinh tế vùng tăng trưởng bình quân giai đoạn 2005 - 2020 đạt 7,94%/năm, cao hơn mức bình quân cả nước; quy mô kinh tế tăng nhanh, năm 2020 đạt 2,37 triệu tỉ đồng, chiếm 29,4% GDP cả nước; GRDP bình quân đầu người đạt 103,6 triệu đồng/năm, gấp 1,3 lần bình quân cả nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ giữ vai trò trụ cột. Thu hút đầu tư nước ngoài tăng mạnh [15, tr.1].

Đặc biệt, thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh dần dần trở thành trung tâm kinh tế biển lớn. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ được hình thành, phát triển mạnh mẽ, đi đầu trong thực hiện các đột phá chiến lược và đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở nước ta. Ở các tỉnh kết cấu hạ tầng KT-XH được tập trung đầu tư xây dựng và phát triển khá đồng bộ, ngày càng hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông; tạo thuận lợi để các tỉnh phát huy vai trò hành lang, vành đai kinh tế trong sự phát triển của Vùng và cả nước. Việc quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường được coi trọng; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu ngày càng rõ, với những hậu quả ngày càng lớn.

** Đặc điểm chính trị*

Nhân dân các tỉnh của vùng ĐBSH có truyền thống cần cù, chịu khó, tiết kiệm, không chịu bó tay trước khó khăn, gian khổ, thách thức quyết liệt, đoàn kết, sáng tạo vươn lên xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, xây dựng quê hương, đất nước, góp phần to lớn vào sự nghiệp dựng nước và giữ nước của các thế hệ cha anh trước đây. Đặc biệt, trong sự nghiệp cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ở các tỉnh vùng ĐBSH một lòng một dạ đi theo Đảng làm cách mạng, đánh đuổi thực dân, đế quốc xâm lược, đánh đổ địa chủ, phong kiến, xây dựng đất nước giàu mạnh, tự do, dân chủ; xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Hệ thống chính trị (HTCT) từ tỉnh đến cơ sở, gồm các tổ chức đảng, chính quyền (hội đồng nhân dân (HĐND), ủy ban nhân dân (UBND)), MTTQ, các tổ chức CT-XH (Liên đoàn lao động, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân) từ tỉnh đến cơ sở được củng cố, kiện toàn. Đặc biệt, từ khi Đảng ban hành và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết liệt Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII “về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến

lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”, dưới sự lãnh đạo của các tỉnh ủy tổ chức bộ máy của HTCT từ tỉnh đến cơ sở, đội ngũ cán bộ vùng này, có những tiến bộ đáng ghi nhận. HTCT từ tỉnh đến cơ sở được đổi mới, sắp xếp một bước tinh gọn hơn, hoạt động hiệu quả hơn; chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu HTCT các cấp được nâng lên, đáp ứng được yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức trong HTCT, góp phần to lớn vào kết quả đổi mới ở địa phương.

Hiện tại, ở các tỉnh vùng này, an ninh chính trị được bảo đảm, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được đẩy mạnh, đạt kết quả tích cực; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng được nâng lên.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, ở một số nơi của ĐBSH xuất hiện những phức tạp về an ninh trật tự; có nơi những phức tạp này phát triển thành “điểm nóng”, gây bức xúc trong cán bộ, đảng viên (CBDV), nhân dân và dư luận. Song, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy, tình hình phức tạp đó, đã được giải quyết cơ bản. Hiện nay, nhìn chung, an ninh chính trị ở các tỉnh được bảo đảm, tạo thuận lợi cho các tỉnh vươn lên, phát triển mạnh mẽ về mọi mặt trong những năm tới.

** Đặc điểm văn hóa, xã hội*

Đồng bằng sông Hồng có thủ đô Hà Nội là trái tim của cả nước, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục của nước ta, chi phối và tác động mạnh mẽ sự phát triển văn hóa, xã hội của các tỉnh vùng này. Dân số của toàn vùng ĐBSH gần 20 triệu người, chiếm gần 23% dân số cả nước; mật độ dân số cao nhất cả nước ta [186]; nguồn lao động dồi dào, trong đó khá lớn lao động chất lượng cao.

Ở các tỉnh vùng ĐBSH có nhiều dân tộc sinh sống, trong đó dân tộc Kinh chiếm tuyệt đại đa số. Ngoài ra, sinh sống ở các tỉnh vùng này, còn có

các dân tộc thiểu số, như: người Dao, Tày, Nùng, Cao Lan, Hoa, Mường, Sán Dìu..., song số lượng dân số rất ít. Các dân tộc thiểu số sống tập trung theo từng dân tộc ở các huyện như: Lập Thạch (Vĩnh Phúc), Nho Quan (Ninh Bình), Hải Hà (Quảng Ninh) và sống đan xen với người Kinh ở nhiều địa phương thuộc các tỉnh trong vùng. Họ sống thuận hòa, đoàn kết, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, những khi gặp khó khăn, nhất là gặp thiên tai, hoạn nạn; cần cù, khéo tay, tiết kiệm... Ở các tỉnh có nhiều tôn giáo hoạt động, trong đó hai tôn giáo lớn là Phật giáo và Công giáo; trong vùng ĐBSH có trung tâm Công giáo nhất của cả nước ở tỉnh Nam Định và Ninh Bình, với số lượng tín đồ rất lớn (gần 45% dân số), nhất là ở huyện Giao Thủy và Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

Đồng bằng sông Hồng là cái nôi của nền văn hóa Việt Nam. Đây là nơi hình thành, phát triển và lưu giữ nhiều giá trị văn hóa rất giá trị của đất nước, con người Việt Nam... Đặc biệt, là văn hóa trồng lúa nước, chăn nuôi gia súc, truyền thống làng xã, quan hệ xóm, làng, dòng họ, lễ hội truyền thống... là những đặc trưng nổi trội về văn hóa ở ĐBSH. Ở vùng này, có nhiều trường đại học, cao đẳng, các viện nghiên cứu nổi tiếng, chất lượng cao với số lượng lớn nhất nước. Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị “về phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, khẳng định:

Văn hoá - xã hội được quan tâm phát triển; các giá trị văn hoá được bảo tồn và phát huy; quy mô, chất lượng giáo dục - đào tạo, y tế được nâng lên rõ rệt, dẫn đầu cả nước. Nguồn nhân lực cơ bản đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, tỉ lệ lao động qua đào tạo tăng nhanh. Khoa học - công nghệ được ứng dụng mạnh mẽ. Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng lên rõ rệt, tỉ lệ hộ nghèo giảm nhanh [15, tr.2].

** Đặc điểm quốc phòng, an ninh*

Các tỉnh ở ĐBSH có vai trò đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh đối với cả nước. Trong vùng, có tỉnh Quảng Ninh tiếp giáp Trung Quốc, với

đường biên giới gần 120km; phần lớn tỉnh ở vùng này, tiếp giáp biển Đông; ngoài các huyện, thành phố, thị xã ven biển, ở một số tỉnh còn có các huyện đảo. Các tỉnh biên giới, ven biển, nhất là các huyện ven biển và huyện đảo có vai trò rất quan trọng về quốc phòng, an ninh của đất nước. Đặc biệt, hiện nay, bọn xâm lược không những không từ bỏ âm mưu xâm lược nước ta và âm mưu độc chiếm Biển Đông; tình hình biển đảo diễn biến rất phức tạp, bất thường, khó dự đoán thì các tỉnh ở vùng này, lại càng có vai trò đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh. Đây là địa bàn rất thích hợp về địa hình, quy mô diện tích, dân số và hội đủ những điều kiện cần thiết về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội để xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân; lực lượng dự bị động viên tại chỗ; thế trận an ninh nhân dân vững mạnh, hoạt động hiệu quả; góp phần quan trọng giữ vững chủ quyền biển đảo, ngăn chặn kịp thời sự xâm lược nước ta của kẻ thù từ biên giới đất liền và từ biển, đảo. Sự nỗ lực phấn đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ CBDV, các tổ chức trong HTCT và nhân dân ở các tỉnh vùng này, trong những năm qua đã được Nghị quyết số 30 của Bộ Chính trị khẳng định là vùng “Trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; quốc phòng, an ninh được giữ vững, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia” [15, tr.2].

Tuy nhiên, Nghị quyết số 30 cũng chỉ rõ: “...tăng trưởng kinh tế của vùng chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế còn chậm; các địa phương phát triển không đồng đều, tăng trưởng phụ thuộc nhiều vào vốn và lao động Phát triển văn hoá - xã hội nhiều mặt còn bất cập” [15, tr.2]. Đồng thời, Nghị quyết nhấn mạnh: “đào tạo nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu phát triển... An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, năng lực quản lý nhà nước ở một số địa phương còn hạn chế [15, tr.3].

2.1.2. Tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng - khái niệm, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và vai trò

Ở ĐBSH có 9 đảng bộ tỉnh, được thành lập tương ứng ở các tỉnh ở vùng này; tương ứng với 9 tỉnh là 9 tỉnh ủy.

2.1.2.1. Tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng - khái niệm, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

** Khái niệm “tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng”*

“Sách tra cứu các mục từ về tổ chức” cho rằng:

Tỉnh ủy là tên gọi tắt của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh trực thuộc Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam,...các tỉnh ủy do đại hội đại biểu cùng cấp bầu ra với nhiệm kỳ là năm năm. Số lượng tỉnh ủy viên do đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh quyết định theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương. Sau khi được đại hội cùng cấp bầu ra, tỉnh ủy họp phiên đầu tiên để bầu ban thường vụ, bầu bí thư và các phó bí thư trong số ủy viên ban thường vụ đã được bầu, bầu các thành viên ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trong số các viên ủy ban kiểm tra đã được bầu [105, tr.622-623].

Quy định số 10-QiĐ/TW ngày 12/12/2018 của Bộ Chính trị “về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” chỉ rõ: “Cấp ủy cấp tỉnh là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ cấp tỉnh giữa hai kỳ Đại hội” [15]. Điều lệ Đảng hiện hành cũng quy định về điều này: cấp ủy là tên gọi tắt của ban chấp hành đảng bộ, chi bộ; đó là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ, chi bộ giữa hai kỳ đại hội đảng bộ, chi bộ, do đại hội đảng bộ, chi bộ bầu ra; thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách [46, tr.17].

Từ những điều nêu trên đi đến khái niệm: *Tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng là tên gọi tắt của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh; đó là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ tỉnh giữa hai kỳ đại hội đảng bộ tỉnh, do đại hội bầu ra; thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.*

** Chức năng của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng*

Quy định số 10-QiĐ/TW chỉ rõ:

Cấp ủy cấp tỉnh... có chức năng lãnh đạo thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ cấp tỉnh; các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và chính sách, pháp luật của Nhà nước; đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương đối với địa phương [15].

Từ những điều nêu trên, thấy rằng, chức năng của tỉnh ủy ở ĐBSH, gồm:

Một là, chức năng lãnh đạo.

Đây là chức năng quan trọng nhất của tỉnh ủy. Hoạt động của Đảng, của đảng bộ tỉnh và tỉnh ủy là hoạt động lãnh đạo.

Đối tượng lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSH, gồm: *Các chi bộ, đảng bộ, các cấp ủy trong đảng bộ tỉnh*, trọng tâm là các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy; đảng đoàn, ban cán sự đảng ở các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh; các cơ quan tham mưu giúp việc tỉnh ủy; CBDV của đảng bộ tỉnh, trọng tâm là những đảng viên là cán bộ diện BTVTU quản lý; *các tổ chức trong HTCT, các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế*, trọng tâm là lãnh đạo các tổ chức trong HTCT tỉnh, nhất là chính quyền tỉnh; *các lĩnh vực đời sống xã hội trên địa bàn tỉnh*, trong đó có lĩnh vực GD&ĐT.

Sự lãnh đạo của tỉnh ủy là lãnh đạo chính trị, bao gồm: tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng dự thảo các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy về phát triển KT-XH, quốc phòng, an ninh, xây dựng và hoạt động của HTCT; thảo luận và quyết định và ban hành các nghị quyết, quyết định ấy; lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa, quán triệt và tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng, CBDV về thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy; sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm.

Tỉnh ủy không can thiệp, không bao biện làm thay công việc thuộc chức năng của chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh, nhất là chính

quyền tỉnh; cũng không buông lỏng lãnh đạo các tổ chức này. Tỉnh ủy lãnh đạo là để tăng cường dân chủ, phát huy cao độ trí tuệ, tính sáng tạo của các tổ chức trong HTCT trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức trong HTCT tỉnh.

Hai là, chức năng kiểm tra, giám sát.

Điều lệ Đảng quy định: “Các cấp ủy đảng lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng” [46, tr.51]. Như vậy, về chức năng lãnh đạo, tỉnh ủy còn phải lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng trong đảng bộ tỉnh, tập trung lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc (cấp ủy cấp huyện và tương đương); ủy ban kiểm tra (UBKT) tỉnh ủy và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy. Tỉnh ủy tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng, thể hiện ở việc tỉnh ủy thành lập các tổ, đoàn kiểm tra của tỉnh ủy, tiến hành kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức đảng, CBDV trong đảng bộ tỉnh. Trong đó, tỉnh ủy tập trung kiểm tra, giám sát các cấp ủy trực thuộc và những đảng viên là cán bộ thuộc diện BTVTU quản lý.

Ba là, chức năng đề xuất, kiến nghị.

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của đảng bộ tỉnh, tỉnh ủy sẽ nắm chắc những vấn đề nảy sinh cần được điều chỉnh và những vấn đề cần được tăng cường để sự lãnh đạo của tỉnh ủy đạt chất lượng, hiệu quả. Trong đó, có những vấn đề, những điểm liên quan đến sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương đối với tỉnh cần được điều chỉnh, bổ sung, cải tiến. Tỉnh ủy đề xuất đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề, nội dung đó để tạo thuận lợi cho sự lãnh đạo của tỉnh ủy đạt chất lượng, hiệu quả.

** Nhiệm vụ, quyền hạn của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng*

Quy định số 10-QiĐ/TW ngày 12-12-2018 của Bộ Chính trị đã chỉ rõ nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của cấp ủy cấp tỉnh. Có thể khái quát nhiệm vụ, quyền hạn của tỉnh ủy ở ĐBSH, gồm:

Một là, tỉnh ủy lãnh đạo cụ thể hóa các chủ trương, biện pháp tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại, các chủ trương, nghị quyết của Đảng; quyết định chương trình làm việc và chương trình kiểm tra, giám sát toàn nhiệm kỳ; quy chế làm việc của tỉnh ủy, BTVTU và UBKT tỉnh ủy trong nhiệm kỳ.

Hai là, tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU; xây dựng và ban hành nghị quyết hoặc kết luận để lãnh đạo từng lĩnh vực cụ thể; xác định nhiệm vụ trọng tâm, đột phá và các chương trình, đề án, dự án trọng điểm của tỉnh để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; tổ chức thực hiện thí điểm các chủ trương, mô hình mới theo sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư...

Ba là, tỉnh ủy định hướng hoặc quyết định theo thẩm quyền của tỉnh ủy do Đảng quy định những vấn đề xây dựng Đảng, trong đó có công tác tổ chức, cán bộ; kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng là những vấn đề rất quan trọng theo quy định của Điều lệ Đảng, được xác định cụ thể trong Quy định số 10-QiĐ/TW ngày 12-12-2018 nêu trên của Bộ Chính trị, gồm: công tác chính trị tư tưởng, công tác lý luận; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của HTCT; chỉ đạo đại hội đảng bộ các cấp trong tỉnh; chuẩn bị và giới thiệu nhân sự tham gia tỉnh ủy, BTVTU, UBKT, chủ nhiệm UBKT tỉnh ủy và các chức danh lãnh đạo chủ chốt khóa mới của tỉnh; thực hiện tự phê bình và phê bình, chất vấn và lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý; lãnh đạo xây dựng, củng cố, nâng cao chất

lượng tổ chức đảng, CBDV; công tác bảo vệ chính trị nội bộ; công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

Bốn là, tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy, cán bộ chính quyền tỉnh và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền tỉnh.

Năm là, tỉnh ủy lãnh đạo công tác dân vận của các tổ chức đảng trong đảng bộ tỉnh và của các tổ chức trong HTCT tỉnh; lãnh đạo công tác giám sát, phản biện xã hội của MTTQ, các tổ chức CT-XH; lãnh đạo thực hiện Luật Thực hiện Dân chủ ở cơ sở (Luật số: 10/2022/QH15 ngày 10-11-2022, Luật Thực hiện Dân chủ ở cơ sở).

Sáu là, tỉnh ủy quyết định những vấn đề có liên quan đến việc quản lý tài chính, tài sản của đảng bộ tỉnh; xem xét, cho ý kiến về công tác tài chính đảng của đảng bộ tỉnh, lãnh đạo các hoạt động kinh tế đảng của đảng bộ tỉnh (nếu có).

Bảy là, tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến về những công việc giữa hai kỳ họp của tỉnh ủy do BTVTU đã giải quyết; quyết định những vấn đề quan trọng của BTVTU. Tỉnh ủy thực hiện những nhiệm vụ khác do Trung ương giao cho.

2.1.2.2. Ban thường vụ tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng - khái niệm, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

**** Khái niệm ban thường vụ tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng***

Cuốn sách “350 thuật ngữ xây dựng Đảng” chỉ rõ: “Ban thường vụ cấp ủy: cơ quan thay mặt cấp ủy... thực hiện chức năng lãnh đạo và kiểm tra các mặt công tác thường xuyên, hàng ngày của cấp ủy cùng cấp” [188, tr.39]. Cấp ủy được xác định, gồm: cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện, cơ sở và tương đương. Từ cách hiểu trên, có thể hiểu một cách khái quát: BTVTU ở ĐBSH là cơ quan thay mặt tỉnh ủy thực hiện chức năng lãnh đạo và kiểm tra các mặt công tác thường xuyên, hằng ngày của tỉnh ủy.

Theo quy định của Điều lệ Đảng: BTVTU do hội nghị đầu tiên của tỉnh ủy sau đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh bầu ra trong số những tỉnh ủy viên đã được đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh bầu [155, tr.34]. Quy định số 10-QiĐ/TW

ngày 12-12-2018 của Bộ Chính trị xác định: BTVTU là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ họp của tỉnh ủy [15].

Từ luận những căn cứ trên có thể đưa ra khái niệm: *Ban thường vụ tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng là những người tiêu biểu trong số các tỉnh ủy viên được hội nghị đầu tiên của tỉnh ủy sau đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh bầu ra; là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ họp của tỉnh ủy, hoạt động theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.*

** Chức năng của ban thường vụ tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng*

Quy định số 10-QĐi/TW chỉ rõ: BTVTU, thành ủy:

...có chức năng lãnh đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của đại hội đại biểu tỉnh, thành phố, nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy tỉnh và của Trung ương; quyết định chủ trương về công tác tổ chức, cán bộ;... triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của cấp ủy tỉnh; đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp ủy cấp tỉnh những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương và của cấp ủy cấp tỉnh đối với địa phương; phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan trọng thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao [15, tr.3].

Từ những quy định nêu trên thấy rằng, BTVTU ở ĐBSH có những chức năng giống chức năng của tỉnh ủy. BTVTU là chức năng lãnh đạo; kiểm tra, giám sát; đề xuất, kiến nghị. BTVTU còn có chức năng phối hợp.

Sự khác nhau giữa các chức năng lãnh đạo; kiểm tra, giám sát và đề xuất, kiến nghị của BTVTU và tỉnh ủy ở ĐBSH thể hiện ở quy mô, thời gian tiến hành và tính chất thường xuyên trong thực hiện các chức năng đó, của BTVTU. Những khác nhau đó, thể hiện chủ yếu ở:

Về chức năng lãnh đạo:

Chức năng lãnh đạo của BTVTU ở ĐBSH khác với chức năng lãnh đạo của tỉnh ủy ở vùng này thể hiện ở thời gian tiến hành, sự thường xuyên và trực tiếp. Tỉnh ủy là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ tỉnh giữa hai kỳ đại hội đại

biểu đảng bộ tỉnh (năm năm); BTVTU là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ tỉnh, thay mặt tỉnh ủy lãnh đạo mọi hoạt động của đảng bộ tỉnh giữa hai kỳ họp tỉnh ủy (ba tháng). Như vậy, sự lãnh đạo của BTVTU ở ĐBSH thường xuyên và trực tiếp hơn so với tỉnh ủy.

Về chức năng kiểm tra, giám sát:

Theo Quy định số 22-QĐ/TW ngày 22/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương “Quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng”, BTVTU ở ĐBSH lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát. Chức năng này, giống với chức năng kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy, chỉ khác ở BTVTU trực tiếp và thường xuyên thực hiện việc này; tỉnh ủy cũng thực hiện việc này, song nội dung và việc tiến hành chủ yếu do BTVTU chuẩn bị, tỉnh ủy họp, bàn bạc quyết định; việc triển khai thực hiện chủ yếu do BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo; chuẩn bị kết luận các cuộc kiểm tra để tỉnh ủy họp và quyết định.

Về chức năng đề xuất, kiến nghị:

Ban thường vụ tỉnh ủy ở các tỉnh vùng ĐBSH cũng đề xuất, kiến nghị với Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương đối với tỉnh mình như tỉnh ủy. Song, BTVTU còn đề xuất, kiến nghị với tỉnh ủy những vấn đề liên quan đến sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với tỉnh một cách kịp thời để có giải pháp giải quyết.

Ngoài ra, BTVTU ở ĐBSH còn có chức năng *phối hợp* với các cơ quan, tổ chức có liên quan trọng thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

** Nhiệm vụ, quyền hạn của ban thường vụ tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng*

Từ Quy định số 10-QĐi/TW của Bộ Chính trị, thấy rằng, BTVTU ở ĐBSH cũng có những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể, có thể khái quát những nhiệm vụ, quyền hạn ấy ở những điểm chủ yếu sau đây:

Một là, quyết định triệu tập hội nghị tỉnh ủy, chỉ đạo chuẩn bị nội dung, chương trình, báo cáo, dự thảo nghị quyết, kết luận... đề xuất những vấn đề lớn, quan trọng của tỉnh để trình hội nghị tỉnh ủy thảo luận, quyết định...

Hai là, lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh, tỉnh ủy, của Trung ương; tổ chức thực hiện thí điểm mô hình mới theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh ủy và định kỳ sơ kết, đúc rút kinh nghiệm.

Ba là, lãnh đạo thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng về xây dựng Đảng, HTCT và công tác tổ chức, cán bộ.

Bốn là, có thể ra nghị quyết hoặc kết luận về những vấn đề quan trọng, nhạy cảm thuộc lĩnh vực kinh tế, xã hội.

Năm là, quyết định hoặc cho chủ trương định hướng, biện pháp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại; lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tội phạm...

Sáu là, định hướng hoạt động công tác nội chính, điều tra, các cơ quan tư pháp tỉnh, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí...; lãnh đạo, chỉ đạo tài chính, tài sản của đảng bộ tỉnh; tham gia vào sự lãnh đạo của Trung ương, nhất là những vấn đề liên quan đến tỉnh.

Bảy là, quyết định những vấn đề quan trọng khác do các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc đề nghị; thực hiện những nhiệm vụ khác do Trung ương và tỉnh ủy giao cho BTVTU; ủy quyền cho thường trực tỉnh ủy thực hiện một số công việc cụ thể thuộc thẩm quyền của mình và kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

2.1.2.3. Vai trò của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng

Một là, là nhân tố quyết định việc thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương, các nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trên địa bàn tỉnh, góp phần quan trọng vào kết quả thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết ấy trong cả nước.

Đề đường lối, chủ trương, các nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước được thực hiện thắng lợi, đường lối, chủ trương, các nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật ấy, phải được đưa về các địa phương để tổ chức thực hiện dưới sự lãnh đạo của cấp ủy các cấp, trước hết là đưa về các tỉnh, thành phố dưới sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy. Đồng bằng sông Hồng là vùng rộng lớn, dân số đông nhất so với dân số của các vùng trong cả nước; có vai trò rất quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh của cả nước và vai trò rất quan trọng trong việc hiện thực hóa đường lối, chủ trương, các nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước tại địa phương

Đường lối, chủ trương, các nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước được các tỉnh ủy, BTVTU trực tiếp tiếp nhận, lãnh đạo cụ thể hóa, thể chế hóa và tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh. Để công việc này đạt chất lượng, hiệu quả không thể chỉ bằng hoạt động của các cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên của đảng bộ tỉnh dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy, mà còn quan trọng hơn là vận động, thuyết phục các tổ chức trong HTCT, các tổ chức xã hội và nhân dân trong tỉnh tham gia thực hiện. Điều này chỉ có thể đạt được của các cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy. Trên địa bàn tỉnh ở ĐBSH chỉ có tỉnh ủy, BTVTU đủ năng lực, trình độ, uy tín thực hiện tốt điều này.

Như vậy, tỉnh ủy BTVTU có vai trò rất quan trọng, là nhân tố quyết định việc thực hiện thắng lợi đường lối chủ trương, các nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trên địa bàn tỉnh, góp phần quan trọng vào kết quả thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết ấy trong cả nước.

Hai là, là nhân tố quyết định thực hiện thắng công tác xây dựng đảng bộ tỉnh vững mạnh về mọi mặt, bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của đảng bộ tỉnh.

Ở các tỉnh vùng ĐBSH sự lãnh đạo đúng đắn của đảng bộ tỉnh có vai trò đặc biệt quan trọng đối với thắng lợi của nhiệm vụ phát triển KT-XH, quốc phòng, an ninh. Điều này, lại phụ thuộc rất lớn và được quyết định bởi chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng Đảng của đảng bộ tỉnh. Đảng bộ tỉnh phải được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, có năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu cao. Tỉnh ủy, BTVTU là cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, lãnh đạo mọi hoạt động của đảng bộ tỉnh, trong đó, lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy thực hiện công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Đây là công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của tỉnh ủy, BTVTU, khẳng định vai trò của tỉnh ủy, BTVTU đối với công tác xây dựng đảng bộ tỉnh.

Ba là, là nhân tố rất quan trọng định hướng chính trị đúng đắn theo đường lối, chủ trương của Đảng đối với việc xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ và hoạt động của các tổ chức trong HTCT từ tỉnh đến cơ sở, bảo đảm cho các tổ chức này thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức.

Đảng ta là Đảng duy nhất cầm quyền lãnh đạo Nhà nước và xã hội, trong đó, các tổ chức trong HTCT từ Trung ương đến cơ sở là của Đảng, do Đảng lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy, cán bộ và hoạt động tham gia thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Ở các địa phương, trong đó có các tỉnh ở vùng ĐBSH, tỉnh ủy, BTVTU có nhiệm vụ rất quan trọng và trách nhiệm cao cả là lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy, cán bộ và hoạt động của các tổ chức trong HTCT vững mạnh, hoạt động hiệu quả. Sự lãnh đạo ấy bảo đảm cho các tổ chức này, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức tỉnh tham gia thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU.

Bốn là, là lực lượng quan trọng bảo đảm cho hoạt động của đảng bộ tỉnh theo đúng chương trình, kế hoạch, thực hiện thắng lợi những nội dung hoạt động đã được đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh xác định.

Theo Quy định số 10-QiĐ/TW ngày 12/12/2018 của Bộ Chính trị “về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”, tỉnh ủy ở ĐBSH là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ tỉnh giữa hai kỳ đại hội; BTVTU là cơ quan lãnh đạo của tỉnh ủy giữa hai kỳ họp tỉnh ủy; chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai những công việc của đảng bộ tỉnh và của tỉnh ủy; chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đảng bộ tỉnh đối với chất lượng, hiệu quả mọi hoạt động của đảng bộ tỉnh và của tỉnh ủy. Điều này khẳng định vai trò của tỉnh ủy, BTVTU đối với chất lượng, hiệu quả mọi hoạt động của đảng bộ tỉnh.

Năm là, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; chất lượng đội ngũ cán bộ các ban, bộ, cơ quan, MTTQ, các tổ chức CT- XH ở Trung ương.

Theo Quy định số 10-QiĐ/TW nêu trên, tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSH có chức năng đề xuất, kiến nghị với Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề, những điểm liên quan đến sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương đối với tỉnh cần được điều chỉnh, bổ sung, cải tiến. Qua quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng của đảng bộ tỉnh, tỉnh ủy, BTVTU sẽ phát hiện và nắm chắc những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn; những vấn đề về sự lãnh đạo của Trung ương đối với tỉnh cần được chỉnh sửa, bổ sung; đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư nghiên cứu, chỉnh sửa tạo thuận lợi cho tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo đạt kết quả lớn hơn. Bên cạnh đó, qua hoạt động thực tiễn rất sôi động ở các tỉnh vùng ĐBSH, tỉnh ủy, BTVTU tích lũy được những kinh nghiệm có giá trị và có được những cách làm đem lại hiệu quả. Những kinh nghiệm và cách làm này sẽ được tỉnh ủy, BTVTU cung cấp cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư nghiên cứu tham khảo trong lãnh đạo, chỉ đạo các địa phương khác thực hiện đường lối, chủ trương, các nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Qua đó, tỉnh ủy, BTVTU góp

phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Qua hoạt động thực tiễn ở cơ sở và địa phương, các tỉnh ủy viên, ủy viên BTVTU được rèn luyện, trưởng thành, nhiều đồng chí hoạt động đạt hiệu quả cao. Các tỉnh ủy viên, ủy viên BTVTU và những đồng chí này là nguồn cán bộ có chất lượng bổ sung cho đội ngũ cán bộ các ban, bộ, cơ quan, MTTQ, các tổ chức CT - XH ở Trung ương

Sáu là, là nguồn cán bộ dự bị với số lượng lớn, có chất lượng bổ sung cho đội ngũ cán bộ các cơ quan, ban ngành, tổ chức CT-XH ở Trung ương, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ này.

Nguồn bổ sung cho cho đội ngũ cán bộ các cơ quan, ban ngành, các tổ chức CT-XH ở Trung ương chủ yếu từ hai nguồn: đào tạo ở các trường trong nước và ngoài nước và cán bộ hoạt động thực tiễn ở các địa phương nói chung, cán bộ ở các tỉnh vùng ĐBSH nói riêng. Trong đó, các tỉnh ủy viên, ủy viên BTVTU ở ĐBSH là lực lượng quan trọng, có chất lượng. Đây là những cán bộ hoạt động, từng trải, được thử thách và trưởng thành từ thực tiễn, là nguồn bổ sung, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cơ quan, ban ngành, các tổ chức CT-XH ở Trung ương nguồn lực và tố chất mới, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ này.

2.2. GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÔNG TÁC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Ở CÁC TỈNH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG - KHÁI NIỆM, NỘI DUNG, VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM

2.2.1. Giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng - khái niệm, các cơ sở, vai trò, đặc điểm

2.2.1.1. Khái niệm giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng

Để đi đến khái niệm nêu trên, cần làm rõ các khái niệm “giáo dục”, “đào tạo” và những khái niệm liên quan. Theo Từ điển Tiếng Việt: “ Giáo

dục, *đgt*, hoạt động nhằm tác động một cách có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất của một đối tượng nào đó làm cho đối tượng ấy dần dần có được những phẩm chất và năng lực như yêu cầu đề ra”; *dt*, hệ thống các biện pháp và cơ quan giảng dạy - giáo dục của một nước” [198, tr.394]. Đại từ điển tiếng Việt cho rằng: “Đào tạo: dạy dỗ, rèn luyện để trở nên người có hiểu biết, có nghề nghiệp” [206, tr.593].

Như vậy, việc tác động có hệ thống đến sự phát triển tinh thần của con người về thực chất cũng là việc dạy dỗ, cung cấp tri thức của nhân loại để nâng cao nhận thức, trình độ của con người. Việc làm đó, không chỉ cung cấp những tri thức cần thiết, mà quan trọng hơn là dạy dỗ, hướng dẫn hành động thực tiễn để con người phát triển về thể chất đạt mục tiêu của chủ thể tác động, đó là những người dạy dỗ (những người thầy hay giáo viên, giảng viên).

Việc dạy dỗ, rèn luyện để trở nên người có hiểu biết, có nghề nghiệp, về thực chất cũng là sự tác động của những người làm công việc dạy dỗ, đó cũng là những người thầy hay giáo viên, giảng viên. Việc này, cũng nhằm làm cho đối tượng dạy dỗ (người học) có được những tri thức của nhân loại, nâng cao trình độ trí tuệ của họ; không chỉ cung cấp những tri thức cần thiết cho họ, mà quan trọng hơn là việc thực hành, rèn luyện trong thực tiễn thì mới trở thành người có nghề nghiệp, tay nghề.

Như vậy, khái niệm giáo dục và khái niệm đào tạo quan hệ mật thiết với nhau và có nhiều điểm tương đồng, trong khái niệm giáo dục, có những nội hàm của khái niệm đào tạo và ngược lại, trong khái niệm đào tạo cũng có những nội hàm của khái niệm giáo dục. Song, giáo dục có nội hàm rộng hơn, bao hàm khái niệm đào tạo. Trên thực tế, giáo dục) có nhiều hình thức, phương pháp, nội dung, điều kiện, môi trường tiến hành... đa dạng, phong phú hơn việc dạy dỗ con người. Điều này có nghĩa là khái niệm giáo dục bao hàm khái niệm đào tạo. Khi nói đến giáo dục, chủ yếu nhấn mạnh việc tác động tác động có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất của con người, ở mọi lứa

tuổi, bậc học. Khi nói đến đào tạo, chủ yếu nhấn mạnh đến việc dạy, rèn luyện con người để có nghề nghiệp, chuyên môn, tay nghề, thường đối với những người đã có độ tuổi nhất định, chuẩn bị trưởng thành và đã trưởng thành.

Từ luận giải trên đi đến khái niệm: *Giáo dục và đào tạo là các hoạt động tác động có hệ thống tác động đến sự phát triển tinh thần, thể chất của con người, dạy dỗ, rèn luyện để họ dần dần có được những phẩm chất và năng lực theo yêu cầu đề ra; trở thành người có hiểu biết, có nghề nghiệp đáp ứng những công việc cần thiết của họ, của cơ quan, đơn vị, địa phương và đất nước; là hệ thống các biện pháp và cơ quan giảng dạy - giáo dục của một nước*

Tương tự, *giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng là các hoạt động diễn ra trên địa bàn mỗi tỉnh, tác động có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất của con người, dạy dỗ, rèn luyện để họ dần dần có được những phẩm chất và năng lực theo yêu cầu đề ra; trở thành người có tri thức, nghề nghiệp đáp ứng những công việc cần thiết của họ, của cơ quan, đơn vị, địa phương, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; là hệ thống các biện pháp và cơ quan giảng dạy - giáo dục của tỉnh.*

** Mục tiêu của giáo dục và đào tạo*

Theo Điều 2, Luật Giáo dục:

Mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc [195].

Giáo dục và đào tạo đều là những hoạt động tác động đến con người nhằm hình thành con người phát triển toàn diện có phẩm chất, tri thức, năng lực, nghề nghiệp, thể chất phục vụ đắc lực cho cho sự nghiệp xây dựng chủ

nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Mục tiêu của giáo dục nêu trên cũng là mục tiêu của đào tạo và là mục tiêu của GD&ĐT.

2.2.1.2. Các cơ sở giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng và phân cấp quản lý

Ở các tỉnh vùng ĐBSH đều có giáo dục mầm non (nhà trẻ, mẫu giáo); trường tiểu học; THCS; THPT (ở một số tỉnh còn có trường năng khiếu, trường chuyên); các cơ sở, trung tâm dạy nghề, trường trung cấp, cao đẳng; ở một số tỉnh có trường đại học của tỉnh (không kể các trường đại học của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh). Một số trường đại học của tỉnh có đủ điều kiện, đáp ứng yêu cầu theo quy định của Nhà nước được phép đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ. Việc cấp văn bằng, chứng chỉ trong ngành GD&ĐT ở các tỉnh theo quy định của Nhà nước.

Theo phân cấp quản lý, nhà trẻ, mẫu giáo, trường tiểu học, THCS do UBND cấp huyện quản lý, trực tiếp là phòng GD&ĐT cấp huyện; UBND cấp xã quản lý các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo độc lập trên địa bàn; các trường THPT do UBND tỉnh quản lý, trực tiếp là sở GD&ĐT. Ngoài ra, một số cơ sở đào tạo, như trung tâm dạy nghề, trung tâm GDTX cấp huyện do UBND cấp huyện quản lý, trực tiếp là phòng GD&ĐT cấp huyện; các trường trung cấp, cao đẳng và đại học của tỉnh do UBND tỉnh quản lý, trực tiếp là sở GD&ĐT.

2.1.1.3. Vai trò của giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng

Một là, là yếu tố trọng trọng hàng đầu trong chủ trương, chính sách phát triển mọi mặt của tỉnh; GD&ĐT cùng với khoa học và công nghệ là nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội của các tỉnh vùng này.

Hai là, là nhân tố rất quan trọng trong xây dựng, phát triển văn hóa ở các tỉnh, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc là nền tảng tinh thần của xã hội ta.

Ba là, là cơ sở, tiền đề của sự phát triển khoa học và công nghệ ở các tỉnh, góp phần phát triển khoa học và công nghệ của đất nước; hội nhập quốc tế đạt hiệu quả về khoa học và công nghệ.

Bốn là, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ CBĐV của các tổ chức trong HTCT của tỉnh, để các tổ chức này, vững mạnh đáp ứng yêu cầu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của đảng bộ tỉnh.

2.1.1.4. Đặc điểm của giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng

Một là, phát triển khá đồng đều, được sự hợp tác, giúp đỡ của các trường đại học, viện nghiên cứu lớn có chất lượng cao và uy tín ở Thủ đô Hà Nội, một trung tâm GD&ĐT lớn nhất nước ta.

Giáo dục và đào tạo ở các tỉnh ĐBSH phát triển khá đều và vào loại phát triển nhất so với các tỉnh trong cả nước. Ở ĐBSH có Thủ đô Hà Nội - trái tim của nước ta, là trung tâm lớn về văn hóa, GD&ĐT, tác động và chi phối mạnh mẽ sự phát triển mọi mặt của các tỉnh trong vùng, trong đó có GD&ĐT. Đặc biệt, ở Thủ đô Hà Nội có nhiều cơ sở GD&ĐT lớn, có chất lượng cao và có uy tín, đội ngũ giáo viên, giảng viên có trình độ cao, tạo thuận lợi lớn cho người dân trong vùng, nhất là thế hệ trẻ học tập, rèn luyện để có trình độ, chuyên môn, tay nghề cao, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Các trường đại học, viện nghiên cứu ở Hà Nội đã phối hợp giúp đỡ, tạo thuận lợi cho GD&ĐT ở các tỉnh phát triển.

Hai là, được tiến hành ở một trung tâm GD&ĐT lớn nhất ở nước ta, có chiều dài lịch sử lâu dài, kinh nghiệm phong phú, việc dạy và học được thực hiện chặt chẽ, truyền thống thi cử nghiêm ngặt.

Đồng bằng sông Hồng là trung tâm GD&ĐT lớn nhất nước ta, được hình thành lâu đời trong các triều đại phong kiến trước đây và liên tục phát triển; việc dạy và học được thực hiện chặt chẽ, đặc biệt chế độ thi cử được thực hiện nghiêm ngặt. Nơi đây, có Văn Miếu - Quốc Tử Giám, trường đại

học đầu tiên ở nước ta được thành lập ở Hà Nội trong những thập niên 70 của thế kỷ XI, thời Lý Thánh Tông và luôn được các triều đại phong kiến coi trọng cải cách, phát triển, đúc rút được những kinh nghiệm quý về dạy và học. Điều này, tác động mạnh mẽ và chi phối sự phát triển của GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH. Các tỉnh thừa hưởng và tiếp nhận kinh nghiệm, sự hỗ trợ to lớn đó để phát triển GD&ĐT.

Ba là, được thừa hưởng và tiếp nhận những giá trị văn hóa của một vùng là cội nguồn của văn hóa Việt Nam, nơi lưu truyền và phát triển nhiều giá trị văn hóa của dân tộc trong quá trình phát triển, là yếu tố rất quan trọng tạo nên chất lượng GD&ĐT của các tỉnh vùng này.

Đồng bằng sông Hồng là vùng văn hóa phát triển mạnh mẽ nhất nước ta, nơi đây là cội nguồn của nền văn hóa Việt Nam, nơi hình thành, phát triển, lưu truyền những giá trị văn hóa độc đáo của dân tộc, góp phần quan trọng hình thành những đặc trưng văn hóa của dân tộc Việt Nam. Giáo dục và đào tạo ở các tỉnh được tiến hành ở vùng này, được thừa hưởng và tiếp nhận những giá trị văn hóa đặc sắc đó, là yếu tố rất quan trọng tạo nên chất lượng GD&ĐT của các tỉnh.

Bốn là, người học ở các tỉnh vùng ĐBSH có truyền thống hiếu học, kiên trì vượt qua khó khăn, gian khổ để học tập, tiến bộ; nhân dân ở các tỉnh có trình độ văn hóa vào loại cao nhất nước, luôn coi trọng việc học tập của con em, tích cực tham gia các hoạt động GD&ĐT.

Người học ở các tỉnh vùng ĐBSH có truyền thống hiếu học, tôn sư, trọng đạo được cả nước thừa nhận; luôn kiên trì, khắc phục, vượt qua khó khăn để học tập, tiến bộ. Nhân dân ở các tỉnh có trình độ văn hóa vào loại cao nhất nước được đông đảo nhân dân cả nước thừa nhận, suy tôn và trước đây thường gọi là “sĩ phu Bắc Hà”. Nhân dân luôn coi trọng việc học tập của con em, tích cực tham gia các hoạt động GD&ĐT ở địa phương; các cấp ủy, chính quyền ở các tỉnh luôn coi trọng việc lãnh đạo, chỉ đạo GD&ĐT, cùng nhân

tháo gỡ khó khăn, duy trì và bảo đảm việc học hành của con em trong hòa bình cũng như trong thời chiến. Dù khó khăn gian khổ, đói, rét, chiến tranh ác liệt việc học tập của con em vẫn được các cấp ủy, chính quyền và nhân dân coi trọng và duy trì.

Năm là, đang được đổi mới mạnh mẽ về nội dung chương trình, đa dạng về loại hình, cấp bậc, lĩnh vực đào tạo, nâng cao chất lượng, góp phần vào việc hội nhập quốc tế về GD&ĐT của nước ta.

Trong thời kỳ đổi mới, nhất là trong những năm gần đây, trước sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) với những thành tựu mới, công nghệ hiện đại. Giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng ĐBSH từng bước đổi mới và phát triển khá mạnh mẽ về mạng lưới GD&ĐT, nhất là mạng lưới giáo dục phổ thông, đa dạng về loại hình, lớp học, cấp học, số lượng và chất lượng giáo viên, giảng viên, cơ sở vật chất và xây dựng môi trường dạy và học, số lượng và chất lượng, học sinh, sinh viên, người học nghề, chất lượng dạy và học... phục vụ đắc lực công cuộc đổi mới trên địa bàn các tỉnh. Qua đó, góp phần quan trọng vào việc hội nhập quốc tế về GD&ĐT của nước ta.

2.2.2. Công tác giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng - khái niệm, nội dung

2.2.2.1. Khái niệm công tác giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng

Để đi đến khái niệm “Công tác giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng ĐBSH” cần làm rõ khái niệm “công tác”. Theo “Sách tra cứu các mục từ về tổ chức”: “Công tác là công việc của tổ chức, cơ quan, đơn vị (đảng, nhà nước, đoàn thể, đơn vị kinh tế, sự nghiệp...) cùng nhau thực hiện hoặc giao cho từng thành viên trong tổ chức, cơ quan, đơn vị đó thực hiện” [105, tr.174].

Từ khái niệm “Công tác” và khái niệm “Giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng” đi đến khái niệm: *Công tác giáo dục và đào tạo*

ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng là công việc của các tổ chức trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở về giáo dục và đào tạo; do các tổ chức này thực hiện, nòng cốt và chủ yếu là chính quyền từ tỉnh đến cấp xã dưới sự chỉ đạo của chính quyền tỉnh, với sự tham gia của các tổ chức có liên quan và nhân dân địa phương tác động có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất, dạy dỗ, rèn luyện con em ở từng tỉnh để họ dần dần có được những phẩm chất và năng lực theo yêu cầu đề ra; trở thành người có tri thức, nghề nghiệp đáp ứng những công việc cần thiết của họ, của cơ quan, đơn vị, địa phương, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chủ thể công tác GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH: HĐND và UBND tỉnh, trực tiếp và thường xuyên là UBND tỉnh; ở cấp huyện là HĐND, UBND cấp huyện dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh.; ở cấp xã là HĐND, UBND cấp xã dưới sự chỉ đạo của UBND cấp huyện

Những công việc về GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH chủ yếu và nòng cốt do chính quyền tỉnh, cấp huyện, cấp xã và các trường, cơ sở đào tạo trong tỉnh thực hiện dưới sự chỉ đạo của chính quyền tỉnh, gồm; HĐND và UBND tỉnh.

Lực lượng tham gia công tác GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH: các tổ chức trong HTCT tỉnh, các tổ chức có liên quan và nhân dân địa phương. Trong đó, lực lượng chủ yếu tham gia là các tổ chức trọng HTCT từ tỉnh đến cơ sở và nhân dân địa phương. Các tổ chức này và nhân dân địa phương tham gia công tác GD&ĐT ở các tỉnh, chủ yếu ở: việc tham gia xây dựng và hoạt động phục vụ việc học và dạy của các trường thuộc hệ thống giáo dục phổ thông; thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục của Đảng; phối hợp với nhà trường thực hiện nguyên lý giáo dục: "...học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội" [101].

Lãnh đạo công tác GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH là tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên là BTVTU; ở cấp xã, cấp huyện là cấp ủy cấp xã, cấp huyện dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy.

2.2.2.2. Nội dung công tác giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng

Một là, chính quyền tỉnh xây dựng các nghị quyết, quyết định, chương trình kế hoạch tác công tác GD&ĐT của tỉnh để tổ chức thực hiện.

Chính quyền tỉnh quán triệt sâu sắc đường lối, các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về GD&ĐT, nhiệm vụ, giải pháp của đại hội đảng bộ tỉnh và các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về GD&ĐT, HĐND tỉnh xây dựng các nghị quyết, quyết định của mình về công tác GD&ĐT để triển khai thực hiện.

Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh cụ thể hóa các nghị quyết, quyết định của HĐND tỉnh về công tác GD&ĐT, xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án công tác GD&ĐT của UBND tỉnh để thực hiện trong toàn tỉnh.

Nội dung của chương trình, kế hoạch, đề án công tác GD&ĐT của UBND tỉnh gồm những công việc chủ yếu, như: xây dựng mạng lưới GD&ĐT; xây dựng cơ quan, đội ngũ cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên, giảng viên của các trường học, cơ sở đào tạo ở tỉnh; thực hiện chương trình, kế hoạch GD&ĐT và quản lý nhà nước mọi hoạt động GD&ĐT theo quy định của Nhà nước; củng cố, xây dựng và nâng cấp cơ sở vật chất của trường học, cơ sở đào tạo; xây dựng môi trường học và dạy trong các trường học và cơ sở đào tạo; phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong GD&ĐT; thực hiện chủ trương của Đảng về xã hội hóa GD&ĐT, nhất là giáo dục phổ thông...

Hai là, UBND tỉnh triển khai tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án công tác GD&ĐT với những nội dung chủ yếu nêu trên.

Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án công tác GD&ĐT trên địa bàn tỉnh; đồng thời chỉ đạo UBND cấp huyện xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án công tác GD&ĐT của UBND cấp huyện trên cơ sở chương trình, kế hoạch, đề án công tác GD&ĐT của UBND tỉnh để thực hiện trên địa bàn cấp huyện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Ba là, UBND tỉnh phối hợp với MTTQ, các tổ chức CT-XH của tỉnh và các tổ chức có liên quan trọng thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án công tác GD&ĐT của UBND tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì và chủ động trong việc phối hợp với MTTQ, các tổ chức CT-XH của tỉnh và các tổ chức có liên quan trọng thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án công tác GD&ĐT của UBND tỉnh; xây dựng quy định về sự phối hợp và duy trì việc thực hiện.

Bốn là, UBND tỉnh tiến hành sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác GD&ĐT của tỉnh và chỉ đạo UBND cấp huyện tiến hành công việc này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án công tác GD&ĐT, UBND tỉnh định kỳ sơ kết công việc này và duy trì thành nề nếp việc tổng kết đúc rút kinh nghiệm. Đồng thời, UBND tỉnh chỉ đạo UBND cấp huyện sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm công tác GD&ĐT của UBND cấp huyện. Qua đó, chỉ ra ưu điểm, khuyết điểm trong công tác GD&ĐT; xác định nguyên nhân, chỉnh sửa, bổ sung để chương trình, kế hoạch, đề án công tác GD&ĐT của UBND tỉnh hoàn thiện hơn.

2.3. TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - KHÁI NIỆM, NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC VÀ VAI TRÒ

2.3.1. Khái niệm tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng lãnh đạo công tác giáo dục và đào tạo

Cuốn sách “350 thuật ngữ Xây dựng Đảng” chỉ rõ:

Lãnh đạo là khái niệm phản ánh quá trình hoạt động của con người, trong đó, chủ thể lãnh đạo xác định, chủ trương, biện pháp hành động và tổ chức động viên, thuyết phục đối tượng lãnh đạo phát huy nguồn lực, tiềm năng sáng tạo nhằm thực hiện những mục tiêu, biện pháp hành động mà chủ thể lãnh đạo vạch ra, đồng thời kiểm tra, giám sát việc thực hiện đó [188, tr.304].

Như vậy, trong lãnh đạo có chủ thể lãnh đạo; đối tượng lãnh đạo. Lãnh đạo gồm hai việc lớn: *Một là*, xác định những việc phải làm thường được hiểu là nội dung lãnh đạo. *Hai là*, xác định cách làm để những nội dung lãnh đạo được thực hiện thắng lợi, thường được hiểu là PTLĐ. Phương thức lãnh đạo gồm nhiều phương thức cụ thể tùy theo nội dung lãnh đạo và điều kiện cụ thể thực hiện việc lãnh đạo. Trong các PTLĐ cụ thể, kiểm tra giám sát là một PTLĐ rất quan trọng, bao gồm: kiểm tra, giám sát việc xác định nội dung lãnh đạo có đúng đắn, chính xác, khả thi không và quan trọng hơn là kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Trong tác phẩm nổi tiếng của mình - “Sửa đổi lối làm việc” - Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ hơn khái niệm lãnh đạo đúng của Đảng và luận giải sâu sắc những điều nêu trên. Người viết:

Lãnh đạo đúng nghĩa là thế nào? Có nhiên, không phải cứ ngồi trong phòng giấy mà viết kế hoạch, ra mệnh lệnh.

Lãnh đạo đúng nghĩa là:

Phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng. Mà muốn thế thì nhất định phải so sánh kinh nghiệm của dân chúng. Vì dân chúng chính là những người chịu đựng cái kết quả của sự lãnh đạo của ta.

Phải tổ chức sự thi hành cho đúng. Mà muốn vậy, không có dân chúng giúp sức thì không xong.

Phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được [86, tr.325].

Đồng thời, Người nhấn mạnh:

Những người lãnh đạo chỉ trông thấy một mặt của công việc, của sự thay đổi của mọi người: trông từ trên xuống. Vì vậy, sự trông thấy có hạn. Trái lại, dân chúng trông thấy công việc, sự thay đổi của mọi người, một mặt khác: họ trông thấy từ dưới lên. Nên sự trông thấy cũng có hạn. Vì vậy, muốn giải quyết vấn đề cho đúng, ắt phải hợp kinh nghiệm cả hai bên lại. Muốn như thế, người lãnh đạo ắt phải có mối liên hệ chặt chẽ giữa mình với các tầng lớp người, với dân chúng [86, tr.325-326].

Như vậy, cùng với việc chỉ ra cách hiểu về sự lãnh đạo của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng chỉ ra những nội dung chủ yếu của sự lãnh đạo, gồm: ra các nghị quyết, quyết định; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định đó; tiến hành kiểm tra giám sát để các nghị quyết, quyết định được thực hiện thắng lợi, kiểm tra, giám sát việc ra các nghị quyết, quyết định, tổ chức thực hiện. Đây cũng là các bước, quy trình của sự lãnh đạo của Đảng, là một bộ phận rất quan trọng của cách lãnh đạo của Đảng hay PTLĐ của Đảng. Đặc biệt, trong cách lãnh đạo của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh phải dựa vào kinh nghiệm của nhân dân; kết hợp chặt chẽ kinh nghiệm của người lãnh đạo với kinh nghiệm của nhân dân. Đây là một trong những nhân tố rất quan trọng quyết định chất lượng, hiệu quả của sự lãnh đạo của Đảng.

Đặc biệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra và luận giải sâu sắc tính nghệ thuật của sự lãnh đạo của Đảng. Trong tác phẩm “Đường cách mệnh”. Người coi Đảng lãnh đạo cách mạng như người cầm lái “con thuyền cách mạng”. Đảng có trí tuệ, kinh nghiệm; bản lĩnh; kiên định mục tiêu và con đường đi đến mục tiêu đó; bình tĩnh, sáng suốt, linh hoạt đưa “con thuyền cách mạng” vượt qua những thác ghềnh, khó khăn, phức tạp đi đến mục tiêu đã xác định. Đây là nghệ thuật lãnh đạo của Đảng. Người viết: “Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy” [85, tr.289].

Từ những điều nêu trên, có thể hiểu: sự lãnh đạo của Đảng là toàn bộ hoạt động của Đảng, trực tiếp và thường xuyên là hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư với sự tham gia của các tổ chức đảng, đội ngũ CBDV, các tổ chức trong HTCT và nhân dân trong xây dựng, ban hành các nghị quyết, quyết định của Đảng, tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, tiến hành công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động ấy, để các nghị quyết, quyết định của Đảng được thực hiện thắng lợi, từng bước thực hiện thắng lợi mục tiêu cao cả của Đảng và nhân dân là dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta và bảo vệ vững chắc Tổ quốc,

Trên cơ sở khái niệm “sự lãnh đạo của Đảng” có thể nêu khái niệm: *Tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng lãnh đạo công tác giáo dục và đào tạo là toàn bộ hoạt động của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy với sự tham gia của các tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh; các tổ chức trong hệ thống chính trị, các tổ chức, lực lượng có liên quan và nhân dân tỉnh, nhất là chính quyền tỉnh và các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trong việc xây dựng, ban hành các nghị quyết của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về công tác giáo dục và đào tạo; lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện và tiến hành công tác kiểm tra, giám sát nhằm thực hiện thắng lợi các nghị quyết ấy.*

Chủ thể lãnh đạo công tác GD&ĐT: là tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên và BTVTU.

Lực lượng tham gia hoạt động lãnh đạo công tác GD&ĐT của tỉnh ủy gồm: các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc của tỉnh ủy, nhất là ban tuyên giáo, ban tổ chức tỉnh ủy.

Đối tượng lãnh đạo của tỉnh ủy trong công tác GD&ĐT: chính quyền tỉnh, gồm Hội đồng nhân dân (HĐND) và Ủy ban nhân (UBND) tỉnh. Trong đó, HĐND tỉnh xây dựng ban hành các nghị quyết cụ thể hóa, thể chế hóa

ng nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT; UBND tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án... thực hiện nghị quyết của HĐND về công tác GD&ĐT và triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh; thực hiện quản lý nhà nước mọi hoạt động GD&ĐT trên địa bàn tỉnh.

Lực lượng tham gia lãnh đạo công tác GD&ĐT của tỉnh ủy ở vùng ĐBSH, gồm: các cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ CBDV đảng bộ tỉnh; các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy; các tổ chức trong HTCT, các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức, lực lượng có liên quan và nhân dân tỉnh; nòng cốt là các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực GD&ĐT, như: chính quyền tỉnh, sở GD&ĐT; sở khoa học và công nghệ; hệ thống các trường mầm non, giáo dục phổ thông; trường đại học, cao đẳng; GDTX, dạy nghề, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của tỉnh...

2.2.3.2. Nội dung lãnh đạo của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng đối với công tác giáo dục và đào tạo

Ở trên đã nêu cách hiểu về nội dung lãnh đạo: là những việc phải làm trong hoạt động của chủ thể lãnh đạo. Với nghĩa đó, nội dung tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT được hiểu là những công việc tỉnh phải thực hiện trong lĩnh vực GD&ĐT cùng các lực lượng tham gia thực hiện công việc này, để công tác GD&ĐT đạt chất lượng, hiệu quả; GD&ĐT ở các tỉnh phát triển; tỉnh ủy lãnh đạo công tác GD&ĐT đạt kết quả tốt. Nội dung tỉnh ủy lãnh đạo công tác GD&ĐT được xác định chủ yếu từ nội dung của nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT và điều kiện cụ thể của lĩnh vực GD&ĐT. Nội dung ấy, gồm:

Một là, tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành các nghị quyết về công tác GD&ĐT cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp về công tác GD&ĐT trong nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại (năm 2020-2025), định hướng giải pháp thực hiện những nội dung công tác GD&ĐT.

Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo việc quán triệt các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác GD&ĐT; nhiệm vụ, giải pháp về công tác GD&ĐT thể hiện trong nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ hiện tại, tiến hành xây dựng, ban hành nghị quyết cụ thể hóa nghị quyết, nhiệm vụ, giải pháp ấy; xây dựng chương trình hành động của đảng bộ tỉnh thực hiện các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT.

Nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT đã được xây dựng và ban hành, tập trung vào việc định hướng nhiệm vụ, giải pháp thực hiện những nội dung công tác GD&ĐT.

Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy trực thuộc, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy cấp huyện tiến hành quán triệt, xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT trong đảng bộ trực thuộc, nhất là đảng bộ cấp huyện.

Hai là, tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo đảng đoàn HĐND, ban cán sự đảng UBND tỉnh về lãnh đạo HĐND, UBND tỉnh cụ thể hóa, thể chế hóa nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo đảng đoàn HĐND về lãnh đạo HĐND tỉnh xây dựng nghị quyết của HĐND về cụ thể hóa, thể chế hóa nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT. Tỉnh ủy, BTVTU tập trung chỉ đạo việc chuẩn bị chu đáo những vấn đề trọng yếu cần thảo luận trong hội nghị HĐND tỉnh bàn bạc, thảo luận và quyết định nghị quyết của HĐND tỉnh về cụ thể hóa, thể chế hóa nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT. Trong đó, cần xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của chính quyền tỉnh về thực hiện nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT; định hướng mục tiêu nhiệm vụ, giải pháp của chính quyền cấp

huyện, cấp xã về thực hiện nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT.

Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo ban cán sự đảng UBND tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án thực hiện nghị quyết của HĐND về công tác GD&ĐT. Hội đồng nhân dân tỉnh, kiểm tra, giám sát UBND tỉnh về thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh về công tác GD&ĐT, coi trọng phát hiện nhân tố mới, cách làm đem lại hiệu quả, tập thể, cá nhân tiên tiến để khẳng định và tạo thuận lợi cho tập thể, cá nhân ấy phát triển. Đồng thời, HĐND tỉnh tăng cường công tác kiểm tra, giám sát UBND tỉnh về thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh về công tác GD&ĐT, phát hiện những vấn đề mới nảy sinh ngoài dự kiến, những khó khăn, vướng mắc để có chủ trương, giải pháp giải quyết, tháo gỡ; những sai phạm để ngăn chặn, xử lý kịp thời, nghiêm minh, thỏa đáng để UBND tỉnh thực hiện tốt nghị quyết của HĐND tỉnh về công tác GD&ĐT.

Ba là, tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý, cơ sở GD&ĐT có chất lượng, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, phục vụ công tác GD&ĐT và đội ngũ giảng viên đủ phẩm chất, năng lực, uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo, chỉ đạo việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý, trường học, cơ sở GD&ĐT của tỉnh có chất lượng đáp ứng tốt yêu cầu thực hiện chức năng nhiệm vụ của từng cơ quan, trường học, cơ sở GD&ĐT theo quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII của Đảng “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và nhiệm vụ, giải pháp về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT do Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng xác định.

Trước hết, tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn chỉnh chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan quản lý, trường học, cơ sở GD&ĐT của tỉnh, khắc phục những điểm chồng chéo... làm cơ sở cho việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan, trường học, cơ sở đào tạo theo Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII nêu trên, bảo đảm cho các cơ quan, tổ chức này tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

Trên cơ sở việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý, trường học, cơ sở GD&ĐT và chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức này, tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các khâu của công tác cán bộ, công chức. Qua đó, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức của các cơ quan quản lý, trường học, cơ sở GD&ĐT có chất lượng đáp ứng yêu cầu thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, trường học, cơ sở GD&ĐT, sau khi được đổi mới, sắp xếp. Tiến hành các khâu của công tác cán bộ, công chức, theo nhiệm vụ, giải pháp do Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII của Đảng “về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ” và của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về cán bộ.

Bốn là, tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy cấp huyện, các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan về việc các cấp ủy, tổ chức đảng ấy, lãnh đạo công tác GD&ĐT thuộc chức năng, nhiệm vụ, phạm vi lãnh đạo của mình.

Ở cấp huyện của tỉnh ở vùng ĐBSH đều có cơ quan quản lý GD&ĐT là phòng GD&ĐT và trường mẫu giáo, tiểu học, THCS, trung tâm GDTX, các cơ sở dạy nghề. Cấp ủy cấp huyện có chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức và hoạt động của các cơ quan, trường học và các cơ sở này.

Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy cấp huyện về lãnh đạo, chỉ đạo công tác giáo dục mầm non, tiểu học, THCS, công tác GDTX, đào tạo, bồi dưỡng

ngành trên địa bàn cấp huyện; lãnh đạo công tác giáo dục THPT. Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo đảng ủy khối các cơ quan, doanh nghiệp tỉnh về lãnh đạo công tác đào tạo của tỉnh.

Năm là, tỉnh ủy lãnh đạo sự phối hợp giữa chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức có liên quan và nhân dân địa phương trong tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.

Chính quyền tỉnh là lực lượng chủ yếu, nòng cốt tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác GD&ĐT và quản lý nhà nước về GD&ĐT trên địa bàn tỉnh. Công tác GD&ĐT liên quan trực tiếp đến các tổ chức CT-XH tỉnh, tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp và nhân dân tỉnh. Tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT là trách nhiệm và quyền lợi của các tổ chức này. Để các tổ chức này và nhân dân tham gia đạt hiệu quả vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT phải có sự phối hợp chặt chẽ, trong đó chính quyền tỉnh là lực lượng nòng cốt, tỉnh ủy là lực lượng lãnh đạo, chỉ đạo thích hợp, hiệu quả nhất sự phối hợp các tổ chức này và nhân dân tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.

Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và thực hiện quy chế hoặc những quy định về phối hợp giữa chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức có liên quan và nhân dân; duy trì thành nề nếp việc kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết hoạt động phối hợp và việc thực hiện quy chế phối hợp; đúc rút kinh nghiệm, chỉnh sửa, bổ sung những điểm mới để quy chế phối hợp hoàn chỉnh hơn.

2.2.3.3. Phương thức lãnh đạo của các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng đối với công tác giáo dục và đào tạo

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) chỉ rõ các PTLĐ chủ yếu của Đảng:

Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Đảng thường xuyên nâng cao năng lực cầm quyền và hiệu quả lãnh đạo, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị [34, tr.88-89].

Cuốn sách “350 thuật ngữ Xây dựng Đảng” chỉ ra cụ thể PTLĐ của Đảng hợp lý, trong đó có nhiều phương thức cụ thể, hợp lý: “Phương thức lãnh đạo của Đảng là hệ thống các hình thức, phương pháp, biện pháp, quy trình, lề lối làm việc, tác phong công tác mà chủ thể lãnh đạo sử dụng để tác động vào đối tượng lãnh đạo làm cho nội dung lãnh đạo của chủ thể trở thành hiện thực” [188, tr.352].

Từ những điều nêu trên có thể nêu khái niệm: PTLĐ công tác GD&ĐT của tỉnh ủy ở vùng ĐBSH là hệ thống hình thức, phương pháp, cách thức, quy chế, quy định, quy trình, phong cách, lề lối làm việc... tỉnh ủy sử dụng để tác động vào các cơ quan quản lý, các trường học, cơ sở GD&ĐT, các tổ chức, lực lượng tham gia công tác GD&ĐT của tỉnh nhằm thực hiện thắng lợi nội dung lãnh đạo công tác GD&ĐT của tỉnh ủy.

Phương thức lãnh đạo công tác GD&ĐT của tỉnh ủy ở vùng ĐBSH, gồm:

Một là, tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT bằng các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT.

Các nghị quyết, quyết định về công tác GD&ĐT của tỉnh ủy, gồm: nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU. Nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy về

công tác GD&ĐT thường là những nghị quyết tổng thể, nghị quyết lớn về công tác GD&ĐT. Nghị quyết, quyết định của BTVTU về công tác GD&ĐT thường là những vấn đề về từng mặt, bộ phận, những vấn đề đang nổi lên cần giải quyết trong công tác GD&ĐT trên địa bàn tỉnh, như: kiện toàn tổ chức bộ máy các trường học, cơ sở GD&ĐT; nâng cao chất lượng GD&ĐT; xã hội hóa GD&ĐT...

Nội dung các nghị quyết, quyết định về công tác GD&ĐT của tỉnh ủy thường về quán triệt, xây dựng chương trình hành động của đảng bộ tỉnh thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đảng về công tác GD&ĐT được Đảng ban hành trong nhiệm kỳ hiện tại. Ngoài ra, tỉnh ủy còn lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy về cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp về công tác GD&ĐT trong nghị quyết đại hội đại biểu nhiệm kỳ hiện tại và tổ chức thực hiện. Qua thực hiện các nghị quyết, quyết định này, nếu tỉnh ủy nhận thấy không cần ban hành nghị quyết, quyết định mới, tỉnh ủy ban hành kết luận về nghị quyết, quyết định đó, để tiếp tục thực hiện.

Trong quá trình lãnh đạo công tác GD&ĐT, tỉnh ủy dựa chắc vào những nghị quyết, quyết định đó để lãnh đạo. Điều này, bảo đảm cho việc lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT cụ thể, sát thực tiễn, thiết thực, không chung chung, tránh tình trạng lãnh đạo, chỉ đạo chủ quan, theo ý kiến cá nhân của tỉnh ủy viên và ủy viên BTVTU.

Hai là, bằng việc lãnh đạo, chỉ đạo phát huy vai trò của UBND tỉnh trong thực hiện chức năng tổ chức và quản lý nhà nước mọi hoạt động GD&ĐT trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức mọi hoạt động GD&ĐT trên địa bàn tỉnh là chức năng, nhiệm vụ của UBND tỉnh dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên là BTVTU và việc chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của HĐND tỉnh. UBND tỉnh triển khai tổ chức thực hiện những nội dung công tác GD&ĐT, coi trọng

phát triển mạng lưới giáo dục, nâng cao chất lượng GD&ĐT, từng bước tự chủ về GD&ĐT...

Quản lý nhà nước về GD&ĐT là chức năng, nhiệm vụ chủ yếu và trách nhiệm của UBND tỉnh. Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo ban cán sự đảng và các cấp ủy trong các cơ quan của UBND tỉnh phát huy vai trò của các cơ quan này trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về GD&ĐT trên địa bàn tỉnh theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về GD&ĐT; phòng ngừa, ngăn chặn và loại trừ kịp thời, hiệu quả những vi phạm trong GD&ĐT. Đồng thời, UBND tỉnh định hướng và hỗ trợ UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về GD&ĐT ở địa phương theo phân cấp của Nhà nước và sự lãnh đạo của cấp ủy cấp huyện, cấp xã.

Ba là, bằng các hoạt động tuyên truyền vận động, thuyết phục CBDV, các tổ chức và nhân dân tỉnh nhận thức sâu sắc nội dung các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU và của HĐND, UBND tỉnh về công tác GD&ĐT; tạo đồng thuận cao trong thực hiện các nghị quyết, quyết định này.

Tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT bằng việc thực hiện những công việc nêu trên, về thực chất đó là việc tiến hành công tác tư tưởng của tỉnh ủy. Đây là một bộ phận rất quan trọng trong công tác tư tưởng của tỉnh ủy, bao gồm việc tiến hành những hoạt động này trong các tổ chức đảng, đội ngũ CBDV và trong các tổ chức của HTCT, các tổ chức khác và trong nhân dân địa phương. Song, điều quan trọng hàng đầu là tuyên truyền vận động, thuyết phục CBDV, các tổ đảng, nhất là các cấp ủy, cán bộ chủ chốt, người đứng đầu tổ chức đảng về những nội dung nêu trên. Từ đó, các cấp ủy, tổ chức đảng, CBDV lại là lực lượng rất quan trọng tiến hành công việc này trong các tổ chức của HTCT, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức khác và nhân dân địa phương, tạo nhận thức sâu sắc và sự đồng thuận cao trong thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU và chính quyền tỉnh về công tác GD&ĐT.

Bốn là, bằng công tác tổ chức, cán bộ của các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học và cơ sở GD&ĐT của tỉnh.

Tỉnh ủy xây dựng và ban hành các nghị quyết, quyết định về tổ chức máy của các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học và các cơ sở GD&ĐT của tỉnh. Trong đó, trọng tâm là việc tỉnh ủy quyết định chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, trường học và các cơ sở GD&ĐT; cơ cấu tổ chức của từng tổ chức, cơ quan này, một cách đúng đắn, khoa học, tinh gọn, bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả trong công tác GD&ĐT. Bằng việc này, các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học và các cơ sở GD&ĐT bảo đảm cho việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện thắng lợi các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT; bảo đảm cho tỉnh ủy lãnh đạo công tác GD&ĐT đạt chất lượng, hiệu quả.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học, các cơ sở GD&ĐT của tỉnh đã được quyết định, tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các khâu của công tác cán bộ đối với đội ngũ cán bộ, công chức các cơ quan này, gồm: xác định tiêu chuẩn, tạo nguồn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý trong quy hoạch và đương chức; quản lý, đánh giá, kiểm tra, giám sát, sử dụng cán bộ, thực hiện chính sách cán bộ... Qua đó, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức của các cơ quan này có chất lượng tốt, thực hiện thắng lợi chức trách, nhiệm vụ được giao. Bằng việc thực hiện tốt các khâu của công tác cán bộ của các cơ quan, tổ chức nêu trên, tỉnh ủy lãnh đạo công tác GD&ĐT đạt chất lượng, hiệu quả.

Năm là, thông qua các tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên và hành gương mẫu của đảng viên hoạt động trong các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học, các cơ sở GD&ĐT của tỉnh.

Trong các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học và các cơ sở GD&ĐT của tỉnh đều thành lập các tổ chức đảng theo quy định của Điều lệ

Đảng. Các tổ chức đảng có chức năng, nhiệm vụ cụ thể theo quy định của Đảng và chịu trách nhiệm lãnh đạo mọi hoạt động của các cơ quan, tổ chức này và bảo đảm cho hoạt động của các cơ quan, tổ chức này theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện thắng lợi các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT.

Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo xây dựng các tổ chức đảng trong các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học và các cơ sở GD&ĐT vững mạnh, có năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu cao; xây dựng đội ngũ đảng viên của các tổ chức đảng có chất lượng tốt, đáp ứng yêu cầu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ được giao. Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng cấp ủy, cán bộ chủ chốt của các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học và các cơ sở GD&ĐT có chất lượng, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hoàn thành tốt nhiệm vụ; đặc biệt coi trọng phát huy hành gương mẫu của đảng viên...

Sáu là, bằng việc phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức kinh tế và nhân dân địa phương tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.

Tỉnh ủy lãnh đạo đạt hiệu quả việc phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức kinh tế và nhân dân địa phương tham gia vào các hoạt động lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT. Trước hết, tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức này và nhân dân tham gia xây dựng các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT; quán triệt và thực hiện các nghị quyết đó; giám sát, phản biện xã hội đối với các chủ trương, quyết định của tỉnh ủy, chính quyền tỉnh về công tác GD&ĐT trước khi ban hành; tham gia xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức ngành GD&ĐT tỉnh; phát hiện, ngăn chặn các tiêu cực trong công tác GD&ĐT; góp ý kiến về sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT; tích cực tham gia các hoạt động xã hội hóa giáo dục...

Bảy là, bằng công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên trong đảng bộ tỉnh về thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT.

Tỉnh ủy lãnh đạo công tác GD&ĐT bằng phương thức này, thể hiện ở: tỉnh ủy, trực tiếp là BTVTU lãnh đạo UBKT tỉnh ủy, các cơ quan chuyên trách trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy tiến hành kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới, nhất là cấp huyện và cấp ủy, tổ chức đảng trong các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học và các cơ sở GD&ĐT về thực hiện chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo hoạt động của các cơ quan, trường học, cơ sở này. Đồng thời, tỉnh ủy tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động của các cấp ủy, tổ chức đảng, CBĐV về thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT. Tỉnh ủy coi trọng thực hiện công việc này, đối với các cấp ủy cấp huyện, cấp ủy, cán bộ chủ chốt trong các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học và các cơ sở GD&ĐT của tỉnh. Qua đó, khen thưởng, động viên kịp thời tổ chức, cá nhân có thành tích, phê phán và xử lý nghiêm minh, kịp thời những tập thể, cá nhân vi phạm.

Phương thức lãnh đạo công tác GD&ĐT của tỉnh ủy ở vùng ĐNSH quan hệ mật thiết với nội dung lãnh đạo công tác GD&ĐT của tỉnh ủy, thể hiện tập trung ở sự phù hợp giữa PTLĐ công tác GD&ĐT với nội dung lãnh đạo công tác GD&ĐT của tỉnh ủy, sẽ bảo đảm cho sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT đạt chất lượng, hiệu quả. Ngoài ra, nội dung lãnh đạo công tác GD&ĐT của tỉnh ủy là yếu tố cơ bản, chi phối, quy định và định hướng việc xác định PTLĐ công tác GD&ĐT của tỉnh ủy phù hợp với nội dung lãnh đạo công tác GD&ĐT của tỉnh ủy; song PTLĐ công tác GD&ĐT lại là yếu tố rất quan trọng bảo đảm cho nội dung lãnh đạo công tác GD&ĐT của tỉnh ủy thành hiện thực.

2.2.3.4. Vai trò của sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng đối với công tác giáo dục và đào tạo

Một là, sự lãnh đạo đúng đắn của tỉnh ủy là nhân tố quan trọng hàng đầu quyết định thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác GD&ĐT trên địa bàn tỉnh; nhiệm vụ, giải pháp về công tác GD&ĐT trong nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: “*Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam*” [34 tr.66]. Để đạt được điều này, Đảng phải được xây dựng vững mạnh về mọi mặt. Điều này khẳng định vai trò then chốt của công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ đổi mới hiện nay.

Ở các tỉnh vùng ĐBSH sự lãnh đạo đúng đắn của tỉnh ủy là nhân tố rất quan trọng bảo đảm cho công tác GD&ĐT trên địa bàn tỉnh, trước hết theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về GD&ĐT. Đồng thời, sự lãnh đạo ấy của tỉnh ủy là nhân tố rất quan trọng bảo đảm cho đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác GD&ĐT được thực hiện thắng lợi trên địa bàn tỉnh, góp phần quan trọng vào thành tựu lãnh đạo công tác GD&ĐT của Đảng trong cả nước.

Hai là, sự lãnh đạo đúng đắn, hiệu quả của tỉnh ủy ở ĐBSH đối với công tác GD&ĐT là nhân tố quan trọng hàng đầu quyết sự phát triển của lĩnh vực GD&ĐT của tỉnh.

Các tỉnh ủy ở ĐBSH trực tiếp tiếp nhận, quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về GD&ĐT, cụ thể hóa, xây dựng nghị quyết về GD&ĐT phù hợp với từng tỉnh và tổ chức hiện, bảo đảm cho công tác GD&ĐT của tỉnh phát triển đúng đắn theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về GD&ĐT đạt hiệu

qua. Đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật ấy của Đảng và Nhà nước là yếu tố đặc biệt quan trọng, là cơ sở để công tác GD&ĐT của tỉnh ngày càng phát triển vững chắc. Đây là điều kiện cần. Song, để công tác GD&ĐT của tỉnh phát triển vững chắc không thể thiếu sự lãnh đạo đúng đắn, đáng tạo, hiệu quả của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT. Thực tế lãnh đạo mọi mặt đời sống xã hội, nói chung, lãnh đạo công tác GD&ĐT của tỉnh, nói riêng của các tỉnh ủy ở ĐBSH đã khẳng định điều này.

Ba là, sự lãnh đạo đúng đắn của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với công tác GD&ĐT là cơ sở, yếu tố căn bản tạo thuận lợi và thúc đẩy các lĩnh vực khác của đời sống xã hội của tỉnh phát triển và sự phát triển, vững mạnh của tỉnh.

Lý luận và thực tiễn đều khẳng định, sự phát triển các lĩnh vực đời sống xã hội của tỉnh và sự phát triển vững mạnh của từng tỉnh đều liên quan trực tiếp và chịu sự tác động rất lớn của lĩnh vực GD&ĐT. Quan điểm nhất quán, xuyên suốt của Đảng là GD&ĐT cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Điều này, hoàn toàn đúng đắn và được thể hiện cụ thể, sinh động, thiết thực ở các địa phương trong cả nước, trong đó có các tỉnh ở ĐBSH. Song, GD&ĐT chỉ có thể thể hiện rõ vai trò của mình đối với sự phát triển của các lĩnh vực khác của đời sống xã hội của tỉnh và sự phát triển, vững mạnh của tỉnh; quan điểm nhất quán, xuyên suốt nêu trên của Đảng chỉ có thể được hiện thực hóa ở các tỉnh vùng ĐBSH khi được sự lãnh đạo đúng đắn, hiệu quả của các tỉnh ủy ở vùng này.

Bốn là, sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với công tác GD&ĐT bảo đảm sự phối hợp hoạt động đạt hiệu quả của các tổ chức trong HTCT, các tổ chức, lực lượng và nhân dân địa phương trong phát triển sự nghiệp GD&ĐT của tỉnh.

Phát triển sự nghiệp GD&ĐT của từng tỉnh ở ĐBSH trách nhiệm của các tổ chức trong HTCT, các tổ chức xã hội và toàn thể nhân dân ở từng tỉnh, trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về

GD&ĐT dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở từng tỉnh. Để sự nghiệp GD&ĐT của từng tỉnh phát triển, tỉnh ủy không thể không cổ vũ, động viên và huy động tổ chức trong HTCT, các tổ chức, lực lượng và nhân dân địa phương tham gia tích cực vào phát triển sự nghiệp GD&ĐT; đồng thời, tỉnh ủy phải lãnh đạo thực hiện tốt sự phối hợp các tổ chức, lực lượng này và nhân dân trong phát triển sự nghiệp GD&ĐT.

Với vai trò, trách nhiệm và uy tín chính trị của các tỉnh ủy ở ĐBSH, các tỉnh ủy có đủ phẩm chất, năng lực tập hợp các tổ chức trong HTCT, các lực lượng và nhân dân địa phương, lãnh đạo thực hiện tốt các tổ chức, lực lượng này và nhân dân tạo thành sức mạnh tổng hợp trong phát triển sự nghiệp GD&ĐT của tỉnh.

Tiểu kết chương 2

Tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT là toàn bộ hoạt động của tỉnh ủy, BTVTU với sự tham gia của các tổ chức đảng, đội ngũ CBDV của đảng bộ tỉnh; các tổ chức trong HTCT, các tổ chức, lực lượng có liên quan và nhân dân tỉnh, nhất là chính quyền tỉnh và các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực GD&ĐT của tỉnh trong việc xây dựng, ban hành các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT; lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện và tiến hành công tác kiểm tra, giám sát nhằm thực hiện thắng lợi các nghị quyết, quyết định ấy.

Để lãnh đạo công tác GD&ĐT, tỉnh ủy ở vùng ĐBSH cần xác định đúng các nội dung lãnh đạo và lựa chọn các phương thức lãnh đạo phù hợp. Nội dung tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT được hiểu là những công việc tỉnh phải thực hiện trong lĩnh vực GD&ĐT cùng các lực lượng tham gia thực hiện công việc này, để công tác GD&ĐT đạt chất lượng, hiệu quả; GD&ĐT ở các tỉnh phát triển; tỉnh ủy lãnh đạo công tác GD&ĐT đạt kết quả tốt. Nội dung tỉnh ủy lãnh đạo công tác GD&ĐT được xác định chủ yếu từ nội dung của nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT và điều kiện cụ thể của lĩnh vực GD&ĐT. Phương thức lãnh đạo công tác GD&ĐT của tỉnh ủy ở vùng ĐBSH là hệ thống hình thức, phương pháp, cách thức, quy chế, quy định, quy trình, phong cách, lề lối làm việc... tỉnh ủy sử dụng để tác động vào các cơ quan quản lý, các trường học, cơ sở GD&ĐT, các tổ chức, lực lượng tham gia công tác GD&ĐT của tỉnh nhằm thực hiện thắng lợi nội dung lãnh đạo công tác GD&ĐT của tỉnh ủy.

Chương 3

TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HIỆN NAY - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

3.1. THỰC TRẠNG TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HIỆN NAY

3.1.1. Ưu điểm

3.1.1.1. Ưu điểm về nội dung lãnh đạo

Một là, tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành các nghị quyết về công tác GD&ĐT cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp về công tác GD&ĐT trong nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại (năm 2020-2025), định hướng giải pháp thực hiện những nội dung công tác GD&ĐT tương đối kịp thời và phù hợp với thực tế địa phương.

Nhận thức đúng đắn vị trí, vai trò của công tác GD&ĐT, trong những năm qua, tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đã lãnh đạo thực hiện các nghị quyết, quyết định, kết luận của Đảng, nhiệm vụ, giải pháp về công tác GD&ĐT nghiêm túc, kịp thời, bài bản, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Kịp thời tổ chức học tập, quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện nền GD&ĐT trong HTCT, ngành GD&ĐT và toàn xã hội, nhất là việc thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Tỉnh ủy, BTVTU luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành các nghị quyết về công tác GD&ĐT cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp về công tác GD&ĐT trong nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XX nhiệm kỳ 2020-2025 tiếp tục khẳng định và phát triển những quan điểm mục tiêu của nhiệm kỳ trước và xác định phương hướng trong lĩnh vực GD&ĐT: Thực hiện hiệu quả việc đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục ở các cấp học; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Xây dựng lộ trình thực hiện Luật Giáo dục. Đổi mới cơ chế quản lý giáo dục gắn với đổi mới phương pháp giáo dục theo hướng dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến [...] Xây dựng đội ngũ nhà giáo có cơ cấu hợp lý, đạt chuẩn nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông mới. Chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và học theo chuẩn hóa. Đẩy mạnh xã hội hóa GD&ĐT, đa dạng hóa các loại hình đào tạo... [178, tr.12]. Đồng thời, Đảng bộ tỉnh Thái Bình xác định mục tiêu cho ngành GD&ĐT đến năm 2025: “Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 99% trở lên” [178, tr.5]. Đồng thời xác định các giải pháp cụ thể về đẩy mạnh chất lượng GD&ĐT trong toàn tỉnh cùng với thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển văn hóa - xã hội.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nam Định lần thứ XX nhiệm kỳ 2020-2025 nêu quan điểm chỉ đạo về GD&ĐT: Phát triển GD&ĐT theo hướng mở, hội nhập, phát triển toàn diện năng lực và thể chất, nhân cách, ý thức tôn trọng pháp luật và trách nhiệm công dân. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản và toàn diện GD&ĐT. Nâng cao chất lượng GD&ĐT gắn liền với nhu cầu phát triển KT-XH, tiến bộ khoa học công nghệ, với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực... [168, tr.44].

Trong lãnh đạo, tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSH luôn sâu sát cơ sở, nắm chắc tình hình, kịp thời có giải pháp với những vấn đề phát sinh, những khó khăn vướng mắc ở cơ sở. Từ đó ban hành nghị quyết chuyên đề, chương trình hành động về công tác GD&ĐT, trong đó xác định rõ quan điểm, mục tiêu xây dựng GD&ĐT phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương, đồng thời

đề ra nhiệm vụ, giải pháp thực hiện mục tiêu đã đề ra. Những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu được đề xuất như: Đổi mới căn bản và toàn diện GD&ĐT theo tinh thần Nghị quyết 29-NQ/TW, nâng cao chất lượng toàn diện giáo dục phổ thông; bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ nhà giáo đáp ứng Chương trình GDPT 2018, nâng cao chất lượng giáo dục Đại học tại các tỉnh trực thuộc Trung ương...

Số liệu điều tra cho thấy, có 93,99% ý kiến của CBDV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 78,70% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy, BTVTU đã thực hiện tốt nội dung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành các nghị quyết về công tác GD&ĐT cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp về công tác GD&ĐT trong nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại (năm 2020-2025), định hướng giải pháp thực hiện những nội dung công tác GD&ĐT [phụ lục 15, 16].

Hai là, tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo đảng đoàn HĐND, ban cán sự đảng UBND tỉnh về lãnh đạo HĐND, UBND tỉnh cụ thể hóa, thể chế hóa nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh cơ bản đầy đủ, kịp thời.

Trong thời gian qua, tỉnh ủy, BTVTU ở ĐBSH đã quan tâm, kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo đảng đoàn HĐND, ban cán sự đảng UBND tỉnh về lãnh đạo HĐND, UBND tỉnh cụ thể hóa, thể chế hóa nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh; yêu cầu đảng đoàn HĐND, ban cán sự đảng UBND tỉnh đã làm tốt vai trò, trách nhiệm, tham mưu tốt cho tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT. Các văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực giáo dục và đào tạo của HĐND, UBND được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành. Nội dung văn bản đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật [131, tr.2].

Căn cứ nghị quyết, chương trình, kế hoạch của tỉnh ủy, BTVTU, đảng đoàn HĐND tỉnh lãnh đạo HĐND tỉnh ban hành các nghị quyết xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ lãnh đạo công tác GD&ĐT và thực hiện nhiệm vụ giám sát việc thực hiện của UBND tỉnh; ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch và ban hành các quy định để thực hiện nghị quyết của tỉnh ủy, HĐND tỉnh liên quan đến công tác GD&ĐT.

Diễn hình như: năm học 2021-2022, HĐND tỉnh Ninh Bình đã ban hành 8 nghị quyết quy định chế độ, chính sách về giáo dục; UBND tỉnh ban hành 9 quyết định, 3 kế hoạch định hướng, chỉ đạo các hoạt động giáo dục trong toàn tỉnh. Trong đó, cần chú ý đến những nghị quyết có tính chiến lược đối với ngành GD&ĐT của tỉnh như Nghị quyết số 37/2021/NQ-HĐND ngày 29-07-2021 về việc ban hành quy định chính sách khuyến khích tài năng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Nghị quyết số 133/2021/NQ-HĐND ngày 10-12-2021 ban hành Quy định nội dung, mức kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông; Nghị quyết số 134/2021/NQ-HĐND ngày 10-12-2021 sửa đổi khoản 2 điều 1 Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND ngày 27-7-2021 Quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và GDTX từ năm học 2021-2022 của tỉnh Ninh Bình.

Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026.

Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Nghị quyết số 142/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 thông qua cơ chế thu và sử dụng mức

thu dịch vụ tuyển sinh trong các cơ sở giáo dục công lập do tỉnh Nam Định quản lý; Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 13/3/2024 về mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên do tỉnh Nam Định quản lý.

Dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy, UBND tỉnh ở vùng ĐBSH đã triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐND tỉnh bằng các chương trình, kế hoạch, quyết định thuộc thẩm quyền, chỉ đạo Sở GD&ĐT, UBND huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện để kịp thời phát huy hiệu lực, hiệu quả công tác GD&ĐT trong thực tiễn.

Tỉnh ủy ở vùng ĐBSH định hướng hoặc thông qua chương trình hành động, các chương trình, đề án cụ thể thực hiện các nghị quyết đặc biệt quan trọng của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và của tỉnh ủy liên quan đến trách nhiệm quản lý, điều hành của UBND tỉnh. Tỉnh ủy lãnh đạo UBND tỉnh chấp hành nghị quyết của HĐND tỉnh về phát triển GD&ĐT, định hướng công tác lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; công tác phòng, chống tham nhũng; công tác vận động quần chúng trong lĩnh vực GD&ĐT. Điển hình như:

Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 phê duyệt Đề án Phát triển Trường THPT Chuyên Vĩnh Phúc đến năm 2030; Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 10/5/2024 thực hiện Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 20/3/2024 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 686/NQ-UBTVQH15 ngày 18-9-2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát chuyên đề về việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo GDPT; Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 14/3/2024 về triển khai thực hiện Đề án “phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng 2 yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030” - năm 2024.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 05-01-2023 phê duyệt Đề án “Tu vấn học đường trong trường phổ thông trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025”; Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 25-5-2017 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển giáo dục đào tạo tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 29-12-2020 phê duyệt Đề án đào tạo, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 29-12-2020 ban hành lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học và THCS, giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 374/KH-UBND ngày 14/7/2022 thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên đã ban hành: Kế hoạch số 321/KH-UBND ngày 21-12-2016 về thực hiện Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, một số định hướng đến năm 2025; Kế hoạch số 09/KH-UBND về xây dựng trường mầm non, trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 97/KH-UBND về triển khai thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025” trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 30-3-2018 về thực hiện Nghị quyết số 19/NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 23-6-2014 về việc phê duyệt Đề án xây dựng xã hội học tập đến năm 2020; Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 23-12-2016 về quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 2001/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 về giao quyền tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở GDĐT giai đoạn 2023-2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 14-3-2021 về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2022- 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 10-6-2021 về phát triển GDĐT giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 18-10-2021 về việc ban hành Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý phổ thông công lập tỉnh Ninh Bình đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 170/KH-UBND ngày 22-10-2021 xây dựng trường THPT công lập đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025...

Trên cơ sở các nghị quyết, quyết định, chương trình, kế hoạch, đề án về công tác GD&ĐT của chính quyền tỉnh ở vùng ĐBSH, các cấp chính quyền và ngành giáo dục đã kịp thời ban hành các chương trình, kế hoạch cụ thể hóa thực hiện và triển khai đồng bộ trong đội ngũ nhà giáo và quản lý giáo dục; từ đó tạo sự chuyển biến rõ nét trong công tác đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT; các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển giáo dục được đưa vào chương trình, kế hoạch phát triển KT-XH của các địa phương.

Số liệu điều tra cho thấy, có 95,05% ý kiến của CBDV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 87,83% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy, BTVTU đã thực hiện tốt nội dung lãnh đạo, chỉ đạo đảng đoàn HĐND, ban cán sự đảng UBND tỉnh về lãnh đạo HĐND, UBND tỉnh cụ thể hóa, thể chế hóa nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh [phụ lục 15, 16].

Ba là, tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý, cơ sở GD&ĐT có chất lượng, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ

cán bộ lãnh đạo, quản lý, phục vụ công tác GD&ĐT và đội ngũ giảng viên đủ phẩm chất, năng lực, uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, nhìn chung tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH hoạt động đảm bảo hiệu quả. Tỉnh ủy lựa chọn và bố trí đúng các chức danh cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt ngành GD&ĐT tỉnh; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ; quản lý chặt chẽ toàn diện; kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ trong GD&ĐT. Tỉnh ủy yêu cầu Sở GD&ĐT là cơ quan chuyên môn lãnh đạo trực tiếp ngành GD&ĐT phải có chiến lược, mục tiêu cụ thể cho từng năm học và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất cho BTV tỉnh ủy. Tỉnh ủy yêu cầu các huyện ủy phải xác định rõ chỉ tiêu trong GD&ĐT của từng năm, từng nhiệm kỳ và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của huyện đó trong của đảng bộ huyện.

Tỉnh ủy ở vùng ĐBSH trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng tổ chức bộ máy cán bộ, công chức; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, xây dựng quy chế làm việc, xác định rõ trách nhiệm cá nhân và quyền hạn của các chức danh cán bộ lãnh đạo, nhất là người đứng đầu; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; tăng cường phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong chỉ đạo phát triển GD&ĐT của tỉnh. Chú trọng lãnh đạo thực hiện nghiêm túc việc thi tuyển công chức vào các cơ quan nhà nước nói chung và Sở GD&ĐT nói riêng.

Chú trọng thực hiện công tác cán bộ, kiện toàn cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền theo đúng quy trình, đảm bảo tốt việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ; rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021-2026 và xây dựng quy hoạch cán bộ giai đoạn 2026-2031; công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý trong các nhà trường được thực hiện đúng quy trình, đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định, hình thức bổ nhiệm đã có bước đổi mới (thông qua hình

thức thi tuyển); thực hiện định kỳ luân chuyển cán bộ quản lý và kế toán các đơn vị theo quy định.

Đồng thời, tỉnh ủy ở vùng ĐBSH chú trọng lãnh đạo xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục bảo đảm đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ đào tạo, có phẩm chất đạo đức tốt, có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng. Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện tốt việc tuyển dụng, quản lý và sử dụng giáo viên; chỉ đạo thực hiện việc giao chỉ tiêu viên chức ở các bậc học còn thiếu; việc tiếp nhận, tuyển dụng, điều động được thực hiện theo đúng quy định vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp, từng bước đảm bảo chủng loại giáo viên, tỷ lệ giáo viên/lớp theo quy định.

Hiện nay, đội ngũ cán bộ, giáo viên các cơ sở giáo dục ở vùng ĐBSH cơ bản đều có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên, tỷ lệ giáo viên có trình độ trên chuẩn từng cấp học: mầm non 93,8%; tiểu học 93,8%; THCS 85,3%; THPT 19,8%. Toàn vùng ĐBSH có 12.727 giáo viên dạy nghề, trong đó giáo viên có trình độ trên đại học chiếm 28,3%; trình độ đại học, cao đẳng chiếm 59,4%; trình độ trung cấp, thợ lành nghề, nghệ nhân chiếm 12,3% [16]. Trong đó:

Ở Hải Dương, tổng số cán bộ quản lý, giáo viên các trường gồm: 18.896 người. Trong đó 15.939 giáo viên [123, tr.2]. Tính đến ngày 31/5/2024, tổng số viên chức, lao động hợp đồng ở tỉnh Hải Dương là 2485 người, bao gồm: Viên chức quản lý: 128 người; giáo viên: 2226 người; nhân viên: 131 người [123, tr.9].

Đến tháng 5/2024, tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hiện có ở tỉnh Thái Bình là 22.928 người, trong đó: trường mầm non: 7.318; trường tiểu học: 3.636; trường trung học cơ sở: 3.169; trường tiểu học và trung học cơ sở: 6.376; trường trung học phổ thông: 2.112; trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: 317 [130, tr.1]. Hiện tại, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn đào tạo trở lên là 94,9%, trong đó, giáo viên dạy mầm non đạt tỷ lệ

99,14%, cấp tiểu học đạt tỷ lệ 88,37%, cấp trung học cơ sở đạt tỷ lệ 94,89%, cấp trung học phổ thông đạt 100% [130, tr.8].

Toàn tỉnh Bắc Ninh hiện có 17.850 biên chế cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và nhân viên trường học trong đó: 1.207 cán bộ quản lý giáo dục, 15.622 giáo viên và 1.021 nhân viên trường học; tỷ lệ trình độ đạt chuẩn của cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên các cấp là 96,7%; trình độ trên chuẩn là 40,8%; toàn ngành hiện có 12 tiến sĩ, 1.762 thạc sĩ [119, tr.10].

Toàn ngành GD&ĐT tỉnh Vĩnh Phúc hiện có 18.068 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (cán bộ quản lý 1.275 người, giáo viên 15.401 người, nhân viên 1.392 người) [131, tr.2].

Năm học 2023-2024, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên công lập các cấp học, bậc học toàn tỉnh Quảng Ninh được giao là 17.309 người. Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên có mặt là 17.741 người. Tính đến hết năm 2023 là 90,6% (cao hơn toàn quốc 1,6%)¹. Số cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ thạc sĩ trở lên tăng dần qua các năm, hiện có hơn 1.200 cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ (chiếm tỉ lệ gần 6%). Tổng số nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú hiện nay của tỉnh là 121, trong đó, riêng năm 2023, Sở GD&ĐT đã tham mưu cho UBND tỉnh đề xuất Bộ GD&ĐT xét tặng danh hiệu Nhà giáo Ưu tú cho 15 nhà giáo - số lượng lớn nhất từ trước cho đến nay [129, tr.5].

Hưng Yên có 100% giáo viên đạt chuẩn ở tất cả các cấp học, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn tăng: giáo dục mầm non đạt trên chuẩn hơn 75%, tiểu học hơn 94%, THCS hơn 71%, THPT hơn 21%. Chất lượng giáo dục mũi nhọn được duy trì, tỷ lệ học sinh đỗ đại học thuộc nhóm các tỉnh cao nhất toàn quốc và có nhiều học sinh đạt giải quốc gia, giải châu Á...

Tính đến ngày 31/5/2024, số biên chế cán bộ quản lý, giáo viên các cấp ở tỉnh Ninh Bình là 13.800 người [128, tr.12]. Ở Ninh Bình, đội ngũ cán bộ, giáo viên các cơ sở giáo dục cơ bản đều có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên.

Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo trở lên đạt 93,7%, trong đó trên chuẩn chiếm 33% 13; đội ngũ giáo viên từng bước được đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa về trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục hiện hành cơ bản đủ số lượng, đáp ứng được yêu cầu dạy và học [127, tr.9]. Tỷ lệ giáo viên có trình độ trên chuẩn từng cấp học: mầm non 93,8%; tiểu học 93,8%; THCS 85,3%; THPT 19,8%; hiện nay, toàn tỉnh có 1.157 giáo viên dạy nghề, trong đó giáo viên có trình độ trên đại học chiếm 28,3%; trình độ đại học, cao đẳng chiếm 59,4%; trình độ trung cấp, thợ lành nghề, nghệ nhân chiếm 12,3% [171, tr.8-9].

Tại Hà Nam, tính đến tháng 5-2024, toàn tỉnh có 12.891 người, gồm: cán bộ quản lý 898 người; giáo viên 11.160 người, nhân viên làm chuyên môn nghiệp vụ 833 người. Trong đó, trong cơ sở giáo dục công lập, tổng số có 12.125 người, trong đó: cán bộ quản lý 880 người; giáo viên 10.471 người, nhân viên làm chuyên môn nghiệp vụ 774 người [120, tr.2].

Tỉnh ủy ở vùng ĐBSH quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc tiếp tục thực hiện các chính sách đối với đội ngũ giáo viên; thực hiện tốt công tác bồi dưỡng tập huấn nâng cao chất lượng đội ngũ, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên. Tăng cường chỉ đạo, tổ chức các chuyên đề, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cốt cán và hầu hết cán bộ, giáo viên các cấp học ở các bộ môn. Trong đó, chú trọng đổi mới phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh, tự làm đồ dùng và sử dụng thiết bị dạy học; đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng lấy học sinh làm trung tâm; xây dựng môi trường dạy học lấy trẻ làm trung tâm; cách xây dựng ma trận ra đề kiểm tra, đánh giá học sinh theo đúng hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Các cá nhân, các trường đều xây dựng và thực hiện khá tốt kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, kế hoạch tự bồi dưỡng chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ, hiệu quả công tác và chất lượng giáo dục của đơn vị. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo

dục phần lớn đảm bảo được tiêu chí trong chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng.

Đội ngũ giảng viên được bồi dưỡng toàn diện, trong đó coi trọng giáo dục chính Tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo theo Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 07/5/2018 của Bộ GDĐT. Tạo điều kiện cho giáo viên bồi dưỡng hoàn thiện các yêu cầu của hạng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định. Cử cán bộ quản lý, giáo viên phổ thông cốt cán tham gia nhiều đợt bồi dưỡng, tập huấn do Bộ GD&ĐT tổ chức.

Bắc Ninh đã tổ chức các lớp tập huấn tăng cường kỹ năng sử dụng trang thiết bị đồ dùng dạy học cho đội ngũ giáo viên, nhất là những trang thiết bị hiện đại, thông minh, nhằm nâng cao kỹ năng vận dụng trang thiết bị hiện có để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 một cách linh hoạt, hiệu quả, tiết kiệm. Tổ chức tập huấn cho hơn 741 giáo viên cốt cán và nhân viên của 100% các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh. Đội ngũ giáo viên cốt cán sau khi được tập huấn có trách nhiệm tập huấn cho đội ngũ giáo viên của đơn vị mình [117, tr.13-14]. Chất lượng đội ngũ các cấp học tiếp tục được nâng lên với tỷ lệ 96,7% cán bộ, giáo viên đạt chuẩn; trình độ trên chuẩn đạt 40,8%, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục và thực hiện Chương trình GDPT 2018 [119, tr.20].

Số liệu điều tra cho thấy, có 97,18% ý kiến của CBDV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 73,91% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy đã thực hiện tốt nội dung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý, cơ sở GD&ĐT có chất lượng, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, phục vụ công tác GD&ĐT và đội ngũ giảng viên đủ phẩm chất, năng lực, uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ [phụ lục 15, 16].

Bốn là, tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy cấp huyện, các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan về việc các cấp ủy, tổ chức đảng ấy, lãnh đạo công tác

GD&ĐT thuộc chức năng, nhiệm vụ, phạm vi lãnh đạo của mình đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận.

Bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ mà Chương trình hành động của tỉnh ủy, cấp ủy cấp huyện, các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan đã xây dựng kế hoạch thực hiện theo lộ trình sát với tình hình thực tiễn của từng địa phương. Tỉnh ủy yêu cầu cấp ủy cấp huyện coi lãnh đạo phát triển GD&ĐT là một nhiệm vụ trọng tâm trong lãnh đạo KT-XH, là nhiệm vụ chiến lược, do đó phải quán triệt sâu sắc chủ trương của Trung ương, của tỉnh, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo để đề ra phương hướng, nhiệm vụ sát hợp với địa phương, lãnh đạo chính quyền, MTTQ và các tổ chức CT-XH địa phương thực hiện tốt nghị quyết, chủ trương của tỉnh ủy.

Điển hình như: Ở Ninh Bình: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Gia Viễn ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 2-12-2016 về phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn huyện giai đoạn 2016-2020. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Yên Khánh ban hành Nghị quyết 05-NQ/HU ngày 17-4-2017 về phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2017-2020...

Cấp ủy cấp huyện, các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan đã nhận thức sâu sắc và quán triệt vận dụng đúng đắn, sáng tạo nghị quyết, chỉ thị, quy định của tỉnh ủy và cấp trên về công tác GD&ĐT. Phối hợp tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp ưu tiên bố trí ngân sách để đầu tư xây dựng trường, lớp học, đặc biệt ở các địa phương có các khu công nghiệp, khu đông dân cư; khuyến khích các địa phương trong tỉnh phát triển, mở rộng loại hình giáo dục công lập và ngoài công lập đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng tăng nhanh của Nhân dân [117, tr.2].

Số liệu điều tra cho thấy, có 95,40% ý kiến của CBDV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 79,13% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy đã thực hiện tốt nội dung lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy cấp huyện, các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan về

việc các cấp ủy, tổ chức đảng ấy, lãnh đạo công tác GD&ĐT thuộc chức năng, nhiệm vụ, phạm vi lãnh đạo của mình [phụ lục 15, 16].

Năm là, tỉnh ủy lãnh đạo sự phối hợp giữa chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức có liên quan và nhân dân địa phương trong tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT ngày càng khoa học, hiệu quả ngày càng cao.

Tỉnh ủy ở vùng ĐBSH quan tâm lãnh đạo sự phối hợp giữa chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức có liên quan và nhân dân địa phương trong tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT. Chỉ đạo MTTQ và các tổ chức CT-XH tiếp tục tuyên truyền lồng ghép qua các hội nghị giao ban; thông qua đó, các cấp ủy đảng, chính quyền và các tầng lớp nhân dân nhận thức đầy đủ hơn về các nội dung của Nghị quyết số 29-NQ/TW. Chỉ đạo các cơ quan trong khối tích cực tuyên truyền Nghị quyết số 29-NQ/TW, kế hoạch của Tỉnh ủy trên Cổng thông tin điện tử, Đài Truyền hình tỉnh, các huyện, qua Bản tin nội bộ Tỉnh ủy. Đồng thời, triển khai thực hiện nhiều phong trào như: “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”, “Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm”, “Tuổi trẻ học đường nói không với ma túy”; quyết tâm đẩy lùi suy thoái đạo đức, lối sống; xây dựng “Nhà giáo mẫu mực, học sinh chăm ngoan, môi trường giáo dục lành mạnh”. Thường xuyên đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho cán bộ, giáo viên, học sinh; qua đó, ngăn chặn kịp thời các tệ nạn xã hội thâm nhập học đường, đảm bảo 100% trường học an toàn.

Trên cơ sở đó, ngành GD&ĐT các tỉnh vùng ĐBSH triển khai các giải pháp, phối hợp với các cấp, các ngành, huy động xã hội tham gia thực hiện đạt kết quả các mục tiêu, nhiệm vụ do Nghị quyết đề ra. Bên cạnh đó, UBND các tỉnh vùng ĐBSH xây dựng và triển khai các kế hoạch, đề án về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, duy trì công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Chỉ đạo Phòng GD&ĐT thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, nhất là việc nâng cao chất lượng hai mặt giáo dục, duy trì sĩ số học sinh, hạn chế tình trạng học sinh lưu ban, bỏ học giữa chừng. Thành lập Ban Chỉ đạo công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ thực hiện các nhiệm vụ nhằm duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của từng đơn vị, địa phương. Chỉ tính riêng năm học 2023-2024, Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Vĩnh Phúc ban hành 17 quyết định, 47 kế hoạch, 155 văn bản hành chính [131, tr.2].

Số liệu điều tra cho thấy, có 93,64% ý kiến của CBDV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 82,17% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy đã thực hiện tốt nội dung lãnh đạo sự phối hợp giữa chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức có liên quan và nhân dân địa phương trong tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT [phụ lục 15, 16].

3.1.1.2. Ưu điểm về phương thức lãnh đạo

Một là, các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT được ban hành thường xuyên và tương đối kịp thời.

Trên cơ sở quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo của Đảng, nhất là Nghị quyết số 29-NQ/TW “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSH luôn chú trọng ban hành các nghị quyết về công tác GD&ĐT và triển khai đồng bộ trong đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Trong các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đều xác định rõ mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp nhằm xây dựng, củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của công tác lãnh đạo GD&ĐT. Mục tiêu của tỉnh ủy ở vùng ĐBSH trong lãnh đạo công tác GD&ĐT là vừa bảo đảm cho sự lãnh đạo toàn diện và sâu sắc của tỉnh ủy, vừa phát huy tính chủ động,

sáng tạo của UBND, Sở GD&ĐT vừa không can thiệp sâu vào hoạt động quản lý, điều hành vừa không buông lỏng sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT. Trên thực tế, các văn bản này của tỉnh ủy đã trở thành cơ sở, căn cứ để các cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội xác định nội dung, nhiệm vụ lãnh đạo công tác GD&ĐT mà tỉnh ủy đã đề ra. Điển hình như:

Tỉnh ủy Bắc Ninh ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 26-6-2014 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2014-2023, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 31/8/2016 về tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống, truyền thống văn hóa cho thế hệ trẻ tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2016-2020; Kết luận số 92-KL/TU ngày 10-5-2017 về quy hoạch phát triển giáo dục đào tạo tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017-2025 và định hướng đến năm 2030; Kết luận số 117-KL/TU ngày 14/4/2021 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 12-NQ/TU của Tỉnh ủy Bắc Ninh về “Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2014-2020, định hướng đến năm 2030”.

Tỉnh ủy Hải Dương ban hành Chương trình hành động số 53-CTr/TU ngày 12-3-2014 về việc thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW.

Tỉnh ủy Hưng Yên ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 4-10-2016 về Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh ban hành Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 17-10-2016 về thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030.

Tỉnh ủy Nam Định ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 25-7-2011 về phát triển một số cơ sở giáo dục đào tạo chất lượng cao.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình đã ban hành Kế hoạch số 92-KH/TU ngày 13/01/2014 thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và một số chỉ thị, nghị quyết, chương trình hành động liên quan trực tiếp đến giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 28/12/2016 về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030...

Số liệu điều tra cho thấy, có 88,7% ý kiến của CBDV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 76,31% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy đã thực hiện tốt PTLĐ bằng các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT [phụ lục 15, 16].

Hai là, lãnh đạo, chỉ đạo phát huy vai trò của UBND tỉnh trong thực hiện chức năng tổ chức và quản lý nhà nước mọi hoạt động GD&ĐT trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực.

Trong quá trình lãnh đạo công tác GD&ĐT, tỉnh ủy ở vùng ĐBSH luôn chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo phát huy vai trò của UBND tỉnh trong thực hiện chức năng tổ chức và quản lý nhà nước mọi hoạt động GD&ĐT trên địa bàn tỉnh, bám sát nội dung các tiêu chí mà Chính phủ đã đề ra. Nhờ đó, quy mô mạng lưới trường, lớp các cấp học, bậc học của vùng ĐBSH ngày càng phát triển; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếp tục được quan tâm. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tâm huyết, trách nhiệm cao, năng lực chuyên môn vững vàng từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được tăng cường đã nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của việc đổi mới GD&ĐT. Hệ thống cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, GDTX, giáo dục nghề nghiệp được điều chỉnh về cơ cấu, quy mô phù hợp hơn. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được tăng cường, đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng các hoạt động GD&ĐT. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc

gia ngày càng tăng. Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đã và đang được triển khai bài bản, đạt chất lượng và hiệu quả tích cực. Các trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm ngoại ngữ, trung tâm giáo dục kỹ năng sống hoạt động dần đi vào ổn định, góp phần củng cố, tăng cường sự vững mạnh cho hệ thống giáo dục quốc dân ở các tỉnh vùng ĐBSH.

Hiện nay, hệ thống trường lớp học ở các tỉnh vùng ĐBSH được củng cố, mở rộng và phân bố đều đến hầu hết các địa bàn từ trung tâm tỉnh đến những địa bàn khó khăn, tạo điều kiện cho trẻ trong độ tuổi giáo dục mầm non, tiểu học, THCS đều được đi học và đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của người dân. Về cơ bản, 100% đơn vị cấp xã đều có trường mầm non và tiểu học; hầu hết các xã đã có trường THCS; các huyện, thành phố đều có ít nhất 01 trường THPT. Nhiều địa phương đã xây dựng các trường THCS, THPT liên xã. Năm học 2020-2021, toàn vùng có 5.561 cơ sở giáo dục phổ thông, với hơn 4,3 triệu học sinh. Tỷ lệ lớp/trường, sĩ số học sinh/lớp các cấp học của vùng ĐBSH đều cao hơn so với bình quân cả nước. Cũng trong năm học này, tỷ lệ huy động trẻ mầm non đến trường toàn vùng đạt 76,8%, tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt 99,94% - cao nhất cả nước. Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo đạt 98,6%, cao hơn 6,2% so với bình quân chung. Một chỉ số khác của vùng ĐBSH cũng đứng đầu là chất lượng phổ cập giáo dục các cấp. Cả 4 địa phương đầu tiên trong toàn quốc hoàn thành phổ cập THPT cấp độ 3 đều thuộc vùng này [16].

Việc hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân được chú trọng thực hiện theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời. Trong những năm qua, các tỉnh vùng ĐBSH đã quan tâm đầu tư cơ sở vật chất cho các trường như xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các phòng, trang bị các thiết bị dạy học.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc có 518 trường học và cơ sở giáo dục, với 344.129 học sinh, trong đó: 181 trường mầm non; 147 trường trung học; 147 trường trung học cơ sở; 35 trường trung học phổ thông; Giáo dục

thường xuyên: 8 đơn vị thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp THPT. Toàn tỉnh có 230 trung tâm, trong đó: 136 Trung tâm học tập cộng đồng, 64 Trung tâm ngoại ngữ, 03 Trung tâm tin học, 13 Trung tâm kỹ năng sống, 14 Tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học [131, tr.2].

Trên địa bàn tỉnh Thái Bình có 745 cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có 382 cơ sở giáo dục thường xuyên khác [130, tr.1].

Toàn tỉnh Bắc Ninh hiện có: 3.208 phòng học, tỷ lệ kiên cố đạt 100%, trong đó, 114 phòng học xây dựng mới; 346 sân chơi có đồ chơi ngoài trời; 201 khu phát triển thể chất; 100% bếp ăn đạt quy định bếp một chiều (307 bếp); 290 công trình nước sạch; 3.584 công trình vệ sinh bảo đảm yêu cầu và được sử dụng hiệu quả; 162/177 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia (đạt tỷ lệ 91,5%); trong đó 49 trường đạt chuẩn mức độ I và 113 trường đạt chuẩn mức độ II (tăng 13 trường so với năm học trước) [117, tr.4].

Hải Dương hiện có 842 trường mầm non, phổ thông. Các trung tâm có: 01 trung tâm Giáo dục Thường xuyên - Ngoại ngữ - Tin học tỉnh và 12 Trung tâm GDNN - GDTX cấp huyện. 100% xã, phường, thị trấn có trung tâm học tập cộng đồng, phối hợp cùng mạng lưới các trường phổ thông thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên, suốt đời của nhân dân [121, tr.1].

Ở Hưng Yên: Công tác xã hội hóa giáo dục được quan tâm và tạo điều kiện phát triển với sự tham gia đóng góp của toàn xã hội, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học ở các nhà trường được tăng cường đầu tư theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa: 100% các trường THCS, THPT được trang bị máy chiếu, màn chiếu đa năng phục vụ việc đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên.

Toàn ngành GD&ĐT tỉnh Ninh Bình có 477 cơ sở giáo dục [128, tr.1]. Trong giai đoạn 2013-2018, Ninh Bình đã đầu tư xây mới 825 phòng học, 149

phòng hiệu bộ, 220 phòng chức năng, 180 nhà vệ sinh và 15.975 m² sân, tường rào. 100% các lớp 5 tuổi các trường mầm non, các trường tiểu học, THCS, THPT và trung tâm GDTX trong tỉnh có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GD&ĐT để phục vụ dạy và học. Hiện nay, toàn tỉnh có 7.485 phòng học, cơ bản đủ đáp ứng yêu cầu dạy và học, tỷ lệ kiên cố hóa phòng học đạt 86,5%. Số phòng học bộ môn hiện có 542 phòng học đạt 59,6% so với nhu cầu, thư viện đạt chuẩn và trên chuẩn đạt 98,5%; các trường học có đủ nhà vệ sinh đảm bảo điều kiện vệ sinh theo quy định: Mầm non 88,2%, Tiểu học 65,7%, THCS 56,3%, THPT 74% [171, tr.10].

Công tác phổ cập giáo dục mầm non, phổ thông và xóa mù chữ được củng cố và nâng cao. Giai đoạn 2011-2022, toàn vùng ĐBSH có 100% đơn vị cấp tỉnh, huyện, xã duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; 100% các tỉnh, thành phố duy trì và đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học (trong đó có 9 tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập tiểu học mức độ 3); 88,3% tỷ lệ đơn vị cấp huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3. Bốn địa phương đầu tiên trong toàn quốc hoàn thành phổ cập THPT cấp độ 3 đều thuộc vùng ĐBSH. Không chỉ nổi bật ở chất lượng giáo dục đại trà, vùng ĐBSH còn giàu truyền thống về giáo dục mũi nhọn và giáo dục năng khiếu. Tại Kỳ thi học sinh giỏi quốc gia năm 2023, 6/11 tỉnh trong vùng và Đại học Quốc gia Hà Nội nằm trong top 10 địa phương, đơn vị có nhiều giải học sinh giỏi quốc gia và nhiều giải Nhất học sinh giỏi quốc gia nhất cả nước [16]. Nhiều địa phương đã có “thương hiệu” về thi quốc gia, quốc tế như Nam Định, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam, Quảng Ninh, Hải Dương...

Dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy, các cấp ủy đảng, chính quyền và ngành GD&ĐT ở vùng ĐBSH đã tập trung chỉ đạo việc triển khai thực hiện chủ trương đổi mới nội dung, chương trình giáo dục phổ thông, thay sách giáo khoa và phương pháp giáo dục theo chuẩn kiến thức kỹ năng nhằm phát huy tư duy sáng tạo, tích cực của học sinh, đảm bảo hài hòa đức, trí, thể, mỹ, dạy

người, dạy chữ, dạy nghề theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Chủ động rà soát nội dung dạy học trong sách giáo khoa, tinh giản những nội dung vượt quá mức độ cần đạt về kiến thức, kỹ năng của chương trình. Đẩy mạnh đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo; tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học.

Các cơ sở giáo dục chủ động tổ chức các hình thức học tập đa dạng, phù hợp với đối tượng, tâm lý lứa tuổi, thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình - nhà trường - xã hội, trong đó chú trọng các hoạt động ngoại khóa, nhất là các hoạt động giáo dục đạo đức, chính trị, pháp luật, thẩm mỹ, thể chất, truyền thống lịch sử và địa lý, dân số, môi trường, phòng chống tội phạm, các tệ nạn xã hội, dịch bệnh, trật tự an toàn giao thông... nhằm hình thành nhân cách, lối sống lành mạnh và nâng cao năng lực hoạt động xã hội cho người học.

Tỉnh ủy Bắc Ninh đã lãnh đạo tiếp tục xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh việc triển khai thực hiện “Quy hoạch phát triển GD&ĐT tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2030”; “Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Hiện nay, toàn tỉnh Bắc Ninh có 506 trường học từ cấp học mầm non đến THPT, trong đó 466 trường công lập, tỷ lệ 92,1%; 378.002 học sinh các cấp, so với năm học 2022-2022, tăng 03 trường và 11.847 học sinh các cấp [117, tr.2].

Toàn tỉnh Nam Định đã đạt chuẩn và bền vững nhiều năm phổ cập tiểu học mức độ III và THCS mức độ II; có 655/738 trường học đạt chuẩn quốc gia, cơ bản đạt các chỉ tiêu đề ra. Trong đó cấp mầm non đạt 76,6%; cấp tiểu học có 96,6% trường đạt chuẩn mức độ I, đạt 78% trường đạt chuẩn mức độ II; cấp THCS đạt 93,5%; cấp THPT đạt 86,7% (chỉ tiêu đến 2020 có 80%

trường mầm non, 100% trường THCS và THPT đạt chuẩn quốc gia; 60% trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia cấp độ II) [167, tr.11].

Tỉnh Hưng Yên có mạng lưới cơ sở giáo dục khá hoàn thiện, có 342 trường đạt trường chuẩn quốc gia, tăng 79 trường so với năm 2015; 185 trường mầm non, 375 trường từ tiểu học đến THPT, 11 trung tâm GDTX cấp tỉnh và huyện, thị xã, thành phố.

Năm học 2021-2022, Ninh Bình có 477 cơ sở giáo dục; trong đó có 155 trường Mầm non; 146 trường Tiểu học; 134 trường THCS; 07 trường TH và THCS; 27 trường THPT; 01 trung tâm GDTX, Tin học và Ngoại ngữ tỉnh và 07 trung tâm GDNN-GDTX các huyện, thành phố (trong đó có 12 trường tự thực), 7.564 lớp, nhóm lớp và 252.584 học sinh [127, tr.3].

Số liệu điều tra cho thấy, có 63,25% ý kiến của CBDV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 77,39% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy đã thực hiện tốt PTLĐ bằng việc lãnh đạo, chỉ đạo phát huy vai trò của UBND tỉnh trong thực hiện chức năng tổ chức và quản lý nhà nước mọi hoạt động GD&ĐT trên địa bàn tỉnh [phụ lục 15, 16].

Ba là, các hoạt động tuyên truyền vận động, thuyết phục CBDV, các tổ chức và nhân dân tỉnh nhận thức sâu sắc nội dung các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU và của HĐND, UBND tỉnh về công tác GD&ĐT; tạo đồng thuận cao trong thực hiện các nghị quyết, quyết định này được quan tâm, nội dung sát với nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Tỉnh ủy ở vùng ĐBSH chú trọng lãnh đạo công tác GD&ĐT thông qua công tác tuyên truyền vận động, thuyết phục CBDV, các tổ chức và nhân dân tỉnh nhận thức sâu sắc nội dung các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU và của HĐND, UBND tỉnh về công tác GD&ĐT. Tuyên truyền vận động, thuyết phục CBDV, các tổ chức và nhân dân, làm cho CBDV, các tổ

chức và nhân dân nhận thức đúng, đề cao trách nhiệm chính trị trong thực hiện thắng lợi nhiệm vụ GD&ĐT.

Nội dung tuyên truyền tập trung vào thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT; các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 29-NQ/TW, Chương trình hành động ban hành kèm Nghị quyết 44/NQ-CP ngày 9-6-2014 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW; Chương trình hành động của BTV tỉnh uỷ ở vùng ĐBSH về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW.

Nhìn chung, việc tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết 29-NQ/TW đã được tỉnh uỷ ở vùng ĐBSH triển khai nghiêm túc, đạt mục đích, yêu cầu và thời gian quy định. Giai đoạn 2011-2022, có 440 lớp, với 58.201 người tham gia; trong đó, CBDV: 31.790/33.539 (94,8%); quần chúng cốt cán: 26.411/26.972 (97,9%) [16]. Qua học tập, quán triệt nghị quyết, cấp ủy, chính quyền, CBDV và quần chúng nâng cao nhận thức về vai trò của GD&ĐT là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Từ đó, các cấp ủy tăng cường sự lãnh đạo, sự quản lý nhà nước, huy động HTCT và toàn xã hội tích cực tham gia, tạo chuyển biến căn bản, toàn diện, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập của nhân dân và việc đào tạo nguồn nhân lực, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH của tỉnh uỷ vùng ĐBSH. Qua triển khai, quán triệt Nghị quyết số 29-NQ/TW đã giúp CBDV, nhất là đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên hiểu sâu sắc, nắm vững quan điểm, chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT; qua đó, vận dụng trong quá trình quản lý, giảng dạy tại các trường. Các cấp ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ việc tổ chức học tập Nghị quyết số 29-NQ/TW, từ khâu xây dựng kế hoạch triển khai đến kế hoạch cụ thể hóa, đảm bảo sát hợp với tình hình thực tế ở địa phương, đơn vị. Các ban ngành, đoàn thể và nhân dân có nhận thức đầy đủ về yêu cầu, sự cần thiết phải đổi mới GD&ĐT theo tinh thần

NQ số 29-NQ/TW. Qua hơn 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, sự nghiệp GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH phát triển vững chắc, chất lượng và hiệu quả giáo dục từng bước được nâng lên. Vai trò lãnh đạo tinh ủy ở vùng ĐBSH ngày càng được khẳng định và đạt nhiều thành tựu nổi bật.

Cùng với đó, công tác tuyên truyền được tinh ủy ở ĐBSH lãnh đạo triển khai sâu rộng bằng nhiều hình thức phong phú, hiệu quả, tập trung tuyên truyền qua báo chí của tỉnh, Trung ương, bản tin nội bộ của cơ quan, đơn vị, các lớp tập huấn, sinh hoạt chuyên đề... Qua học tập, quán triệt và triển khai thực hiện nghị quyết, các cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức CT-XH, CBDV, nhà giáo và nhân dân tiếp tục nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò quốc sách hàng đầu của GD&ĐT; có nhận thức đúng đắn về sự cần thiết, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới căn bản toàn diện GD&ĐT; nhận thức sâu sắc về vai trò quyết định chất lượng GD&ĐT của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; người học là chủ thể trung tâm của quá trình giáo dục; gia đình có trách nhiệm phối hợp với nhà trường và xã hội trong việc giáo dục nhân cách, lối sống cho con em mình.

Các cơ quan tuyên truyền thông qua trang Thông tin điện tử tỉnh và các hệ thống truyền thanh đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, cung cấp các thông tin phù hợp, kịp thời về các hoạt động, chỉ đạo điều hành, chủ trương, chính sách, pháp luật về giáo dục tới học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, người dân và toàn xã hội. Phòng GD&ĐT các tỉnh chỉ đạo các trường học trên địa bàn đưa nội dung tuyên truyền về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục vào chương trình giảng dạy, các buổi sinh hoạt trong nhà trường; đồng thời, truyền thông các kết quả nổi bật về giáo dục, các tấm gương người tốt, việc tốt trong ngành trên Trang Thông tin điện tử của ngành và các trường học trực thuộc.

Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo ở các tỉnh vùng ĐBSH đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển GD&ĐT; phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong

quản lý, giảng dạy và học tập”; các tấm gương người tốt việc tốt; tấm gương nhà giáo, học sinh đổi mới, sáng tạo, điển hình tiên tiến. Hiện nay, Báo Ninh Bình, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Bình có chuyên trang, chuyên mục về công tác GD&ĐT [171, tr.2].

Với nhiều nội dung và hình thức phong phú, công tác tuyên truyền đem lại hiệu quả cao, góp phần nâng cao nhận thức của CBĐV và các tầng lớp nhân dân về vai trò của GD&ĐT là quốc sách hàng đầu; về vai trò quyết định chất lượng GD&ĐT của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; vị trí của người học là chủ thể trung tâm của quá trình giáo dục. Qua đó, tạo sự chuyển biến trong hành động, gia đình có trách nhiệm phối hợp với nhà trường và xã hội trong việc giáo dục nhân cách, lối sống cho con em mình. Đồng thời, hiệu quả của công tác tuyên truyền đã tạo sự đồng thuận và đánh giá đúng về những đổi mới và thành quả của ngành GD&ĐT; những kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Nghị quyết số 88/2013/NQ-QH13 và Nghị quyết số 51/2014/NQ-QH13 của Quốc hội về thực hiện chương trình, sách giáo khoa phổ thông mới; góp phần tạo thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện đổi mới GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH.

Thông qua công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, các tổ chức đến từng hộ gia đình và nhân dân, đặc biệt là nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế, văn hóa còn khó khăn đã có sự thay đổi nhận thức về vai trò của giáo dục. Công tác tuyên truyền, vận động được tiến hành một cách thường xuyên, khoa học, phù hợp với từng đối tượng, đem lại tác dụng hết sức quan trọng, mang tính mở đường cho việc triển khai các chủ trương, kế hoạch phát triển GD&ĐT.

Số liệu điều tra cho thấy, có 69,97% ý kiến của CBĐV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 77,18% ý kiến của CBĐV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy đã thực hiện tốt PTLĐ bằng các hoạt động tuyên truyền vận động, thuyết phục CBĐV, các tổ chức

và nhân dân tỉnh nhận thức sâu sắc nội dung các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU và của HĐND, UBND tỉnh về công tác GD&ĐT; tạo đồng thuận cao trong thực hiện các nghị quyết, quyết định này [phụ lục 15, 16].

Bốn là, công tác tổ chức, cán bộ của các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học và cơ sở GD&ĐT của tỉnh ngày càng được đổi mới.

Tỉnh ủy ở vùng ĐBSH chú trọng thực hiện công tác tổ chức, cán bộ của các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học và cơ sở GD&ĐT của tỉnh. Trên cơ sở các văn bản của cấp trên, tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đã kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ tinh giản biên chế; công tác tuyển dụng, bố trí, sắp xếp, điều chuyển giáo viên; điều động, bổ nhiệm... Nhìn chung, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các cấp học được củng cố, kiện toàn theo yêu cầu đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu.

Bên cạnh đó, công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo các yêu cầu của chuẩn chức danh nghề nghiệp được triển khai theo quy định, với các hình thức khác nhau. Sở GD&ĐT tỉnh tổ chức hoặc tạo điều kiện, khuyến khích việc tự học, tham gia các lớp học tập, bồi dưỡng; tổ chức các hội thi giáo viên dạy giỏi ở cả 3 cấp học nhằm tạo điều kiện để giáo viên thể hiện năng lực, trao đổi, học tập kinh nghiệm; triển khai đánh giá chuẩn nghề nghiệp hiệu trưởng và giáo viên các cấp học.

Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục được quan tâm tạo mọi điều kiện để tham gia học tập nâng cao về trình độ lý luận chính trị, trình độ đào tạo (tham gia các lớp đại học, cao đẳng hệ vừa học vừa làm), bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao năng lực nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng của từng bậc học. Công tác xây dựng quy hoạch, rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý trường học theo quy trình chặt chẽ, thực sự phát huy dân chủ, công khai, minh bạch trong việc phát hiện, giới thiệu nguồn cán bộ. Công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ

nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục hàng năm được Sở GD&ĐT triển khai theo các chương trình của BGD&ĐT đã ban hành. Đã quan tâm chọn, cử cán bộ quản lý đi học các lớp lý luận chính trị, quản lý nhà nước về giáo dục và chuyên môn nghiệp vụ.

Số liệu điều tra cho thấy, có 70,67% ý kiến của CBDV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 74,13% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy đã thực hiện tốt PTLĐ bằng công tác tổ chức, cán bộ của các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học và cơ sở GD&ĐT của tỉnh [phụ lục 15, 16].

Năm là, thông qua các tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên và hành động gương mẫu của đảng viên hoạt động trong các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học, các cơ sở GD&ĐT của tỉnh được quan tâm, chú trọng.

Các đơn vị trong ngành GD&ĐT, các cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH đều thành lập tổ chức cơ sở đảng và tổ chức đảng trực thuộc đảng ủy cơ sở. Trong các chi bộ, đảng bộ, đa số đảng viên đều có ý thức chính trị, phẩm chất đạo đức và đạo đức nghề nghiệp tốt; có tinh thần trách nhiệm trong công tác quản lý và giảng dạy.

Công tác xây dựng Đảng trong trường học được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Các chi bộ trường học đã phát huy vai trò hạt nhân chính trị, lãnh đạo các đơn vị trường học thực hiện nhiệm vụ đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đạt nhiều kết quả tích cực. Tăng cường chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về đổi mới căn bản và toàn diện GD&ĐT, góp phần nâng cao chất lượng GD&ĐT của từng đơn vị trường học. Chú trọng công tác kết nạp đảng viên đối với đội ngũ giáo viên, nhờ đó số lượng giáo viên được kết nạp Đảng tăng đáng kể trong những năm gần đây.

Tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đã tăng cường công tác chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ đảng viên hoạt động trong các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học, các cơ sở GD&ĐT để tạo sự đoàn kết, thống nhất trong toàn

ngành; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục các cấp thực sự gương mẫu, là tấm gương cho học sinh, sinh viên noi theo. Đội ngũ đảng viên đã phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII về xây dựng Đảng và các phong trào thi đua của ngành GD&ĐT, góp phần xây dựng nền nếp, kỷ cương của nhà trường. Nhiều đảng viên, nhất là các đồng chí giữ chức vụ chủ chốt trong các trường thể hiện được tính tiên phong, gương mẫu trong rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thực sự là hạt nhân chính trị trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị tại đơn vị.

Điển hình như: Tỉnh ủy Ninh Bình chỉ đạo giảng dạy tài liệu Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống dành cho học sinh trong các nhà trường theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT; linh hoạt và nâng cao chất lượng các buổi chào cờ, sinh hoạt chính trị học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo phát huy tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên trong việc tổ chức thực hiện quan điểm, chủ trương của tỉnh ủy về xây dựng tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của công tác GD&ĐT. Đội ngũ đảng viên, nhất là đảng viên là người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong bộ máy lãnh đạo gương mẫu thực hiện, tuyên truyền và bảo vệ đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chủ trương của tỉnh ủy. Đa số đảng viên nêu cao ý thức trách nhiệm, tận tụy với công việc, hiểu và thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của mình; làm việc có nguyên tắc, kỷ cương, có lý, có tình; chống các hiện tượng tiêu cực.

Số đảng viên ngành GD&ĐT tỉnh Quảng Ninh hiện nay là 13.108, chiếm trên 60% so với tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động [129, tr.5]. Toàn Ngành tổ chức 638 chuyên đề với 21.737 cán bộ, đảng viên,

công chức, viên chức, người lao động được tuyên truyền, học tập về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được quán triệt, phổ biến, nghiên cứu, học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, qua đó có tác động tích cực đến việc nâng cao đạo đức nhà giáo cho cán bộ, giáo viên [129, tr.7].

Số liệu điều tra cho thấy, có 75,61% ý kiến của CBDV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 74,78% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy đã thực hiện tốt PTLĐ thông qua các tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên và hành động gương mẫu của đảng viên hoạt động trong các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học, các cơ sở GD&ĐT của tỉnh [phụ lục 15, 16].

Sáu là, việc phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức kinh tế và nhân dân địa phương tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT được đổi mới, hiệu quả ngày càng cao.

Thời gian qua, tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đã phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về GD&ĐT, trách nhiệm quản lý theo ngành, lãnh thổ của các bộ, ngành, địa phương. Phân định rõ công tác quản lý nhà nước với quản trị cơ sở giáo dục, đào tạo. Đẩy mạnh phân cấp, nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính chủ động, sáng tạo của các cơ sở GD&ĐT. Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở GD&ĐT; có cơ chế, quy định pháp lý mạnh mẽ để phát huy vai trò của hội đồng trường, thông qua đó, phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức kinh tế và nhân dân địa phương tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở trong GD&ĐT, thực chất là dân chủ hóa quá trình giáo dục và dân chủ hóa quản lý nhà trường để phát triển toàn diện năng

lực và phẩm chất người học đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Do đó, quá trình đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT hiện nay phải bao gồm cả việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Quy chế dân chủ ở các cơ sở GD&ĐT cho phù hợp với Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở để thực hiện đúng và hiệu quả Quy chế dân chủ trong nhà trường, trong các cơ sở GD&ĐT.

Ủy ban MTTQ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Khuyến học, Hội Cựu giáo chức... ở các tỉnh vùng ĐBSH đã đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các tổ chức thành viên, hội viên tích cực hưởng ứng thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật về GD&ĐT. Tham gia đối thoại, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, định hướng tư tưởng, bảo vệ quyền lợi chính đáng của đội ngũ cán bộ, giáo viên, học sinh. Tích cực tham gia giám sát cùng với tỉnh ủy thực hiện tốt nhiệm vụ về công tác GD&ĐT.

Song song với đó, MTTQ và các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức kinh tế và nhân dân địa phương đã phát huy vai trò giám sát của mình, cùng với các ngành chức năng tiến hành giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác GD&ĐT.

Đồng thời, các cấp ủy và chính quyền đẩy mạnh công tác xây dựng các mô hình học tập, gắn với việc học và làm theo Bác, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Hằng năm, Hội Khuyến học các tỉnh phối hợp ngành GD&ĐT thực hiện tốt công tác hướng dẫn, đánh giá và công nhận các mô hình học tập một cách đồng bộ, hiệu quả, nghiêm túc. Nhìn chung, hệ thống giáo dục quốc dân ở các tỉnh vùng ĐBSH phát triển theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời, xã hội học tập, cơ bản đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra. Các cơ sở giáo dục vùng ĐBSH đã chủ động tổ chức các hình thức học tập đa

dạng, phù hợp với đối tượng, tâm lý lứa tuổi, thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình - nhà trường - xã hội, trong đó chú trọng các hoạt động ngoại khoá, nhất là các hoạt động giáo dục đạo đức, chính trị, pháp luật, thẩm mỹ, thể chất, truyền thống lịch sử và địa lý, dân số, môi trường... nhằm hình thành nhân cách, lối sống lành mạnh và nâng cao năng lực hoạt động xã hội cho người học.

Sở GD&ĐT các tỉnh vùng ĐBSH đã tích cực chủ động phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể tham mưu với HĐND, UBND tỉnh ban hành các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo và cụ thể hoá Nghị quyết số 29-NQ/TW. Cấp uỷ, chính quyền các địa phương đã ban hành nhiều nghị quyết chuyên đề, đề án, chương trình hành động, kế hoạch và nhiều văn bản chỉ đạo nhằm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết.

Số liệu điều tra cho thấy, có 63,25% ý kiến của CBDV trong cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh uỷ và 74,57% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh uỷ đã thực hiện tốt PTLĐ bằng việc phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức kinh tế và nhân dân địa phương tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh uỷ đối với công tác GD&ĐT [phụ lục 15, 16].

Bây là, công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên trong đảng bộ tỉnh về thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh uỷ, BTVTU về công tác GD&ĐT được thực hiện tương đối thường xuyên.

Tỉnh uỷ ở vùng ĐBSH chú trọng kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên trong đảng bộ tỉnh về thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh uỷ, BTVTU về công tác GD&ĐT, nhất là việc thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW. Nội dung kiểm tra, giám sát về công tác đổi mới GD&ĐT được lồng ghép với nội dung kiểm tra, giám sát kết quả triển khai thực hiện các chỉ thị của tỉnh uỷ ở vùng ĐBSH về tăng cường công tác quản lý và nâng cao chất lượng dạy và học trên địa bàn tỉnh. Việc kiểm tra, giám sát, hướng dẫn thực

hiện nghị quyết được chỉ đạo thực hiện định kỳ hằng năm, lồng ghép trong các hoạt động kiểm tra, thanh tra chuyên ngành tại các địa phương, đơn vị. Hàng năm, Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT đều tổ chức thanh tra ở các trường học, nhất là về các khoản thu ngoài quy định của UBND tỉnh, về dạy thêm, học thêm. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra đã kịp thời chấn chỉnh những biểu hiện tiêu cực, hướng dẫn các đơn vị tháo gỡ vướng mắc, thực hiện đúng đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy chế chuyên môn.

Việc giải quyết các hiện tượng tiêu cực kéo dài được chú trọng thực hiện với nhiều giải pháp đồng bộ. Phát huy sức mạnh tổng hợp của các cơ quan, ban, ngành trong giải quyết các hiện tượng tiêu cực kéo dài, gây bức xúc trong lĩnh vực GD&ĐT. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tại các cơ sở giáo dục. Tổ chức nghiêm túc, đạt kết quả các kỳ thi. Đổi mới công tác thi đua, khen thưởng nhằm kịp thời động viên và nhân rộng các điển hình tiên tiến trên lĩnh vực giáo dục. Chú trọng thực hiện quy chế dân chủ trong các trường học. Làm tốt công tác công khai, minh bạch dưới các hình thức thông báo và trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị. Nhờ đó, trong những năm qua, tình trạng dạy thêm - học thêm trái quy định, bệnh thành tích trong giáo dục, hiện tượng lạm thu tại các trường học cơ bản được ngăn chặn; tình trạng bạo lực học đường cơ bản được giải quyết.

Công tác kiểm tra, đánh giá các đơn vị nhà trường được tiến hành thường xuyên, đảm bảo đánh giá đúng chất lượng của học sinh, chất lượng công tác giảng dạy của giáo viên [131, tr.28]. Đặc biệt, tỉnh ủy ở vùng ĐBSH tăng cường và nâng cao hiệu quả các cuộc thanh tra, kiểm tra, chú trọng những nội dung còn nhiều tồn tại, dễ phát sinh sai phạm; ngăn chặn, xử lý nghiêm sai phạm. Điển hình như:

Bắc Ninh tiếp tục thực hiện giao quyền chủ động cho các nhà trường trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục, gắn với việc nâng cao

năng lực quản trị trường học; tổ chức rà soát, kiểm tra đánh giá việc triển khai thực hiện và áp dụng các quy định của pháp luật về tự chủ trong giáo dục theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng trường trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh. Kết quả kiểm tra 100% các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định về tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non theo Điều lệ trường mầm non [117, tr.5].

Năm 2016, BTVTU Ninh Bình đã chỉ đạo, tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW đối với Đảng ủy Sở GD&ĐT tỉnh Ninh Bình, đồng thời khảo sát một số cơ sở giáo dục về việc kiểm tra thực hiện Nghị quyết; các huyện, thành ủy định kỳ tổ chức kiểm tra, giám sát đối với các đảng ủy trực thuộc và các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

Trong năm học 2023-2024, tỉnh Hưng Yên không có viên chức vi phạm đạo đức nghề giáo [123, tr.17].

Nhìn chung, qua kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT, các tổ chức đảng, đảng viên trong đảng bộ tỉnh đã nâng cao nhận thức và hành động, tiếp tục đẩy mạnh tăng cường công tác đổi mới GD&ĐT; kịp thời phát hiện những khuyết điểm, hạn chế và khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp khắc phục trong thời gian tới. Trong quá trình chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, tỉnh ủy đối chiếu tình hình thực tế với yêu cầu, nhiệm vụ nêu trong nghị quyết, chương trình, kế hoạch của tỉnh ủy để đánh giá việc thực hiện của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc.

Số liệu điều tra cho thấy, có 71,73% ý kiến của CBDV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 67,61% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy đã thực hiện tốt PTLĐ bằng công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên trong đảng bộ

tỉnh về thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT [phụ lục 15, 16].

3.1.2. Hạn chế

3.1.2.1. Hạn chế về nội dung lãnh đạo

Một là, tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành các nghị quyết về công tác GD&ĐT cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp về công tác GD&ĐT trong nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại (năm 2020-2025), định hướng giải pháp thực hiện những nội dung công tác GD&ĐT ở một số địa phương hiệu quả chưa cao.

Một số cấp ủy ở các tỉnh vùng ĐBSH chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của việc đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT nên đôi lúc chưa chú trọng lãnh đạo thực hiện các nghị quyết, quyết định, kết luận của Đảng, nhiệm vụ, giải pháp về công tác GD&ĐT trong nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh. Một số văn bản chưa được triển khai cụ thể và rõ ràng; việc tổ chức tuyên truyền, khảo sát, kiểm tra, sơ kết và rút kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/W có nơi chưa tốt. Việc quán triệt, tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, kết luận của Đảng, nhiệm vụ, giải pháp về công tác GD&ĐT trong nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh các nhiệm kỳ, nhất là tập trung vào lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ, giải pháp của nhiệm kỳ hiện tại (năm 2020-2025) hiệu quả chưa cao. Một số cấp ủy đảng cơ sở chưa nhận thức đầy đủ tinh thần, nội dung trong chủ trương của tỉnh ủy, nên vẫn chỉ tập trung chủ yếu vào vấn đề xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế, mà chưa thấy được tầm quan trọng của GD&ĐT.

Số liệu điều tra cho thấy, có 2,12% ý kiến của CBDV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 3,04% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy, BTVTU thực hiện chưa tốt nội dung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành các nghị quyết về công tác GD&ĐT cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp về công tác GD&ĐT trong nghị

quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại (năm 2020-2025), định hướng giải pháp thực hiện những nội dung công tác GD&ĐT, thậm chí có 0,65% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy, BTVTU không thực hiện nội dung lãnh đạo này [phụ lục 15, 16].

Hai là, tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo đảng đoàn HĐND, ban cán sự đảng UBND tỉnh về lãnh đạo HĐND, UBND tỉnh cụ thể hóa, thể chế hóa nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số hạn chế.

Có lúc có nơi, một số tỉnh ủy, BTVTU chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đảng đoàn HĐND, ban cán sự đảng UBND tỉnh về lãnh đạo HĐND, UBND tỉnh cụ thể hóa, thể chế hóa nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, phù hợp với thực tiễn địa phương. Việc thể chế hóa Nghị quyết 29-NQ/TW ở một số cấp ủy ở các tỉnh vùng ĐBSH còn chậm, thiếu tính đồng bộ và liên thông giữa các chính sách liên quan với các chính sách mới về GD&ĐT; thiếu các cơ chế, chính sách ưu tiên cho GD&ĐT. Do đó, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về GD&ĐT còn hạn chế; việc thực hiện tự chủ trong các cơ sở GD&ĐT còn gặp nhiều khó khăn. Một số địa phương vẫn chưa có sự linh hoạt, chủ động trong việc cụ thể hoá các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT.

Một số địa phương chưa có nhiều chủ trương, giải pháp đem lại hiệu quả cao trong lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng về công tác GD&ĐT. Nhiều địa phương chưa chi đủ định mức ngân sách, chưa dành đủ quỹ đất cho giáo dục. Trong các kỳ họp của HĐND tỉnh, UBND tỉnh chủ yếu bàn về thực hiện chỉ tiêu phát triển KT-XH, chưa dành nhiều thời gian kiểm kê, đánh giá việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của tỉnh ủy về quản lý các lĩnh vực đời sống xã hội, về công tác GD&ĐT một cách cụ thể.

Số liệu điều tra cho thấy, có 1,77% ý kiến của CBDV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 4,35% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy, BTVTU thực hiện chưa tốt nội dung lãnh đạo, chỉ đạo đảng đoàn HĐND, ban cán sự đảng UBND tỉnh về lãnh đạo HĐND, UBND tỉnh cụ thể hóa, thể chế hóa nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, thậm chí có 0,71% ý kiến của CBDV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 1,3% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy, BTVTU không thực hiện nội dung lãnh đạo này [phụ lục 15, 16].

Ba là, tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý, cơ sở GD&ĐT có chất lượng, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, phục vụ công tác GD&ĐT và đội ngũ giảng viên đủ phẩm chất, năng lực, uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ có lúc có nơi chưa thường xuyên, kịp thời.

Thực tế cho thấy, vẫn còn một số cấp ủy ở các tỉnh vùng ĐBSH chưa chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý, cơ sở GD&ĐT có chất lượng, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, phục vụ công tác GD&ĐT và đội ngũ giảng viên. Một số cán bộ quản lý, giáo viên chưa đạt chuẩn theo quy định. Chủ trương thu hút nhân tài, trí thức trẻ và người có trình độ cao làm việc tại cơ quan Sở GD&ĐT chưa được thực hiện do không có chỉ tiêu biên chế [131, tr.29].

Một bộ phận giáo viên còn ngại, còn chậm đổi mới; năng lực trình độ tiếp cận công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giảng dạy còn chưa tốt [119, tr.20]. Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của một số cán bộ quản lý còn hạn chế, chưa năng động sáng tạo trong đổi mới quản lý theo hướng phân cấp, phân quyền cho cơ sở. Một số giáo viên sức ì lớn, ngại thay đổi, chưa bắt kịp yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học cũng như kiểm tra, đánh giá học sinh.

Chất lượng GD&ĐT chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, nhất là đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao vẫn còn hạn chế và chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của vùng; chưa chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của xã hội. Chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng số lượng, quy mô với nâng cao chất lượng, giữa dạy chữ và dạy người. Quản lý nhà nước về giáo dục còn bất cập. Có hiện tượng vừa thiếu, vừa thừa giáo viên do không có sự đồng bộ về loại hình. Sự hẫng hụt về giáo viên trình độ cao ở các trường đại học ngày càng gia tăng, tuổi trung bình của giáo viên cao. Đây chính là những hạn chế có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng công tác GD&ĐT vùng ĐBSH hiện nay.

Diễn hình như: Đội ngũ giáo viên ở Bắc Ninh hiện còn thiếu so với nhu cầu và định mức quy định của Bộ GD&ĐT [117, tr.18]. Quy định định mức bình quân số lượng học sinh/lớp ở từng đơn vị cụ thể để xác định số lượng giáo viên còn bất cập. Công tác tổ chức tuyển dụng viên chức giáo viên còn gặp khó khăn do thiếu nguồn tuyển ở một số môn học (Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật); chưa có văn bản quy định chi cho các hoạt động của Hội đồng tuyển dụng [119, tr.22].

Vĩnh Phúc hiện còn thiếu theo biên chế giao 763 người; thiếu theo định mức 3.945 người [131, tr.3].

Mặc dù từ năm 2022 đến nay, tỉnh Hưng Yên đã được bổ sung 1.774 giáo viên nâng tổng số giáo viên được giao các cấp lên 14.986 giáo viên. Tuy nhiên, so với quy định về định mức giáo viên của Bộ GD&ĐT thì tỉnh vẫn còn thiếu 1.222 giáo viên ở cả 4 cấp học [123, tr.16-17].

Hiện ở Hải Dương, số biên chế chưa sử dụng 56 người. Chưa tuyển dụng được, do không có nguồn tuyển [121, tr.9].

Ninh Bình chưa khắc phục được tình trạng mất cân đối, không đồng bộ về cơ cấu, chủng loại giáo viên ở cấp tiểu học và THCS, giáo viên cấp học mầm non còn thiếu nhiều. Hầu hết giáo viên được công nhận đạt chuẩn và

trên chuẩn nhưng thực chất vẫn còn giáo viên năng lực chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đổi mới, nhất là giáo viên ngoại ngữ [171, tr.12].

Số liệu điều tra cho thấy, có 1,06% ý kiến của CBDV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 4,57% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy thực hiện chưa tốt nội dung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý, cơ sở GD&ĐT có chất lượng, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, phục vụ công tác GD&ĐT và đội ngũ giảng viên đủ phẩm chất, năng lực, uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, thậm chí có 0,35% ý kiến của CBDV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 0,43% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy không thực hiện nội dung lãnh đạo này [phụ lục 15, 16].

Bốn là, tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy cấp huyện, các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan về việc các cấp ủy, tổ chức đảng ấy, lãnh đạo công tác GD&ĐT thuộc chức năng, nhiệm vụ, phạm vi lãnh đạo của mình đôi khi chưa đạt kết quả như mong muốn.

Việc tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy cấp huyện, các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, phạm vi lãnh đạo của mình trong công tác GD&ĐT tuy đã được phổ biến, quán triệt và hướng dẫn thực hiện khá thường xuyên; tuy nhiên vẫn còn có một số nơi thực hiện chưa hiệu quả. Một số cấp ủy cấp huyện, các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan còn chưa thực sự chú trọng đến công tác đổi mới toàn diện GD&ĐT, chưa nhận thức một cách đúng đắn về vai trò, trách nhiệm, chức năng và nhiệm vụ của mình trong việc tham mưu, kết hợp, tổ chức thực hiện công tác GD&ĐT.

Việc lãnh đạo sự phối hợp giữa nhà trường với chính quyền địa phương, đoàn thể, phụ huynh học sinh để làm tốt hơn công tác huy động mọi nguồn lực của toàn xã hội chăm lo phát triển GD&ĐT, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo học sinh còn chưa được chặt chẽ, thậm chí có nơi còn buông

lồng trách nhiệm, dễ xảy ra hậu quả nghiêm trọng. Một số cấp uỷ cơ sở, địa phương chưa quan tâm chỉ đạo quyết liệt công tác đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, chưa huy động sự quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho giáo dục theo phương châm “ưu tiên phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu”.

Số liệu điều tra cho thấy, có 1,77% ý kiến của CBDV trong cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh uỷ và 8,91% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh uỷ thực hiện chưa tốt nội dung lãnh đạo, chỉ đạo cấp uỷ cấp huyện, các cấp uỷ, tổ chức đảng có liên quan về việc các cấp uỷ, tổ chức đảng ấy, lãnh đạo công tác GD&ĐT thuộc chức năng, nhiệm vụ, phạm vi lãnh đạo của mình, thậm chí có 0,71% ý kiến của CBDV trong cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh uỷ và 1,09% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh uỷ không thực hiện nội dung lãnh đạo này [phụ lục 15, 16].

Năm là, một số cấp uỷ còn lúng túng trong lãnh đạo phối hợp giữa chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức có liên quan và nhân dân địa phương trong tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh uỷ đối với công tác GD&ĐT.

Sự phối hợp giữa chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức có liên quan trọng phân cấp, quản lý biên chế giáo viên còn bất cập dẫn đến công tác quy hoạch, định biên, tuyển dụng viên chức còn chưa đồng bộ; việc giao chỉ tiêu biên chế vẫn còn có những bất cập. Một số cán bộ còn thiếu chuyên nghiệp, chưa bài bản trong kỹ năng quản lý, kỹ năng tiếp dân, công tác truyền thông, điều hành; công tác tham mưu chưa kịp thời [119, tr.20].

Đặc biệt là sự tham gia của nhân dân địa trong việc lãnh đạo của tỉnh uỷ đối với công tác GD&ĐT vẫn còn hạn chế, chưa phát huy được hết sức mạnh, trí tuệ và sự tham gia góp ý của quần chúng nhân dân. Bên cạnh đó, một số gia đình thiếu quan tâm việc học tập của con em mình; chưa có sự

phối hợp với nhà trường và chính quyền địa phương dẫn đến tình trạng bỏ học, lưu ban, bạo lực học đường.

Mặc dù đã được cấp ủy quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tuy nhiên công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực được đẩy mạnh nhưng còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển GD&ĐT. Chưa thực sự huy động mọi nguồn lực trong xã hội và tăng cường sự đầu tư từ ngân sách Nhà nước để phát triển mạng lưới trường lớp, cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy học. Trong đó, chưa phát huy được vai trò của ngành GD&ĐT ở một số cơ sở trong việc thường xuyên rà soát, thống kê, tích cực tham mưu, đề xuất với cấp thẩm quyền nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất, biên chế giáo viên, đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Còn thiếu đổi mới trong công tác quản lý và phát huy tính chủ động, sáng tạo của các cơ sở giáo dục trong việc xây dựng và cụ thể hóa kế hoạch thực hiện nhiệm vụ; một số nơi chưa tích cực tham mưu, phối hợp chặt chẽ với chính quyền, ban, ngành, đoàn thể địa phương và tranh thủ sự chỉ đạo, giúp đỡ, hỗ trợ của các cấp trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ. Từ đó làm ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng công tác GD&ĐT vùng ĐBSH hiện nay.

Số liệu điều tra cho thấy, có 1,06% ý kiến của CBĐV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 3,7% ý kiến của CBĐV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy thực hiện chưa tốt nội dung lãnh đạo sự phối hợp giữa chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức có liên quan và nhân dân địa phương trong tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT, thậm chí có 1,77% ý kiến của CBĐV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 1,52% ý kiến của CBĐV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy không thực hiện nội dung lãnh đạo này [phụ lục 15, 16].

3.1.2.2. Hạn chế về phương thức lãnh đạo

Một là, một số nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT đôi lúc chưa đạt kết quả như mong muốn.

Việc quán triệt nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT của một số cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là ở cơ sở có lúc có nơi chưa kịp thời. Một số cấp ủy chưa xác định rõ yêu cầu, nội dung, những việc cần làm trong lãnh đạo công tác GD&ĐT, còn thiếu tính chủ động, trông chờ vào hướng dẫn của cấp trên, chưa xác định là yêu cầu, nhiệm vụ, thường xuyên.

Thực tế cho thấy, có một số văn bản của một số cấp ủy vẫn còn những bất cập, không phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn cho các nhà trường trong quá trình thực hiện, tự chủ của các nhà trường còn hạn chế. Việc thể chế hóa nghị quyết còn chậm, thiếu tính đồng bộ và liên thông giữa các chính sách liên quan với các chính sách mới về GD&ĐT; thiếu các cơ chế, chính sách ưu tiên cho GD&ĐT.

Trong quá trình xây dựng, ban hành các nghị quyết, một số cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị còn chưa thực sự nghiên cứu và quán triệt đầy đủ, sâu sắc cũng như còn hạn chế trong việc tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đúng quan điểm coi GD&ĐT là “quốc sách hàng đầu”, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân; đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển KT-XH. Vẫn còn có những nghị quyết, quyết định được xây dựng và ban hành mang tính hình thức, thiếu tính thực tiễn và đổi mới, sáng tạo, phù hợp với địa phương. Do đó, một số văn bản còn thiếu tính khoa học và sáng tạo làm ảnh hưởng tới quá trình triển khai, tổ chức thực hiện công tác GD&ĐT của tỉnh ủy ở vùng ĐBSH.

Số liệu điều tra cho thấy, có 1,41% ý kiến của CBDV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 3,91% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy, BTVTU thực hiện chưa tốt

PTLD bằng các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT, thậm chí có 1,52% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy, BTVTU không thực hiện PTLĐ này [phụ lục 15, 16].

Hai là, việc lãnh đạo, chỉ đạo phát huy vai trò của UBND tỉnh trong thực hiện chức năng tổ chức và quản lý nhà nước mọi hoạt động GD&ĐT trên địa bàn tỉnh có nơi vẫn chưa đáp ứng yêu cầu, thực tiễn đang đặt ra.

Mặc dù, tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo phát huy vai trò của UBND tỉnh trong thực hiện chức năng tổ chức và quản lý nhà nước mọi hoạt động GD&ĐT trên địa bàn tỉnh, tuy nhiên trong cách lãnh đạo, chỉ đạo chưa có nhiều đổi mới. Công tác quản lý hoạt động của các trung tâm ngoại ngữ, giáo dục kỹ năng sống, hoạt động tư vấn du học còn hạn chế [119, tr.20].

Do đó, vấn đề quy hoạch mạng lưới trường lớp ở một số nơi vẫn còn bất cập; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học chưa đáp ứng đủ nhu cầu. Tình trạng quá tải tại các trường học còn chưa được khắc phục, nhất là tại các khu vực đông dân cư, khu đô thị mới vẫn còn tình trạng thiếu trường, thiếu lớp. Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ em, học sinh tại địa bàn tập trung các khu công nghiệp, khu chế xuất còn nhiều bất cập. Chất lượng lao động của vùng mặc dù cao hơn so với mặt bằng chung của cả nước song vẫn còn thấp so với yêu cầu của một vùng kinh tế phát triển khi vẫn còn gần 2/3 lực lượng lao động chưa qua đào tạo hoặc không có bằng cấp/chứng chỉ.

Quy mô trường lớp ở một số nơi vẫn còn tồn tại một số bất cập. Tình trạng quá tải ở một số trường mầm non, trường tiểu học, THCS vẫn xảy ra. Mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông có nơi phân bố chưa hợp lý; quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học còn chậm hoàn thiện; việc thực hiện đào tạo liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học còn hạn chế.

Cơ sở vật chất trường, lớp tuy đã được cấp ủy đảng quan tâm lãnh đạo đầu tư nhưng còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới. Công tác xã

hội hóa đối với giáo dục, nhất là việc thu hút sự tham gia của các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển mạng lưới trường học ở cấp tiểu học và THCS chưa đồng bộ nên hệ thống giáo dục ngoài công lập ở cấp tiểu học và THCS còn hạn chế.

Diễn hình như: Hiện nay, chất lượng giáo dục ở một số trường THPT ngoài công lập, trung tâm GDTX ở Bắc Ninh còn thấp (đặc biệt là đối tượng học viên nghề học chương trình GDTX cấp THPT tại các cơ sở GDTX); một số trung tâm học tập cộng đồng hoạt động chưa hiệu quả [117, tr.19]. Một số trường học còn thiếu diện tích đất, phòng học, phòng chức năng, công trình vệ sinh so với yêu cầu/quy định của trường chuẩn quốc gia. Số lượng các trường phổ thông ngoài công lập còn ít, nhất là cấp tiểu học và cấp THCS; một số khu công nghiệp tập trung, khu đô thị mới, khu đông dân chưa có trường học [117, tr.18].

Ở Ninh Bình, cơ sở vật chất đã được quan tâm đầu tư nhưng ở một số cơ sở giáo dục vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới; tại một số cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông vẫn còn tình trạng thiếu phòng học, phòng chức năng, một số công trình xuống cấp chậm được cải tạo, sửa chữa. Một số địa phương vẫn còn tình trạng phòng học nhờ, học ghép ở cấp học mầm non (thành phố Tam Điệp 46 phòng, Nho Quan 25 phòng, Yên Khánh 24 phòng...) và một số địa phương tình trạng trường học đạt chuẩn quốc gia quá hạn chưa đủ điều kiện kiểm tra công nhận lại (Nho Quan: 20 trường), Gia Viễn: 10 trường; thành phố Ninh Bình: 10 trường...) [127, tr.15].

Số liệu điều tra cho thấy, có 6,01% ý kiến của CBDV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 4,57% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy thực hiện chưa tốt PTLĐ bằng việc lãnh đạo, chỉ đạo phát huy vai trò của UBND tỉnh trong thực hiện chức năng tổ chức và quản lý nhà nước mọi hoạt động GD&ĐT trên địa bàn tỉnh, thậm chí có 1,06% ý kiến của CBDV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực

thuộc tỉnh ủy và 2,39% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy không thực hiện PTLĐ này [phụ lục 15, 16].

Ba là, một số hoạt động tuyên truyền vận động, thuyết phục CBDV, các tổ chức và nhân dân tỉnh nhận thức sâu sắc nội dung các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU và của HĐND, UBND tỉnh về công tác GD&ĐT; tạo đồng thuận cao trong thực hiện các nghị quyết, quyết định này hình thức còn đơn điệu, chưa hấp dẫn và chưa phù hợp với từng đối tượng.

Hoạt động tuyên truyền vận động, thuyết phục CBDV, các tổ chức và nhân dân ở các tỉnh vùng ĐBSH nâng cao nhận thức về công tác GD&ĐT tuy đã được thực hiện thường xuyên và liên tục, nhưng hiệu quả chưa cao, chưa tạo được sự đồng thuận, nhất trí cao trong quá trình triển khai và tổ chức thực hiện, nhất là việc tuyên truyền, vận động, thuyết phục đối với nhân dân. Một số cấp ủy chưa quan tâm đúng mức đối với công tác tuyên truyền, vận động, kêu gọi sự quan tâm, hỗ trợ, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho giáo dục; công tác truyền thông của ngành giáo dục về chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển, vai trò và tầm quan trọng của giáo dục ở một số địa phương hiệu quả chưa cao.

Trong quá trình tuyên truyền, vận động chưa chú trọng kết hợp các hình thức khác nhau nhằm thu hút đông đảo CBDV, các tổ chức và nhân dân tham gia; công tác biểu dương, nhân rộng những mô hình hay, cách làm hiệu quả, các điển hình tiên tiến trong thực hiện nhiệm vụ đối với công tác GD&ĐT, nhất là việc thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW.

Số liệu điều tra cho thấy, có 2,12% ý kiến của CBDV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 4,78% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy thực hiện chưa tốt PTLĐ bằng các hoạt động tuyên truyền vận động, thuyết phục CBDV, các tổ chức và nhân dân tỉnh nhận thức sâu sắc nội dung các nghị quyết, quyết định của

tỉnh ủy, BTVTU và của HĐND, UBND tỉnh về công tác GD&ĐT; tạo đồng thuận cao trong thực hiện các nghị quyết, quyết định này, thậm chí có 1,41% ý kiến của CBDV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 3,26% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy không thực hiện PTLĐ này [phụ lục 15, 16].

Bốn là, công tác tổ chức, cán bộ của một số cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, một số trường học và cơ sở GD&ĐT của tỉnh đôi lúc còn thiếu chặt chẽ, rõ ràng.

Một số cán bộ quản lý chưa theo kịp với yêu cầu đổi mới công tác GD&ĐT; còn tình trạng đội ngũ giáo viên chưa đồng bộ ở các cấp học, giáo viên ở một số bộ môn còn thiếu; một số giáo viên chưa đổi mới phương pháp dạy học; chưa bổ sung đủ biên chế cho các trường, đặc biệt là các trường mầm non. Việc thực hiện đổi mới nội dung, hình thức kiểm tra, đánh giá theo hướng phát huy năng lực và phẩm chất người học có trường còn lúng túng; công tác huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho giáo dục đào tạo chưa cao. Công tác quản lý dạy thêm, học thêm, xử lý thông tin thiếu kịp thời. Công tác quản lý giáo dục ngoài công lập, nhất là các nhóm nhà trẻ chưa thường xuyên. Biên chế cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên còn thiếu nhiều ở các cấp học so với định mức quy định; đặc biệt, biên chế giáo viên tiểu học hiện có chưa đáp ứng về số lượng để thực hiện dạy học 2 buổi/ngày.

Số liệu điều tra cho thấy, có 1,77% ý kiến của CBDV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 3,91% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy thực hiện chưa tốt PTLĐ bằng công tác tổ chức, cán bộ của các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học và cơ sở GD&ĐT của tỉnh, thậm chí có 2,47% ý kiến của CBDV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 1,96% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy không thực hiện PTLĐ này [phụ lục 15, 16].

Năm là, một số đảng viên hoạt động trong các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học, các cơ sở GD&ĐT của tỉnh chưa phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Hiện nay, vẫn còn một số đảng viên, trong đó có cả đảng viên là cán bộ quản lý giáo dục ở các tỉnh ĐBSH chưa nhận thức sâu sắc về chủ trương, nội dung đổi mới căn bản và toàn diện công tác GD&ĐT, chưa thực sự đồng tình với các biện pháp, hình thức đổi mới của công tác GD&ĐT; một số đảng viên là cán bộ quản lý, giáo viên còn né tránh, chưa làm hết trách nhiệm, thiếu gương mẫu trong thực hiện công tác GD&ĐT.

Ngoài ra, với xu thế phát triển và hội nhập hiện nay, yêu cầu đội ngũ đảng viên, nhất là những người đứng đầu trong các tổ chức đảng, cơ quan quản lý và các tổ chức có liên quan cần phải có tư duy đổi mới, sáng tạo, theo kịp tình hình trong nước và thế giới. Tuy nhiên, vẫn còn một số giáo viên là đảng viên chưa theo kịp yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục, thiếu tâm huyết, trì trệ, ngại đổi mới. Có không ít những giáo viên là đảng viên chưa gương mẫu trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống; ngại học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; không chịu đổi mới tư duy và sáng tạo trong giảng dạy... Từ đó làm ảnh hưởng tới sự phát triển, đổi mới và chất lượng công tác GD&ĐT của các tỉnh vùng ĐBSH.

Số liệu điều tra cho thấy, có 7,07% ý kiến của CBDV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 5,22% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy thực hiện chưa tốt PTLĐ thông qua các tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên và hành động gương mẫu của đảng viên hoạt động trong các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học, các cơ sở GD&ĐT của tỉnh, thậm chí có 1,77% ý kiến của CBDV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 2,61% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy không thực hiện PTLĐ này [phụ lục 15, 16].

Sáu là, việc phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức kinh tế và nhân dân địa phương tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT ở một số địa phương, nhất là ở cơ sở chưa có nhiều đổi mới.

Sự lãnh đạo của một số cấp ủy ở các tỉnh vùng ĐBSH về sự phối hợp giữa chính quyền cùng MTTQ, các đoàn thể CT-XH, các đơn vị sự nghiệp, các thành phần kinh tế, các tổ chức xã hội ở địa phương trong công tác GD&ĐT chưa thường xuyên và thiếu chặt chẽ. Ở nhiều địa phương, chưa có quy chế phối hợp cụ thể, rõ ràng giữa các tổ chức này trong thực hiện công tác GD&ĐT. Việc phản biện xã hội, giám sát của MTTQ và các tổ chức CT-XH chưa được một số cấp ủy quan tâm lãnh đạo. Kế hoạch GD&ĐT ở địa phương chưa có sự gắn kết với nhu cầu thị trường lao động; chưa bắt kịp với xu thế sử dụng lao động của các doanh nghiệp. Chưa giải quyết được mối quan hệ giữa GD&ĐT với việc sử dụng lao động qua đào tạo theo nguyên tắc đúng người, đúng việc, đúng chuyên môn.

Việc huy động đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân tham gia các hoạt động xã hội hóa giáo dục, xây dựng mô hình học tập suốt đời và tích cực học tập nâng cao trình độ để thúc đẩy phát triển KT-XH hiệu quả chưa cao. Chưa phát huy được vai trò, trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân trong xã hội trong quá trình thực hiện xây dựng và đổi mới GD&ĐT của các tỉnh ở vùng ĐBSH.

Ở Bắc Ninh, việc huy động các nguồn vốn từ nguồn xã hội hóa giáo dục đầu tư cho xây dựng trường học, mua sắm trang thiết bị dạy học ở một số địa phương còn hạn chế, còn trông chờ vào nguồn vốn được cấp và hỗ trợ của Nhà nước [117, tr.19].

Số liệu điều tra cho thấy, có 6,01% ý kiến của CBDV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 5,87% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy thực hiện chưa tốt PTLĐ

bằng việc phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức kinh tế và nhân dân địa phương tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT, thậm chí có 1,06% ý kiến của CBDV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 2,17% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy không thực hiện PTLĐ này [phụ lục 15, 16].

Bây là, công tác kiểm tra, giám sát một số tổ chức đảng, đảng viên trong đảng bộ tỉnh về thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đề ra.

Công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên trong đảng bộ tỉnh về thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT có lúc, có nơi còn chưa thường xuyên dẫn tới việc thực hiện kế hoạch ở một số địa phương còn chậm. Vai trò, trách nhiệm người đứng đầu ở một số trường học hạn chế, công tác tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương không thường xuyên, không sát với tình hình thực tiễn. Vẫn còn một số cấp ủy, chính quyền chưa thực sự quan tâm, đầu tư cho giáo dục. Biểu hiện như chưa kiểm tra, giám sát kịp thời các mục tiêu về giáo dục trên địa bàn để có giải pháp chỉ đạo kịp thời, nắm bắt tình hình về giáo dục trên địa bàn chưa sâu, chưa sát. Công tác quản lý nhà nước về giáo dục ở một số địa phương chưa sâu sát, vẫn còn hiện tượng dạy thêm, học thêm trái quy định.

Số liệu điều tra cho thấy, có 4,25% ý kiến của CBDV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 7,61% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy thực hiện chưa tốt PTLĐ bằng công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên trong đảng bộ tỉnh về thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT, thậm chí có 2,82% ý kiến của CBDV trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy và 2,83% ý kiến của CBDV trong các tổ chức, cơ sở GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH cho rằng, tỉnh ủy không thực hiện PTLĐ này [phụ lục 15, 16].

3.2. NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

3.2.1. Nguyên nhân

3.2.1.1. Nguyên nhân của ưu điểm

Một là, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Đảng và Nhà nước đối với công tác GD&ĐT.

Trong thời gian qua, cùng với những thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước, Đảng luôn quan tâm xây dựng, hoàn thiện chủ trương, chính sách đối với công tác GD&ĐT. Trên cơ sở đó, Nhà nước xây dựng chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển GD&ĐT; tổ chức thực hiện đường lối GD&ĐT và dành nhiều nguồn lực cho phát triển GD&ĐT. Từ năm 1989 đến nay, kinh phí Nhà nước cấp riêng cho giáo dục tăng gấp 6 lần. Ngân sách Nhà nước chi cho GD&ĐT ngày càng tăng, cơ cấu chi ngân sách nhà nước cho giáo dục đã được cải tiến theo hướng tập trung nhiều cho các lĩnh vực ưu tiên trong đào tạo nguồn nhân lực. Trong điều kiện KT-XH của đất nước còn nhiều khó khăn, kinh phí đầu tư cho GD&ĐT chưa phải là nhiều nhưng cho thấy sự quan tâm, nỗ lực của Đảng và Nhà nước ta, của toàn xã hội đối với sự nghiệp giáo dục.

Hai là, đa số các cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở trực thuộc tỉnh ủy ở vùng ĐBSH nhận thức đầy đủ và đúng đắn về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của công tác GD&ĐT.

Trong nhiều năm qua, các cấp ủy đã trực tiếp nghiên cứu, xây dựng và ban hành đầy đủ, kịp thời các kế hoạch, văn bản chỉ đạo về GD&ĐT; tổ chức quán triệt, học tập các nghị quyết, quyết định của Trung ương và tỉnh ủy về đổi mới GD&ĐT đến toàn thể CBDV. Sự quan tâm, quyết liệt trong chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, đặc biệt là người đứng đầu; tinh thần chỉ đạo nghiêm túc, quyết tâm cao, tăng cường kiểm tra, giám sát của cấp ủy các cấp trong đánh giá kết quả việc thực hiện kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đổi mới GD&ĐT của các tổ chức đảng, CBDV đã tạo điều kiện

thuận lợi cho việc thực hiện công việc này đạt hiệu quả, đồng bộ và chặt chẽ từ tỉnh xuống cơ sở.

Ba là, MTTQ, các tổ chức CT-XH và nhân dân ở các tỉnh ĐBSH luôn quan tâm thực hiện chủ trương của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT.

Cùng với sự sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, là sự phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức CT-XH đã ban hành nhiều cơ chế chính sách đầu tư, khuyến khích cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo của tỉnh tiếp tục phát triển. Các cấp, các ngành và các địa phương trong các tỉnh ở vùng ĐBSH đã có sự nỗ lực, quyết tâm cao trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch của tỉnh đề ra, luôn xác định và đặc biệt coi trọng việc hoàn thành chỉ tiêu chất lượng và hiệu quả giáo dục là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu. Sự quan tâm, ủng hộ và đồng thuận của nhân dân trong tỉnh; truyền thống hiếu học của quê hương được phát huy mạnh mẽ, thể hiện trong từng gia đình, dòng họ, địa phương và từng cộng đồng dân cư.

Bốn là, ý thức trách nhiệm, sự nỗ lực của đội ngũ CBĐV, nhà giáo, cán bộ quản lý các cấp và quyết tâm đổi mới đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện tốt nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT.

Dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở vùng ĐBSH, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các cấp học từng bước được củng cố, kiện toàn đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đáp ứng được yêu cầu đổi mới công tác quản lý giáo dục, đổi mới dạy học. Công tác quản lý giáo dục được quan tâm cải tiến, đổi mới về phương pháp thực hiện, tác động tích cực đến việc nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục ở các trường. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên phần lớn tâm huyết, trách nhiệm với nghề. Có trình độ chuyên môn vững vàng, có tác phong làm việc chuyên nghiệp và tính kỷ luật cao, là lực lượng quyết định tới việc đổi mới toàn diện GD&ĐT. Ngày càng xuất

hiện nhiều điển hình tiên tiến trên lĩnh vực GD&ĐT, nhiều cách làm hay, sáng tạo, thiết thực, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị.

3.2.1.2. Nguyên nhân của hạn chế

Một là, nhận thức về GD&ĐT của một số cấp ủy đảng ở các tỉnh vùng ĐBSH còn hạn chế.

Nhận thức về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo của một số cấp ủy Đảng, chính quyền ở một số địa phương còn hạn chế, chưa thực sự coi “giáo dục là quốc sách hàng đầu”; nguồn lực đầu tư, hỗ trợ cho giáo dục phát triển, huy động sự tham gia của toàn xã hội vào phát triển sự nghiệp giáo dục chưa nhiều. Do đó, thiếu quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo để có những giải pháp, cách làm sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, đơn vị chưa thực sự coi “giáo dục là quốc sách hàng đầu”; nguồn lực đầu tư, hỗ trợ cho giáo dục phát triển, huy động sự tham gia của toàn xã hội vào phát triển sự nghiệp giáo dục chưa nhiều. Việc đổi mới giáo dục trên một số lĩnh vực còn chậm, chưa thích ứng với sự phát triển và hội nhập quốc tế; chưa nhận thức đúng vai trò quyết định của đội ngũ nhà giáo và sự cần thiết phải tập trung đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục; chưa nhận thức đầy đủ về chiến lược quy hoạch phát triển nguồn nhân lực từ giáo dục, đào tạo. Vẫn còn hiện tượng một số cấp ủy chỉ tập trung phần lớn cho phát triển kinh tế, mà chưa thật sự chú trọng đối với công tác GD&ĐT.

Hai là, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy ở vùng ĐBSH còn nhiều hạn chế, bất cập.

Nhìn chung, các cơ quan tham mưu, giúp việc của tỉnh ủy chưa thực hiện tốt việc đề xuất với tỉnh ủy về chủ trương, cơ chế, chính sách, biện pháp, xây dựng đề án, chương trình, kế hoạch để lãnh đạo GD&ĐT và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách đó trong thực tiễn. Chất lượng tham mưu ảnh hưởng lớn đến năng lực lãnh đạo của tỉnh ủy đối với GD&ĐT. Những năm qua, tuy các tỉnh ủy ở ĐBSH thực hiện các chủ trương, biện pháp nhằm kiện

toàn các cơ quan tham mưu, giúp việc và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ của các cơ quan này nhưng chất lượng tham mưu về chủ trương, cơ chế, chính sách, biện pháp, xây dựng đề án, chương trình, kế hoạch lãnh đạo GD&ĐT chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Công tác tham mưu, tổ chức chỉ đạo, năng lực chuyên môn của một bộ phận cán bộ quản lý và nhà giáo chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý giáo dục trên một số lĩnh vực còn hạn chế, bất cập.

Ba là, quy mô dân số, số lớp, số học sinh tăng nhanh, trong khi các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học chưa đáp ứng được yêu cầu theo các chuẩn quy định, nhất là ở cấp mầm non và tiểu học.

Công tác rà soát, quy hoạch, đầu tư phát triển mạng lưới trường học ở các cấp thiếu đồng bộ; một số nơi chưa sát sao, chưa kịp thời. Kinh phí phục vụ cho nhiệm vụ GD&ĐT mặc dù đã được tỉnh ủy ở vùng ĐBSH quan tâm lãnh đạo nhưng cơ sở vật chất trường lớp, trang thiết bị dạy học ở một số trường chưa đồng bộ và thiếu so với nhu cầu. Một số trường tiểu học không có đủ phòng học để thực hiện dạy học 2 buổi/ngày, ảnh hưởng đến kết quả xây dựng trường chuẩn quốc gia. Phòng học xây dựng lâu năm đã xuống cấp, thiếu phòng học bộ môn, phòng chức năng, diện tích lớp hẹp không đạt chuẩn. Số lượng máy tính còn ít, ở các vùng khó khăn, nhiều học sinh không có đủ sách giáo khoa. Trong khi đó, diện tích đất quy hoạch tại nhiều trường trong các thành phố trung tâm chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; do nguồn lực tài chính còn hạn hẹp nên tại một số cơ sở giáo dục ở các huyện ngoại thành, việc đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phòng học, phòng chức năng còn hạn chế, khó đáp ứng ngay.

Bốn là, một số CBDV, nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục ở các tỉnh vùng ĐBSH chưa nhận thức sâu sắc về chủ trương, nội dung đổi mới căn bản và toàn diện về GD&ĐT.

Tinh thần trách nhiệm, tính gương mẫu của một bộ phận CBDV chưa cao, trong đó có đảng viên giữ cương vị lãnh đạo chủ chốt ở các cơ sở GD&ĐT. Còn

một bộ phận đảng viên là giáo viên chưa theo kịp yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục, còn thiếu tâm huyết, trì trệ ngại đổi mới. Trong khi đó, một số cơ chế, chính sách; văn bản quản lý nhà nước còn thiếu, còn vướng mắc trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

3.2.2. Những kinh nghiệm

Một là, quán triệt và triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương về lãnh đạo công tác GD&ĐT tại các tỉnh ở vùng ĐBSH.

Trên cơ sở nhận thức đúng đắn, sâu sắc các văn bản của Trung ương, tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSH cần cụ thể hóa thành nghị quyết, quy chế, quy định, chương trình, kế hoạch, bảo đảm rõ nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể, từng cá nhân thành viên; phù hợp với thực tiễn của từng địa phương, cơ quan, đơn vị, khuyến khích các cách làm sáng tạo, hiệu quả. Tăng cường thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, giải đáp các vướng mắc để tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học. Tích cực, chủ động tham mưu với cấp uỷ, chính quyền các cấp, đề xuất những chủ trương, chính sách phát triển GD&ĐT trên địa bàn.

Hai là, xác định công tác GD&ĐT là nhiệm vụ quan trọng tại các tỉnh ở vùng ĐBSH, cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên.

Xác định GD&ĐT là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Quán triệt sâu sắc và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, Chương trình hành động của BTVTU ở vùng ĐBSH về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và các văn bản của tỉnh trên lĩnh vực giáo dục. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận cao trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện đổi mới giáo dục trên địa bàn. Chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong CBDV, cán bộ quản lý và giáo viên ở các cấp học; đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên trong các cơ sở giáo dục.

Ba là, phát huy sức mạnh của cả HTCT trong thực hiện nghị quyết của tỉnh ủy về công tác GD&ĐT và phát huy truyền thống hiếu học, khắc phục mọi khó khăn bảo đảm tốt việc học tập của con em nhân dân địa phương.

Thực tế lãnh đạo công tác GD&ĐT của các tỉnh ủy ở ĐBSH trong những năm qua cho thấy, để tỉnh ủy lãnh đạo công tác GD&ĐT đạt chất lượng, hiệu quả, qua đó phát triển sự nghiệp GD&ĐT của tỉnh đáp ứng yêu cầu góp phần rất quan trọng vào sự phát triển, vững mạnh của tỉnh trong thời kỳ đổi mới, cần đặc biệt coi trọng có các chủ trương giải pháp đem lại hiệu quả về phát huy sức mạnh của cả HTCT từ tỉnh đến cơ sở trong thực hiện nghị quyết của tỉnh ủy về công tác GD&ĐT. Đồng thời, có các giải pháp phù hợp phát huy mạnh mẽ truyền thống hiếu học, khắc phục mọi khó khăn bảo đảm tốt việc học tập của con em nhân dân địa phương.

Phát triển sự nghiệp giáo dục của tỉnh là trách nhiệm và quyền lợi của các tổ chức trong HTCT, các tổ chức, lực lượng và nhân dân địa phương, nên các tổ chức, lực lượng này và nhân dân luôn quan tâm và có nguyện vọng đóng góp tiền tài, sức lực và trí tuệ để phát triển sự nghiệp này. Hơn nữa, nhân dân, các lứa tuổi ở vùng này, có truyền thống hiếu học; dù đói, rét, chiến tranh ác liệt cấp ủy, chính quyền, các tổ chức CT-XH và nhân dân luôn tìm cách khắc phục để duy trì việc học tập của con em mình. Đây là đặc thù của nhân dân vùng ĐBSH, là thuận lợi căn bản để các tỉnh ủy lãnh đạo công tác GD&ĐT đạt chất lượng, hiệu quả, nhất là việc huy động sức mạnh tổng hợp của HTCT, các tổ chức xã hội, các lực lượng và sức lực của đông đảo nhân dân trong thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về xã hội hóa, giáo dục...

Bốn là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm thực hiện nghị quyết, chủ trương của tỉnh ủy về công tác GD&ĐT.

Thực tiễn lãnh đạo công tác GD&ĐT của tỉnh ủy ở vùng ĐBSH trong thời gian qua cho thấy, công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, rút kinh

nghiệm trong công tác lãnh đạo về GD&ĐT có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Có làm tốt công tác kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức đảng, đảng viên và các tổ chức có liên quan trọng việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và tỉnh ủy về GD&ĐT, tỉnh ủy mới kịp thời phát huy những ưu điểm, khắc phục hạn chế, khuyết điểm; phát hiện những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn lãnh đạo công tác GD&ĐT và thực tiễn phong trào GD&ĐT để bổ sung, hoàn thiện chủ trương lãnh đạo. Bên cạnh đó, cần định kỳ tiến hành sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm lãnh đạo GD&ĐT; tích cực tuyên truyền, phổ biến cách làm hay, gương điển hình tiên tiến trong công tác GD&ĐT.

Tiểu kết chương 3

Trong những năm qua, tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đã quan tâm lãnh đạo công tác GD&ĐT và đạt được những kết quả quan trọng, góp phần to lớn vào thành tựu đổi mới của địa phương. Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện nhiệm vụ này của tỉnh ủy ở vùng ĐBSH vẫn còn những hạn chế cả về nội dung và PTLĐ; chưa có nhiều chủ trương, giải pháp đem lại hiệu quả cao trong lãnh đạo công tác GD&ĐT.

Từ thực tiễn tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT, có thể rút ra một số kinh nghiệm sau: *Một là, quán triệt và triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương về lãnh đạo công tác GD&ĐT tại các tỉnh ở vùng ĐBSH. Hai là, xác định công tác GD&ĐT là nhiệm vụ quan trọng tại các tỉnh ở vùng ĐBSH, cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên. Ba là, phát huy sức mạnh của cả HTCT trong thực hiện nghị quyết của tỉnh ủy về công tác GD&ĐT và phát huy truyền thống hiếu học, khắc phục mọi khó khăn bảo đảm tốt việc học tập của con em nhân dân địa phương. Bốn là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm thực hiện nghị quyết, chủ trương của tỉnh ủy về công tác GD&ĐT.*

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỜI GIAN TỚI

4.1. DỰ BÁO THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN VÀ PHƯƠNG HƯỚNG TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỜI GIAN TỚI

4.1.1. Dự báo thuận lợi, khó khăn đối với tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng đối với công tác giáo dục và đào tạo thời gian tới

4.1.1.1. Thuận lợi

Một là, công cuộc đổi mới đất nước trong gần 40 năm qua đã đạt được thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, trong đó có thành tựu về GD&ĐT, sẽ đạt thành tựu to lớn hơn trong những năm tới, tiếp tục cổ vũ, động viên các tỉnh ủy ở ĐBSH vươn lên lãnh đạo công tác GD&ĐT đạt hiệu quả.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “*Nhìn lại 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội... đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ và toàn diện so với những năm trước đổi mới*” [41, tr.103]. Trong đó, có sự đóng góp quan trọng của các tỉnh ở ĐBSH về kết quả đổi mới mọi mặt, trong đó có công tác GD&ĐT ở từng tỉnh dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy. Với thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử đó, Nghị quyết tiếp tục chỉ rõ: “*Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*” [41, tr.104]. Mặc dù trong những năm tới, công cuộc đổi mới sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc trên đất nước ta còn gặp những những khó khăn, thách thức không nhỏ, song với thành tựu đó, cho phép đất nước bước vào thời kỳ

phát triển mới, bắt đầu từ năm 2021 do Đại hội XIII của Đảng xác định. Công cuộc đổi mới trên đất nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn, trong thời kỳ phát triển mới của đất nước, sẽ đạt được thành tựu to lớn hơn; tiếp tục cổ vũ, khích lệ, động viên mạnh mẽ các tỉnh ủy vươn lên lãnh đạo công tác GD&ĐT đạt kết quả lớn hơn.

Hai là, các nghị quyết, quyết định của Đảng, Nhà nước về GD&ĐT, nhất là quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ, giải pháp lớn của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Chiến lược quốc gia về giáo dục... Nghị quyết Đại hội XIV, trong đó những nội dung về GD&ĐT sẽ được tổ chức thực hiện mạnh mẽ, đạt hiệu quả.

Các nghị quyết, quyết định của Đảng về GD&ĐT, nhất là Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” (Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013); Kết luận số 51-KI/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết này. Đặc biệt, quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ, giải pháp lớn của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển con người” [41, tr.136] sẽ tiếp tục được thực hiện mạnh mẽ, đạt kết quả lớn hơn trong nửa nhiệm kỳ còn lại của nhiệm kỳ khóa XIII của Đảng. Trong đó, Nghị quyết nhấn mạnh quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp “Xây dựng đồng bộ thể chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả chủ trương giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước” [41, tr.136]. Nghị quyết nhấn mạnh:

Tiếp tục đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương thức, phương pháp GD&ĐT theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển KT-XH, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chú

trọng hơn giáo dục đạo đức, nhân cách, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc tốt đẹp của người Việt Nam; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Gắn giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống với giáo dục thể chất, nâng cao tầm vóc con người Việt Nam [41, tr.136].

Đồng thời, Nghị quyết chỉ rõ:

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân, đặc biệt chú trọng giáo dục mầm non, tiểu học... Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục... Đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Thúc đẩy xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời. Đẩy mạnh tự chủ đại học. Có chính sách đột phá phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục đại học. Thúc đẩy phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao. Xây dựng các cơ chế, chính sách và giải pháp để đào tạo lại lực lượng lao động phải chuyển đổi ngành nghề do quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới công nghệ và tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư...Xây dựng và triển khai thực hiện lộ trình tiến tới miễn học phí đối với học sinh phổ thông, trước hết là đối với học sinh tiểu học và trung học cơ sở. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển các cơ sở đào tạo ngoài công lập... [41, tr.136].

Bên cạnh đó, Chiến lược giáo dục trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 sẽ được phê duyệt; Đại hội XIV của Đảng sẽ thành công tốt đẹp, Đại hội sẽ thông qua Nghị quyết Đại hội, trong đó những nội dung về GD&ĐT sẽ được bổ sung những quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp mới về GD&ĐT và sẽ được Đảng lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện đạt kết quả.

Những điều nêu trên tạo thuận lợi rất lớn và cơ bản cho các tỉnh ủy ở ĐBSH tăng cường lãnh đạo công tác GD&ĐT đạt chất lượng, hiệu quả trong những năm tới.

Ba là, đại hội đảng bộ các cấp trong đảng bộ tỉnh và đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh ở ĐBSH nhiệm kỳ 2025-2030 sẽ được tiến hành và thành công tốt đẹp, tạo thuận lợi lớn cho các tỉnh ủy lãnh đạo công tác GD&ĐT trong những năm tới đạt chất lượng, hiệu quả hơn.

Các đảng bộ trong đảng bộ tỉnh ở ĐBSH đang tích cực chuẩn bị và tổ chức đại hội nhiệm kỳ 2025-2030 và đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ này, Các đại hội, nhất là đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, sẽ thành công tốt đẹp. Đây là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong các tổ chức đảng, đội ngũ CBDV, các tổ chức trong HTCT tỉnh và nhân dân địa phương. Đây cũng là thời điểm tốt nhất để các cấp ủy, tổ chức đảng, CBDV, tỉnh ủy, BTVTU ở các tỉnh vùng này, xem xét, đánh giá một cách toàn diện, khách quan hoạt động của mình, gồm: các hoạt động xây dựng Đảng; lãnh đạo các tổ chức trong HTCT, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp...; lãnh đạo các lĩnh vực đời sống xã hội ở địa phương, trong đó có lãnh đạo công tác GD&ĐT. Qua các đại hội, nhất là đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh sẽ khẳng định kết quả, chỉ ra những ưu điểm, khuyết điểm, yếu kém của các cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là của tỉnh ủy, BTVTU trong hoạt động lãnh đạo, trong đó có lãnh đạo công tác GD&ĐT; xác định chính xác những nguyên nhân của ưu điểm, khuyết điểm, yếu kém và đúc rút được những kinh nghiệm bổ ích, nhất là những kinh nghiệm giá trị về lãnh đạo công tác GD&ĐT. Những kinh nghiệm này, sẽ được tỉnh ủy, BTVTU nhiệm kỳ 2025-2030 vận dụng, phát triển đem lại hiệu quả trong lãnh đạo công tác GD&ĐT.

Một điều rất quan trọng, tạo thuận lợi lớn cho tỉnh ủy ở ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT trong nhiệm kỳ tới đạt chất lượng, hiệu quả là trong những năm gần đây, Đảng đã ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết, quyết định về

công tác cán bộ và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt kết quả quan trọng. Đặc biệt, Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII “về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”; nhiệm vụ, giải pháp về “*Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu*” [42, tr.242] của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã và đang được các cấp ủy, tổ chức đảng, các tổ chức trong HTCT, đội ngũ CBDV triển khai thực hiện một cách quyết liệt, hiệu quả.

Đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp, cán bộ trong quy hoạch tỉnh ủy, BTVTU ở các tỉnh ĐBSH được xây dựng một cách chặt chẽ, bài bản hơn, chất lượng được nâng lên đáng kể. Những cán bộ này, sẽ bổ sung cho tỉnh ủy, BTVTU nguồn nhân lực và tố chất mới đáp ứng tốt hơn yêu cầu lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của các đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ tới, trong đó có lãnh đạo công tác GD&ĐT. Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh ở ĐBSH sẽ lựa chọn và bầu được tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025-2030 có chất lượng tốt hơn, tạo cơ sở để có được BTVTU, người đứng đầu đảng bộ tỉnh có chất lượng tốt. Đây là nhân tố rất quan trọng, quyết định chất lượng, hiệu quả hoạt động lãnh đạo của tỉnh ủy, BTVTU nói chung, lãnh đạo công tác GD&ĐT nói riêng.

Bốn là, nhân dân ĐBSH có truyền thống hiếu học; cấp ủy, chính quyền và nhân dân luôn quan tâm khắc phục khó khăn, năng động, sáng tạo, tạo mọi thuận lợi để con, em học tập đạt kết quả.

Đồng bằng sông Hồng là vùng đất “văn hiến”, cái nôi của nền văn hóa Việt Nam, trung tâm văn hóa của cả nước; nhân dân có truyền thống hiếu học. Cấp ủy, chính quyền và nhân dân địa phương luôn tìm mọi cách vượt qua khó khăn, gian khổ, năng động, sáng tạo để việc học tập của con em họ đạt kết quả. Thực tế ở các tỉnh ĐBSH cho thấy, dù đói, rét, khó khăn, gian khổ, chiến tranh ác liệt việc học tập của con em nhân dân vẫn luôn được cấp ủy, chính quyền và nhân dân địa phương coi trọng và tiến hành.

Nhân dân luôn quan tâm và tích cực tham gia vào sự lãnh đạo, quản lý, nâng cao chất lượng công tác GD&ĐT của cấp ủy, chính quyền địa phương. Điều này, tạo thuận lợi lớn và cơ sở vững để việc học tập của con em họ đạt hiệu quả, góp phần vào sự phát triển, vững mạnh của địa phương. Đây là thuận lợi lớn để các tỉnh ủy ở ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT, nhất là trong lãnh đạo việc huy động sức dân vì phát triển sự nghiệp GD&ĐT ở địa phương; lãnh đạo thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về xã hội hóa giáo dục và phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình, nhân dân trong giáo dục, rèn luyện con em họ...

Năm là, sự phối hợp hoạt động và hỗ trợ của các cơ sở GD&ĐT ở vùng ĐBSH đối với công tác GD&ĐT ở các tỉnh; sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, nhất là cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư (4.0) là yếu tố quan trọng để các tỉnh ủy lãnh đạo công tác GD&ĐT đạt hiệu quả.

Đồng bằng sông Hồng là trung tâm văn hóa, GD&ĐT lớn nhất nước ta. Ở vùng này, có số lượng lớn các trường, mẫu giáo, phổ thông, cơ sở dạy nghề có chất lượng vào bậc nhất nước ta. Đặc biệt, ở ĐBSH có nhiều trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu lớn về tất cả các lĩnh vực, ngành khoa học có chất lượng cao; nhiều trường, viện thuộc vào tốp đầu cả nước; khá nhiều trường, viện nghiên cứu có chất lượng cao ngang hàng các trường, viện nghiên cứu của một số nước phát triển ở khu vực và trên thế giới, tập trung ở thủ đô Hà Nội; ở một số tỉnh cũng có các trường đại học... Các trường, viện nghiên cứu này, hoạt động rất hiệu quả; phối hợp chặt chẽ với các tỉnh ở vùng này, hỗ trợ tích cực các tỉnh trong công tác GD&ĐT. Điều này, tạo thuận lợi cho các tỉnh ủy tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng lãnh đạo công tác GD&ĐT trong những năm tới.

Một thuận lợi lớn để các tỉnh ủy ở ĐBSH tăng cường lãnh đạo công tác GD&ĐT những năm tới là khoa học và công nghệ trên thế giới phát triển rất mạnh như vũ bão, nhất là cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư (4.0) với

những thành tựu rất to lớn và hiện đại, nhất là về công nghệ. Đây là yếu tố rất quan trọng và là cơ sở để khoa học và công nghệ nước ta hội nhập đạt hiệu quả với khoa học và công nghệ thế giới; tạo thuận lợi căn bản để nâng cao chất lượng GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH nói riêng và của nước ta nói chung.

4.1.1.2. Khó khăn

Một là, những khuyết điểm, hạn chế lãnh đạo trong thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đảng về GD&ĐT, thể hiện trong lãnh đạo công tác GD&ĐT của các tỉnh ủy chưa thể được khắc phục cơ bản trong những năm trước mắt.

Đảng đã ban hành Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI, ngày 04/11/2013 về GD&ĐT và lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy tổ chức thực hiện, đạt kết quả quan trọng. Ban Bí thư đã ban hành Kết luận số 51-KI/TW ngày 30/5/2019 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết này; đã khẳng định những kết quả đạt được qua năm năm, thực hiện Nghị quyết; đồng thời chỉ ra những hạn chế, yếu kém cần khắc phục. Kết luận chỉ rõ:

Chất lượng giáo dục ở các bậc học chưa cải thiện đáng kể. Năng lực hội nhập quốc tế của hệ thống giáo dục chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế... Công tác quản lý giáo dục còn nhiều bất cập. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo [5].

Bên cạnh đó, việc lãnh đạo công tác GD&ĐT của các tỉnh ủy vẫn còn những hạn chế, yếu kém, bất cập, nhất là sự lúng túng trong nội dung, PTLĐ, xác định những chủ trương, giải pháp trọng yếu, khả thi tầm chiến lược nâng cao chất lượng toàn diện, vững chắc các bậc học ở địa phương; những yếu kém trong quản lý GD&ĐT; trong phát huy vai trò của cấp ủy cơ sở và các tổ chức CT-XH ở địa phương trong đổi mới, nâng cao chất lượng GD&ĐT...

Những hạn chế, yếu kém, bất cập nêu trên, tác động, chi phối ảnh hưởng nhất định đến việc tăng cường lãnh đạo công tác GD&ĐT của các tỉnh

ủy ở ĐBSH trong những năm tới. Điều đáng quan tâm hơn là những hạn chế, yếu kém đó, chưa thể được khắc phục cơ bản trong những năm trước mắt; vẫn còn là những cản trở không thể xem nhẹ đối với việc tăng cường lãnh đạo công tác GD&ĐT của các tỉnh ủy ở ĐBSH trong nhiệm kỳ tới.

Hai là, sự chậm trễ trong xây dựng, ban hành Chiến lược giáo dục trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã xác định Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030 và định hướng phát triển giáo dục trong giai đoạn này. Việc xây dựng Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 thay cho Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 đã được lãnh đạo, chỉ đạo tiến hành. Tuy nhiên, tiến độ công việc này, rất chậm, kết quả hạn chế. Đến nay, mới hoàn thành bản dự thảo Chiến lược, song vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau, chưa có sự đồng thuận cao; Chiến lược này, vẫn chưa được Thủ tướng Chính phủ ký quyết định phê duyệt và ban hành. Đây là khó khăn không nhỏ đối với việc tăng cường lãnh đạo công tác GD&ĐT của các tỉnh ủy ở ĐBSH trong những năm tới, nhất là trong xây dựng, ban hành các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT.

Ba là, việc đầu tư, phân bổ ngân sách cho giáo dục còn nhiều khó khăn và hạn chế; cơ chế tự chủ của các trường học, cơ sở đào tạo, giáo dục nghề nghiệp chưa hoàn chỉnh, còn khá nhiều điểm chưa phù hợp.

Trong những năm tới kinh tế của đất nước tiếp tục tăng trưởng, song vẫn còn chịu tác động mạnh của đại dịch Covid-19 nên sự tăng trưởng còn hạn chế. Ngân sách nhà nước và địa phương còn phải cân đối cho các lĩnh vực khác để khắc phục hậu quả của đại dịch này, nên ngân sách đầu tư, phân bổ cho giáo dục ở các tỉnh vùng ĐBSH còn nhiều khó khăn.

Quyền tự chủ của các cơ sở GD&ĐT, gồm bốn nội dung chính: tự chủ về tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự; tự chủ thực hiện tuyển sinh, chương trình,

giáo trình, quy trình đào tạo; tự chủ về tài chính; tự chủ liên kết hợp tác trong đào tạo. Đối với trường phổ thông, quyền tự chủ của nhà trường được hiểu là quyền của nhà trường trong việc quyết định những vấn đề có liên quan trực tiếp đến tổ chức và hoạt động của nhà trường, gồm: việc thực hiện chương trình, nội dung và phương pháp giáo dục; việc tuyển dụng, sử dụng và sa thải giáo viên; việc huy động nguồn lực tài chính và sử dụng ngân sách nhà trường.

Qua hơn 10 năm thực hiện chưa tiến hành tổng kết, đúc rút kinh nghiệm; việc thực hiện tự chủ của các trường phổ thông vẫn đang ở giai đoạn thí điểm. Chính sách, pháp luật về tự chủ chưa đồng bộ và cụ thể, khung pháp lý về tự chủ không chỉ nằm trong Luật Giáo dục mà nhiều điểm được thể hiện trong các bộ luật liên quan khác; trong các điều lệ trường tiểu học và trung học không có quy định nào về việc thực hiện các quyền tự chủ theo Điều 58 của Luật Giáo dục...

Những điều nêu trên là những khó khăn không nhỏ đối với các tỉnh ủy trong tăng cường lãnh đạo công tác GD&ĐT những năm tới.

Bốn là, những suy thoái, tiêu cực trong ngành GD&ĐT trong cả nước nói chung, ở các tỉnh vùng ĐBSH nói riêng, chưa được ngăn chặn, đẩy lùi căn bản.

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, tiêu cực trong Đảng, trong xã hội, các ngành các cấp, các lĩnh vực đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực GD&ĐT luôn được Đảng coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết liệt. Các cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ CBĐV tích cực thực hiện cuộc vận động này, với quyết tâm chính trị cao, tập trung vào thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII của Đảng “về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ”. Những hoạt động này, đã đạt kết quả đáng khích lệ, được đông đảo CBĐV và nhân dân đồng tình. Các tổ chức đảng, toàn Đảng và đội ngũ CBĐV được xây dựng, chỉnh đốn một bước, chất lượng được nâng lên. Tuy nhiên, tình trạng

suy thoái, tiêu cực trong một số tổ chức đảng và một bộ phận CBDV vẫn chưa được ngăn chặn, đẩy lùi một cách căn bản, trong đó có các tổ chức đảng và một số CBDV trong lĩnh vực GD&ĐT, kể cả một số cán bộ cấp cao. Đây là điều đáng quan ngại. Kết luận số 51-KI/TW của Ban Bí thư chỉ rõ: “Một bộ phận nhà giáo chất lượng thấp, số ít nhà giáo vi phạm đạo đức nghề nghiệp... Một số tiêu cực trong giáo dục chưa được giải quyết tốt gây bức xúc, lo lắng trong nhân dân” [5]. Những suy thoái, tiêu cực này, tác động, gây khó khăn đáng kể đối với việc tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở ĐBSH đối với công tác GD&ĐT trong thời gian tới.

Năm là, mặt trái kinh tế thị trường, mở cửa, hội nhập quốc tế, tác động mạnh trong ngành GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH gây nên những phức tạp, tiêu cực cản trở đáng kể việc tăng cường lãnh đạo công tác GD&ĐT của các tỉnh ủy.

Những tác động tích cực của kinh tế thị trường, mở cửa, hội nhập quốc tế đối với việc đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng GD&ĐT là: huy động mọi nguồn lực để phát triển, nâng cao chất lượng GD&ĐT; phối hợp, tiếp thu tri thức và kinh nghiệm quản lý GD&ĐT của các nước phát triển... tạo sự phát triển và chất lượng GD&ĐT ở nước ta nói chung, ở các tỉnh vùng ĐBSH nói riêng.

Tuy nhiên, mặt trái kinh tế thị trường, mở cửa, hội nhập quốc tế cũng tác động mạnh trong ngành GD&ĐT ở các tỉnh vùng ĐBSH, gây nên những phức tạp, tiêu cực đáng kể, cần quan tâm ngăn chặn và đẩy lùi. Đó là những suy thoái, tiêu cực về xác định động cơ mục đích học tập không đúng đắn của một bộ phận người học; chạy theo bằng cấp, học vị, chứng chỉ, xem nhẹ chất lượng; học hộ, thi hộ; thị trường hóa đến mức thái quá việc dạy và học; bệnh thành tích trong GD&ĐT; chất lượng một số luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ rất thấp, kém thiết thực; thời gian đào tạo sau đại học rất ngắn; nạn đạo văn vẫn còn tồn tại... Đây là những yếu tố cản trở đáng kể việc tăng cường lãnh đạo công tác GD&ĐT của các tỉnh ủy ở ĐBSH trong nhiệm kỳ tới và nhiều năm tiếp theo.

4.1.2. Phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng đối với công tác giáo dục và đào tạo thời gian tới

Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI nêu trên của Đảng, chỉ rõ những nhiệm vụ, giải pháp lớn: 1) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của cấp ủy, chính quyền các cấp; sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả và đồng bộ giữa các ngành, các cấp và cả HTCT trong thực hiện Nghị quyết. 2) Đẩy mạnh công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kiến thức pháp luật và ý thức công dân trong hệ thống giáo dục quốc dân. 3) Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực; củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và phân luồng học sinh sau THCS; tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở; xây dựng xã hội học tập. 4) Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; bảo đảm các điều kiện cơ bản để thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới. 5) Tiếp tục đổi mới công tác quản lý; đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát; ngăn chặn, xử lý nghiêm những tiêu cực trong hoạt động giáo dục, đào tạo. 6) Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các cơ sở GD&ĐT.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 được thông qua tại Đại hội XIII của Đảng đề ra định hướng phát triển GD&ĐT:

Đẩy nhanh thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, trọng tâm là hiện đại hóa và thay đổi phương thức giáo dục, đào tạo, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài; có chính sách vượt trội để thu hút, trọng dụng nhân tài, chuyên gia cả trong và ngoài nước. Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức có phẩm chất tốt, chuyên nghiệp, tận tụy, phục vụ nhân dân [41, tr.221].

Từ những định hướng nêu trên của Đảng; yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, điều kiện cụ thể của các đảng bộ tỉnh; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém về lãnh đạo công tác GD&ĐT của các tỉnh ủy ở ĐBSH trong những năm qua, việc tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT những năm tới, tập trung vào những hướng chủ yếu sau đây:

Một là, tạo chuyển biến căn bản về nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức trong HTCT từ tỉnh đến cơ sở và nhân dân địa phương, nhất là cấp ủy tỉnh, cấp huyện, cấp xã, CBDV về vai trò của GD&ĐT; sự cần thiết tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT hiện nay.

Tỉnh ủy ở ĐBSH, trực tiếp và thường xuyên là BTVTU tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức trong HTCT từ tỉnh đến cơ sở, nhất là chính quyền, MTTQ và các tổ chức CT-XH ở tỉnh, cấp huyện, cấp xã và nhân dân ở các địa phương có được nhận đúng đắn, thống nhất về vai trò của GD&ĐT, vai trò lãnh đạo của tỉnh ủy, BTVTU đối với thắng lợi của công tác GD&ĐT trên địa bàn tỉnh. Từ đó, các tổ chức này và nhân dân địa phương thấy rõ việc lãnh đạo của tỉnh ủy, BTVTU đối với công tác GD&ĐT là tất yếu, nhân tố quyết định thắng lợi của công tác GD&ĐT của tỉnh. Trước hết, cần nâng cao nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, CBDV, nhất là cấp ủy, cán bộ chủ chốt, người đứng đầu về vấn đề này, để họ làm nòng cốt trong nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức trong HTCT và nhân dân trong tỉnh về vai trò của GD&ĐT; sự cần thiết tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh đối với công tác GD&ĐT hiện nay.

Hai là, xây dựng các nghị quyết đúng đắn của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; coi trọng lãnh đạo thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp.

Trước hết, tỉnh ủy, BTVTU ở ĐBSH tiếp tục quán triệt sâu sắc các nghị quyết, quyết định, kết luận của Đảng về GD&ĐT, nhất là Nghị quyết

Trung ương 8 khóa XI, ngày 04/11/2013 về giáo dục và đào tạo”; Kết luận số 51-KI/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết này; Luật Giáo dục; Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 khi được ban hành để xây dựng, ban hành các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT và triển khai thực hiện. Sau Đại hội XIV của Đảng, tỉnh ủy, BTVTU tiếp tục quán triệt nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết Đại hội về công tác GD&ĐT để xây dựng, hoàn chỉnh các nghị quyết, quyết định của mình về công tác GD&ĐT và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện.

Ba là, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát huy truyền thống hiếu học của nhân dân vùng ĐBSH, tận dụng hiệu quả hệ thống GD&ĐT và cơ sở vật chất phục vụ GD&ĐT ở địa phương tạo nên động lực mạnh mẽ thực hiện thắng lợi các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về GD&ĐT.

Tỉnh ủy, các cấp ủy cấp huyện, xã coi trọng và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát huy mạnh mẽ truyền thống hiếu học nhân dân vùng ĐBSH; truyền thống khắc phục khó khăn, dù đói rét, chiến tranh ác liệt, các cấp ủy, chính quyền và nhân dân vùng này vẫn cố gắng bảo đảm việc học tập của con em mình. Thực hiện tốt điều này, sẽ tạo động lực mạnh mẽ thực hiện thắng lợi các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về GD&ĐT. Đồng thời, các cấp ủy địa phương coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo tận dụng hiệu quả hệ thống GD&ĐT và cơ sở vật chất phục vụ GD&ĐT để hiện thực hóa các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về GD&ĐT.

Bốn là, tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ; coi trọng đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương của Đảng về tự chủ trong các trường phổ thông, nhất là trường THCS và THPT; xã hội hóa giáo dục.

Trước hết, tỉnh ủy, BTVTU tiếp tục quán triệt Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII “về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”; nhiệm vụ, giải

pháp của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về xây dựng đội ngũ cán bộ và xác định giải pháp phù hợp nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ. Đây nhân tố rất quan trọng để việc tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSH đối với công tác GD&ĐT trong những năm tới đạt chất lượng.

Năm là, cổ cũ, động viên chính quyền, MTTQ và các tổ chức CT-XH, các tổ chức lực lượng và nhân dân tham gia vào việc tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT, coi trọng công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm toán; ngăn chặn, xử lý nghiêm những tiêu cực trong hoạt động GD&ĐT.

Cần phát huy mạnh mẽ vai trò của chính quyền MTTQ và các tổ chức CT-XH từ tỉnh đến cơ sở ở ĐBSH, coi trọng thu hút và phát huy vai trò của nhân dân địa phương tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT, nhất là tham gia quản lý các hoạt động GD&ĐT và thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về xã hội hóa GD&ĐT; quan tâm thu hút các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm ủng hộ vật chất, tài chính cho các hoạt động GD&ĐT ở địa phương.

4.2. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỜI GIAN TỚI

4.2.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong hệ thống chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác giáo dục và đào tạo

Giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng ĐBSH liên quan trực tiếp đến toàn thể nhân dân, các tổ chức trong HTCT từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn, các tổ chức, lực lượng ở địa phương, trước hết là đến việc học tập, nâng cao trình độ trí tuệ, văn hóa, kỹ năng, nghề nghiệp, tay nghề của con em nhân dân và nhiều người dân tạo thuận lợi và là yếu tố cơ bản nhất để con em nhân dân và nhân

dân tìm việc làm, tiến hành công việc đạt hiệu quả, nâng cao dân trí, đời sống vật chất và tinh thần; các tổ chức trong HTCT, các tổ chức, lực lượng ở địa phương hoạt động hiệu quả... Công tác GD&ĐT được tiến hành dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở các tỉnh, trước hết, trực tiếp, thường xuyên là sự lãnh đạo của cấp ủy cấp huyện, xã, phường, thị trấn đạt hiệu quả là yếu tố quyết định để GD&ĐT thể hiện rõ, phát huy mạnh mẽ vai trò, tác dụng, đáp ứng yêu cầu của các tổ chức, lực lượng và nhân dân. Bởi vậy, sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở các tỉnh và việc tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT ở địa phương luôn được các tổ chức trong HTCT, các tổ chức lực lượng khác và đông đảo nhân dân quan tâm và tích cực tham gia. Song, để các tổ chức, lực lượng và nhân dân tham gia đạt hiệu quả vào công việc này, bằng những hành động cụ thể phải đặc biệt coi trọng nâng cao nhận thức, trách nhiệm của họ. Bởi vì, chỉ khi họ có được nhận thức đúng đắn; từ đó xác định trách nhiệm của mình về tham gia vào việc tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT thì họ mới có thể có hành động đúng đắn, đem lại hiệu quả. Để đạt được điều này, cần:

Một là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, HTCT trong tỉnh, CB, ĐV, nhất là, cán bộ chủ chốt tổ chức đảng, chính quyền về những vấn đề chủ yếu của GD&ĐT, công tác GD&ĐT, phát huy truyền thống hiếu học của nhân dân và việc tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.

Các tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, nhất là cấp ủy cấp huyện, xã tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức CT-XH cùng cấp, CB, ĐV và nhân dân, trước hết là quan điểm nhất quán của Đảng về GD&ĐT. Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI của Đảng về GD&ĐT tiếp tục khẳng định: “Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và toàn dân” [36, tr.119]. Đến Đại hội XIII Đảng tiếp tục khẳng định: “...giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công

nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước” [41, tr.136]. Tiếp đến là tuyên truyền nâng cao nhận thức sâu sắc về vai trò rất quan trọng của GD&ĐT trong thời kỳ đổi mới đối với sự phát triển của địa phương; nội dung, phương thức công tác GD&ĐT, nội dung, PTLĐ công tác GD&ĐT của tỉnh ủy; phát huy truyền thống hiếu học của nhân dân vùng ĐBSH và việc tăng cường sự lãnh đạo công tác GD&ĐT của tỉnh ủy. Qua đó, nâng cao nhận thức của các tổ chức này, CB, ĐV và nhân dân địa phương về việc tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT trong những năm tới.

Hai là, nâng cao chất lượng các hội nghị quán triệt nghị quyết của Đảng, của tỉnh ủy, BTVTU về GD&ĐT do tỉnh ủy, cấp ủy cấp huyện tổ chức; coi trọng việc quán triệt nghị quyết về GD&ĐT ở đảng bộ xã, phường, thị trấn và ở các chi bộ trực thuộc.

Các hội nghị quán triệt nghị quyết của Đảng, của tỉnh ủy, BTVTU về GD&ĐT do tỉnh ủy tổ chức, gồm những cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cơ quan, ban, ngành tỉnh và cấp huyện, cấp ủy trong các cơ quan làm công tác GD&ĐT tỉnh. Đây là lực lượng chủ yếu, quyết định thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đảng, của tỉnh ủy, BTVTU về GD&ĐT. Tỉnh ủy cần coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo chuẩn bị chu đáo nội dung, chuẩn bị tốt những điều kiện cần thiết khác để hội nghị đạt chất lượng, hiệu quả.

Cần tập trung hơn vào việc nâng cao chất lượng các hội nghị này. Tiếp tục quán triệt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI của Đảng về GD&ĐT gắn với điều kiện cụ thể của tỉnh, huyện, thị xã, thành phố hiện nay; Kết luận số 51-KL/TW ngày 30-5-2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết này và nhiệm vụ, giải pháp về GD&ĐT trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Coi trọng chuẩn bị báo cáo viên và các báo cáo thực tiễn để minh họa; báo cáo viên báo cáo những nội dung chính, nhấn mạnh những vấn đề trọng tâm cần quán triệt,

thảo luận gắn với địa phương, thời gian tổ chức hội nghị phù hợp, tránh kéo dài; dành nhiều thời gian cho việc thảo luận, tranh luận. Tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và thông qua chương trình hành động thực hiện nghị quyết của các cấp ủy tham dự hội nghị này.

Đối với các hội nghị quán triệt các nghị quyết của Đảng, của tỉnh ủy, BTVTU về GD&ĐT do cấp ủy cấp huyện tổ chức cần mở rộng đối tượng tham dự hội nghị, gồm cấp ủy cơ sở, nhất là các đảng ủy xã, phường, thị trấn, cán bộ các ban ngành cấp huyện, cán bộ chủ chốt MTTQ, các tổ chức CT-XH cấp huyện. Số lượng cán bộ tham dự hội nghị này rất lớn nên tùy theo điều kiện cụ thể có thể tổ chức hội nghị theo cụm xã, phường, thị trấn, có thể tổ chức hai hội nghị. Trong các hội nghị này, cố gắng có báo cáo thực tiễn để minh họa, bí thư hoặc phó bí thư thường trực cấp ủy cấp huyện trực tiếp làm báo cáo viên... Coi trọng thảo luận, tập trung vào những vấn đề sát với địa phương; xây dựng và thông qua chương trình hành động thực hiện nghị quyết.

Cấp ủy cấp huyện tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức và nâng cao chất lượng các hội nghị quán triệt các nghị quyết nêu trên ở các đảng bộ xã, phường, thị trấn và ở các chi bộ trực thuộc. Bởi vì, cấp ủy xã, phường, thị trấn và các chi ủy của chi bộ trực thuộc trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động và nâng cao chất lượng giáo dục mẫu giáo, mầm non, tiểu học và THCS. Phát huy mạnh mẽ vai trò của những cán bộ đã tham gia các hội nghị quán triệt nghị quyết nêu trên do cấp ủy cấp huyện tổ chức.

Ba là, cấp ủy cấp huyện, cấp xã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức quán triệt các nghị quyết của Đảng, của tỉnh ủy, BTVTU về GD&ĐT trong MTTQ, các tổ chức CT-XH và nhân dân địa phương.

Đây là công việc rất cần thiết, bởi vì tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy, các cấp ủy cấp huyện, cấp xã đối với công tác GD&ĐT đạt kết quả, không thể thiếu sự tham gia của MTTQ, các tổ chức CT-XH và nhân dân địa phương. Song, để các tổ chức này và nhân dân tham gia tích cực, đạt hiệu quả

vào công việc này, trước hết phải nâng cao nhận thức thống nhất và đề cao, phát huy trách nhiệm của họ trong tham gia vào việc tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy, các cấp ủy cấp huyện, cấp xã đối với công tác GD&ĐT.

Sau khi kết thúc các hội nghị về quán triệt các nghị quyết của Đảng, của tỉnh ủy, BTVTU về GD&ĐT ở đảng bộ xã, phường, thị trấn cần triển khai ngay công việc này đối với cán bộ của MTTQ, các tổ chức CT-XH ở cơ sở. Trên cơ sở đó, từng tổ chức triển khai công việc này trong đoàn viên, hội viên của mình và theo chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm hoạt động của từng tổ chức cần tiến hành công việc này trong nhân dân, có thể phối hợp với tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn để tiến hành công việc này trong các cuộc họp thôn, xóm, tổ dân phố... Cần chú ý nhấn mạnh những vấn đề về GD&ĐT liên quan trực tiếp đến địa phương và những vấn đề đang nổi lên về GD&ĐT được đông đảo nhân dân quan tâm để tham gia giải pháp giải quyết...

Bốn là, lãnh đạo chặt chẽ, tăng tính thiết thực của các hội nghị, hội thảo khoa học, các đề tài khoa học cấp tỉnh, cấp huyện về nâng cao chất lượng GD&ĐT và tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với GD&ĐT; coi trọng các hội nghị về thực hiện quyền tự chủ của các cơ sở GD&ĐT, xã hội hóa GD&ĐT.

Các tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo sở khoa học - công nghệ, phối hợp với sở GD&ĐT các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy xây dựng chương trình, kế hoạch tuyển chọn, phê duyệt và triển khai các hội nghị, hội thảo khoa học và các đề tài khoa học cấp tỉnh, cấp huyện về nâng cao chất lượng GD&ĐT và tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với GD&ĐT. Cần chuẩn bị chu đáo nội dung các hội nghị, hội thảo về vấn đề này, xác định cụ thể, rõ mục tiêu, yêu cầu, kết cấu và chất lượng các tham luận, cần nêu giải pháp, kiến nghị cụ thể, có địa chỉ... Khắc phục tình trạng các hội nghị, hội thảo chủ yếu là “hội” rất hạn chế và ít “thảo”, tức là rất hạn chế và ít thảo luận, tranh luận, nhất là đối với những vấn đề trọng tâm và những ý kiến khác nhau.

Cần đặc biệt coi trọng nâng cao chất lượng các đề tài khoa học cấp tỉnh, cấp huyện về nâng cao chất lượng GD&ĐT và tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với GD&ĐT. Coi trọng việc tuyển chọn đề tài bằng hình thức đấu thầu, kiểm tra giám sát chặt chẽ, nhất là về tài chính để tránh sai sót, tiêu cực; tổ chức nghiệm thu, thanh lý hợp đồng một cách nghiêm túc theo quy định của Nhà nước; đưa kết quả nghiên cứu của các đề tài áp dụng ở một số cơ sở GD&ĐT, có thể tiến hành thí điểm, sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm và áp dụng đồng loạt trong các cơ sở GD&ĐT của tỉnh.

Năm là, tỉnh ủy, cấp ủy cấp huyện tăng cường lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan truyền thông đại chúng tuyên truyền về GD&ĐT, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của CB, ĐV và nhân dân địa phương về tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.

Tỉnh ủy thông qua việc lãnh đạo, chỉ đạo ban tuyên giáo tỉnh ủy, sở thông tin và truyền thông tăng cường lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan truyền thông đại chúng tỉnh. Cần tập trung vào việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt, ban biên tập, đội ngũ nhà báo; đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền về công tác GD&ĐT và tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT theo hướng sát thực tế, thiết thực, hấp dẫn. Coi trọng nâng cao chất lượng các bản tin nội bộ và trang website của tỉnh, trong đó chú ý đến những nội dung về công tác GD&ĐT và sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT; đưa những nội dung này vào chương trình, kế hoạch hoạt động của các cơ quan truyền thông đại chúng tỉnh và duy trì thực hiện; tập trung vào những nội dung, như: cung cấp quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quan điểm, chủ trương của tỉnh ủy, chính quyền tỉnh về công tác GD&ĐT; nêu gương những cơ sở GD&ĐT, cá nhân tiêu biểu; phổ biến kinh nghiệm về nâng cao chất lượng

GD&ĐT, các cấp ủy lãnh đạo công tác GD&ĐT đạt kết quả cao và hiệu quả, phê phán những sai sót, tiêu cực trong công tác GD&ĐT...

Cấp ủy cấp huyện coi trọng lãnh đạo thực hiện tốt những công việc nêu trên đối với cơ quan truyền thông đại chúng cấp huyện trong tuyên truyền về GD&ĐT và sự lãnh đạo của các cấp ủy đối với công tác GD&ĐT. Đồng thời, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng hoạt động của truyền thanh ở xã, thị trấn. Đối với những phường không còn hệ thống truyền thanh phường cần coi trọng nâng cao chất lượng việc sử dụng và phát huy ưu thế của internet.

4.2.2. Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết của tỉnh ủy, ban thường vụ vụ tỉnh ủy về công tác giáo dục và đào tạo; coi trọng các nghị quyết chuyên đề về giáo dục và đào tạo

Xây dựng, ban hành các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU ở ĐBSH về công tác GD&ĐT là vấn đề quan trọng hàng đầu trong lãnh đạo công tác GD&ĐT của tỉnh ủy. Lãnh đạo bằng cách này là một PTLĐ đầu tiên của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT, góp phần rất quan trọng vào chất lượng, hiệu quả lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT. Điều này, lại phụ thuộc rất lớn và được quyết định bởi chất lượng các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT. Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về vấn đề này, là nhân tố quyết định chất lượng các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT. Để đạt được điều này, cần:

Một là, xây dựng kế hoạch đúng đắn, khoa học, khả thi về xây dựng và ban hành các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT.

Kế hoạch xây dựng và ban hành các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT cần đúng đắn bảo đảm tính khoa học, khả thi trong toàn bộ nhiệm kỳ tỉnh ủy. Những vấn đề lớn cần được xây dựng và thông qua ngay sau Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại. Để công việc này đạt chất lượng, trước hết BTVTU, tỉnh ủy cần phát huy mạnh mẽ năng lực, trình độ trí tuệ, nhất là tầm nhìn xa, trông rộng của mình trong hoạt động lãnh đạo của tỉnh

ủy, BTVTU, trong đó, có lãnh đạo công tác GD&ĐT. Cần chú ý đến những vấn đề trọng tâm của tỉnh về công tác GD&ĐT cần ra nghị quyết để lãnh đạo thực hiện; coi trọng xác định chính xác thứ tự những vấn đề ưu tiên cần ra nghị quyết, tạo thuận lợi cho việc chủ động chuẩn bị dự thảo nghị quyết của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy và các tổ chức, cơ quan, cán bộ có liên quan.

Cần dựa chắc vào chủ trương, quan điểm, nhiệm vụ công tác GD&ĐT trong các văn kiện Đảng, nhất là trong Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI của Đảng về GD&ĐT; Kết luận số 51-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết này; nhiệm vụ, giải pháp công tác GD&ĐT trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Luật Giáo dục, các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, liên hệ với tình hình cụ thể về công tác GD&ĐT của tỉnh để xây dựng kế hoạch xây dựng và ban hành các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT.

Hai là, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng dự thảo nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT bảo đảm chất lượng, nhất là các nghị quyết chuyên đề về GD&ĐT.

Đây là yếu tố rất quan trọng quyết định chất lượng nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT, tạo thuận lợi căn bản cho việc tổ chức thực hiện thắng lợi các nghị quyết này. BTVTU tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc xây dựng dự thảo nghị quyết, gồm những công việc chủ yếu, như: ban hành quyết định thành lập tiểu ban xây dựng dự thảo nghị quyết, trong đó xác định rõ, đúng cán bộ phụ trách, cán bộ của tiểu ban; cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp; xây dựng quy chế làm việc; tiến hành điều tra, khảo sát thực tiễn, thu thập thông tin về nghị quyết sắp ban hành về công tác GD&ĐT; xử lý thông tin, hình thành dự thảo nghị quyết lần thứ nhất; trình BTVTU để xin ý kiến, chỉnh sửa dự thảo nghị quyết theo ý kiến của BTVTU; xin ý kiến của các tổ chức đảng, cán bộ chủ chốt nhất là các tổ chức

đảng trực thuộc tỉnh ủy và các tổ chức đảng hoạt động trong lĩnh vực GD&ĐT; xin ý kiến của các tổ chức CT-XH; có thể tổ chức hội thảo khoa học về công tác GD&ĐT liên quan đến nghị quyết sắp ban hành và xin ý kiến của một số chuyên gia về GD&ĐT.

Tổng hợp ý kiến đóng góp và chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo nghị quyết lần thứ hai; trình BTVTU bản dự thảo nghị quyết lần thứ hai, chỉnh sửa theo ý kiến của BTVTU và hoàn thiện bản dự thảo nghị quyết lần thứ ba để đưa ra hội nghị tỉnh ủy để bàn bạc, thảo luận và quyết định.

Đối với việc quyết định cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT, thường giao cho cấp ủy ở sở GD&ĐT và ban tuyên giáo tỉnh ủy; cơ quan phối hợp thường giao cho sở khoa học và công nghệ, sở tài chính và một vài cơ quan liên quan trực tiếp đến công tác GD&ĐT.

Những nội dung trên cần được thực hiện tốt đối với các nghị quyết chuyên đề của BTVTU về GD&ĐT phù hợp, thiết thực với từng tỉnh. Có thể xây dựng và thực hiện các nghị quyết chuyên đề như: đổi mới, nâng cao chất lượng trường chuyên của tỉnh; phát huy truyền thống hiếu học của nhân dân địa phương, học sinh, sinh viên của tỉnh vươn lên chiếm lĩnh đỉnh cao, làm chủ trong thời kỳ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; phát huy sức mạnh HTCT địa phương, thực hiện thắng lợi chủ trương xã hội hóa giáo dục của Đảng...

Ba là, đổi mới, nâng cao chất lượng các hội nghị tỉnh ủy, BTVTU về thảo luận và quyết định những nội dung của nghị quyết sắp ban hành về công tác GD&ĐT.

Các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT thường phân thành hai loại chính: nghị quyết của tỉnh ủy và BTVTU về công tác GD&ĐT. BTVTU cần xem xét quyết định vấn đề cần ban hành nghị quyết của tỉnh ủy, vấn đề cần ban hành nghị quyết của BTVTU để thực hiện.

Coi trọng thực hiện nghiêm nguyên tắc: các nghị quyết của tỉnh ủy và của BTVTU về công tác GD&ĐT phải là sản phẩm trí tuệ của tập thể tỉnh ủy hoặc BTVTU (đối với các nghị quyết do BTVTU ban hành).

Ban thường vụ tỉnh ủy coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt những công việc chuẩn bị cho hội nghị tỉnh ủy, hoặc BTVTU bàn bạc, thảo luận và quyết định nội dung của nghị quyết, gồm: thông báo thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị cho các tỉnh ủy viên và khách mời; nội dung hội nghị, cần nhấn mạnh những vấn đề trọng tâm và phân công các tỉnh ủy viên chuẩn bị ý kiến phát biểu với những nội dung cụ thể; cung cấp dự thảo nghị quyết cho các tỉnh ủy viên và những tài liệu cần thiết khác; kết quả xử lý thông tin; ý kiến của cấp ủy trực thuộc về dự thảo nghị quyết... Những khách mời tham dự hội nghị cần cung cấp dự thảo nghị quyết cùng với việc gửi giấy mời tham dự hội nghị.

Phát huy mạnh mẽ vai trò, trách nhiệm của tỉnh ủy viên, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, chính quyền, nhất là ban Tuyên giáo tỉnh ủy, sở GD&ĐT trong phát biểu ý kiến tại hội nghị. Tăng cường dân chủ, coi trọng thảo luận, tranh luận về nội dung của nghị quyết sắp ban hành; đề cao trách nhiệm các thành viên tham dự hội nghị trong đóng góp, tranh luận, thảo luận về những nội dung của dự thảo nghị quyết, chú ý thỏa đáng việc tranh luận, thảo luận những ý kiến khác nhau, lắng nghe những ý kiến khác nhau, những ý kiến mới; định hướng chặt chẽ việc thảo luận vào những vấn đề trọng yếu có nhiều ý kiến khác nhau, tranh tản mạn, kết quả thấp; chủ trì hội nghị kết luận những vấn đề đã được hội nghị nhất trí cao; đối với những vấn đề còn nhiều ý kiến khác nhau những vấn đề chưa kết luận được cần tiếp tục nghiên cứu, điều tra, khảo sát thực tiễn để có kết luận đúng đắn, tranh kết luận vội vàng, chủ quan. Có thể kết luận từng nội dung sau đó kết luận toàn bộ nội dung nghị quyết; cũng có thể kết luận từng nội dung và cuối cùng tổng hợp và kết luận toàn bộ nội dung nghị quyết.

Sau hội nghị tỉnh ủy hoặc BTVTU về thảo luận, quyết định nội dung nghị quyết về công tác GD&ĐT, văn phòng tỉnh ủy phối hợp với tiểu ban xây

dụng dự thảo nghị quyết, ban tuyên giáo tỉnh ủy tiến hành biên tập văn bản nghị quyết theo kết luận của hội nghị này, trình BTVTU và bí thư, hoặc phó bí thư thường trực tỉnh ủy ký quyết định ban hành nghị quyết để triển khai thực hiện.

Bốn là, đổi mới, nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, BTVTU đối với việc tổ chức thực hiện các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT.

Đây là công việc rất quan trọng để hiện thực hóa các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT. Cần đặc biệt coi trọng thực hiện tốt công việc này. Thực tế cho thấy, nếu tổ chức không tốt việc thực hiện các nghị quyết này, thì dù nghị quyết có đúng đắn, khả thi và rất hay, cũng chỉ nằm trên giấy, thậm chí nghị quyết bị vô hiệu hóa, ảnh hưởng đến vai trò lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.

Cần lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, đạt hiệu quả việc tổ chức thực hiện các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT. Thực hiện tốt việc quán triệt, phổ biến nội dung của nghị quyết trong các cấp ủy, tổ chức đảng, CB, ĐV, các tổ chức trong HTCT từ tỉnh đến cơ sở và nhân dân địa phương. Lãnh đạo chỉ chặt chẽ việc chính quyền tỉnh cụ thể hóa, thể chế hóa nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT thành nghị quyết, chương trình, đề án về công tác GD&ĐT của HĐND, UBND tỉnh để triển khai thực hiện trong toàn tỉnh, các cấp ủy, tổ chức đảng theo chức năng, nhiệm vụ của mình tiến hành xây dựng và thực hiện chương trình hành động thực hiện nghị quyết. Đối với MTTQ, các tổ chức CT-XH cần lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt nghị quyết trong các tổ chức này, nhấn mạnh những nội dung liên quan trực tiếp đến từng tổ chức, xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết của từng tổ chức trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức.

Cần phân công tỉnh ủy viên, ủy viên BTVTU phụ trách tổ chức thực hiện từng nội dung cụ thể của nghị quyết trên cơ sở năng lực trình độ của họ, xác định rõ điểm trọng tâm của công việc đó, yêu cầu và kết quả đạt được, thời gian bắt

đầu, thời gian kết thúc. Đặc biệt coi trọng thực hiện tốt phương thức chỉ đạo điểm, chọn và xây dựng điển hình tiên tiến về thực hiện từng nghị quyết, tạo thuận lợi ở mức độ nhất định để điển hình tiên tiến hoạt động đạt hiệu quả; tiến hành sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm, nhân ra diện rộng.

Năm là, duy trì thành nền nếp việc sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm về xây dựng và tổ chức thực hiện các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT.

Trong quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT cần tiến hành sơ kết việc xây dựng và tổ chức thực hiện từng nghị quyết. Kết thúc việc thực hiện từng nghị quyết cần tổ chức việc thực hiện những công việc này, chỉ rõ ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra, đúc rút kinh nghiệm. Cần duy trì thành nền nếp về tiến hành công việc này.

Trong xác định nguyên nhân khi sơ kết, tổng kết việc xây dựng và tổ chức thực hiện các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT, cần hết sức coi trọng xác định rõ ràng, đầy đủ, chính xác những nguyên nhân của khuyết điểm, hạn chế. Trong việc đúc rút kinh về công việc này, cần chú ý không chỉ đúc rút kinh nghiệm thành công mà cần quan tâm hơn đến việc đúc rút kinh nghiệm chưa thành công và những kinh nghiệm về chọn, xây dựng điển hình tiên tiến về thực hiện các nghị quyết này và việc đầu tư không quá lớn cho điển hình tiên tiến hoạt động đạt hiệu quả...

4.2.3. Xây dựng tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác giáo dục và đào tạo trong những năm tới

4.2.3.1. Xây dựng tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác giáo dục và đào tạo trong những năm tới

Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy rằng: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc” [86, tr.269]; “Công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”

[86, tr.273]. Chất lượng công tác GD&ĐT ở các tỉnh ĐBSH được nâng lên hay không, nâng lên đến mức độ nào phụ thuộc rất lớn và được quyết định bởi chất lượng lãnh đạo công tác GD&ĐT của tỉnh ủy, BTVTU. Điều này lại được quyết định bởi việc xây dựng tỉnh ủy, BTVTU đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT. Để xây dựng tỉnh ủy, BTVTU đáp ứng yêu cầu nêu trên. Cần:

Một là, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch tỉnh ủy, BTVTU các nhiệm kỳ, đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt, năng lực công tác cho cán bộ trong quy hoạch tỉnh ủy, BTVTU và cán bộ đương chức, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng về các chuyên ngành GD&ĐT.

Các tỉnh ủy, nhất là BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ đạt chất lượng việc tạo nguồn và đưa cán bộ nguồn vào quy hoạch tỉnh ủy, BTVTU nhiệm kỳ tới và triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong quy hoạch và những cán bộ đương chức tỉnh ủy, BTVTU được quy hoạch cho nhiệm kỳ tới. Cần rà soát chặt chẽ về chuyên môn đào tạo của những cán bộ này, để lập kế hoạch gửi cán bộ tham gia các lớp đào tạo cán bộ ở các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng và Nhà nước. Cùng với việc đào tạo cán bộ trong quy hoạch tỉnh ủy, BTVTU cần tiến hành gửi cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng cán bộ một cách phù hợp. Đặc biệt, coi trọng đào tạo, bồi dưỡng những cán bộ này trong thực tiễn và cổ vũ, động viên, tạo thuận lợi cho cán bộ thực hiện tốt việc tự đào tạo, bồi dưỡng.

Duy trì thành nề nếp việc quản lý, đánh giá cán bộ trong quy hoạch tỉnh ủy, BTVTU hằng năm. Trong đánh giá những cán bộ này cần chú ý đánh giá khả năng phát triển và đảm nhận vị trí công tác theo quy hoạch. Đây là điểm khác nhau căn bản giữa đánh giá cán bộ hằng năm với đánh giá cán bộ trong quy hoạch. Sau khi hoàn thành những nội dung của công tác quy hoạch cán bộ đối với cán bộ trong quy hoạch tỉnh ủy, BTVTU theo quy định của Đảng, cần triển khai các bước giới thiệu cán bộ ứng cử tỉnh ủy viên trong đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ tới.

Hai là, xây dựng tỉnh ủy, BTVTU về số lượng và cơ cấu hợp lý, trong đó chú ý bảo đảm cơ cấu tỉnh ủy viên hoạt động trong lĩnh vực GD&ĐT.

Trước hết, cần bảo đảm số tỉnh ủy viên các nhiệm kỳ theo hướng dẫn và quy định của Đảng, phù hợp với điều kiện cụ thể của tỉnh. Cần thực hiện tốt công việc này đối với số lượng tỉnh ủy viên của nhiệm kỳ trước mắt (nhiệm kỳ 2025-2030) theo chỉ thị của Bộ Chính trị (nhiệm kỳ 2025-2030). Thông thường, khi chuẩn bị tổ chức đại hội đại biểu toàn quốc các nhiệm kỳ, Bộ Chính trị đều ban hành chỉ thị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng nhiệm kỳ tới. Ví dụ: Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 30-05-2014 về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 30-05-2019 về vấn đề này chuẩn bị cho Đại hội XIII của Đảng.

Các tỉnh ủy ở ĐBSH cần trên cơ sở quy hoạch tỉnh ủy, BTVTU nhiệm kỳ 2025-2030 và căn cứ vào Chỉ thị của Bộ Chính trị về vấn đề này cho Đại hội XIV của Đảng để bảo đảm số lượng tỉnh ủy viên nhiệm kỳ tới một cách hợp lý, phù hợp. Tập trung vào việc rà soát quy hoạch tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025-2030, xem xét và dự kiến khả năng những cán bộ trong quy hoạch trúng cử; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đại hội bầu cấp ủy đạt kết quả đến mức cao nhất theo dự kiến về số lượng theo quy định và có cơ cấu hợp lý. Ngoài các cơ cấu về độ tuổi, giới tính... cần quan tâm đến cơ cấu tỉnh ủy viên khóa tới về chuyên môn được đào tạo, trong đó có chuyên môn về GD&ĐT và chuyên môn liên quan trực tiếp đến lĩnh vực này; quan tâm đến cơ cấu BTVTU là người có chuyên môn thuộc lĩnh vực GD&ĐT.

Ba là, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng tỉnh ủy viên, ủy viên BTVTU đã bầu trong đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030 và tổ chức thực hiện.

Ban thường vụ tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của mình, nhất là ban tổ chức tỉnh ủy tiến hành rà soát lại về chuyên môn được đào tạo, bồi dưỡng, về lý luận chính trị và các chuyên

ngành thuộc lĩnh vực GD&ĐT để gửi các tỉnh ủy viên hoạt động trong lĩnh vực GD&ĐT tham gia các lớp bồi dưỡng cập nhật kiến thức và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực này. Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có thể tổ chức lớp học này một cách hợp lý không nên kéo dài thời gian các lớp học ảnh hưởng đến công việc của cán bộ.

Bốn là, nâng cao năng lực tham gia xây dựng các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy về công tác GD&ĐT và năng lực tổ chức thực tiễn về lĩnh vực này của tỉnh ủy viên.

Từng tỉnh ủy viên cần coi trọng vận dụng những kiến thức và kinh nghiệm công tác của mình vào việc tham gia xây dựng và thảo luận, quyết định những nội dung của các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy về GD&ĐT và lãnh đạo công tác GD&ĐT; đề xuất những giải pháp nâng cao chất lượng GD&ĐT và tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT. Coi trọng phát huy vai trò của các tỉnh ủy viên trong thảo luận, quyết định những nội dung về GD&ĐT. Những tỉnh ủy viên là người đứng đầu các cơ quan tổ chức trong lĩnh vực GD&ĐT cần thể hiện rõ vai trò nòng cốt và trách nhiệm của mình trong công việc này.

Bên cạnh đó, cần nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn về lĩnh vực GD&ĐT của tỉnh ủy viên. Cần tăng cường đưa cán bộ tham gia nghiên cứu thực tiễn về công tác GD&ĐT; tham gia các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tổng kết công tác GD&ĐT. Đẩy mạnh các hoạt động giao lưu, học tập, trao đổi kinh nghiệm về công tác GD&ĐT, cấp ủy lãnh đạo công tác GD&ĐT với tỉnh ủy, chính quyền tỉnh trong vùng ĐBSH và các tỉnh, thành phố khác trong nước, nhất là thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu và tiến hành các hoạt động này, đối với các nước trong khu vực và một số nước trên thế giới theo đường lối đối ngoại của Đảng và điều kiện, khả năng tài chính của từng tỉnh.

Năm là, cổ vũ, động viên, tạo thuận lợi cho tỉnh ủy viên, cán bộ chủ chốt hoạt động trong lĩnh vực GD&ĐT thực hiện tốt việc tự học tập, tự rèn luyện nâng cao trình độ mọi mặt, nhất là trình độ về lĩnh vực GD&ĐT và các khoa học liên quan, năng lực công tác, phẩm chất chính trị và đạo đức, lối sống.

Tỉnh ủy là cán bộ chủ chốt trong các cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực GD&ĐT cần tích cực, chủ động thực hiện tốt việc tự học tập, tự rèn luyện nâng cao trình độ mọi mặt, nhất là trình độ về lĩnh vực GD&ĐT và các khoa học cần thiết liên quan đến công việc của mình, nâng cao năng lực công tác. Đồng thời, coi trọng việc tự học tập, tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị, đức đạo đức cách mạng, lối sống trong sạch, lành mạnh. Đây là vấn đề đặc biệt quan trọng, Bởi vì, những cán bộ này là những cán bộ chủ chốt hoạt động trong lĩnh vực GD&ĐT, lĩnh vực “trồng người”, lĩnh vực đặc biệt quan trọng quan hệ mật thiết và quyết định sự phát triển của địa phương, đất nước trong tương lai lâu dài. Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy rằng: “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người” [88, tr.222]. Cần nhận thức sâu sắc và thực hiện tốt lời dạy này.

Từng ủy viên hoạt động trong lĩnh vực GD&ĐT cần luôn đặt lên hàng đầu nhiệm vụ nêu trên, phải thật sự là những tấm gương mẫu mực về tự học tập, tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, lối sống trong sạch, lành mạnh đi liền với việc tự học tập, tự rèn luyện nâng cao trình độ mọi mặt, thực hiện tốt Quy định số 08-QĐ/TW ngày 25-10-2018 của Ban Chấp hành Trung ương về trách nhiệm nêu gương của CB, ĐV để người khác noi theo.

4.2.3.2. Xây dựng các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác giáo dục và đào tạo trong những năm tới

Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, được xác định gồm: văn phòng tỉnh ủy; ban tổ chức; tuyên giáo, dân vận, cơ quan UBKT, ban nội chính tỉnh ủy. Các cơ quan này, có vai trò rất quan trọng đối với hoạt

động của tỉnh ủy, BTVTU ở ĐBSH nói chung, trong lãnh đạo công tác GD&ĐT nói riêng. Trên thực tế, ở nhiều nơi những cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy nói chung, tỉnh ủy nói riêng được coi là “bộ óc thứ hai” của cấp ủy. Bởi vậy, tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT ở ĐBSH không thể không không xây dựng các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy có chất lượng tốt, Để đạt được điều này, cần:

Một là, quán triệt sâu sắc, nâng cao nhận thức đúng đắn thống nhất, Quy định số 04-QĐi/TW ngày 25-07-2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy, tạo cơ sở để thực hiện.

Quy định số 04-QĐi/TW nêu trên quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy ở ĐBSH tuân theo quy định này. Tỉnh ủy, BTVTU cần lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, CB, ĐV nhận thức sâu sắc nội dung của Quy định này. Qua đó, nâng cao nhận thức sâu sắc, thống nhất trong tỉnh ủy, BTVTU và các tỉnh tổ chức, cán bộ có liên quan để thống nhất hành động thực hiện.

Hai là, tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.

Tỉnh ủy, BTVTU tiếp tục quán triệt sâu sắc Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về “tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị” [41, tr.238]. Trong đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy tinh, gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu

tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT. Tiến hành công việc này, theo hướng có thể sáp nhập một số cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy; sáp nhập một số cơ quan này với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của UBND tỉnh một cách phù hợp và theo hướng dẫn của cấp trên; xác định rõ, cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan sau khi sáp nhập, không có những điểm trùng lặp với các cơ quan khác, làm cơ sở tiến hành công tác cán bộ của các cơ quan này bảo đảm chất lượng.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan đã được xác định, BTVTU xác định rõ phạm vi, nội dung liên quan đến công tác GD&ĐT của từng cơ quan tham mưu; lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và thực hiện quy chế làm việc của từng cơ quan và quy chế phối hợp các cơ quan tham mưu trong tham mưu, đề xuất cho tỉnh ủy về chủ trương, giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.

Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.

Tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên là BTVTU tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, coi trọng cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT. Tiến hành công việc này, theo nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII “về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”. Cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao trình độ mọi mặt của đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là cán bộ chủ chốt các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, quan tâm đủ mức đến việc nâng cao trình độ về lĩnh vực GD&ĐT và năng lực tham mưu đề xuất với tỉnh ủy những chủ trương, giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.

Tỉnh ủy, BTVTU tang cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các khâu của công tác cán bộ như: tạo nguồn, xây dựng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ trong quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý từng cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy; quản lý, đánh giá, bổ sung vào quy hoạch những cán bộ đủ tiêu chuẩn, có khả năng phát triển, bổ sung nguồn lực và tổ chức mới vào quy hoạch; tiến hành các thủ tục, quy trình giới thiệu cán bộ ứng cử trong đại hội Đảng của các cơ quan này và đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ tới.

Trong xác định tiêu chuẩn cán bộ đưa vào quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ quan tham mưu, cần coi trọng các tiêu chuẩn: phẩm chất chính trị tốt, có bản lĩnh chính trị; trung thực, chân thực, công tâm. Có kiến thức thực tế, tri thức, kinh nghiệm trước hết là về lĩnh vực tham mưu, cần có kiến thức, kinh nghiệm về lĩnh vực GD&ĐT; khách quan, tôn trọng và lắng ý kiến của cán bộ, công chức trong cơ quan, nhất là những ý trái với ý mình; có năng lực phát hiện vấn đề, phân tích, tổng hợp, đề xuất chủ trương, giải pháp về lĩnh vực tham mưu nói chung và về lĩnh vực GD&ĐT. Khiêm tốn, cầu thị, tính cực tư học tập, tự rèn luyện nâng cao trình độ mọi mặt, năng lực công tác, đạo đức cách mạng, lối sống trong sạch, lành mạnh và đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp. Có phong cách làm việc khoa học, sâu sát thực tiễn, chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những quy định về hoạt động chuyên môn...

Bốn là, chuẩn bị tốt và triển khai việc thi tuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy; thực hiện tốt việc thu hút trọng dụng nhân tài vào làm việc ở các cơ quan này.

Thi tuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý của các cơ quan đơn vị trong HTCT là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước, đã và đang được thực hiện thí điểm ở nhiều cơ quan đơn vị trong HTCT các cấp, thu được kết quả và kinh nghiệm bước đầu. BTVTU cần nghiên cứu và chuẩn bị những điều kiện cần thiết để tổ chức thi tuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý của các cơ quan chuyên trách tham

muu, giúp việc tỉnh ủy theo hướng dẫn của cấp trên khi có đủ điều kiện.

Thu hút trọng dụng nhân tài là chủ trương lớn của Đảng, đã được Nhà nước xây dựng ban hành “Chiến lược quốc gia về thu hút và trọng dụng nhân tài” và triển khai thực hiện trong cả nước. Tỉnh ủy, BTVTU ở ĐBSH cần quan tâm đến công việc này, có cách tiến hành, bước đi cụ thể ở các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy để tạo nguồn cán bộ lãnh đạo quản lý của các cơ quan tham mưu, giúp việc có chất lượng tốt.

4.2.4. Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý, cơ sở giáo dục và đào tạo; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của tỉnh có chất lượng đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác giáo dục và đào tạo

4.2.4.1. Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý, cơ sở giáo dục và đào tạo của tỉnh tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác giáo dục và đào tạo

Các cơ quan quản lý GD&ĐT của các tỉnh ở ĐBSH gồm UBND tỉnh, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và UBND xã, phường thị trấn. Trực tiếp tham mưu, giúp việc UBND tỉnh quản lý GD&ĐT trên địa bàn tỉnh sở GD&ĐT; trực tiếp tham mưu, giúp việc UBND huyện, thị xã, thành phố về quản lý GD&ĐT trên địa bàn là phòng GD&ĐT huyện, thị xã, thành phố. Ở xã, phường thị trấn việc quản lý GD&ĐT của UBND xã, phường thị trấn do đồng chí phó chủ tịch UBND xã, phường thị trấn phụ trách văn xã (văn hóa, xã hội). Phần lớn cơ sở GD&ĐT có các phòng chức năng làm nhiệm vụ quản lý GD&ĐT.

Việc quản lý GD&ĐT của UBND tỉnh, cấp huyện, cấp xã là quản lý nhà nước về GD&ĐT trên địa bàn. Các cơ quan nêu trên quản lý GD&ĐT theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan và theo sự phân cấp quản lý. UBND các cấp trong tỉnh quản lý GD&ĐT về những nội dung chủ yếu như, tổ chức bộ máy, cán bộ, viên chức, giáo viên, chương trình, nội dung dạy và học của từng cấp học,

ngành học. Chẳng hạn, tuy UBND xã, phường, thị trấn quản lý các trường mẫu giáo, tiểu học, THCS trên địa bàn, chỉ quản lý về mặt hành chính; quản lý về tổ chức bộ máy, cán bộ, giáo viên các trường này do UBND cấp huyện, trực tiếp tham mưu, giúp việc là phòng giáo dục cấp huyện. Các trường THPT, các trường đại học, cao đẳng, phần lớn cơ sở dạy nghề của tỉnh do UBND tỉnh quản lý...

Các cơ quan quản lý GD&ĐT ở các tỉnh ĐBSH có vai trò rất quan trọng đối với các hoạt động GD&ĐT ở các tỉnh; bảo đảm cho công tác GD&ĐT được tiến hành theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt hiệu quả, phát huy vai trò đối với sự phát triển mọi mặt ở địa phương, góp phần quan trọng vào sự phát triển của đất nước. Bởi vậy, để tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT cần sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý GD&ĐT của tỉnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Cần:

Một là, tiếp tục quán triệt Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII của Đảng về tổ chức bộ máy HTCT; Nghị quyết Trung ương 8, khóa XI về GD&ĐT; Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết này, trong đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan quản lý GD&ĐT của tỉnh.

Đảng đã ban hành và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI. Trong đó, Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI nhấn mạnh nhiệm vụ, giải pháp: “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với đổi mới giáo dục và đào tạo” [36, tr.125]; Kết luận số 51-KL/TW tiếp tục nhấn mạnh: “Tăng cường

sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của cấp ủy, chính quyền các cấp... trong thực hiện Nghị quyết” [5]. Tỉnh ủy, BTVTU cần lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ việc tiếp tục quán triệt các nghị quyết, Kết luận này, chú ý quán triệt nhiệm vụ, giải pháp về tăng cường quản lý của chính quyền các cấp đối với công tác GD&ĐT, tạo nhận thức thống nhất trong quá trình tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý GD&ĐT của tỉnh tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.

Hai là, rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý GD&ĐT của tỉnh, tiến hành đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan này tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo việc rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý GD&ĐT của tỉnh. Qua đó, xác định những điểm trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý GD&ĐT và những cơ quan có chức năng, nhiệm vụ gần giống nhau. Đây là cơ sở của việc tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan này tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII về HTCT.

Ba là, tiến hành sáp nhập những cơ quan quản lý GD&ĐT của tỉnh một cách hợp lý, đem lại hiệu quả theo hướng dẫn của cấp trên.

Tiến hành sáp nhập những cơ quan quản lý GD&ĐT có chức năng, nhiệm vụ gần giống nhau, khắc phục những điểm trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý, cơ sở GD&ĐT theo Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII nêu trên. Có thể chấm dứt hoạt động của một số cơ quan quản lý, cơ sở GD&ĐT nếu thấy cần thiết. Qua đó, tạo thuận lợi cho việc thực hiện tốt nhiệm vụ giải pháp của Kết luận số 51-KL/TW “Tiếp tục đổi mới công tác quản lý” [5]. Tiến hành công việc này, cần chuẩn bị chu đáo có bước đi cụ thể, thận trọng, cần tiến hành tốt công tác tư tưởng và theo sự hướng dẫn, chỉ đạo của cấp trên. Bởi vì, đây là vấn đề rất nhạy cảm.

Có thể tiến hành công việc này, đối với các cơ quan quản lý GD&ĐT,

như: các phòng, bộ phận của sở GD&ĐT, có thể sáp nhập một vài sở theo hướng dẫn của Trung ương; các bộ phận của phòng GD&ĐT cấp huyện, có thể sáp nhập một vài phòng theo hướng dẫn của cấp trên.

Xem xét tiến hành sáp nhập các cơ sở dạy nghề, các trường cao đẳng một cách hợp lý, phù hợp với từng tỉnh. Đối với việc sáp nhập các trường cao đẳng ở các tỉnh, trước đây phần lớn các tỉnh trong cả nước trong đó có các tỉnh ở ĐBSH đều có nguyện vọng, tỉnh mình có ít nhất một trường đại học và được cấp có thẩm quyền đồng tình. Nhiều tỉnh đã sáp nhập các trường cao đẳng lại và thành lập trường đại học. Sau đó, cấp có thẩm quyền nhận thấy có nhiều điểm bất lợi và đã tạm dừng việc này ở các tỉnh còn lại. Hiện tại ở ĐBSH còn nhiều tỉnh chưa tiến hành việc này. Ở các tỉnh còn khá nhiều trường cao đẳng, nhiều trường hoạt động hiệu quả thấp, rất cần được sáp nhập một cách hợp lý. Tỉnh ủy, BTVTU ở những tỉnh này cần nghiên cứu tiến hành sáp nhập các trường cao đẳng mọi cách hợp theo hướng dẫn của cấp trên. Cần chuẩn bị chu đáo những điều kiện cần thiết để tiến hành sáp nhập các trường thuộc hệ giáo dục phổ thông khi triển khai sáp nhập huyện, quận, xã phường, thị trấn theo chủ trương của Đảng, Nhà nước. Thực hiện tốt những việc nêu trên là thiết thực góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ, giải pháp do Kết luận số 51-KL/TW xác định: “tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở; xây dựng xã hội học tập” [5].

Bốn là, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý GD&ĐT, lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và thực hiện quy chế làm việc.

Tỉnh ủy, BTVTU, trực tiếp là BTVTU tiếp tục lãnh đạo chỉ đạo chỉnh sửa, bổ sung, hoàn chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý GD&ĐT, nhất là đối với các cơ quan quản lý GD&ĐT có biến động về tổ chức bộ máy, như sáp nhập; điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ; giao những nội dung trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý GD&ĐT cho một cơ quan đảm nhiệm. Đồng thời, BTVTU tập trung lãnh đạo các cơ quan quản lý GD&ĐT xây dựng và thực hiện quy chế làm việc của mình, định kỳ sơ kết, tổng kết

việc thực hiện quy chế và chỉnh sửa bổ sung để quy chế làm việc hoàn chỉnh hơn.

Năm là, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan quản lý GD&ĐT đã được xác định, tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan này tiến hành xác định chính xác vị trí việc làm và số lượng cán bộ, công chức cần thiết để triển khai thực hiện.

Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo tiến hành công việc nêu trên theo nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII của Đảng “về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”, chú ý thực hiện các giải pháp về vị trí việc làm.

4.2.4.2. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của tỉnh đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác giáo dục và đào tạo

Đảng ta khẳng định: “...cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng” [32, tr.239]. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của các tỉnh ở ĐBSH có vai trò rất quan trọng đối với việc thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về GD&ĐT và nâng cao chất lượng công tác GD&ĐT ở các tỉnh, Đặc biệt, đội ngũ nhà giáo là lực lượng nòng cốt quyết định chất lượng công tác GD&ĐT, quyết định chất lượng, hiệu quả việc tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT. Bởi vậy, cần coi trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ này. Tập trung vào những giải pháp chủ yếu sau đây:

**** Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo***

Một là, các cấp ủy, nhất là tỉnh ủy, BTVTU và cấp ủy cấp huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo.

Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI của Đảng về GD&ĐT nêu nhiệm vụ, giải pháp “Phát triển đội ngũ nhà giáo... đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và

đào tạo” [36, tr.136]; đồng thời nhấn mạnh “Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học và ngành học” [36, tr.136]. Kết luận số 51-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI, tiếp tục nhấn mạnh nhiệm vụ, giải pháp này. Các cấp ủy, nhất là tỉnh ủy, BTVTU và cấp ủy cấp huyện tiếp tục nhận thức sâu sắc và tập trung và việc chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo đối với những giáo viên chưa đạt chuẩn. Phần đầu đạt mục tiêu: tất cả giáo viên tiểu học, THCS, giáo viên, giảng viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có trình độ từ đại học trở lên, có năng lực sư phạm. Giảng viên cao đẳng, đại học có trình độ từ thạc sĩ trở lên và phải được đào tạo về nghiệp vụ sư phạm.

Hai là, phát triển, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của hệ thống trường sư phạm để có đội ngũ nhà giáo đủ số lượng, cơ cấu hợp lý về chuyên môn được đào tạo, có chất lượng tốt và đạt chuẩn.

Cấp ủy các cấp, nhất là tỉnh ủy, BTVTU, cấp ủy cấp huyện và cấp ủy trong các trường sư phạm tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ, giải pháp này để cung cấp cho từng tỉnh đội ngũ nhà giáo có chất lượng và đạt chuẩn theo mục tiêu nêu trên, sẽ tránh được tình trạng hiện nay là: trong đội ngũ nhà giáo có một bộ phận không nhỏ nhà giáo chưa đạt chuẩn, phải tốn thời gian và kinh phí để chuẩn hóa, hơn nữa những nhà giáo chưa đạt chuẩn thường chất lượng giảng dạy của họ thường không cao.

Phát triển, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của hệ thống trường sư phạm cần tập trung vào xây dựng chương, nội dung đào tạo, bồi dưỡng của các trường này hợp lý, khoa học, thiết thực; chọn và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên đáp ứng tốt yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của hệ thống trường sư phạm. Bên cạnh đó, cần coi trọng nâng cao chất lượng dạy và học các môn lý luận chính trị, nhất là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giáo dục rèn luyện nâng cao đạo đức, lối sống, nhất là đạo đức nhà giáo

và lối sống trong sạch lành mạnh, sự gắn bó, yêu nghề, say sưa với nghề cho những sinh viên đào tạo giáo viên.

Ba là, cùng với việc thi tuyển sinh viên vào học tại các trường sư phạm, cần có chính sách cử tuyển đối với các xã vùng núi, hải đảo để cung cấp giáo viên có chất lượng cho những địa phương này.

Ở các tỉnh vùng ĐBSH còn có khá nhiều xã, huyện thuộc vùng núi, biên giới và hải đảo, như huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, các huyện thuộc vùng núi, biên giới, một số xã đảo của huyện Vân Đồn của tỉnh Quảng Ninh... Chất lượng GD&ĐT ở những nơi này thường thấp, nguyên nhân chủ yếu là thiếu giáo viên, chất lượng giáo viên thấp. Tỉnh ủy, BTVTU cần coi trọng khắc phục dần tình trạng này. Cần có cơ chế cử tuyển người đi học ở các trường sư phạm; có chế độ hỗ trợ tài chính cho họ; thực hiện tốt chế độ giáo viên đi giảng dạy ở các xã, huyện vùng núi, dân tộc, biên giới, hải đảo trong thời gian nhất định mới được chuyển về giảng dạy ở những nơi có điều kiện mọi mặt thuận lợi.

Bốn là, cổ vũ, động viên đội ngũ nhà giáo tự học tập, tự rèn luyện nâng cao trình độ, năng lực, kinh nghiệm giảng dạy và đạo đức, lối sống đáp ứng tốt yêu cầu cầu về mọi mặt đối với nhà giáo.

Cấp ủy, chính quyền địa phương, nhất là cấp ủy, tổ chức đảng, ban giám hiệu các cơ sở GD&ĐT cần coi trọng công việc này. Cần cổ vũ, động viên đội ngũ nhà giáo tự học tập, tự rèn luyện nâng cao trình độ, năng lực, kinh nghiệm giảng dạy và đạo đức, lối sống; đồng thời, coi trọng tạo thuận lợi cho đội ngũ nhà giáo thực hiện công việc này, đạt hiệu quả; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tự học tập, tự rèn luyện của đội ngũ nhà giáo; khen thưởng kịp thời những giáo viên thực hiện tốt công việc này; phê phán những giáo viên có khuyết điểm về tự học tập, tự rèn luyện nâng cao trình độ, năng lực, kinh nghiệm giảng dạy và đạo đức, lối sống.

** Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục của tỉnh*

Một là, cụ thể hóa tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn chức danh cán bộ quản lý giáo dục của tỉnh ở ĐBSH tạo thuận lợi cho việc tiến hành các khâu của công tác cán bộ.

Để có đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT, trước hết cần cụ thể hóa tiêu chuẩn chung, tiếp đến là tiêu chuẩn chức danh cán bộ quản lý giáo dục, gồm: hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tiểu học, THCS; hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng của các trường THPT, cơ sở dạy nghề, trường cao đẳng, đại học (ở những tỉnh có trường đại học); giám đốc, phó giám đốc sở GD&ĐT và trưởng phòng, phó trưởng phòng của sở GD&ĐT, cán bộ tham gia quản lý giáo dục gồm một số cán bộ của UDND cấp huyện, tỉnh.

Dựa chắc vào tiêu chuẩn chung của cán bộ trong Chiến lược cán bộ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Quy định số 89-QĐ/TW ngày 04-8-2017 của Bộ Chính trị về ‘Khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp’, đặc điểm của quản lý giáo dục, đặc điểm của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục của tỉnh và đặc điểm của tỉnh để xác định tiêu chuẩn chung của cán bộ quản lý giáo dục.

Tiến hành cụ thể hóa tiêu chuẩn chức danh quản lý giáo dục trên cơ sở xác định rõ vị trí việc làm và yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, những phẩm chất cần thiết đối với người đảm nhận vị trí việc làm, bảo đảm hoàn thành các công việc của vị trí việc làm đó để xác định tiêu chuẩn chức danh cán bộ quản lý giáo dục của tỉnh. Có thể phân chia những cán bộ này thành các loại, như: cán bộ quản lý tiểu học, THCS, trung học phổ thông, trưởng phòng, phó trưởng phòng GD&ĐT cấp huyện; hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng cơ sở dạy nghề, trường cao đẳng; hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, trưởng phòng, phó trưởng của trường đại học của tỉnh.

Tiêu chuẩn chức danh cán bộ quản lý giáo dục cần bảo đảm những yêu cầu: về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, nhấn mạnh đạo đức ngành GD&ĐT; trình độ đào tạo, năng lực, kinh nghiệm, kỹ năng xử lý các tình huống về GD&ĐT, thái độ đối với giáo viên và cấp dưới, sức khỏe...

Hai là, đẩy mạnh công tác tạo nguồn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ quản lý giáo dục.

Trên cơ sở tiêu chuẩn từng chức danh cán bộ quản lý giáo dục đã được xác định đẩy mạnh công tác tạo nguồn, gồm nguồn ngắn hạn, dài hạn. Cần chú ý, những cán bộ nguồn cán bộ quản lý giáo dục chỉ cần đạt ở mức độ nhất định một số tiêu chuẩn chủ yếu, vì họ còn phải qua quá trình đào tạo, bồi dưỡng.

Tiếp đến tiến hành đưa cán bộ nguồn vào quy hoạch các chức danh cán bộ quản lý giáo dục; tiến hành đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ trong quy hoạch. Nên chọn đưa vào quy hoạch cán bộ quản lý giáo dục những giáo viên có trình độ, khả năng quản lý, có kinh nghiệm giảng dạy. Việc luân chuyển những cán bộ này, cần tiến hành luân chuyển ngang giữa các trường cùng loại (tiểu học, THCS, THPT; trường dạy nghề, cao đẳng...); luân chuyển dọc giữa cán bộ quản lý ở các trường với cán bộ ở các phòng GD&ĐT cấp huyện và cán bộ ở sở GD&ĐT.

Ba là, tăng cường quản lý, đánh giá, kiểm tra, giám sát, thực hiện chính sách cán bộ và thực hiện nghiêm quy trình, thủ tục bổ nhiệm cán bộ trong quy hoạch đảm nhiệm chức vụ của chức danh đã được quy hoạch, miễn nhiệm cán bộ quản lý giáo dục.

Thực hiện những công việc nêu trên đối với cán bộ trong quy hoạch cán bộ quản lý giáo dục; đồng thời, coi trọng việc đánh giá cán bộ quản lý giáo dục đương chức; trong xây dựng quy hoạch cán bộ quản lý giáo dục cần xem xét đưa vào quy hoạch những cán bộ quản lý giáo dục còn thời gian công tác theo quy định, có năng lực quản lý. Đi liền với những công việc này, cần tiến hành kịp thời thủ tục, quy trình miễn nhiệm cán bộ quản lý giáo dục.

Bốn là, coi trọng phát huy vai trò của việc tự học tập, tự rèn luyện của cán bộ quản lý giáo dục trong quy hoạch và đương chức; phát huy mạnh mẽ vai trò của các tổ chức CT-XH và nhân dân địa phương tham gia vào việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục của tỉnh.

Cấp ủy, chính quyền trong tỉnh theo phân cấp quản lý cán bộ coi trọng phát huy vai trò của việc tự học tập, tự rèn luyện của cán bộ quản lý giáo dục trong quy hoạch và đương chức. Cần tạo thuận lợi cho cán bộ thực hiện tốt công việc này. Cấp ủy ở các địa phương trong tỉnh cần phát huy mạnh mẽ vai trò của các tổ chức CT-XH và nhân dân địa phương tham gia vào việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục của tỉnh. Tập trung vào việc giám sát hoạt động của cán bộ quản lý của các trường tiểu học, THCS, THPT, cơ sở dạy nghề...

4.2.5. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác giáo dục và đào tạo; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, xử lý kịp thời, nghiêm minh những sai phạm

4.2.5.1. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân ở các tỉnh đồng bằng sông Hồng tham gia vào việc tăng sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác giáo dục và đào tạo

Tham gia vào việc tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT là chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của MTTQ, các tổ chức CT-XH đã được Đảng quy định. Bên cạnh đó, tham gia vào công việc này, là trách nhiệm và quyền lợi của nhân dân ở các địa phương. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, trong đó có sự nghiệp GD&ĐT. Hơn nữa, sự nghiệp GD&ĐT liên quan trực tiếp việc giáo dục con em đông đảo nhân dân thành người có tri thức, đạo đức, lối sống đúng đắn, đào tạo con em họ thành người có chuyên môn, nghiệp vụ để cống hiến cho đất nước và mưu sinh. Bởi vậy, tổ chức CT-XH và đông đảo nhân

dân ở các địa phương của các tỉnh tích cực tham gia vào tăng sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT. Các cấp ủy địa phương trong tỉnh cần trân trọng điều này, có chủ trương, giải pháp phát huy mạnh mẽ vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH và nhân dân tham gia vào công việc nêu trên. Để đạt được điều này, cần:

Một là, cấp ủy cấp xã, huyện, tỉnh ủy, BTVTU tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo MTTQ, các tổ chức CT-XH tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng hoạt động để có thể tham gia đạt hiệu quả vào việc tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.

Các cần ủy cần tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của MTTQ, các tổ chức CT-XH theo nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; nhiệm vụ, giải pháp về nội dung này trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Có thể sáp nhập một số bộ phận của các tổ chức này ở cấp huyện, tỉnh hợp lý, khoa học hơn, khắc phục dần, đạt hiệu quả tình trạng khá phổ biến là những biểu hiện “hành chính hóa” hoạt động của các tổ chức này.

Hai là, xây dựng đội ngũ cán bộ MTTQ, các tổ chức CT-XH có chất lượng tốt đủ trình độ và năng lực tham gia đạt hiệu quả vào việc tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.

Để đạt được điều nêu trên, các cấp ủy cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các khâu của công tác cán bộ đối với cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các tổ chức này có chất lượng tốt theo nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII “về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ” và nhiệm vụ, giải pháp của Đại hội XIII của Đảng về xây dựng đội ngũ cán bộ của HTCT. Cần chuẩn bị chu đáo những điều kiện cần thiết để từng bước chuẩn bị và thực hiện tốt chủ trương của Nghị quyết Trung ương 7 khóa

XII nêu trên: “Thực hiện thí điểm trường ban dân vận đồng thời là chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc ở cấp tỉnh, cấp huyện những nơi đủ điều kiện” [39, tr.62]; khắc phục dần những biểu hiện “công chức hóa” cán bộ” [39, tr.61] của các tổ chức này.

Ba là, các cấp ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo sự phối hợp giữa MTTQ, các tổ chức CT-XH với nhau và với chính quyền tỉnh, cấp huyện, cấp xã trong tham gia vào việc tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.

Để MTTQ, các tổ chức CT-XH tham gia đạt hiệu quả vào việc tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT các tổ chức này, cần phối hợp chặt chẽ với nhau; đồng thời, phối hợp chặt chẽ với chính quyền tỉnh, cấp huyện, cấp xã trong tiến hành công việc nêu trên. Cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện quy chế, chỉnh sửa, bổ sung để quy chế hoàn chỉnh hơn và đúc rút kinh nghiệm. Đồng thời, hướng dẫn các tổ chức này về nội dung, những việc làm cần thiết để tham gia đạt hiệu quả vào việc tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.

Bốn là, MTTQ, các tổ chức CT-XH không chỉ tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên của mình mà còn tuyên truyền, vận động, tập hợp và hướng dẫn nhân dân địa phương tham gia vào việc tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.

Cùng với việc lãnh đạo, chỉ đạo MTTQ, các tổ chức CT-XH tham gia đạt hiệu quả vào việc tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT, các cấp ủy cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức này theo chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm của từng tổ chức thực hiện việc tuyên truyền, vận động và hướng dẫn nhân dân địa phương tham gia đạt kết quả vào tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT đối với từng đối tượng nhân dân một cách hợp lý, phù hợp. Có thể tổ chức nhân dân tiến hành

công việc này cùng với việc các đoàn viên, hội viên của mình tham gia vào công việc này.

Năm là, tạo thuận lợi để MTTQ, các tổ chức CT-XH và nhân dân tham gia đạt hiệu quả vào việc tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.

Các cấp ủy cần coi rộng thực hiện tốt công việc này, tập trung vào việc hướng dẫn và tổ chức cho MTTQ, các tổ chức CT-XH và nhân dân tiến hành công việc nêu trên. Đặc biệt coi trọng việc giám sát hoạt động của các cơ sở GD&ĐT, các cơ quan, cán bộ quản lý giáo dục để tránh những tiêu cực suy thoái; tạo thuận lợi cho các tổ chức này thực hiện chức năng phản biện xã hội đối với những dự thảo văn bản về GD&ĐT của cấp ủy, chính quyền cấp xã, cấp huyện, tỉnh trước khi ban hành. **Chú trọng vai trò của nhân dân tham gia giám sát vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT, cũng như hoạt động của các cơ sở GD&ĐT. Sự tham gia của nhân dân có thể giúp đảm bảo tính minh bạch, công bằng và hiệu quả trong các hoạt động giáo dục. Điều này không chỉ giúp nâng cao chất lượng giáo dục mà còn góp phần xây dựng một xã hội học tập bền vững.**

4.2.5.2. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy; coi trọng thanh tra, kiểm toán xử lý kịp thời, nghiêm minh những sai phạm; phối hợp chặt chẽ giữa các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng trong lãnh đạo công tác giáo dục và đào tạo

Đảng ta khẳng định: “*Lãnh đạo mà không kiểm tra thì coi như không có lãnh đạo*” [26, tr.123]. Tăng cường tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT không thể không tăng cường công tác kiểm tra, giám sát. Để thực hiện tốt điều này, cần:

Một là, tỉnh ủy, BTVTU nhận thức sâu sắc và thực hiện nghiêm, đạt hiệu quả quy định của Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát.

Điều lệ Đảng hiện hành quy định: “Cấp ủy đảng lãnh đạo công tác kiểm

tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng” [46, tr.51]. Tỉnh ủy, BTVTU tăng cường lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng, tập trung kiểm tra, giám sát các cấp ủy trực thuộc và những đảng viên là cán bộ diện BTVTU quản lý; lãnh đạo công tác kiểm tra của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy về thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về GD&ĐT. Trong những trường hợp cần thiết tỉnh ủy, BTVTU trực tiếp tổ chức các cuộc kiểm tra, giám sát về nội dung này.

Hai là, tỉnh ủy, BTVTU tập trung hơn vào lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát của UBKT tỉnh ủy và lựa chọn, sử dụng các hình thức, phương pháp kiểm tra, giám sát phù hợp, đạt hiệu quả trong kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT.

Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy là cơ quan chuyên trách công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của tỉnh ủy, BTVTU, lại có cơ quan UBKT là cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy về công tác kiểm tra, giám sát. Đây là những tổ chức có vai trò rất quan trọng đối với công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy.

Tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên là BTVTU cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo UBKT tỉnh ủy xây dựng, thông qua và thực hiện chương trình công tác kiểm tra, giám sát cả nhiệm kỳ ngay sau đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại, trong đó có kiểm tra, giám sát về thực hiện những nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT; kiểm tra, giám sát UBKT tỉnh ủy về thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát đã được xây dựng và thông qua; định kỳ sơ kết, tổng kết đúc rút kinh nghiệm về thực hiện, chỉnh sửa, bổ sung để chương trình, kế hoạch này hoàn chỉnh hơn.

Trong quá trình UBKT tỉnh ủy tiến hành các cuộc kiểm tra, nhất là kiểm tra việc thực hiện những nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về

công tác GD&ĐT, BTVTU cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, cho ý kiến định hướng tháo gỡ những khó khăn, giải quyết những vấn đề mới nảy sinh để UBKT tỉnh ủy tiến hành các cuộc kiểm tra theo đúng kế hoạch, đạt hiệu quả. Tỉnh ủy, BTVTU đặc biệt coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo UBKT tỉnh ủy tăng cường kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT để phòng ngừa, ngăn chặn sai lầm, khuyết điểm ngay từ khi chúng còn là mầm mống.

Tỉnh ủy, BTVTU coi trọng lãnh đạo kiện toàn tổ chức bộ máy UBKT tỉnh ủy tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả, nâng cao chất lượng các ủy viên UBKT tỉnh ủy và của cơ quan UBKT tỉnh ủy đáp ứng yêu cầu tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy nói chung, kiểm tra giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT nói riêng.

Tỉnh ủy, BTVTU và UBKT tỉnh ủy cần duy trì thành nề nếp việc kiểm tra định kỳ, coi trọng tiến hành các cuộc kiểm tra đột xuất, kiểm tra, giám sát theo chuyên đề, trong đó có chuyên đề về các mặt, nội dung của thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT; kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm về thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT.

Ba là, BTVTU coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đảng hoạt động trong các cơ quan chức năng của chính quyền tỉnh lãnh đạo các cơ quan này tiến hành thanh tra, kiểm toán, xử lý kịp thời, nghiêm minh những sai phạm về GD&ĐT.

Tỉnh ủy, trực tiếp là BTVTU coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đảng hoạt động trong chính quyền tỉnh và trong các cơ quan chức năng của chính quyền tỉnh như ban cán sự đảng UBND tỉnh, cấp ủy trong cơ quan chức năng để các tổ chức đảng này lãnh đạo các cơ quan chức năng tăng cường thanh tra, kiểm toán, xử lý kịp thời, nghiêm minh những tập thể và cá nhân vi phạm trong lĩnh vực GD&ĐT.

Bốn là, kết hợp chặt chẽ công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy với công tác thanh tra, kiểm toán, xử lý sai phạm trong lĩnh vực GD&ĐT.

Công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy và xử lý sai phạm liên quan mật thiết với công tác thanh tra, kiểm toán và xử lý sai phạm trong lĩnh vực GD&ĐT. Hơn nữa, công tác thanh tra, kiểm toán ở nhiều công việc rất cần có sự tham gia của MTTQ, các tổ chức CT-XH và nhân dân địa phương. Vì vậy, cần kết hợp chặt chẽ công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy với công tác giám sát của MTTQ, các tổ chức CT-XH và nhân dân địa phương với công tác thanh tra, kiểm toán và xử lý sai phạm. Tỉnh ủy cần chủ trì thực hiện việc kết hợp này, tập trung vào việc lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp, đôn đốc việc thực hiện quy chế, xác định rõ những nội dung trong lĩnh vực GD&ĐT cần có sự phối hợp trong công việc của ba lực lượng này.

Năm là, phối hợp chặt chẽ giữa các tỉnh ủy ở ĐBSH trong lãnh đạo công tác GD&ĐT.

Hiện tại, việc phối hợp giữa các tỉnh ủy ở ĐBSH trong mọi hoạt động nói chung, trong lãnh đạo công tác GD&ĐT nói riêng nhìn chung còn lỏng lẻo, ảnh hưởng nhất định đến chất lượng hoạt động của các tỉnh ủy nói chung và đến hoạt động lãnh đạo công tác GD&ĐT nói riêng. Bởi vậy, rất cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các tỉnh ủy ở ĐBSH trong mọi hoạt động cũng như trong lãnh đạo công tác GD&ĐT. Để thực hiện được điều này, các tỉnh ủy cần tích cực, chủ động liên hệ với nhau, tăng cường giao lưu trong các hoạt động để học tập, trao đổi kinh nghiệm, dần dần tạo sự phối hợp chặt chẽ trong mọi hoạt động nói chung và trong lãnh đạo công tác GD&ĐT nói riêng. Cần tăng cường trao đổi, xây dựng và thực hiện những quy định về sự phối hợp. Thực hiện tốt việc này sự phối hợp giữa các tỉnh ủy sẽ chặt chẽ hơn, chất lượng lãnh đạo công tác GD&ĐT của từng tỉnh ủy sẽ được nâng lên.

4.2.6. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, việc tạo thuận lợi của các ban, ngành, cơ quan Trung ương cho các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng lãnh đạo công tác giáo dục và đào tạo đạt hiệu quả

4.2.6.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng trong lãnh đạo công tác giáo dục và đào tạo

Các tỉnh ủy ở ĐBSH tăng cường lãnh đạo công tác GD&ĐT trong những năm tới rất cần sự lãnh đạo của Đảng, trước hết là của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Đây là nhiệm vụ, trách nhiệm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Để hoàn thành nhiệm vụ trách nhiệm này, cần:

Một là, Bộ Chính trị, Ban Bí thư có thể tiến hành lãnh đạo, chỉ đạo tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI ngày 04/11/2013 về GD&ĐT và Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8, có thể ban hành Nghị quyết hoặc Kết luận mới thay thế.

Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI, ngày 04/11/2013 “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện. Qua năm năm thực hiện ban Bí thư ban hành Kết luận số 51-KL/TW ngày 30-5-2019 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết này. Như vậy, đến nay Nghị quyết Trung ương 8 nêu trên đã được thực hiện trong gần 12 năm, Kết luận số 51-KL/TW đã được thực hiện gần năm năm. Hiện tại tình hình thế giới, khu vực và trong nước đã có nhiều thay đổi, nhất là khoa học và công nghệ với sự phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, đòi hỏi rất lớn và cấp bách việc đổi mới, nâng cao chất lượng GD&ĐT. Điều này đặt ra cần tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 và Kết luận số 51-KL/TW, có thể có nghị quyết mới thay thế Nghị quyết Trung ương 8, hoặc có Kết luận mới thay thế kết luận số 51-KL/TW nêu trên.

Hai là, Bộ Chính trị, Ban Bí thư tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đầy

manh việc triển khai nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, thực tiễn liên quan trực tiếp đến việc đổi mới, nâng cao chất lượng GD&ĐT.

Hiện nay và những năm tới công tác GD&ĐT ở nước ta chịu tác động rất mạnh mẽ của nhiều yếu tố mới, chất lượng GD&ĐT đã được nâng lên một bước khá lớn, so với hơn mười năm trước đây, khi Đảng ban hành Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về GD&ĐT. Song, khá nhiều vấn đề lý luận liên quan trực tiếp và chi phối mạnh mẽ việc định hướng phát triển và nâng cao chất lượng, GD&ĐT như: Đảng duy nhất cầm quyền lãnh đạo, cầm quyền đối với Nhà nước và xã hội; nội dung, PTLĐ, cầm quyền của Đảng; nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong thể chế quyền lực nhà nước là thống nhất ở nước ta; quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, cầm quyền với Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật... Những vấn đề này, rất cần được nghiên cứu làm sáng tỏ phục vụ đắc lực cho các tỉnh ủy ở ĐBSH tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác GD&ĐT.

Ba là, Bộ Chính trị, Ban Bí thư tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo UBKT trung ương tiến hành kiểm tra, giám sát các tỉnh ủy ở ĐDSH về lãnh đạo công tác GD&ĐT.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo UNKT trung ương coi trọng kiểm tra, giám sát các tỉnh ủy ở ĐBSH về lãnh đạo công tác GD&ĐT. Đồng thời, tùy theo tình hình cụ thể về công tác GD&ĐT ở các tỉnh, nếu có vấn đề phức tạp Bộ Chính trị, Ban Bí thư có thể tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra đối với những tỉnh ủy này. Tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý dứt điểm những tiêu cực, tham nhũng, suy thoái trong lĩnh vực GD&ĐT.

4.2.6.2. Các ban, ngành, cơ quan Trung ương tạo thuận lợi cho các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng lãnh đạo công tác giáo dục và đào tạo đạt hiệu quả

Việc tạo thuận lợi của các ban, ngành, cơ quan Trung ương, cho các tỉnh ủy ở ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT đạt hiệu quả là rất cần thiết, nhất

là các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Ban Chấp hành Trung ương, các ban, ngành, cơ quan trực tiếp hoạt động trong lĩnh vực GD&ĐT và các cơ quan liên quan trực tiếp đến công tác này. Để các ban, ngành, cơ quan Trung thực hiện tốt công việc này, cần:

Một là, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhận thức sâu sắc trách nhiệm của mình đối với việc tăng cường lãnh đạo công tác GD&ĐT của các tỉnh ủy ở ĐBSH, tích cực, chủ động tạo thuận lợi cho các tỉnh ủy thực hiện tốt công việc này.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực tham mưu và đặc điểm hoạt động của mình, từng cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Ban Chấp hành Trung ương cần coi trọng và tích cực, chủ động tạo thuận lợi cho các tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo công tác GD&ĐT đạt hiệu quả. Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn cụ thể và chi tiết cho ban tổ chức tỉnh ủy và tỉnh ủy những chủ trương, quyết định của Đảng về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng các cơ sở GD&ĐT và các cơ quan quản lý GD&ĐT, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và đội ngũ nhà giáo; Ban Tuyên giáo, Dân vận Trung ương tăng cường hướng dẫn và phối hợp với ban tuyên giáo, dân vận tỉnh ủy trong công tác tuyên truyền, vận động CBDV và nhân dân tham gia nâng cao chất lượng công tác GD&ĐT, vận động nhân dân thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đảng, tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT...

Hai là, các bộ, nhất là Bộ GD&ĐT tăng cường tạo thuận lợi để cho tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo công tác GD&ĐT đạt hiệu quả.

Bộ GD&ĐT tăng cường hướng dẫn sở GD&ĐT về các chủ trương, quyết định của Nhà nước về GD&ĐT, chương trình đào tạo, chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới, giáo trình mới, đổi mới việc thi, kiểm tra, đánh giá kết quả GD&ĐT, hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ

thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập...

Các bộ theo chức năng, nhiệm vụ của mình tạo thuận lợi để các tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo công tác GD&ĐT đạt hiệu quả. Các cơ quan chức năng của Nhà nước tăng cường thanh tra, kiểm toán và xử lý nghiêm minh, kịp thời những tiêu cực suy thoái trong lĩnh vực GD&ĐT ở các tỉnh.

Ba là, Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, cơ quan lãnh đạo của từng tổ chức CT-XH ở Trung ương tạo thuận lợi cho các tỉnh ủy ở ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT đạt kết quả.

Theo chức năng, nhiệm vụ của mình Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, cơ quan lãnh đạo từng tổ chức CT-XH ở Trung ương tạo thuận lợi cho các tỉnh ủy nâng cao chất lượng lãnh đạo công tác GD&ĐT. Coi trọng vận động nhân dân tham gia thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về GD&ĐT; tham gia xã hội hóa giáo dục, xây dựng xã hội học tập; kết hợp nhà trường, gia đình xã hội trong công tác giáo dục...

Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam với chức năng, nhiệm vụ của mình và đặc điểm về tổ chức và hoạt động, có vai trò rất quan trọng trong việc chủ trì phối hợp hoạt động giữa các tổ chức CT-XH trong việc tạo thuận lợi cho các tỉnh ủy ở ĐBSH lãnh đạo GD&ĐT đạt mục tiêu đề ra.

Bốn là, các trường đại học, viện nghiên cứu của Nhà nước ở Hà Nội tạo thuận lợi cho các tỉnh ủy trong lãnh đạo công tác GD&ĐT.

Các trường đại học, viện nghiên cứu của Nhà nước quan tâm phối hợp với các cơ sở GD&ĐT trong nâng cao chất lượng GD&ĐT, nhất là đào tạo đại học và sau đại học; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Đồng thời, các trường đại học, viện nghiên cứu của Nhà nước tăng cường phối hợp với các tỉnh tiến hành nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề về công tác GD&ĐT hiện nay ở nước ta làm cơ sở cho các tỉnh ủy xác định chủ trương, giải pháp nâng cao chất lượng GD&ĐT.

Tiểu kết chương 4

Từ việc làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT trong thời kỳ đổi mới hiện nay ở nước ta, khảo sát, đánh giá thực trạng các tỉnh ủy ở vùng này lãnh đạo công tác GD&ĐT trong những năm qua, chỉ ra ưu, khuyết điểm, nguyên nhân và những kinh nghiệm, luận án đề xuất phương hướng và các giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng này đối với công tác GD&ĐT trong những năm tới. Trong lãnh đạo công tác GD&ĐT những năm tới tỉnh ủy ở ĐBSH có thể nghiên cứu thực hiện các giải pháp do luận án đề xuất phù hợp với điều kiện cụ thể của từng tỉnh, không dập khuôn máy móc. Trong đó, tỉnh ủy cần tập trung cao độ thực hiện tốt giải pháp có tính đột phá: “Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của tỉnh đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.

KẾT LUẬN

Công tác GD&ĐT ở các tỉnh ĐBSH là yếu tố trọng trong hàng đầu trong chủ trương, chính sách phát triển mọi mặt của các tỉnh; nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội của các tỉnh; góp phần xây dựng, phát triển văn hóa ở các tỉnh, tạo nên nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; nâng cao chất lượng đội ngũ CBDV, các tổ chức trong HTCT, để các tổ chức này, vững mạnh đáp ứng yêu cầu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của đảng bộ tỉnh. Song, Công tác GD&ĐT, ở các tỉnh chỉ có thể đạt được kết quả tốt, thể hiện rõ và khẳng định vai trò của mình khi được sự lãnh đạo đúng đắn và ngày càng được tăng cường của các tỉnh ủy ở ĐBSH. Đây là vấn đề rất cấp thiết nghiên cứu, tìm giải pháp đồng bộ, khả thi.

Tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT là toàn bộ hoạt động của tỉnh ủy, BTVTU với sự tham gia của các tổ chức đảng, đội ngũ CBDV của đảng bộ tỉnh; các tổ chức trong HTCT, các tổ chức, lực lượng có liên quan và nhân dân tỉnh, nhất là chính quyền tỉnh và các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực GD&ĐT của tỉnh trong việc xây dựng, ban các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT; lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện và tiến hành công tác kiểm tra, giám sát nhằm thực hiện thắng lợi các nghị quyết, quyết định ấy.

Trong những năm qua các tỉnh ủy ở ĐBSH đã nhận thức sâu sắc và luôn coi trọng lãnh đạo công tác GD&ĐT có nhiều ưu điểm và đạt kết quả to lớn, góp phần quan trọng vào sự phát triển mọi mặt của tỉnh. Tuy nhiên, trong quá trình lãnh đạo công tác GD&ĐT, các tỉnh ủy vẫn còn những khuyết điểm, hạn chế. Các tỉnh ủy đã nhận rõ những khuyết điểm, hạn chế này xác định nguyên nhân và đã và đang tìm giải pháp phát huy ưu điểm khắc phục khuyết điểm, hạn chế. Qua quá trình các tỉnh ủy lãnh đạo công tác GD&ĐT trong những năm qua có thể rút ra những kinh nghiệm có giá trị: **Một là, quán triệt và triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn của Trung**

ương về lãnh đạo công tác GD&ĐT tại các tỉnh ở vùng ĐBSH. *Hai là*, xác định công tác GD&ĐT là nhiệm vụ quan trọng tại các tỉnh ở vùng ĐBSH, cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên. *Ba là*, phát huy sức mạnh của cả HTCT trong thực hiện nghị quyết của tỉnh ủy về công tác GD&ĐT và phát huy truyền thống hiếu học, khắc phục mọi khó khăn bảo đảm tốt việc học tập của con em nhân dân địa phương. *Bốn là*, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm thực hiện nghị quyết, chủ trương của tỉnh ủy về công tác GD&ĐT.

Tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSH đối với công tác GD&ĐT trong gian tới, phải thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, khả thi. Có thể nghiên cứu và thực hiện các giải pháp do luận án đề xuất: *Một là*, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, CBDV, các tổ chức trong HTCT về tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT. *Hai là*, nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về công tác GD&ĐT; coi trọng các nghị quyết chuyên đề về GD&ĐT. *Ba là*, xây dựng tỉnh ủy, BTVTU, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT trong những năm tới. *Bốn là*, tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý, cơ sở GD&ĐT; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của tỉnh có chất lượng đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT. *Năm là*, phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH và nhân dân tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, xử lý kịp thời, nghiêm minh những sai phạm. *Sáu là*, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, việc tạo thuận lợi của các ban, ngành, cơ quan Trung ương cho các tỉnh ủy ở ĐBSH lãnh đạo công tác GD&ĐT đạt hiệu quả./.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ
CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Hứa Thanh Mai (2023), *Kinh nghiệm lãnh đạo phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của các tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Hồng*, Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông, tháng 10/2023.
2. Hứa Thanh Mai (2023), *Tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy, thành ủy vùng đồng bằng sông Hồng đối với công tác giáo dục và đào tạo*, Tạp chí Quản lý nhà nước, ngày 14/9/2023.
3. Hứa Thanh Mai (2023), *Nâng cao hiệu quả học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong ngành giáo dục và đào tạo*, Tạp chí Lý luận chính trị, ngày 6/4/2023.
4. Hứa Thanh Mai (2024), *Một số vấn đề về phương thức lãnh đạo của tỉnh ủy các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng về giáo dục và đào tạo*, Tạp chí Quản lý nhà nước, ngày 18/4/2024.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anne Cheng (2022), *Lịch sử tư tưởng Trung Quốc*, Nxb. Thế giới.
2. Mai Ngọc Anh (2020), *Quản lý Nhà nước về giáo dục đại học: Kinh nghiệm của Trung Quốc và khuyến nghị đối với Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Mai Ngọc Anh (2020), *Quản lý Nhà nước về giáo dục đại học: Kinh nghiệm của Trung Quốc và khuyến nghị đối với Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp quốc gia.
4. Mỹ Anh (2023), *Giáo dục và đào tạo vùng đồng bằng sông Hồng cần vươn lên đạt chuẩn quốc tế*, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, tháng 6/2023.
5. Ban Bí thư (2019), *Kết luận số 51-KL/TW ngày 30-5-2019 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường*.
6. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc khóa XVII (2021), *Về phát triển giáo dục tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030*, Vĩnh Phúc.
7. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình (2017), *Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XXI*, Ninh Bình.
8. Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4-11-2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
9. Ban Chấp hành Trung ương (2018), *Quy định số 04-QĐi/TW ngày 27-4-2018 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức bộ máy tham mưu chuyên trách tham mưu giúp việc tỉnh ủy, thành ủy*.

10. Ban Chấp hành Trung ương (2018), *Quy định số 10-QĐ/TW ngày 12-12-2018 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.*

11. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2021), *Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28-2021 về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.*

12. Ban Tổ chức Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc (2022), *Quản trị Đảng nghiêm minh và toàn diện - Thành tựu và kinh nghiệm trong công tác tổ chức và xây dựng Đảng Cộng sản Trung Quốc từ sau Đại hội XVIII, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.*

13. Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Quảng Ninh (2014), *Kết quả 10 năm thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về việc xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, Quảng Ninh.*

14. Bộ Chính trị (2021), *Kết luận số 01-KL/TW ngày 18-5-2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.*

15. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23-11-2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*

16. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Báo cáo tóm tắt tình hình phát triển giáo dục và đào tạo vùng đồng bằng sông Hồng giai đoạn 2011-2022 và nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục đào tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, ngày 14-6-2023.*

17. Nguyễn Thị Phương Chi (2020), *Lịch sử giáo dục Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000*, Nxb. Khoa học xã hội.

18. Nguyễn Đức Chinh (2018), *Phát triển chương trình giáo dục*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

19. Chính phủ (2018), *Nghị định 127/2018/NĐ-CP ngày 21-9-2018 quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục.*

20. Chính trị (2016), *Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*.

21. Christopher Winch, John Gingell (2022), *Triết lý và chính sách giáo dục*, Nxb. Dân trí, Hà Nội.

22. Nguyễn Hữu Cương (2019), *Bảo đảm chất lượng giáo dục đại học Việt Nam: Chính sách và thực tiễn trong thế kỷ 21*, Palgrave Macmillan.

23. Tân Hương Dương (2022), *Hiện đại hoá mô hình Trung Quốc*, Nxb. Giáo dục Giang Tây (Trung Quốc).

24. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XX (2020), *Nghị quyết số 09-NQ/ĐH, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XX nhiệm kỳ 2020-2025*, ngày 15-10-2020.

25. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX (2020), *Nghị quyết số 02-NQ/ĐH, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025*, ngày 12-10-2020.

26. Đảng Cộng sản Việt Nam (1982), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.

27. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự Thật, Hà Nội.

28. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.

29. Đảng Cộng sản Việt Nam (1992), *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.

30. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

31. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

32. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội

33. Đảng Cộng sản Việt Nam (2009), *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Văn kiện hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên và lãnh đạo chủ chốt các cấp*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
40. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
41. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
42. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
43. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành khóa XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
44. Nguyễn Tiến Đạt (2019), *So sánh giáo dục Việt Nam và các nước Châu Á*, Nxb. Bách khoa Hà Nội, Hà Nội.
45. *Đẩy mạnh phát triển công nghiệp vùng đồng bằng sông Hồng*, <https://dangcongsan.vn>, ngày 20-7-2022.

46. *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.

47. Trần Mai Đông, Lê Nhật Hạnh, Phùng Vũ Bảo Ngọc, Mai Trường An (2021), *Kinh nghiệm quốc tế hóa giáo dục đại học của một số nước trên thế giới: Bài học cho Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á, số 3/2021.

48. *Đồng bằng sông Hồng cần vượt lên chính mình trong giáo dục*, <https://giaoducthoidai.vn>, ngày 14-6-2023.

49. Hoàng Anh Đức, Hoàng Giang Quỳnh Anh, Hồ Tường Linh (2022), *Tự học - Kiến tạo một hành trình học tập suốt đời*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

50. Trần Khánh Đức (chủ biên), Dương Thị Hoàng Yến, Đỗ Thị Thu Hằng, Nguyễn Đức Huy, Lê Thanh Huyền (2022), *Quản lý đào tạo và quản trị nhà trường hiện đại*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

51. Fareed Rafiq Zakaria (2021), *Biện hộ cho một nền giáo dục khai phóng*, Nxb. Dân trí, Hà Nội.

52. Fukuzawa Yukichi (2017), *Khuyến học*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

53. *Giáo dục đồng bằng sông Hồng khẳng định vị thế dẫn đầu*, <https://giaoducthoidai.vn>, ngày 14-6-2023.

54. Khánh Hà (lược dịch) (2023), *Cải cách giáo dục đại học ở Trung Quốc: Chính sách, thực hiện và kết quả*, Tạp chí Giáo dục, số 11/2023.

55. Lương Thị Việt Hà (2014), *Quản lý hoạt động tham gia xã hội hoá giáo dục của trường trung học phổ thông khu vực đồng bằng sông Hồng*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

56. Ngô Văn Hà (2017), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và vấn đề giáo dục đại học ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

57. Đinh Quang Hải (2020), *Lịch sử giáo dục miền Bắc Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975*, Nxb. Khoa học xã hội.

58. Đặng Văn Hải (2022), *Quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học cơ sở khu vực Bắc Trung Bộ đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục, Trường Đại học Vinh.

59. Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2017), *Các đảng bộ trường Đại học công lập ở thành phố Hà Nội lãnh đạo nâng cao chất lượng đào tạo Đại học giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

60. Bùi Ngọc Hiền (2018), *Chính sách phát triển giáo dục vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Luận án Tiến sĩ Quản lý công, Học viện hành chính Quốc gia, Hà Nội.

61. Bùi Minh Hiền, Nguyễn Quốc Trị (2019), *Lịch sử giáo dục Việt Nam*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

62. Thái Hoà (2023), *Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục - đào tạo ở thành phố Hà Nội*, Tạp chí Cộng sản, Số 7/2023.

63. Trịnh Thị Anh Hoa (2023), *Nghiên cứu đề xuất chính sách quốc gia chuyển đổi số trong quản lý trường học ở Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Bộ.

64. Trịnh Thị Anh Hoa, Nguyễn Đức Minh, Nguyễn Lê Vân Dung, Phạm Thị Bích Đào, Trịnh Vân Hà (2024), *Thực trạng và định hướng nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục*, Tạp chí Khoa học và giáo dục Việt Nam, số 2/2024.

65. Nguyễn Trọng Hoài (2020), *Quốc tế hoá giáo dục: Thông lệ Thế giới và bằng chứng giáo dục đại học Việt Nam*, Nhà xuất bản Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

66. Trần Thị Hoài (2024), *Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng các học phần đào tạo trực tuyến tại Đại học Quốc gia Hà Nội*, đề tài khoa học cấp cơ sở.

67. Lê Thị Phương Hồng (2015), *Phát triển trung tâm học tập cộng đồng vùng đồng bằng sông Hồng trong những năm đầu xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

68. Ngô Văn Hùng (2021), *Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ diện ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quản lý ở khu vực đồng bằng sông Hồng hiện nay*, Tạp chí Cộng sản, số 4/2021.

69. Nguyễn Thị Hương (2020), *Phát triển dịch vụ giáo dục nghiên cứu thực tiễn khu vực nông thôn Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

70. J. Krishnamurti (2017), *Giáo dục và ý nghĩa cuộc sống*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

71. John Dewey (2018), *Dân chủ và giáo dục*, Nhà xuất bản Tri thức, Hà Nội.

72. Joyce Kaser, Susan Mundry, Katherine E. Stiles, Susan Loucks - Horsley (2024), *Hành trình lãnh đạo*, Nxb. Dân trí, Hà Nội.

73. Kathryn Zukof (2024), *Quản lý quy trình và con người để thay đổi thành công*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.

74. Phan Văn Kha, Nguyễn Lộc (2017), *Khoa học giáo dục Việt Nam từ đổi mới đến nay*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

75. Mai Công Khanh (2016), *Xác định nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho khu vực Tây Bắc giai đoạn 2015-2020*, Tạp chí Khoa học quản lý giáo dục, số 4/2016.

76. Trần Kiêm (2023), *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục*, Nxb. Đại học Sư phạm.

77. Phùng Thị Phong Lan (2016), *Quản lý Nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc*, Luận án Tiến sĩ Quản lý hành chính công, Học viện Chính trị Quốc gia.

78. Nguyễn Đăng Lãng (2020), *Phát triển đội ngũ giảng viên các trường Cao đẳng vùng đồng bằng Sông Hồng trong bối cảnh đổi mới giáo dục nghề nghiệp*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục, Viện khoa học Giáo dục Việt Nam.

79. Quý Lâm (2016), *Chính sách đổi mới về giáo dục đào tạo nghiên cứu và vận dụng hiệu quả ở trường học*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

80. Bùi Thị Loan (2021), *Giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

81. Lê Thị Thanh Loan (2016), *Tự chủ tài chính - chủ trương, đường lối mở cửa giáo dục Đại học công lập ở Việt Nam*, Tạp chí Khoa học quản lý giáo dục, số 4/2016.

82. Manabu Sato (2022), *Đào tạo giáo viên trở thành người chuyên nghiệp*, Nxb. Dân trí, Hà Nội.

83. Phạm Xuân Mạnh (2024), *Chất lượng lãnh đạo nhiệm vụ giáo dục và đào tạo của tổ chức cơ sở đảng khoa giáo viên thuộc các đảng bộ học viện, trường sĩ quan quân đội hiện nay*, Luận án Tiến sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Học viện Chính trị Bộ Quốc phòng.

84. Vũ Duy Mền (2020), *Lịch sử giáo dục Việt Nam từ thế kỷ X đến năm 1858*, Nxb. Khoa học xã hội.

85. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

86. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

87. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

88. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

89. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

90. Lương Thị Hằng My (2023), *Nâng cao chất lượng giáo dục giá trị văn hoá truyền thống qua hoạt động trải nghiệm làng nghề cho học sinh trung học phổ thông vùng đồng bằng sông Hồng*, Tạp chí Giáo dục nghệ thuật, Số 45/2023.
91. Neil Postman (2023), *Chung cuộc của giáo dục*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
92. Trần Huy Ngọc (2018), *Đổi mới phương pháp giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên các trường Đại học khu vực trung du, miền núi phía Bắc nước ta hiện nay (Qua khảo sát Đại học Thái Nguyên và trường Đại học Tây Bắc)*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Báo chí và tuyên truyền.
93. Nguyễn Thị Bích Nguyệt (2021), *Vai trò của việc ứng dụng công nghệ trong dạy và học đại học hiện nay*, Tạp chí Công thương, số 12/2021
94. Nguyễn Thị Như (2022), *Đảng lãnh đạo thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo (2011-2021)*, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 3(376), tr.48-52.
95. Pasi Sahlberg (2021), *Bài học Phần Lan 2.0*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
96. Bùi Việt Phú (2018), *Đào tạo giáo viên phổ thông: Kinh nghiệm từ các nước phát triển*, Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam, Số 02/2018.
97. Nguyễn Nam Phương, Vũ Thị Mai Hương, Trần Thị Cẩm Tú (2023), *Rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục trong đào tạo giáo viên*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
98. Cao Văn Phường, Cao Việt Hiếu, Nguyễn Văn Út (2019), *Xây dựng nền giáo dục mở*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
99. Lý Việt Quang (2018), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đối với vấn đề đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
100. Phạm Hồng Quang, Nguyễn Danh Nam (2023), *Sự thay đổi và các giải pháp phát triển môi trường giáo dục đại học trong bối cảnh tự chủ đại học*, Tạp chí Giáo dục, Số 9/2023.

101. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2011), *Luật Giáo dục*, Nxb. Lao động, Hà Nội.

102. Tịch Xảo Quyên, Trương Ái Tú (2015), *Khoa học kỹ thuật và giáo dục Trung Quốc*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

103. Vũ Thị Quỳnh (2017), *Thực trạng quản lý phát triển văn hoá nhà trường ở các trường cao đẳng sư phạm vùng đồng bằng sông Hồng*, Tạp chí, số 139, tháng 4/2017.

104. Robert Talbert (2021), *Giờ học đảo ngược - Hướng dẫn dành cho cơ sở giáo dục Đại học*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

105. *Sách tra cứu các mục từ về tổ chức*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.

106. Souvanxay Dengouangthong (2024), *Giáo dục chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa cho thanh niên ở các tỉnh miền Trung nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào hiện nay*, Luận án Tiến sĩ ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

107. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh (2016), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2015-2016, phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm học 2016-2017*, tháng 8-2016.

108. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh (2017), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2016-2017, phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm học 2017-2018*, tháng 8-2017.

109. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh (2018), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2017-2018, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp năm học 2018-2019*, tháng 8-2018.

110. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh (2019), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2018-2019, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm học 2019-2020*, tháng 8-2019.

111. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh (2020), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2019-2020, phương hướng, nhiệm trọng tâm năm học 2020-2021*, tháng 8-2020.

112. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh (2020), *Báo cáo số 2058/BC-SGDĐT ngày 25-11-2020 về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2019-2020, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu năm học 2020-2021*.

113. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh (2021), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021, phương hướng, nhiệm trọng tâm năm học 2021-2022*, tháng 8-2021.

114. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh (2021), *Báo cáo số 1624/BC-SGDĐT ngày 25-10-2021 về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu năm học 2021-2022*.

115. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh (2022), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022, phương hướng, nhiệm trọng tâm năm học 2022-2023*, tháng 8-2022.

116. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh (2022), *Báo cáo số 999/BC-SGDĐT ngày 20-7-2022 về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu năm học 2022-2023*.

117. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh (2023), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023, nhiệm trọng tâm năm học 2023-2024*, tháng 8-2023.

118. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh (2023), *Báo cáo số 1307/BC-SGDĐT ngày 20-7-2023 về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu năm học 2023-2024*.

119. Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Bắc Ninh (2024), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024; phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2024-2025*, tháng 8-2024.

120. Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Hà Nam (2024), *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024; phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2024-2025*, tháng 6-2024.

121. Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Hải Dương (2024), *Báo cáo về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024; phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2024-2025*.

122. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên (2023), *Báo cáo 1474/BC-SGDĐT ngày 7-7-2023 kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2022-2023*.

123. Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên (2024), *Báo cáo số 1409/BC-SGDĐT về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024; phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2024-2025*, ngày 24-6-2024.

124. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định (2021), *Báo cáo số 1292/BC-SGDĐT ngày 06-9-2021 tổng kết năm học 2020-2021, phương hướng, nhiệm vụ năm học 2021-2022 đối với Giáo dục trung học*.

125. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định (2022), *Kế hoạch số 1176/KH-SGDĐT ngày 29-7-2022 về tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ cốt cán dựa trên tiếp cận mới về chức năng, nhiệm vụ và tăng cường truyền thông về công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non năm 2022*.

126. Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Nam Định (2024), *Báo cáo số 1121/BC-SGDĐT ngày 26-6-2024 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024; phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2024-2025*, ngày 26-6-2024.

127. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình (2022), *Báo cáo số 227/BC-SGDĐT ngày 25-8-2022 tổng kết năm học 2021-2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2022-2023 ngành Giáo dục và đào tạo Ninh Bình*.

128. Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình (2024), *Báo cáo tổng kết năm học 2023-2024; phương hướng, nhiệm vụ năm học 2024-2025 ngành Giáo dục và đào tạo Ninh Bình*, tháng 6-2024.

129. Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh (2024), *Báo cáo về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024; phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2024-2025*.

130. Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Bình (2024), *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024; phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2024-2025*, tháng 7-2024.

131. Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Vĩnh Phúc (2024), *Báo cáo số 156/BC-SGDĐT về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024; phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2024-2025*, ngày 25-6-2024.

132. Nguyễn Trung Thành (2019), *Văn hóa chất lượng trong giáo dục đại học*, Tạp chí Quản lý Giáo dục, số 4/2019.

133. Thái Văn Thành (2022), *Nghiên cứu mô hình phối hợp giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*, Đề tài khoa học cấp nhà nước.

134. Nguyễn Thị Thu Thảo (2023), *Phát triển Chương trình Giáo dục phổ thông của Trung Quốc*, số S2, 2023, Tạp chí khoa học giáo dục Việt Nam.

135. Bùi Tất Thắng (2015), *Vấn đề giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho phát triển bền vững Tây Nguyên*, Đề tài khoa học cấp Nhà nước.

136. Trịnh Xuân Thắng (2014), *Kinh nghiệm đào tạo nhân lực của một số quốc gia trên thế giới và bài học tham khảo cho Việt Nam*, Tạp chí Tuyên giáo, số 10/2014

137. Lâm Quang Thiệp (2023), *Quản trị, quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục đại học Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

138. Thomas Gordon, Noel Burch (2019), *T.E.T Đào tạo giáo viên hiệu quả*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.

139. Thủ tướng Chính phủ (2006), *Quyết định số 191/2006/QĐ-TTg ngày 17-8-2006 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 14-9-2005 của Bộ Chính trị khóa IX “về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2010, định hướng đến năm 2020”*.

140. Tráng Thị Thuý (2023), *Xây dựng mô hình giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh trung học phổ thông thông qua hoạt động trải nghiệm làng nghề ở vùng Châu thổ sông Hồng*, Đề tài khoa học cấp Bộ.

141. Nguyễn Thanh Thủy, Bùi Văn Hồng, Nguyễn Văn Tứ, Nguyễn Ngọc Phương, Phạm Đào Tiên (2024), *Thực trạng đảm bảo chất lượng dạy học qua mạng ở một số trường đại học tại Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Giáo dục, số 5/2024.

142. Bùi Thanh Thủy (2021), *Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trên lĩnh vực giáo dục và đào tạo trong các trường đại học ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Giáo dục lý luận, số 12/2021.

143. Trần Trung Tình (2022), *Tự chủ và trách nhiệm giải trình của trường phổ thông chất lượng cao ở Việt Nam hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Bộ.

144. Tỉnh Bắc Ninh (2021), *Niên giám thống kê*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.

145. Tỉnh Hà Nam (2021), *Niên giám thống kê*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.

146. Tỉnh Hải Dương (2021), *Niên giám thống kê*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.

147. Tỉnh Hưng Yên (2021), *Niên giám thống kê*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.

148. Tỉnh Nam Định (2021), *Niên giám thống kê*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.

149. Tỉnh Ninh Bình (2021), *Niên giám thống kê*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.

150. Tỉnh Quảng Ninh (2021), *Niên giám thống kê*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.

151. Tỉnh Vĩnh Phúc (2021), *Niên giám thống kê*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.

152. Tỉnh ủy Bắc Ninh (2014), *Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 26-6-2014 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2014-2020, định hướng 2030.*

153. Tỉnh ủy Bắc Ninh (2014), *Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 26-6-2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII về “Đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2014-2020, định hướng đến năm 2030”*, Bắc Ninh.

154. Tỉnh ủy Bắc Ninh (2014), *Nghị quyết của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh khóa XVII về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2014-2020, định hướng đến năm 2030*, Bắc Ninh.

155. Tỉnh ủy Bắc Ninh (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XIX nhiệm kỳ 2015-2020*, Trung tâm lưu trữ tỉnh Bắc Ninh.

156. Tỉnh ủy Bắc Ninh (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ XX, nhiệm kỳ (2020-2025)*, Trung tâm lưu trữ tỉnh Bắc Ninh.

157. Tỉnh ủy Bắc Ninh (2021), *Báo cáo công tác xây dựng Đảng năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022*, Bắc Ninh.

158. Tỉnh ủy Hà Nam (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ XIX, nhiệm kỳ (2015-2020)*, Trung tâm lưu trữ tỉnh Hà Nam, Phủ Lý.

159. Tỉnh ủy Hà Nam (2020), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XX, nhiệm kỳ (2020-2025)*, Trung tâm lưu trữ tỉnh Hà Nam, Phủ Lý.

160. Tỉnh ủy Hải Dương (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XIX nhiệm kỳ 2015-2020*, Trung tâm lưu trữ tỉnh Hải Dương.

161. Tỉnh ủy Hải Dương (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XX nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Trung tâm lưu trữ tỉnh Hải Dương.

162. Tỉnh ủy Hưng Yên (2010), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2010 - 2015*, Trung tâm lưu trữ tỉnh Hưng Yên.

163. Tỉnh ủy Hưng Yên (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XIX nhiệm kỳ 2010-2020*, Trung tâm lưu trữ tỉnh Hưng Yên.

164. Tỉnh ủy Hưng Yên (2016), *Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 4-10-2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên (khóa 18) về Chương trình phát triển GD&ĐT tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025*, Hưng Yên.

165. Tỉnh ủy Nam Định (2015), *Báo cáo sơ kết 04 năm thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 25/7/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển một số cơ sở giáo dục đào tạo chất lượng cao*, Nam Định.

166. Tỉnh ủy Nam Định (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nam Định lần thứ XIX, nhiệm kỳ (2015-2020)*, Trung tâm lưu trữ tỉnh ủy Nam Định.

167. Tỉnh ủy Nam Định (2020), *Báo cáo số 568-BC/TU, Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025*.

168. Tỉnh ủy Nam Định (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nam Định lần thứ XX, nhiệm kỳ (2020-2025)*, Trung tâm lưu trữ Tỉnh ủy Nam Định.

169. Tỉnh ủy Nam Định (2023), *Báo cáo số 381-BC/TU về sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 18-6-2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng; tăng cường kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí giai đoạn 2021-2025*, ngày 31-8-2023.

170. Tỉnh ủy Ninh Bình (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XIX, nhiệm kỳ (2015-2020)*, Trung tâm lưu trữ tỉnh Ninh Bình.

171. Tỉnh ủy Ninh Bình (2018), *Báo cáo số 277-BC/TU ngày 18-9-2018 sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04-11-2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI*.

172. Tỉnh ủy Ninh Bình (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XX, nhiệm kỳ (2020-2025)*, Trung tâm lưu trữ tỉnh Ninh Bình.

173. Tỉnh ủy Ninh Bình (2021), *Báo cáo công tác xây dựng Đảng năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022*, Ninh Bình.

174. Tỉnh ủy Quảng Ninh (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XIX, nhiệm kỳ (2015-2020)*, Trung tâm lưu trữ tỉnh Quảng Ninh, Hạ Long.

175. Tỉnh ủy Quảng Ninh (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XX, nhiệm kỳ (2020-2025)*, Trung tâm lưu trữ tỉnh Quảng Ninh, Hạ Long.

176. Tỉnh ủy Thái Bình (2011), *Báo cáo Sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 5/12/2011 của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và THCS, tăng cường phân luồng học sinh sau THCS và xóa mù chữ cho người lớn*, Công thông tin điện tử tỉnh Thái Bình.

177. Tỉnh ủy Thái Bình (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XIX, nhiệm kỳ (2015-2020)*, Trung tâm lưu trữ tỉnh Thái Bình.

178. Tỉnh ủy Thái Bình (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XX, nhiệm kỳ (2020-2025)*, Thái Bình.

179. Tỉnh ủy Vĩnh Phúc (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc lần thứ XIX, nhiệm kỳ (2015-2020)*, Trung tâm lưu trữ tỉnh Vĩnh Phúc, Vĩnh Yên.

180. Tỉnh ủy Vĩnh Phúc (2021), *Nghị quyết của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh khóa XVII về phát triển giáo dục tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030*, Vĩnh Yên.

181. Tỉnh ủy Vĩnh Phúc (2021), *Quy định số 01-QĐ/TU về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử*, ngày 25-11-2021.

182. Tỉnh ủy Vĩnh Phúc (2021), *Quy định số 02-QĐ/TU về tiêu chuẩn chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý*, ngày 25-11-2021.

183. Đinh Văn Toàn (2021), *Phát triển doanh nghiệp trong các cơ sở giáo dục đại học: Từ kinh nghiệm quốc tế đến thực tiễn Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

184. Todd Whitakerx (2022), *Điều khiển giáo viên ưu tú trở nên khác biệt*, Nxb. Dân trí, Hà Nội.

185. Tony Wagner (2020), *Bài học giáo dục từ nước Mỹ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

186. Tổng cục Thống kê (2022), *Niên giám thống kê năm 2022*, Nxb. Thống kê

187. Nguyễn Anh Tuấn (2022), *Quản lý bồi dưỡng giáo viên tiểu học theo hướng phát triển năng lực dạy học ở cấp Quận trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

188. Nguyễn Minh Tuấn, Trần Khắc Việt (Đồng chủ biên) (2018), *350 thuật ngữ Xây dựng Đảng*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.

189. Nguyễn Văn Tuấn (2016), *Trò chuyện với khoa học và giáo dục*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

190. *Từ điển Triết học*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976.

191. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh (2017), *Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 25-5-2017 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển giáo dục đào tạo tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2030*.

192. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2015), *Báo cáo số 64/BC-UBND ngày 15-5-2015 sơ kết 4 năm thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 25-7-2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển một số cơ sở giáo dục đào tạo chất lượng cao*.

193. Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (2022), *Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 8-9-2022 về nhiệm vụ trọng tâm công tác giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình năm học 2022-2023*.

194. Triệu Lý Văn (2010), *Lý luận và thực tiễn công tác giáo dục cán bộ của Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

195. Văn phòng Quốc hội (2015), *Luật Giáo dục số 07/VBHN-VPQH ngày 31-12*

196. Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự (2016), *Quan điểm của Đảng về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong văn kiện Đại hội XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

197. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (2017), *Kinh nghiệm quốc tế về phát triển chương trình giáo dục phổ thông* Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

198. Viện Ngôn ngữ học, Trung tâm Từ điển học (2006), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.

199. Nguyễn Xuân An Việt (2019), *Thông tin về giáo dục và đào tạo trên báo in ở Việt Nam (khảo sát báo Nhân dân, Tuổi trẻ, Thanh niên, Giáo dục và Thời đại từ năm 2005 đến 2010)*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Báo chí học, Học viện Báo chí và tuyên truyền.

200. Nguyễn Vũ Việt (2021), *Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả, hiệu lực chi ngân sách nhà nước cho giáo dục ở Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp cơ sở.

201. Phương Vũ (2019), *Luật Giáo dục - Luật Giáo dục đại học (sửa đổi) - Quy định mới về chương trình giáo dục phổ thông & công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục*, Nxb. Lao động, Hà Nội.

202. Nguyễn Quốc Vương (2022), *Giáo dục Việt Nam học gì từ Nhật Bản: Giáo dục và giáo dục lịch sử trong cái nhìn so sánh Việt Nam - Nhật Bản*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

203. Nguyễn Quốc Vương (2022), *Đường xa nghĩ về giáo dục Việt Nam*, Nxb. Dân trí, Hà Nội.

204. Nguyễn Xuân Xanh (2019), *Đại học định chế giáo dục cao thay đổi thế giới từ Trung cổ đến hiện đại*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

205. Yoojin Choi - Jae Hyeok Jang (2023), *Đào tạo nhân cách*, Nxb. Dân trí, Hà Nội.

206. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

**BẢNG THỐNG KÊ SỐ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÓ ĐẾN 31/12/2023
Ở KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

(Đơn vị: Người)

Xã, Huyện, Tỉnh	Thành phố trực thuộc tỉnh	Quận	Thị xã	Huyện	Phường	Thị trấn	Xã
Tỉnh/thành phố							
Hà Nội		12	1	17	175	21	383
Vĩnh Phúc	2			7	15	16	105
Bắc Ninh	2			6	31	6	89
Quảng Ninh	4		2	7	72	7	98
Hải Dương	2		1	9	47	10	178
Hải Phòng		7		8	66	10	141
Hưng Yên	1		1	8	14	8	139
Thái Bình	1			7	10	9	241
Hà Nam	1		1	4	20	6	188
Nam Định	1			9	17	7	119
Ninh Bình	2			6	17	7	119
Tổng số	16	19	8	86	511	116	1742
Cả nước	83	46	52	524	1771	620	8207

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023 - Statistical yearbook of Vietnam 2023)

Phụ lục 2

**BẢNG THỐNG KÊ SỐ DIỆN TÍCH, DÂN SỐ VÀ MẬT ĐỘ DÂN SỐ
NĂM 2023 Ở KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

(Đơn vị: Người)

Xã, Huyện, Tỉnh	Diện tích (Km²)	Dân số trung bình (Nghìn người)	Mật độ dân số (Người/km²)
Tỉnh/thành phố			
Hà Nội	3359,8	8587,1	2556
Vĩnh Phúc	1236,0	1211,3	980
Bắc Ninh	822,7	1517,4	1844
Quảng Ninh	6207,9	1381,2	222
Hải Dương	1668,3	1956,9	1173
Hải Phòng	1526,5	2105,0	1397
Hưng Yên	930,2	1301,0	1399
Thái Bình	1584,6	1882,3	1188
Hà Nam	861,9	885,9	1028
Nam Định	1668,8	1887,1	1130
Ninh Bình	1411,8	1017,1	720
Tổng số	21278,6	23732,4	1115
Cả nước	331344,8	100309,2	303

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023 - Statistical yearbook of Vietnam 2023)

Phụ lục 3
BẢNG THỐNG KÊ DÂN SỐ TRUNG BÌNH
Ở KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

(Đơn vị: Nghìn người)

Tỉnh/thành phố	Năm				
	2019	2020	2021	2022	Sơ bộ 2023
Hà Nội	8093,9	8246,5	8330,8	8435,7	8587,1
Vĩnh Phúc	1154,8	1171,2	1191,8	1197,6	1211,3
Bắc Ninh	1378,6	1419,1	1462,9	1488,3	1517,4
Quảng Ninh	1324,8	1337,6	1350,9	1362,9	1381,2
Hải Dương	1896,9	1916,8	1936,8	1946,8	1956,9
Hải Phòng	2033,3	2053,5	2072,4	2088,0	2105,0
Hưng Yên	1255,8	1269,1	1284,6	1290,9	1301,0
Thái Bình	1862,2	1870,2	1875,7	1878,5	1882,3
Hà Nam	854,5	861,8	875,2	878,1	885,9
Nam Định	1780,9	1780,3	1836,3	1876,9	1887,1
Ninh Bình	984,5	993,9	1007,6	1010,8	1017,1
Tổng số	22620,2	22920,2	23223,1	23454,3	23732,4
Cả nước	96484,0	97582,7	98504,4	99467,9	100309,2

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023 - Statistical yearbook of Vietnam 2023)

Phụ lục 4
BẢNG THỐNG KÊ SỐ TRƯỜNG HỌC, LỚP HỌC, GIÁO VIÊN
VÀ HỌC SINH MẪU GIÁO TẠI THỜI ĐIỂM 30/9/2021
Ở KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Trường, lớp, GV, HS Tỉnh/thành phố	Trường học (Trường)	Lớp học (Lớp)	Giáo viên (Người)	Học sinh (Người)
Hà Nội	1155	15986	32958	386695
Vĩnh Phúc	177	2630	4141	65739
Bắc Ninh	175	2763	4980	72199
Quảng Ninh	225	2639	4897	63225
Hải Dương	296	3557	6711	89239
Hải Phòng	327	3256	6188	89493
Hưng Yên	190	2540	3578	57448
Thái Bình	300	2500	4351	73549
Hà Nam	119	1512	2808	42102
Nam Định	230	2897	4755	81228
Ninh Bình	155	1601	3233	46153
Tổng số	3349	41881	78600	1067070
Cả nước	15422	155578	279175	3895303

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2021 - Statistical yearbook of Vietnam 2021)

Phụ lục 5
BẢNG THỐNG KÊ SỐ GIẢNG VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TẠI THỜI ĐIỂM 30/9/2021 Ở KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

(Đơn vị: Người)

Năm					
Tỉnh/thành phố	2015	2017	2018	2019	2020
Hà Nội	23611	26181	25369	25306	26292
Vĩnh Phúc	377	461	392	429	407
Bắc Ninh	416	444	556	468	578
Quảng Ninh	430	469	429	376	361
Hải Dương	1024	948	899	786	853
Hải Phòng	1157	1749	1721	1647	1607
Hưng Yên	663	607	643	643	659
Thái Bình	505	492	549	532	525
Nam Định	1342	1019	977	910	916
Ninh Bình	220	164	192	189	192
Tổng số	29745	32534	31727	31286	32390
Cả nước	69591	74991	73312	73132	76576

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2021 - Statistical yearbook of Vietnam 2021)

Phụ lục 6
BẢNG THỐNG KÊ SỐ GIÁO VIÊN, HỌC SINH, SINH VIÊN
GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NĂM 2021
Ở KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

(Đơn vị: Người)

Số GV, HS, SV GDNN Tỉnh/thành phố	Giáo viên		Học sinh, sinh viên được tuyển mới		
	Tổng số	Trong đó: Công lập	Tổng số	Trong đó	
				Trung cấp	Cao đẳng
Hà Nội	11176	4791	265723	46825	30465
Vĩnh Phúc	1966	1213	43818	5998	3885
Bắc Ninh	2935	825	67116	5213	4463
Quảng Ninh	1793	1112	32625	12819	5298
Hải Dương	1896	1030	38116	3462	2108
Hải Phòng	2002	1468	68115	8300	4200
Hưng Yên	1236	647	30524	4361	2065
Thái Bình	527	527	22728	5556	3100
Hà Nam	596	450	18939	3193	2265
Nam Định	1407	1065	37920	5902	3324
Ninh Bình	1022	767	25049	3263	2577
Tổng số	26556	13895	650673	104892	63750
Cả nước	83959	47465	2260471	330000	250000

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2021 - Statistical yearbook of Vietnam 2021)

Phụ lục 7
BẢNG THỐNG KÊ SỐ HỌC SINH PHỔ THÔNG
Ở KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG
(Tính đến ngày 30/9/2021)

(Đơn vị: Người)

Tỉnh/Thành phố	Tổng số	Chia ra		
		Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Hà Nội	1673052	778110	600792	294150
Vĩnh Phúc	255907	123376	94911	37620
Bắc Ninh	279794	133273	97300	49221
Quảng Ninh	273625	126481	999858	47186
Hải Dương	374426	176023	137482	60921
Hải Phòng	411465	182293	152109	77036
Hưng Yên	255171	120439	92046	42686
Thái Bình	315403	141736	113282	60385
Hà Nam	161978	79540	58726	23712
Nam Định	351686	165235	125754	60699
Ninh Bình	192843	95206	66385	31252
Tổng số	4545352	2121712	1638745	784895
Cả nước	18433683	8901028	6543594	2989061

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2021 - Statistical yearbook of Vietnam 2021)

Phụ lục 8

**BẢNG THỐNG KÊ LƯỢNG LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN
Ở KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

(Đơn vị: Nghìn người)

Tỉnh/thành phố	Năm				
	2019	2020	2021	2022	Sơ bộ 2023
Hà Nội	4118,3	4124,6	3939,9	401,7	4105,4
Vĩnh Phúc	647,4	634,5	578,4	592,7	607,0
Bắc Ninh	777,7	774,6	766,2	787,2	791,5
Quảng Ninh	734,5	693,6	668,0	678,1	685,3
Hải Dương	1070,8	1015,0	939,9	952,6	948,1
Hải Phòng	1111,1	1077,8	1033,8	1038,8	1042,7
Hưng Yên	726,8	722,0	680,5	683,0	692,2
Thái Bình	1133,1	1084,3	956,1	982,3	968,9
Hà Nam	486,9	467,0	439,4	457,1	461,7
Nam Định	1050,1	1025,2	947,2	965,1	968,1
Ninh Bình	581,5	563,6	487,3	489,2	492,8
Tổng số	12438,2	12182,1	11436,7	11637,9	11781,7
Cả nước	55767,4	54842,9	50560,5	51704,9	52376,0

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023 - Statistical yearbook of Vietnam 2023)

Phụ lục 9**BẢNG THỐNG KÊ TỶ LỆ LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐÃ
QUA ĐÀO TẠO Ở KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG***(Đơn vị: %)*

Tỉnh/thành phố	Năm				
	2019	2020	2021	2022	Sơ bộ 2023
Hà Nội	48,1	48,5	50,3	50,3	50,8
Vĩnh Phúc	24,9	28,6	34,7	34,9	35,8
Bắc Ninh	28,0	27,8	33,5	34,4	34,4
Quảng Ninh	37,7	38,7	41,4	41,8	41,9
Hải Dương	22,1	24,8	30,4	29,7	29,2
Hải Phòng	31,6	34,7	36,0	36,5	36,5
Hưng Yên	25,3	26,4	26,7	28,1	28,2
Thái Bình	15,3	17,9	19,3	19,6	22,9
Hà Nam	20,0	22,1	27,6	27,6	29,5
Nam Định	17,7	20,1	22,0	21,5	21,7
Ninh Bình	28,9	30,2	31,7	31,8	33,6
Tổng số	32,4	32,6	37,0	37,1	37,8
Cả nước	22,8	24,1	26,1	26,6	27,2

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023 - Statistical yearbook of Vietnam 2023)

Phụ lục 10
BẢNG THỐNG KÊ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Đơn vị: tỷ đồng)

Năm	2018	2019	2020	2021	Sơ bộ 2022
Chi ngân sách nhà nước					
TỔNG CHI	1435435	1526893	1709524	1708088	2158100
<i>Trong đó:</i>					
Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	220436	237767	241927	540046	638142
Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	11111	12426	11886	1061316	1101856

(Cơ cấu: %)

Năm	2018	2019	2020	2021	Sơ bộ 2022
Chi ngân sách nhà nước					
TỔNG CHI	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
<i>Trong đó:</i>					
Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	15,36	15,57	14,15	13,89	12,64
Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0,77	0,81	0,70	0,60	0,55

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2021 - Statistical yearbook of Vietnam 2021)

Phụ lục 11
BẢNG THỐNG KÊ CHI NGÂN SÁCH CHO SỰ NGHIỆP GD&ĐT
Ở MỘT SỐ TỈNH

(Đơn vị: triệu đồng)

Năm Tỉnh/Thành phố	2015	2017	2018	2019	2020
	Bắc Ninh	1773.700	2549.800	2880.400	3086.200
Vĩnh Phúc	2183.688	2452.827	2534.397	2904.808	3250.698
Thái Bình	2682.622	3080.909	3278.966	3423.312	3475.773

Phụ lục 12**BẢNG THỐNG KÊ 10 TỈNH DẪN ĐẦU CẢ NƯỚC VỀ ĐIỂM THI
TỐT NGHIỆP THPT QUỐC GIA NĂM 2023**

STT	Tỉnh/thành phố	Điểm trung bình
1	Vĩnh Phúc	7,22
2	Bình Dương	7,16
3	Nam Định	7,11
4	Ninh Bình	7,03
5	Bắc Ninh	6,92
6	Hải Phòng	6,87
7	Hà Nam	6,87
8	Phú Thọ	6,81
9	Hà Tĩnh	6,8
10	An Giang	6,8

Nguồn: Cổng thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phụ lục 13**PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN****VỀ TÌNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG LÃNH ĐẠO
CÔNG TÁC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HIỆN NAY**

(Dành cho các Đồng chí là cán bộ, đảng viên trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy ở vùng Đồng bằng sông Hồng)

Để có những thông tin cần thiết làm cơ sở nghiên cứu, xác định phương hướng, tìm giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng đối với công tác giáo dục và đào tạo thời gian tới, xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về những vấn đề sau đây:

(Xin đánh dấu nhân (X) vào ô bên cạnh, hoặc dấu nhân (X) vào dòng, cột trong biểu, bảng tương ứng có nội dung phù hợp với ý kiến của Đồng chí hoặc ghi thêm ý kiến khác vào ô cuối cùng trong biểu, bảng của câu hỏi.

Câu 1: Đồng chí đánh giá như thế nào về vai trò của giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng đồng bằng Sông Hồng hiện nay? Đồng chí có thể cho ý kiến về các vai trò dưới đây.

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Là yếu tố trọng trong hàng đầu trong chủ trương, chính sách phát triển mọi mặt của tỉnh; GD&ĐT cùng với khoa học và công nghệ là nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội của các tỉnh vùng này.			
2	Là nhân tố rất quan trọng trong xây dựng, phát triển văn hóa ở các tỉnh, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc là nền tảng tinh			

	thần của xã hội ta.			
3	Là cơ sở, tiền đề của sự phát triển khoa học và công nghệ ở các tỉnh, góp phần phát triển khoa học và công nghệ của đất nước; hội nhập quốc tế đạt hiệu quả về khoa học và công nghệ.			
4	Góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên của các tổ chức trong HTCT của tỉnh, để các tổ chức này, vững mạnh đáp ứng yêu cầu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của đảng bộ tỉnh.			
	Ý kiến khác:			

Câu 2: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về đặc điểm của giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng đồng bằng Sông Hồng hiện nay? Đồng chí có thể cho ý kiến về các đặc điểm dưới đây.

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng ĐBSH phát triển khá đồng đều được sự hợp tác, giúp đỡ của các trường đại học, viện nghiên cứu lớn có chất lượng cao và uy tín ở thủ đô Hà Nội, một trung tâm GD&ĐT lớn nhất nước ta.			
2	Giáo dục và đào tạo ở các tỉnh được tiến hành ở một trung tâm trung tâm GD&ĐT lớn nhất ở nước ta, có chiều dài lịch sử			

	lâu dài, kinh nghiệm phong phú, việc dạy và học được thực hiện chặt chẽ, truyền thống thi cử nghiêm ngặt			
3	Giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng thừa hưởng và tiếp nhận những giá trị văn hóa của một vùng là cội nguồn của văn hóa Việt Nam, nơi lưu truyền và phát triển nhiều giá trị văn hóa của dân tộc trong quá trình phát triển, là yếu tố rất quan trọng tạo nên chất lượng GD&ĐT của các tỉnh vùng này.			
4	Người học ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng có truyền thống hiếu học, kiên trì vượt qua khó khăn, gian khổ để học tập, tiến bộ; nhân dân ở các tỉnh có trình độ văn hóa vào loại cao nhất nước, luôn coi trọng việc học tập của con em, tích cực tham gia các hoạt động GD&ĐT.			
5	GD&ĐT ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng đang được đổi mới mạnh mẽ về nội dung chương trình, đa dạng về loại hình, cấp bậc, lĩnh vực đào tạo, nâng cao chất lượng, góp phần vào việc hội nhập quốc tế về GD&ĐT của nước ta.			
	Ý kiến khác:			

Câu 3: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nội dung công tác giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay? Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây.

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Chính quyền tỉnh xây dựng các nghị quyết, quyết định, chương trình kế hoạch tác công tác GD&ĐT của tỉnh để tổ chức thực hiện.			
2	Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án công tác GD&ĐT với những nội dung chủ yếu nêu trên.			
3	Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với MTTQ, các tổ chức CT-XH của tỉnh và các tổ chức có liên quan trong thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án công tác GD&ĐT của Ủy ban nhân dân tỉnh.			
4	Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm về công tác GD&ĐT của tỉnh và chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành công việc này.			
	Ý kiến khác:			

Câu 4: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nội dung tình ủy ở vùng đồng bằng Sông Hồng lãnh đạo công tác giáo dục và đào tạo hiện nay? Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây.

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành các nghị quyết về công tác GD&ĐT cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp về công tác GD&ĐT trong nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại (năm 2020-2025), định hướng giải pháp thực hiện những nội dung công tác GD&ĐT.			
2	Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo đảng đoàn HĐND, ban cán sự đảng UBND tỉnh về lãnh đạo HĐND, UBND tỉnh cụ thể hóa, thể chế hóa nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.			
3	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý, cơ sở GD&ĐT có chất lượng, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, phục vụ công tác GD&ĐT và đội ngũ giảng viên đủ phẩm chất, năng lực, uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.			
4	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy cấp huyện, các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan về việc các cấp ủy, tổ chức đảng ấy, lãnh đạo công tác GD&ĐT thuộc chức năng, nhiệm			

	vụ, phạm vi lãnh đạo của mình.			
5	Tỉnh ủy lãnh đạo sự phối hợp giữa chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức có liên quan và nhân dân địa phương trong tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT			
	Ý kiến khác:			

Câu 5: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình phương thức lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng Sông Hồng đối với công tác giáo dục và đào tạo hiện nay? Đồng chí có thể cho ý kiến về các phương thức dưới đây.

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Bằng các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT.			
2	Bằng việc lãnh đạo, chỉ đạo phát huy vai trò của UBND tỉnh trong thực hiện chức năng tổ chức và quản lý nhà nước mọi hoạt động GD&ĐT trên địa bàn tỉnh.			
3	Bằng các hoạt động tuyên truyền vận động, thuyết phục cán bộ, đảng viên, các tổ chức và nhân dân tỉnh nhận thức sâu sắc nội dung			

	các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU và của HĐND, Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác GD&ĐT; tạo đồng thuận cao trong thực hiện các nghị quyết, quyết định này.			
4	Bằng công tác tổ chức, cán bộ của các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học và cơ sở GD&ĐT của tỉnh.			
5	Thông qua các tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên và hành gương mẫu của đảng viên hoạt động trong các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học, các cơ sở GD&ĐT của tỉnh.			
6	Bằng việc phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức kinh tế và nhân dân địa phương tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.			
7	Bằng công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên trong đảng bộ tỉnh về thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, Ban Thường vụ tỉnh ủy về công tác GD&ĐT.			
	Ý kiến khác:			

Câu 6: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về vai trò lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng Sông Hồng đối với công tác giáo dục và đào tạo hiện nay? Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây.

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Sự lãnh đạo đúng đắn của tỉnh ủy là nhân tố quan trọng hàng đầu quyết định thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác GD&ĐT trên địa bàn tỉnh; nhiệm vụ, giải pháp về công tác GD&ĐT trong nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh.			
2	Sự lãnh đạo đúng đắn, hiệu quả của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng đối với công tác GD&ĐT là nhân tố quan trọng hàng đầu quyết sự phát triển của lĩnh vực GD&ĐT của tỉnh.			
3	Sự lãnh đạo đúng đắn của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với công tác GD&ĐT là cơ sở, yếu tố căn bản tạo thuận lợi và thúc đẩy các lĩnh vực khác của đời sống xã hội của tỉnh phát triển và sự phát triển, vững mạnh của tỉnh.			
4	Sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với công tác GD&ĐT bảo đảm sự phối hợp hoạt động đạt hiệu quả của các tổ chức trong HTCT, các tổ chức, lực lượng và nhân dân địa			

	phương trong phát triển sự nghiệp GD&ĐT của tỉnh.			
	Ý kiến khác:			

Câu 7: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ thực hiện nội dung tỉnh ủy ở vùng đồng bằng Sông Hồng lãnh đạo công tác giáo dục và đào tạo nơi Đồng chí đang làm việc hoặc sinh sống hiện nay?

TT	Nhiệm vụ	Thực hiện tốt	Đạt yêu cầu	Thực hiện chưa tốt	Không thực hiện	Vi phạm
1	Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành các nghị quyết về công tác GD&ĐT cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp về công tác GD&ĐT trong nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại (năm 2020-2025), định hướng giải pháp thực hiện những nội dung công tác GD&ĐT.					
2	Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo đảng đoàn HĐND, ban cán sự đảng UBND tỉnh về lãnh đạo HĐND, UBND tỉnh cụ thể hóa, thể chế hóa nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.					

3	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý, cơ sở GD&ĐT có chất lượng, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, phục vụ công tác GD&ĐT và đội ngũ giảng viên đủ phẩm chất, năng lực, uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.					
4	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy cấp huyện, các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan về việc các cấp ủy, tổ chức đảng ấy, lãnh đạo công tác GD&ĐT thuộc chức năng, nhiệm vụ, phạm vi lãnh đạo của mình.					
5	Tỉnh ủy lãnh đạo sự phối hợp giữa chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức có liên quan và nhân dân địa phương trong tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT					

Câu 8: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ thực hiện phương thức lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng Sông Hồng đối với công tác giáo dục và đào tạo nơi Đồng chí đang làm việc hoặc sinh sống hiện nay?

TT	Nhiệm vụ	Thực hiện tốt	Đạt yêu cầu	Thực hiện chưa tốt	Không thực hiện	Vi phạm
----	----------	---------------	-------------	--------------------	-----------------	---------

1	Bằng các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT.					
2	Bằng việc lãnh đạo, chỉ đạo phát huy vai trò của UBND tỉnh trong thực hiện chức năng tổ chức và quản lý nhà nước mọi hoạt động GD&ĐT trên địa bàn tỉnh.					
3	Bằng các hoạt động tuyên truyền vận động, thuyết phục cán bộ, đảng viên, các tổ chức và nhân dân tỉnh nhận thức sâu sắc nội dung các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, Ban Thường vụ tỉnh ủy và của HĐND, UBND tỉnh về công tác GD&ĐT; tạo đồng thuận cao trong thực hiện các nghị quyết, quyết định này.					
4	Bằng công tác tổ chức, cán bộ của các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học và cơ sở GD&ĐT của tỉnh					
5	Thông qua các tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên và hành gương mẫu của đảng viên hoạt động trong các cơ quan					

	quản lý công tác GD&ĐT, các trường học, các cơ sở GD&ĐT của tỉnh					
6	Bằng việc phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức kinh tế và nhân dân địa phương tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.					
7	Bằng công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên trong đảng bộ tỉnh về thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, Ban Thường vụ tỉnh ủy về công tác GD&ĐT.					

Câu 9. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về những giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Hồng đối với công tác GD&ĐT nơi Đồng chí đang làm việc hoặc sinh sống hiện nay? Đồng chí có thể cho ý kiến về các giải pháp dưới đây.

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, CBDV, các tổ chức trong HTCT về tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.			
2	Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT; coi trọng			

	các nghị quyết chuyên đề về GD&ĐT.			
3	Xây dựng tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT trong những năm tới.			
4	Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý, cơ sở GD&ĐT; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của tỉnh có chất lượng đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.			
5	Phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH và nhân dân tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác giáo dục và đào tạo; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, xử lý kịp thời, nghiêm minh những sai phạm.			
6	Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, việc tạo thuận lợi của các ban, ngành, cơ quan Trung ương cho các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng lãnh đạo công tác giáo dục và đào tạo đạt hiệu quả.			
	Các giải pháp khác:			

Câu 10: Xin Đồng chí vui lòng cho biết một số thông tin về cá nhân

a. Giới tính	- Nam - Nữ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
b. Tuổi	- Dưới 35 - 35 - 40 - 41 - 45 - 46 - 50 - 51 - 55 - Trên 55	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
c. Số năm công tác	- Dưới 05 năm - 05 - 10 năm - 10 - 20 năm - 20 - 30 năm - Trên 30 năm	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
d. Trình độ chuyên môn	- Cử nhân hoặc tương đương - Sau đại học	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
e. Đồng chí	- Đảng viên - Đoàn viên, hội viên các tổ chức chính trị - xã hội nhưng không là đảng viên	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>

Trân trọng cảm ơn sự nhiệt tình tham gia ý kiến của Đồng chí!

Phụ lục 14
PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN
VỀ TÌNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG LÃNH ĐẠO
CÔNG TÁC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HIỆN NAY

(Dành cho các Đồng chí là cán bộ, đảng viên trong các tổ chức, cơ sở giáo dục và đào tạo ở vùng đồng bằng sông Hồng)

Để có những thông tin cần thiết làm cơ sở nghiên cứu, xác định phương hướng, tìm giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ ở vùng đồng bằng sông Hồng đối với công tác giáo dục và đào tạo thời gian tới, xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về những vấn đề sau đây:

(Xin đánh dấu nhân (X) vào ô bên cạnh, hoặc dấu nhân (X) vào dòng, cột trong biểu, bảng tương ứng có nội dung phù hợp với ý kiến của Đồng chí hoặc ghi thêm ý kiến khác vào ô cuối cùng trong biểu, bảng của câu hỏi.

Câu 1: Đồng chí đánh giá như thế nào về vai trò của giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng đồng bằng Sông Hồng hiện nay? Đồng chí có thể cho ý kiến về các vai trò dưới đây.

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Là yếu tố trọng trong hàng đầu trong chủ trương, chính sách phát triển mọi mặt của tỉnh; GD&ĐT cùng với khoa học và công nghệ là nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội của các tỉnh vùng này.			
2	Là nhân tố rất quan trọng trong xây dựng, phát triển văn hóa ở các tỉnh, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến			

	đậm đà bản sắc dân tộc là nền tảng tinh thần của xã hội ta.			
3	Là cơ sở, tiền đề của sự phát triển khoa học và công nghệ ở các tỉnh, góp phần phát triển khoa học và công nghệ của đất nước; hội nhập quốc tế đạt hiệu quả về khoa học và công nghệ.			
4	Góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên của các tổ chức trong HTCT của tỉnh, để các tổ chức này, vững mạnh đáp ứng yêu cầu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của đảng bộ tỉnh.			
	Ý kiến khác:			

Câu 2: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về đặc điểm của giáo dục và đào tạo ở ở các tỉnh vùng đồng bằng Sông Hồng hiện nay? Đồng chí có thể cho ý kiến về các đặc điểm dưới đây.

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng phát triển khá đồng đều được sự hợp tác, giúp đỡ của các trường đại học, viện nghiên cứu lớn có chất lượng cao và uy tín ở thủ đô Hà Nội, một trung tâm GD&ĐT lớn nhất nước ta.			
2	Giáo dục và đào tạo ở các tỉnh được tiến hành ở một trung tâm trung tâm GD&ĐT			

	lớn nhất ở nước ta, có chiều dài lịch sử lâu dài, kinh nghiệm phong phú, việc dạy và học được thực hiện chặt chẽ, truyền thống thi cử nghiêm ngặt			
3	Giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng thừa hưởng và tiếp nhận những giá trị văn hóa của một vùng là cội nguồn của văn hóa Việt Nam, nơi lưu truyền và phát triển nhiều giá trị văn hóa của dân tộc trong quá trình phát triển, là yếu tố rất quan trọng tạo nên chất lượng GD&ĐT của các tỉnh vùng này.			
4	Người học ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng có truyền thống hiếu học, kiên trì vượt qua khó khăn, gian khổ để học tập, tiến bộ; nhân dân ở các tỉnh có trình độ văn hóa vào loại cao nhất nước, luôn coi trọng việc học tập của con em, tích cực tham gia các hoạt động GD&ĐT.			
5	GD&ĐT ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng đang được đổi mới mạnh mẽ về nội dung chương trình, đa dạng về loại hình, cấp bậc, lĩnh vực đào tạo, nâng cao chất lượng, góp phần vào việc hội nhập quốc tế về GD&ĐT của nước ta.			
	Ý kiến khác:			

--	-------

Câu 3: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nội dung công tác giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay? Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây.

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Chính quyền tỉnh xây dựng các nghị quyết, quyết định, chương trình kế hoạch tác công tác GD&ĐT của tỉnh để tổ chức thực hiện.			
2	Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án công tác GD&ĐT với những nội dung chủ yếu nêu trên.			
3	Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với MTTQ, các tổ chức CT-XH của tỉnh và các tổ chức có liên quan trong thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án công tác GD&ĐT của UBND tỉnh.			
4	Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm về công tác GD&ĐT của tỉnh và chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành công việc này.			
	Ý kiến khác:			

Câu 4: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nội dung tình ủy ở vùng đồng bằng Sông Hồng lãnh đạo công tác giáo dục và đào tạo hiện nay? Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây).

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành các nghị quyết về công tác GD&ĐT cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp về công tác GD&ĐT trong nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại (năm 2020-2025), định hướng giải pháp thực hiện những nội dung công tác GD&ĐT.			
2	Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo đảng đoàn HĐND, ban cán sự đảng UBND tỉnh về lãnh đạo HĐND, UBND tỉnh cụ thể hóa, thể chế hóa nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.			
3	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý, cơ sở GD&ĐT có chất lượng, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, phục vụ công tác GD&ĐT và đội ngũ giảng viên đủ phẩm chất, năng lực, uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.			
4	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy cấp huyện, các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan về việc các cấp ủy, tổ chức đảng ấy, lãnh đạo công tác GD&ĐT thuộc chức năng, nhiệm			

	vụ, phạm vi lãnh đạo của mình.			
5	Tỉnh ủy lãnh đạo sự phối hợp giữa chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức có liên quan và nhân dân địa phương trong tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT			
	Ý kiến khác:			

Câu 5: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình phương thức lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng Sông Hồng đối với công tác giáo dục và đào tạo hiện nay? Đồng chí có thể cho ý kiến về các phương thức dưới đây.

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Bằng các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT.			
2	Bằng việc lãnh đạo, chỉ đạo phát huy vai trò của UBND tỉnh trong thực hiện chức năng tổ chức và quản lý nhà nước mọi hoạt động GD&ĐT trên địa bàn tỉnh.			
3	Bằng các hoạt động tuyên truyền vận động, thuyết phục cán bộ, đảng viên, các tổ chức và nhân dân tỉnh nhận thức sâu sắc nội dung các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU và của HĐND, UBND về công tác			

	GD&ĐT; tạo đồng thuận cao trong thực hiện các nghị quyết, quyết định này.			
4	Bằng công tác tổ chức, cán bộ của các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học và cơ sở GD&ĐT của tỉnh			
5	Thông qua các tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên và hành gương mẫu của đảng viên hoạt động trong các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học, các cơ sở GD&ĐT của tỉnh			
6	Bằng việc phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức kinh tế và nhân dân địa phương tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.			
7	Bằng công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên trong đảng bộ tỉnh về thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, Ban Thường vụ tỉnh ủy về công tác GD&ĐT.			
	Ý kiến khác:			

Câu 6: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về vai trò lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng Sông Hồng đối với công tác

giáo dục và đào tạo hiện nay? Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây.

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Sự lãnh đạo đúng đắn của tỉnh ủy là nhân tố quan trọng hàng đầu quyết định thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác GD&ĐT trên địa bàn tỉnh; nhiệm vụ, giải pháp về công tác GD&ĐT trong nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh.			
2	Sự lãnh đạo đúng đắn, hiệu quả của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng đối với công tác GD&ĐT là nhân tố quan trọng hàng đầu quyết sự phát triển của lĩnh vực GD&ĐT của tỉnh			
3	Sự lãnh đạo đúng đắn của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với công tác GD&ĐT là cơ sở, yếu tố căn bản tạo thuận lợi và thúc đẩy các lĩnh vực khác của đời sống xã hội của tỉnh phát triển và sự phát triển, vững mạnh của tỉnh.			
4	Sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với công tác GD&ĐT bảo đảm sự phối hợp hoạt động đạt hiệu quả của các tổ chức trong HTCT, các tổ chức, lực lượng và nhân dân địa phương trong phát triển sự nghiệp GD&ĐT của tỉnh.			

	Ý kiến khác:
--	-----------------------------------------

Câu 7: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ thực hiện nội dung tỉnh ủy ở vùng đồng bằng Sông Hồng lãnh đạo công tác giáo dục và đào tạo nơi Đồng chí đang làm việc hoặc sinh sống hiện nay?

TT	Nhiệm vụ	Thực hiện tốt	Đạt yêu cầu	Thực hiện chưa tốt	Không thực hiện	Vi phạm
1	Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành các nghị quyết về công tác GD&ĐT cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp về công tác GD&ĐT trong nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại (năm 2020-2025), định hướng giải pháp thực hiện những nội dung công tác GD&ĐT.					
2	Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo đảng đoàn HĐND, ban cán sự đảng UBND tỉnh về lãnh đạo HĐND, UBND tỉnh cụ thể hóa, thể chế hóa nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.					
3	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tổ chức bộ máy các					

	<p>cơ quan quản lý, cơ sở GD&ĐT có chất lượng, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, phục vụ công tác GD&ĐT và đội ngũ giảng viên đủ phẩm chất, năng lực, uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.</p>					
4	<p>Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy cấp huyện, các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan về việc các cấp ủy, tổ chức đảng ấy, lãnh đạo công tác GD&ĐT thuộc chức năng, nhiệm vụ, phạm vi lãnh đạo của mình.</p>					
5	<p>Tỉnh ủy lãnh đạo sự phối hợp giữa chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức có liên quan và nhân dân địa phương trong tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT</p>					

Câu 8: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ thực hiện phương thức lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng Sông Hồng đối với công tác giáo dục và đào tạo nơi Đồng chí đang làm việc hoặc sinh sống hiện nay?

TT	Nhiệm vụ	Thực hiện tốt	Đạt yêu cầu	Thực hiện chưa tốt	Không thực hiện	Vi phạm
1	Bằng các nghị quyết của tỉnh					

	ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT.					
2	Bằng việc lãnh đạo, chỉ đạo phát huy vai trò của UBND tỉnh trong thực hiện chức năng tổ chức và quản lý nhà nước mọi hoạt động GD&ĐT trên địa bàn tỉnh.					
3	Bằng các hoạt động tuyên truyền vận động, thuyết phục cán bộ, đảng viên, các tổ chức và nhân dân tỉnh nhận thức sâu sắc nội dung các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU và của HĐND, UBND tỉnh về công tác GD&ĐT; tạo đồng thuận cao trong thực hiện các nghị quyết, quyết định này.					
4	Bằng công tác tổ chức, cán bộ của các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học và cơ sở GD&ĐT của tỉnh					
5	Thông qua các tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên và hành gương mẫu của đảng viên hoạt động trong các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học, các cơ sở GD&ĐT của tỉnh					

6	Bằng việc phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức kinh tế và nhân dân địa phương tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.					
7	Bằng công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên trong đảng bộ tỉnh về thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, Ban Thường vụ tỉnh ủy về công tác GD&ĐT.					

Câu 9. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về những giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Hồng đối với công tác GD&ĐT nơi Đồng chí đang làm việc hoặc sinh sống hiện nay? Đồng chí có thể cho ý kiến về các giải pháp dưới đây).

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, CBDV, các tổ chức trong HTCT về tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.			
2	Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT; coi trọng các nghị quyết chuyên đề về GD&ĐT.			
3	Xây dựng tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy, các cơ			

	quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT trong những năm tới.			
4	Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý, cơ sở GD&ĐT; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của tỉnh có chất lượng đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.			
5	Phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH và nhân dân tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác giáo dục và đào tạo; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, xử lý kịp thời, nghiêm minh những sai phạm.			
6	Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, việc tạo thuận lợi của các ban, ngành, cơ quan Trung ương cho các tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng lãnh đạo công tác giáo dục và đào tạo đạt hiệu quả.			
	Các giải pháp khác:			

Câu 10: Xin Đồng chí vui lòng cho biết một số thông tin về cá nhân

a. Giới tính	- Nam	<input type="checkbox"/>
	- Nữ	<input type="checkbox"/>
b. Tuổi	- Dưới 35	<input type="checkbox"/>

	- 35 - 40 - 41 - 45 - 46 - 50 - 51 - 55 - Trên 55	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
c. Số năm công tác	- Dưới 05 năm - 05 - 10 năm - 10 - 20 năm - 20 - 30 năm - Trên 30 năm	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
d. Trình độ chuyên môn	- Cử nhân hoặc tương đương - Sau đại học	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
e. Đồng chí	- Đảng viên - Đoàn viên, hội viên các tổ chức chính trị - xã hội nhưng không là đảng viên	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>

Trân trọng cảm ơn sự nhiệt tình tham gia ý kiến của Đồng chí!

Phụ lục 15**BÁO CÁO XỬ LÝ SỐ LIỆU KHẢO SÁT Ý KIẾN****VỀ TÌNH ÚY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HIỆN NAY**

(Dành cho các Đồng chí là cán bộ, đảng viên trong cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng)

- Số phiếu phát ra: 300
- Số phiếu thu về: 291
- Số phiếu hợp lệ: 283
- Số phiếu không hợp lệ: 8

Câu 1: Đồng chí đánh giá như thế nào về vai trò của giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay? Đồng chí có thể cho ý kiến về các vai trò dưới đây.

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Là yếu tố trọng trong hàng đầu trong chủ trương, chính sách phát triển mọi mặt của tỉnh; GD&ĐT cùng với khoa học và công nghệ là nhân tố quyết định tăng trưởng	281	99,29%	2	0,71%	0	0,00%

	kinh tế, phát triển xã hội của các tỉnh vùng này.						
2	Là nhân tố rất quan trọng trong xây dựng, phát triển văn hóa ở các tỉnh, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc là nền tảng tinh thần của xã hội ta.	278	98,24%	4	1,41%	1	0,35%
3	Là cơ sở, tiền đề của sự phát triển khoa học và công nghệ ở các tỉnh, góp phần phát triển khoa học và công nghệ của đất nước; hội nhập quốc tế đạt hiệu quả về khoa học và công nghệ.	280	98,94%	1	0,35%	2	0,71%
4	Góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên của các tổ chức trong HTCT của tỉnh, để các tổ chức này, vững mạnh đáp ứng yêu cầu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của đảng bộ tỉnh.	281	99,30%	1	0,35%	1	0,35%
	Ý kiến khác:						

Câu 2: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về đặc điểm của giáo dục và đào tạo ở ở các tỉnh vùng đồng bằng Sông Hồng hiện nay? Đồng chí có thể cho ý kiến về các đặc điểm dưới đây.

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng phát triển khá đồng đều được sự hợp tác, giúp đỡ của các trường đại học, viện nghiên cứu lớn có chất lượng cao và uy tín ở thủ đô Hà Nội, một trung tâm GD&ĐT lớn nhất nước ta.	276	97,52%	5	1,77%	2	0,71%
2	Giáo dục và đào tạo ở các tỉnh được tiến hành ở một trung tâm trung tâm GD&ĐT lớn nhất ở nước ta, có chiều dài lịch sử lâu dài, kinh nghiệm phong phú, việc dạy và học được thực hiện chặt chẽ, truyền thống thi cử nghiêm ngặt	274	96,82%	4	1,41%	5	1,77%
3	Giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng thừa hưởng và tiếp nhận những giá trị văn hóa của một vùng là cội nguồn của văn hóa Việt Nam, nơi lưu truyền và phát triển nhiều giá trị văn hóa của dân tộc trong quá trình phát triển, là	279	98,59%	3	1,06%	1	0,35%

	yếu tố rất quan trọng tạo nên chất lượng GD&ĐT của các tỉnh vùng này.						
4	Người học ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng có truyền thống hiếu học, kiên trì vượt qua khó khăn, gian khổ để học tập, tiến bộ; nhân dân ở các tỉnh có trình độ văn hóa vào loại cao nhất nước, luôn coi trọng việc học tập của con em, tích cực tham gia các hoạt động GD&ĐT.	280	98,94%	2	0,71%	1	0,35%
5	GD&ĐT ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng đang được đổi mới mạnh mẽ về nội dung chương trình, đa dạng về loại hình, cấp bậc, lĩnh vực đào tạo, nâng cao chất lượng, góp phần vào việc hội nhập quốc tế về GD&ĐT của nước ta.	282	99,65%	1	0,35%	0	0,00%
	Ý kiến khác:						

Câu 3: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nội dung công tác giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay? Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây.

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Chính quyền tỉnh xây dựng các nghị quyết, quyết định, chương trình kế hoạch tác công tác GD&ĐT của tỉnh để tổ chức thực hiện.	280	98,94%	1	0,35%	2	0,71%
2	Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án công tác GD&ĐT với những nội dung chủ yếu nêu trên.	276	97,53%	4	1,41%	3	1,06%
3	Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với MTTQ, các tổ chức CT-XH của tỉnh và các tổ chức có liên quan trong thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án công tác GD&ĐT của Ủy ban nhân dân tỉnh.	280	98,94%	2	0,71%	1	0,35%
4	Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm về công tác GD&ĐT của tỉnh và chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành công việc này.	279	98,58%	2	0,71%	2	0,71%
	Ý kiến khác						

Câu 4: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nội dung tỉnh ủy ở vùng đồng bằng Sông Hồng lãnh đạo công tác giáo dục và đào tạo hiện nay? Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây.

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành các nghị quyết về công tác GD&ĐT cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp về công tác GD&ĐT trong nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại (năm 2020-2025), định hướng giải pháp thực hiện những nội dung công tác GD&ĐT.	278	98,23%	3	1,06%	2	0,71%
2	Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo đảng đoàn HĐND, ban cán sự đảng UBND tỉnh về lãnh đạo HĐND, UBND tỉnh cụ thể hóa, thể chế hóa nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.	280	98,94%	2	0,71%	1	0,35%
3	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý, cơ sở GD&ĐT có chất lượng, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, phục vụ công tác GD&ĐT và đội ngũ giảng viên đủ phẩm chất, năng lực, uy tín đáp ứng yêu cầu	279	98,58%	2	0,71%	2	0,71%

	nhiệm vụ.						
4	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy cấp huyện, các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan về việc các cấp ủy, tổ chức đảng ấy, lãnh đạo công tác GD&ĐT thuộc chức năng, nhiệm vụ, phạm vi lãnh đạo của mình.	277	97,88%	4	1,41%	2	0,71%
5	Tỉnh ủy lãnh đạo sự phối hợp giữa chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức có liên quan và nhân dân địa phương trong tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT	280	98,94%	2	0,71%	1	0,35%
	Ý kiến khác:						

Câu 5: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình phương thức lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng Sông Hồng đối với công tác giáo dục và đào tạo hiện nay? Đồng chí có thể cho ý kiến về các phương thức dưới đây.

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Bằng các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT.	278	98,23%	3	1,06%	2	0,71%
2	Bằng việc lãnh đạo, chỉ đạo phát huy vai trò của UBND tỉnh trong thực hiện chức năng tổ chức và quản lý nhà nước mọi hoạt động GD&ĐT trên địa bàn tỉnh.	279	98,58%	2	0,71%	2	0,71%
3	Bằng các hoạt động tuyên truyền vận động, thuyết phục CBDV, các tổ chức và nhân dân tỉnh nhận thức sâu sắc nội dung các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU và của HĐND, UBND tỉnh về công tác GD&ĐT; tạo đồng thuận cao trong thực hiện các nghị quyết, quyết định này.	280	98,94%	2	0,71%	1	0,35%
4	Bằng công tác tổ chức, cán bộ của các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học và cơ sở GD&ĐT của tỉnh	277	97,88%	4	1,41%	2	0,71%
5	Thông qua các tổ chức đảng, đội ngũ đảng	277	97,88%	4	1,41%	2	0,71%

	viên và hành gương mẫu của đảng viên hoạt động trong các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học, các cơ sở GD&ĐT của tỉnh						
6	Bằng việc phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức kinh tế và nhân dân địa phương tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.	278	98,23%	3	1,06%	2	0,71%
7	Bằng công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên trong đảng bộ tỉnh về thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, Ban Thường vụ tỉnh ủy về công tác GD&ĐT.	279	98,58%	2	0,71%	2	0,71%
	Ý kiến khác:						

Câu 6: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về vai trò lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng đối với công tác giáo dục và đào tạo hiện nay? Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây.

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Sự lãnh đạo đúng đắn của tỉnh ủy là nhân tố quan trọng hàng đầu quyết định thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác GD&ĐT trên địa bàn tỉnh; nhiệm vụ, giải pháp về công tác GD&ĐT trong nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh.	278	98,23%	3	1,06%	2	0,71%
2	Sự lãnh đạo đúng đắn, hiệu quả của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng đối với công tác GD&ĐT là nhân tố quan trọng hàng đầu quyết sự phát triển của lĩnh vực GD&ĐT của tỉnh	279	98,58%	2	0,71%	2	0,71%
3	Sự lãnh đạo đúng đắn của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với công tác GD&ĐT là cơ sở, yếu tố căn bản tạo thuận lợi và thúc đẩy các lĩnh vực khác của đời sống xã hội của tỉnh phát triển và sự phát triển, vững mạnh của tỉnh.	280	98,94%	2	0,71%	1	0,35%

4	Sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với công tác GD&ĐT bảo đảm sự phối hợp hoạt động đạt hiệu quả của các tổ chức trong HTCT, các tổ chức, lực lượng và nhân dân địa phương trong phát triển sự nghiệp GD&ĐT của tỉnh.	277	97,88%	4	1,41%	2	0,71%
Ý kiến khác:							

Câu 7: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ thực hiện nội dung tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng lãnh đạo công tác giáo dục và đào tạo nơi Đồng chí đang làm việc hoặc sinh sống hiện nay?

TT	Nhiệm vụ	Thực hiện tốt		Đạt yêu cầu		Thực hiện chưa tốt		Không thực hiện		Vi phạm	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành các nghị quyết về công tác GD&ĐT cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp về	266	93,99%	11	3,89%	6	2,12%	0	0,00%	0	0,00%

	công tác GD&ĐT trong nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại (năm 2020-2025), định hướng giải pháp thực hiện những nội dung công tác GD&ĐT.										
2	Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo đảng đoàn HĐND, ban cán sự đảng UBND tỉnh về lãnh đạo HĐND, UBND tỉnh cụ thể hóa, thể chế hóa nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.	269	95,05%	7	2,47%	5	1,77%	2	0,71%	0	0,00%
3	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý, cơ sở GD&ĐT có chất lượng, hoạt động hiệu	275	97,18%	4	1,41%	3	1,06%	1	0,35%	0	0,00%

	lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, phục vụ công tác GD&ĐT và đội ngũ giảng viên đủ phẩm chất, năng lực, uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.										
4	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy cấp huyện, các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan về việc các cấp ủy, tổ chức đảng ấy, lãnh đạo công tác GD&ĐT thuộc chức năng, nhiệm vụ, phạm vi lãnh đạo của mình.	270	95,40%	6	2,12%	5	1,77%	2	0,71%	0	0,00%
5	Tỉnh ủy lãnh đạo sự phối hợp giữa chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức có liên quan và	265	93,64%	10	3,53%	3	1,06%	5	1,77%	0	0,00%

nhân dân địa phương trong tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT											
---------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Câu 8: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ thực hiện phương thức lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng Sông Hồng đối với công tác giáo dục và đào tạo nơi Đồng chí đang làm việc hoặc sinh sống hiện nay?

TT	Nhiệm vụ	Thực hiện tốt		Đạt yêu cầu		Thực hiện chưa tốt		Không thực hiện		Vi phạm	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Bằng các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT.	224	88,7%	55	19,43%	4	1,41%	0	0,00%	0	0,00%
2	Bằng việc lãnh đạo, chỉ đạo phát huy vai trò của UBND tỉnh trong thực hiện chức năng tổ chức và quản lý nhà nước mọi hoạt động GD&ĐT trên địa bàn tỉnh.	179	63,25%	84	29,68%	17	6,01%	3	1,06%	0	0,00%

3	Bằng các hoạt động tuyên truyền vận động, thuyết phục cán bộ, đảng viên, các tổ chức và nhân dân tỉnh nhận thức sâu sắc nội dung các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU và của HĐND, UBND tỉnh về công tác GD&ĐT; tạo đồng thuận cao trong thực hiện các nghị quyết, quyết định này.	198	69,97%	75	26,50%	6	2,12%	4	1,41%	0	0,00%
4	Bằng công tác tổ chức, cán bộ của các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học và cơ sở GD&ĐT của tỉnh	200	70,67%	71	25,09%	5	1,77%	7	2,47%	0	0,00%
5	Thông qua các tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên và hành gương mẫu của đảng viên hoạt động trong các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học, các cơ sở GD&ĐT của tỉnh	214	75,61%	44	15,55%	20	7,07%	5	1,77%	0	0,00%

6	Bằng việc phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức kinh tế và nhân dân địa phương tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.	179	63,25%	84	29,68%	17	6,01%	3	1,06%	0	0,00%
7	Bằng công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên trong đảng bộ tỉnh về thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, Ban Thường vụ tỉnh ủy về công tác GD&ĐT	203	71,73%	60	21,20%	12	4,25%	8	2,82%	0	0,00%

Câu 9. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về những giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Hồng đối với công tác GD&ĐT nơi Đồng chí đang làm việc hoặc sinh sống hiện nay? Đồng chí có thể cho ý kiến về các giải pháp dưới đây.

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, CBDV, các tổ chức trong HTCT về tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy	264	93,28%	11	3,89%	8	2,83%

	đối với công tác GD&ĐT.						
2	Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT; coi trọng các nghị quyết chuyên đề về GD&ĐT.	242	85,51%	30	10,60%	11	3,89%
3	Xây dựng tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT trong những năm tới.	269	95,05%	9	3,18%	5	1,77%
4	Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý, cơ sở GD&ĐT; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của tỉnh có chất lượng đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.	257	90,82%	19	6,71%	7	2,47%
5	Phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH và nhân dân tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác giáo dục và đào tạo; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, xử lý kịp thời, nghiêm minh những sai phạm	270	95,41%	9	3,18%	4	1,41%
6	Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, việc tạo	254	89,75%	21	7,42%	8	2,83%

	thuận lợi của các ban, ngành, cơ quan Trung ương cho các tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng lãnh đạo công tác giáo dục và đào tạo đạt hiệu quả						
	Các giải pháp khác:						

Câu 10: Xin Đồng chí vui lòng cho biết một số thông tin về cá nhân

	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
a. Giới tính	- Nam	167	59,01%
	- Nữ	116	40,09%
b. Tuổi	- Dưới 35	15	5,31%
	- 35 - 40	59	20,85%
	- 41 - 45	58	20,49%
	- 46 - 50	64	22,61%
	- 51 - 55	63	22,26%
	- Trên 55	24	8,48%
c. Số năm công tác	- Dưới 05 năm	23	8,13%
	- 05 - 10 năm	99	34,98%
	- 10 - 20 năm	60	21,20%
	- 20 - 30 năm	63	22,26%
	- Trên 30 năm	38	13,43%
d. Trình độ chuyên môn	- Cử nhân hoặc tương đương	197	69,61%

	- Sau đại học	86	30,39%
e. Đồng chí	- Đảng viên	183	64,66%
	- Đoàn viên, hội viên các tổ chức chính trị - xã hội nhưng không là đảng viên	100	35,34%

Phụ lục 16

BÁO CÁO XỬ LÝ SỐ LIỆU KHẢO SÁT Ý KIẾN

VỀ TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HIỆN NAY

(Dành cho các Đồng chí là cán bộ, đảng viên trong các tổ chức, cơ sở giáo dục và đào tạo ở vùng đồng bằng sông Hồng)

- Số phiếu phát ra: 500
- Số phiếu thu về: 472
- Số phiếu hợp lệ: 460
- Số phiếu không hợp lệ: 12

Câu 1: Đồng chí đánh giá như thế nào về vai trò của giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay? Đồng chí có thể cho ý kiến về các vai trò dưới đây.

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Là yếu tố trọng trong hàng đầu trong chủ trương, chính sách phát triển mọi mặt của tỉnh; GD&ĐT cùng với khoa học và công nghệ là nhân tố quyết định tăng trưởng	451	98,05%	7	1,52%	2	0,43%

	kinh tế, phát triển xã hội của các tỉnh vùng này.						
2	Là nhân tố rất quan trọng trong xây dựng, phát triển văn hóa ở các tỉnh, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc là nền tảng tinh thần của xã hội ta.	450	97,83%	6	1,30%	4	0,87%
3	Là cơ sở, tiền đề của sự phát triển khoa học và công nghệ ở các tỉnh, góp phần phát triển khoa học và công nghệ của đất nước; hội nhập quốc tế đạt hiệu quả về khoa học và công nghệ.	443	96,30%	9	1,96%	8	1,74%
4	Góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên của các tổ chức trong HTCT của tỉnh, để các tổ chức này, vững mạnh đáp ứng yêu cầu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của đảng bộ tỉnh.	445	96,74%	10	2,17%	5	1,09%
	Ý kiến khác:						

Câu 2: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về đặc điểm của giáo dục và đào tạo ở ở các tỉnh vùng đồng bằng Sông Hồng hiện nay? Đồng chí có thể cho ý kiến về các đặc điểm dưới đây.

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng ĐBSH phát triển khá đồng đều được sự hợp tác, giúp đỡ của các trường đại học, viện nghiên cứu lớn có chất lượng cao và uy tín ở thủ đô Hà Nội, một trung tâm GD&ĐT lớn nhất nước ta.	437	95,00%	20	4,35%	3	0,65%
2	Giáo dục và đào tạo ở các tỉnh được tiến hành ở một trung tâm trung tâm GD&ĐT lớn nhất ở nước ta, có chiều dài lịch sử lâu dài, kinh nghiệm phong phú, việc dạy và học được thực hiện chặt chẽ, truyền thống thi cử nghiêm ngặt	442	96,09%	11	2,39%	7	1,52%
3	Giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng thừa hưởng và tiếp nhận những giá trị văn hóa của một vùng là cội nguồn của văn hóa Việt Nam, nơi lưu truyền và phát triển nhiều giá trị văn hóa của dân tộc trong quá trình phát triển, là	438	95,22%	19	4,13%	3	0,65%

	yếu tố rất quan trọng tạo nên chất lượng GD&ĐT của các tỉnh vùng này.						
4	Người học ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng có truyền thống hiếu học, kiên trì vượt qua khó khăn, gian khổ để học tập, tiến bộ; nhân dân ở các tỉnh có trình độ văn hóa vào loại cao nhất nước, luôn coi trọng việc học tập của con em, tích cực tham gia các hoạt động GD&ĐT.	427	92,83%	27	5,87%	6	1,30%
5	Giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng đang được đổi mới mạnh mẽ về nội dung chương trình, đa dạng về loại hình, cấp bậc, lĩnh vực đào tạo, nâng cao chất lượng, góp phần vào việc hội nhập quốc tế về GD&ĐT của nước ta.	430	93,47%	21	4,57%	9	1,96%
	Ý kiến khác:						

Câu 3: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nội dung công tác giáo dục và đào tạo ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay? Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây.

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Chính quyền tỉnh xây dựng các nghị quyết, quyết định, chương trình kế hoạch tác công tác GD&ĐT của tỉnh để tổ chức thực hiện.	425	92,40%	29	6,30%	6	1,30%
2	Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án công tác GD&ĐT với những nội dung chủ yếu nêu trên.	433	94,13%	14	3,04%	13	2,83%
3	Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với MTTQ, các tổ chức CT-XH của tỉnh và các tổ chức có liên quan trong thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án công tác GD&ĐT của Ủy ban nhân dân tỉnh.	424	92,18%	25	5,43%	11	2,39%
4	Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm về công tác GD&ĐT của tỉnh và chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành công việc này.	432	93,91%	21	4,57%	7	1,52%
Ý kiến khác:.....							

Câu 4: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nội dung tỉnh ủy ở vùng đồng bằng Sông Hồng lãnh đạo công tác giáo dục và đào tạo hiện nay? Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây.

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành các nghị quyết về công tác GD&ĐT cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp về công tác GD&ĐT trong nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại (năm 2020-2025), định hướng giải pháp thực hiện những nội dung công tác GD&ĐT.	433	94,13%	14	3,04%	13	2,83%
2	Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo đảng đoàn HĐND, ban cán sự đảng UBND tỉnh về lãnh đạo HĐND, UBND tỉnh cụ thể hóa, thể chế hóa nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.	425	92,40%	29	6,30%	6	1,30%
3	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý, cơ sở GD&ĐT có chất lượng, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, phục vụ công tác GD&ĐT và đội ngũ giảng viên đủ phẩm chất, năng lực, uy tín đáp ứng yêu cầu	432	93,91%	21	4,57%	7	1,52%

	nhiệm vụ.						
4	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy cấp huyện, các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan về việc các cấp ủy, tổ chức đảng ấy, lãnh đạo công tác GD&ĐT thuộc chức năng, nhiệm vụ, phạm vi lãnh đạo của mình.	431	93,70%	19	4,13%	10	2,17%
5	Tỉnh ủy lãnh đạo sự phối hợp giữa chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức có liên quan và nhân dân địa phương trong tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT	437	95,00%	16	3,48%	7	1,52%
	Ý kiến khác:						

Câu 5: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình phương thức lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng Sông Hồng đối với công tác giáo dục và đào tạo hiện nay? Đồng chí có thể cho ý kiến về các phương thức dưới đây.

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Bằng các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT.	448	97,39%	8	1,74%	4	0,87%
2	Bằng việc lãnh đạo, chỉ đạo phát huy vai trò của UBND tỉnh trong thực hiện chức năng tổ chức và quản lý nhà nước mọi hoạt động GD&ĐT trên địa bàn tỉnh.	442	96,09%	7	1,52%	11	2,39%
3	Bằng các hoạt động tuyên truyền vận động, thuyết phục cán bộ, đảng viên, các tổ chức và nhân dân tỉnh nhận thức sâu sắc nội dung các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU và của HĐND, UBND tỉnh về công tác GD&ĐT; tạo đồng thuận cao trong thực hiện các nghị quyết, quyết định này.	434	94,35%	16	3,48%	10	2,17%
4	Bằng công tác tổ chức, cán bộ của các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học và cơ sở GD&ĐT của tỉnh	436	94,78%	20	4,35%	4	0,87%
5	Thông qua các tổ chức đảng, đội ngũ đảng	440	95,65%	17	3,70%	3	0,65%

	viên và hành gương mẫu của đảng viên hoạt động trong các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học, các cơ sở GD&ĐT của tỉnh						
6	Bằng việc phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức kinh tế và nhân dân địa phương tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.	433	94,13%	21	4,57%	6	1,30%
7	Bằng công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên trong đảng bộ tỉnh về thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, Ban Thường vụ tỉnh ủy về công tác GD&ĐT.	436	94,78%	20	4,35%	4	0,87%
	Ý kiến khác:						

Câu 6: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về vai trò lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng Sông Hồng đối với công tác giáo dục và đào tạo hiện nay? Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây.

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Sự lãnh đạo đúng đắn của tỉnh ủy là nhân tố quan trọng hàng đầu quyết định thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác GD&ĐT trên địa bàn tỉnh; nhiệm vụ, giải pháp về công tác GD&ĐT trong nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh.	425	92,40%	29	6,30%	6	1,30%
2	Sự lãnh đạo đúng đắn, hiệu quả của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng đối với công tác GD&ĐT là nhân tố quan trọng hàng đầu quyết sự phát triển của lĩnh vực GD&ĐT của tỉnh	445	96,74%	11	2,39%	4	0,87%
3	Sự lãnh đạo đúng đắn của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với công tác GD&ĐT là cơ sở, yếu tố căn bản tạo thuận lợi và thúc đẩy các lĩnh vực khác của đời sống xã hội của tỉnh phát triển và sự phát triển, vững mạnh của tỉnh.	427	92,83%	21	4,57%	12	2,61%

4	Sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với công tác GD&ĐT bảo đảm sự phối hợp hoạt động đạt hiệu quả của các tổ chức trong HTCT, các tổ chức, lực lượng và nhân dân địa phương trong phát triển sự nghiệp GD&ĐT của tỉnh.	432	93,91%	21	4,57%	7	1,52%
Ý kiến khác:.....							

Câu 7: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ thực hiện nội dung tỉnh ủy ở vùng đồng bằng Sông Hồng lãnh đạo công tác giáo dục và đào tạo nơi Đồng chí đang làm việc hoặc sinh sống hiện nay?

TT	Nhiệm vụ	Thực hiện tốt		Đạt yêu cầu		Thực hiện chưa tốt		Không thực hiện		Vi phạm	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành các nghị quyết về công tác GD&ĐT cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp về công tác GD&ĐT trong nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ	362	78,70%	81	17,61%	14	3,04%	3	0,65%	0	0,00%

	hiện tại (năm 2020-2025), định hướng giải pháp thực hiện những nội dung công tác GD&ĐT.										
2	Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo đảng đoàn HĐND, ban cán sự đảng UBND tỉnh về lãnh đạo HĐND, UBND tỉnh cụ thể hóa, thể chế hóa nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.	404	87,83%	30	6,52%	20	4,35%	6	1,30%	0	0,00%
3	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý, cơ sở GD&ĐT có chất lượng, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, phục vụ công tác GD&ĐT và đội ngũ giảng viên đủ phẩm chất,	340	73,91%	97	21,09%	21	4,57%	2	0,43%	0	0,00%

	năng lực, uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.										
4	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy cấp huyện, các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan về việc các cấp ủy, tổ chức đảng ấy, lãnh đạo công tác GD&ĐT thuộc chức năng, nhiệm vụ, phạm vi lãnh đạo của mình.	364	79,13%	50	10,87%	41	8,91%	5	1,09%	0	0,00%
5	Tỉnh ủy lãnh đạo sự phối hợp giữa chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức có liên quan và nhân dân địa phương trong tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT	378	82,17%	58	12,61%	17	3,7%	7	1,52%	0	0,00%

Câu 8: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ thực hiện phương thức lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng Sông Hồng đối với công tác giáo dục và đào tạo nơi Đồng chí đang làm việc hoặc sinh sống hiện nay?

TT	Nhiệm vụ	Thực hiện tốt		Đạt yêu cầu		Thực hiện chưa tốt		Không thực hiện		Vi phạm	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Bằng các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT.	351	76,31%	84	18,26%	18	3,91%	7	1,52%	0	0,00%
2	Bằng việc lãnh đạo, chỉ đạo phát huy vai trò của UBND tỉnh trong thực hiện chức năng tổ chức và quản lý nhà nước mọi hoạt động GD&ĐT trên địa bàn tỉnh.	356	77,39%	72	15,65%	21	4,57%	11	2,39%	0	0,00%
3	Bằng các hoạt động tuyên truyền vận động, thuyết phục cán bộ, đảng viên, các tổ chức và nhân dân tỉnh nhận thức sâu sắc nội dung các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU và của HĐND, UBND tỉnh về	355	77,18%	68	14,78%	22	4,78%	15	3,26%	0	0,00%

	công tác GD&ĐT; tạo đồng thuận cao trong thực hiện các nghị quyết, quyết định này.										
4	Bằng công tác tổ chức, cán bộ của các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học và cơ sở GD&ĐT của tỉnh	341	74,13%	92	20,00%	18	3,91%	9	1,96%	0	0,00%
5	Thông qua các tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên và hành gương mẫu của đảng viên hoạt động trong các cơ quan quản lý công tác GD&ĐT, các trường học, các cơ sở GD&ĐT của tỉnh	344	74,78%	80	17,39%	24	5,22%	12	2,61%	0	0,00%
6	Bằng việc phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức kinh tế và nhân dân địa phương tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.	343	74,57%	80	17,39%	27	5,87%	10	2,17%	0	0,00%

7	Bằng công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên trong đảng bộ tỉnh về thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, Ban Thường vụ tỉnh ủy về công tác GD&ĐT.	311	67,61%	101	21,95%	35	7,61%	13	2,83%	0	0,00%
---	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----	--------	-----	--------	----	-------	----	-------	---	-------

Câu 9. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về những giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Hồng đối với công tác GD&ĐT nơi Đồng chí đang làm việc hoặc sinh sống hiện nay? Đồng chí có thể cho ý kiến về các giải pháp dưới đây).

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, CBDV, các tổ chức trong HTCT về tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.	440	95,65%	17	3,70%	3	0,65%
2	Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác GD&ĐT; coi trọng các nghị quyết chuyên đề về GD&ĐT.	438	95,22%	15	3,26%	7	1,52%
3	Xây dựng tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy, các	431	93,70%	25	5,43%	4	0,87%

	cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT trong những năm tới.						
4	Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý, cơ sở GD&ĐT; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của tỉnh có chất lượng đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác GD&ĐT.	435	94,57%	22	4,78%	3	0,65%
5	Phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH và nhân dân tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác giáo dục và đào tạo; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, xử lý kịp thời, nghiêm minh những sai phạm.	436	94,78%	16	3,48%	8	1,74%
6	Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, việc tạo thuận lợi của các ban, ngành, cơ quan Trung ương cho các tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng lãnh đạo công tác giáo dục và đào tạo đạt hiệu quả.	434	94,34%	21	4,57%	5	1,09%
Các giải pháp khác:.....							

Câu 10: Xin Đồng chí vui lòng cho biết một số thông tin về cá nhân

	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
a. Giới tính	- Nam	247	53,70%
	- Nữ	213	46,30%
b. Tuổi	- Dưới 35	43	9,35%
	- 35 - 40	98	21,30%
	- 41 - 45	102	22,17%
	- 46 - 50	96	20,87%
	- 51 - 55	100	21,74%
	- Trên 55	21	4,57%
c. Số năm công tác	- Dưới 05 năm	64	13,91%
	- 05 - 10 năm	107	23,26%
	- 10 - 20 năm	139	30,22%
	- 20 - 30 năm	92	20,00%
	- Trên 30 năm	58	12,61%
d. Trình độ chuyên môn	- Cử nhân hoặc tương đương	293	63,70%

	- Sau đại học	167	36,30%
e. Đồng chí	- Đảng viên	287	62,39%
	- Đoàn viên, hội viên các tổ chức chính trị - xã hội nhưng không là đảng viên	173	37,61%